

ABHIDHAMMA PITAKA
VÔ TỶ PHÁP TẶNG

GIÁO KHOA THƯ

TỨ PHÁP SIÊU LÝ
(PARAMATTHADHAMMA 4)
BẬC TIỂU HỌC VÔ TỶ PHÁP (SƠ CẤP)



Biên Soạn Do

NGÀI HIỆU TRƯỞNG
BRAHMAMĀSA DHĪRABHADDHO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VÔ TỶ PHÁP QUANG MINH
(ABHIDHAMMAJOTIKA)

TRAO TẶNG HỌC VIỆN CHÁNH PHÁP QUANG MINH
(SADDHAMMAJOTIKA)

ẤN HÀNH
(Ngày Thứ 1 Tháng 2 P.L. 2542)

Dịch Giả: Bhikkhu PASĀDO

ABHIDHAMMA PITAKA
VÔ TỶ PHÁP TẶNG

GIÁO KHOA THƯ

TỨ PHÁP SIÊU LÝ
(PARAMATTHADHAMMA 4)
BẬC TIỂU HỌC VÔ TỶ PHÁP (SƠ CẤP)



Biên Soạn Do
NGÀI HIỆU TRƯỞNG
BRAHMAMĀSA DHĪRABHADDHO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VÔ TỶ PHÁP QUANG MINH
(ABHIDHAMMAJOTIKA)

TRAO TẶNG HỌC VIỆN CHÁNH PHÁP QUANG MINH
(SADDHAMMAJOTIKA)

ẤN HÀNH
(Ngày Thứ 1 Tháng 2 P.L. 2542)

Dịch Giả: Bhikkhu PASĀDO

PARAMATTHADHAMMA 4
By BRAHMAMĀSA DHĪRABHADDHO

Translated into Vietnamese and first edition
By Bhikkhu PASĀDO

Copyright © 2018 by Bhikkhu PASĀDO

All rights reserved.

ISBN 978-1-5323-6418-1

January 2018

Published by Library of CATUDDISA SAṄGHA VIHĀRA
5044 Old Shipps Store Road, Bealeton, VA 22712 – USA.

Printed by DiggyPOD
301 Industrial Drive
Tecumseh, MI 49286 – USA.



พระอาจารย์สีห์ธัมมโชติกะ ธัมมาจริยะ

SADDHAMMA JOTIKA DHAMMĀCARIYA

(1912-1966)



SADDHAMMA JOTIKA DHAMMĀCARIYA

(1912-1966)



SANTAKICCO MAHĀ THERA
Đại Trưởng Lão Tịnh Sự
(1913-1984)

MỤC LỤC

TRÍ KÍNH LỄ VÀ LỜI THỆ NGUYỄN	7
Tứ Pháp Siêu Lý (Paramatthadhamma 4)	8
PARAMATTHASACCA – SIÊU LÝ ĐỂ, có hai thể loại:	10
Pháp Siêu Lý Có Bốn Thể Loại, đó là:	11
TÂM SIÊU LÝ (CITTAPARAMATTHA)	12
Ý Nghĩa Tên Gọi Của Các Tâm	16
12 TÂM BẤT THIỆN (AKUSALACITTA 12)	20
18 TÂM VÔ NHÂN (AHETUKACITTA 18)	24
24 TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO	26
(KĀMĀVACARASOBHAṆACITTA 24)	26
15 TÂM SẮC GIỚI (RŪPĀVACARACITTA 15)	29
Trình bày giản lược tiến trình tu tập Thiền An Chỉ:	35
12 TÂM VÔ SẮC GIỚI (ĀRŪPĀVACARACITTA 12)	39
40 TÂM SIÊU THỂ (LOKUTTARACITTA 40)	42
Phân Tích 121 Tâm Theo Riêng Từng Mỗi Phần	47
Hiện Hữu Trong Chín Phần Thể Theo Chi Pháp	47
52 TÂM SỞ (CETASIKA 52)	59
Bốn Trường Hợp Trạng Thái Của Tâm Sở	60
Phân Tích 52 Tâm Sở Theo Đồng Nhóm Hoặc Bọn (<i>Rāsi</i>)	61
Phân Tích Ba Đồng Nhóm Theo Từng Thể Loại:	61
TÂM SỞ SIÊU LÝ (CETASIKAPARAMATTHA)	64
13 TÂM SỞ TỌ THA (<i>Aññasamānacetāsika</i> 13)	64
B. Sáu Tâm Sở Biệt Cảnh (<i>Pakiṇṇakacetāsika</i> 6): đó là:	67
14 TÂM SỞ BẤT THIỆN (<i>Akusalacetāsika</i> 14)	69
25 TÂM SỞ TỊNH HẢO (SOBHAṆACITTA 25)	73
Alobha (Vô Tham), Adosa (Vô Sân) Và Amoha (Vô Si)	76
Bộ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo Giảng Giải Rộng Lớn Về Tứ Vô Lượng Tâm	83
Phân Phối Hợp (<i>Sampoyoga</i>) Của Mười Ba Tâm Sở Tọ Tha, đó là:	86
Phân Phối Hợp (<i>Sampoyoga</i>) Của Mười Bốn Tâm Sở Bất Thiện, đó là:	86
Phân Phối Hợp (<i>Sampayoga</i>) Của Hai Mươi Lăm Tâm Sở Tịnh Hảo, đó là:	87

Tâm Sở Bất Định (Aniyatayogīcetasika) Và	87
Tâm Sở Nhất Định (Niyatayogīcetasika).....	87
Trình Bày Phần Tổng Hợp (Saṅgaha) Một Cách Đầy Đủ.....	90
Tâm Sở Bất Thiện Hiện Hành Phối Hợp (Sabbākusalayogīcetasika)	91
SẮC PHÁP SIÊU LÝ (RŪPAPARAMATTHA)	96
Chi Pháp Của 28 Sắc Pháp.....	98
Sinh Trú Của 28 Sắc Pháp Ở Trong Cơ Thể Loài Hữu Tình.....	99
Giải Thích Trong Cả Tứ Xuất Sinh Xứ Đã Làm Cho Sắc Pháp Khởi Sinh	104
Phân Tích 28 Sắc Pháp Theo Số Lượng Xuất Sinh Xứ	107
PHẦN TỔNG HỢP SẮC PHÁP	109
(RŪPAKALĀPANAYA)	109
Phân Tích 75 Tâm Theo 7 Thể Loại Sắc Tâm	122
Phân Tích 7 Thể Loại Sắc Tâm Theo Sự Phân Loại Của Tâm.....	123
Sân Địa Hoặc Sân Sinh Xứ (Yoni)	129
Phân Tích Tứ Sân Địa Theo Cửu Tổng Hợp Sắc Nghiệp.....	131
Phân Tích Tổng Hợp Sắc Nghiệp Khởi Sinh Riêng Biệt	132
Theo Sân Địa Trong Thời Chuyển Khởi.....	132
NÍP BÀN SIÊU LÝ (NIBBĀNAPARAMATTHA).....	135
Trình Bày Câu Chú Giải Và Lời Giải Thích Ở Trong Từ Ngữ Níp Bàn.....	137
Trình Bày Phân Loại Của Níp Bàn	138
VẤN VÀ ĐÁP TRONG TỨ PHÁP SIÊU LÝ	144
I. Câu hỏi gợi ý ở trong phần Tâm Siêu Lý	144
II. Câu hỏi gợi ý ở trong phần Tâm Vô Nhân:	147
III. Câu hỏi gợi ý trong phần Tâm Thiện Dục Giới:	150
IV. Câu hỏi gợi ý trong phần Tâm Sắc Giới:.....	152
V. Câu hỏi gợi ý trong phần Tâm Vô Sắc Giới, Tâm Siêu Thế:	154
PHỤ LỤC KINH ĐIỂN THI TẬP	203
LỜI PHỤC NGUYỆN CỦA DỊCH GIẢ	214
PHƯƠNG DANH THÍ CHỦ CÚNG DƯỜNG ẮN TỔNG.....	217

Bản Đồ Trình Bày Cả Tứ Pháp Siêu Lý Một Cách Mãn Túc..... 6
89 Hoặc 121 Tâm Siêu Lý..... 15
1. Có Bốn Phân Loại Về **Chủng Loại**..... 50
2. Có Bốn Phân Loại Về **Cõi Địa Giới**..... 51
3. Có Hai Phân Loại Về **Tịnh Hảo**..... 52
4. Có Hai Phân Loại Về **Hiệp Thế** 53
5. Có Hai Phân Loại Về **Nhân**..... 54
6. Có Hai Phân Loại Về **Thiền Na** 55
7. Có Năm Phân Loại Về **Thọ** 56
8. Có Hai Phân Loại Về **Tương Ứng** 57
9. Có Hai Phân Loại Về **Dẫn Dụ** 58
Bản Đồ Của 52 Tâm Sở Phối Hợp Với Tâm (Cetasika 52)..... 63
Bản Đồ Hồn Hợp Lương Phần (Tadubhayamissakanaya) 94

LỜI MỞ ĐẦU

Tài liệu “*Tứ Pháp Siêu Lý*” (*Paramattha 4*) là để dành cho những Học Viên nghiên cứu Vô Tỷ Pháp ở Lớp Tiểu Học Vô Tỷ Pháp (bậc Sơ Cấp). Quyền sách này tóm lược một cách đặc biệt chủ yếu căn bản về Tâm (*Citta*), Tâm Sở (*Cetasika*), Sắc (*Rūpa*), Níp Bàn (*Nibbāna*), là để dành cho những Học Viên mang theo mà xem coi một cách đặc biệt hạn định những điều căn bản cần ghi nhớ, và để làm thành nền tảng cho việc nghiên cứu học hỏi Vô Tỷ Pháp tiếp nối theo ở những bậc Trung Cao.

Ban Quản Trị Học Viện Chánh Pháp Quang Minh (*Saddhamma Jotika*) đã quán sát và nhận thấy rằng quyền sách này rất hữu ích cho việc nghiên cứu của những Học Viên, và cần phải in ấn ra để phổ biến, nên đã đi đến xin phép Vị Hội Trưởng, đó là Ngài Hiệu Trưởng *Brahmamāsa Dhīrabhaddho*, trụ trì Chùa Ngọc Đảo (*Kau Kéo*) thuộc kinh làng *Phanassa* tỉnh *Jalapuri*, và Ngài đã bi miễn ưng thuận cho Ban Quản Trị được in ấn để phổ biến cho được thành lợi ích trong việc nghiên cứu học hỏi Tạng Vô Tỷ Pháp.

Học Viện Chánh Pháp Quang Minh

Ngày 1 Tháng Hai P.L. 2542

-----00000-----

NA MO BUD DHĀ YA
CUNG KINH CHƯ VỊ PHẬT

Trong Hạnh Vận Niên Kỷ (*Bhaddrakappa*) này có năm Vị Phật hiện hữu ở trong thế gian, đó là:

1. *Na* tức là Đức Phật có danh hiệu là *Kakusandho* (Câu Na Lưu Tôn).
2. *Mo* tức là Đức Phật có danh hiệu là *Konāgama* (Câu Na Hàm).
3. *Bud* tức là Đức Phật có danh hiệu là *Kassapa* (Ca Diếp).
4. *Dhā* tức là Đức Phật có danh hiệu là *Samana Gotama* (Sa Môn Cổ Đàm).
5. *Ya* tức là Đức Phật có danh hiệu là *Sarī Ariya Mettreya* (Thánh Thiện Di Lặc).

Tất cả Chư Vị Phật trong Hạnh Vận Niên Kỷ ở thời quá khứ, hiện tại và Hạnh Vận Niên Kỷ ở thời vị lai, thường khi khái thuyết Giáo Pháp đến Phật Mẫu là với bảy bộ Tạng Vô Tỷ Pháp. Tất cả các Ngài đều làm tương tự như nhau, đó là vì để

thể hiện việc *Báo Đáp Ân Đức (Kataññūkatavedī)* đến Phật Mẫu, là người đã từng cho cơm ăn và sữa mẹ.

Đức Phật “*Sa Môn Cồ Đàm*” của chúng ta đây, sau khi đã chứng đắc Tuệ Chánh Đăng Giác, thế rồi trong Kỳ Kiết Vũ thứ bảy, Đức Phật đã ngự đến nơi Phật Mẫu kính thương ở tầng Trời Dao Lợi, và Ngài đã ngự lên trên Thạch Đài có tên gọi là *Pandukambala* của Vua Trời Đế Thích. Tất cả Chư Thiên ở trong thập thiên vũ trụ đều đồng đi đến tụ hội quay quần diện kiến xung quanh Đức Phật. Ngài đã tiến hành thực hiện việc chọn Thiên Tử *Santussita*, là vị đã từng làm Phật Mẫu, cho thành Trưởng Hội Chúng của tất cả Chư Thiên và Phạm Thiên hiện diện ở tại nơi đó, thế rồi Ngài đã lập ý khái thuyết bảy bộ Tạng Vô Tỷ Pháp liên tiếp suốt trọn ba tháng An Cư Kiết Vũ, với năng lực của Tuệ Toàn Giác.

Thế rồi, Đức Phật lập ý trùng tuyên lại Tạng Vô Tỷ Pháp cho đến Ngài *Sāriputta* ở tại khu rừng cây đàn hương. Và sau đó Ngài *Sāriputta* đã đem Tạng Vô Tỷ Pháp này, đi đến khái thuyết với Hội Chúng Tỳ Khuru có số lượng năm trăm vị, cho được chứng đắc Quả Vô Sinh, bởi do nương vào việc được nghe của Tạng Vô Tỷ Pháp ấy vậy.

Thời gian tiếp nối cho đến khi Đức Phật viên tịch Níp Bàn được tròn ba tháng chẵn, thì tất cả Chư Thánh Văn đã tụ hợp lại với nhau để thực hiện Hội Nghị Kiết Tập lần thứ nhất, có Ngài Trưởng Lão *MahāKassapa* làm Trưởng Hội Chúng và làm người vấn hỏi, còn Ngài Trưởng Lão *Upālī* thì giải đáp Tạng Luật, và Ngài Trưởng Lão *Ānanda* thì giải đáp Tạng Kinh luôn cả Tạng Vô Tỷ Pháp. Vì thế, Tam Tạng kinh điển mới có được ba Tạng với nhau, đó là:

Tạng Luật có được 21,000 Pháp Uẩn,

Tạng Kinh có được 21,000 Pháp Uẩn,

Tạng Vô Tỷ Pháp có được 42,000 Pháp Uẩn.

Kết hợp bao gồm những huân từ của Đức Phật đã để lại, thì có được 84,000 Pháp Uẩn.

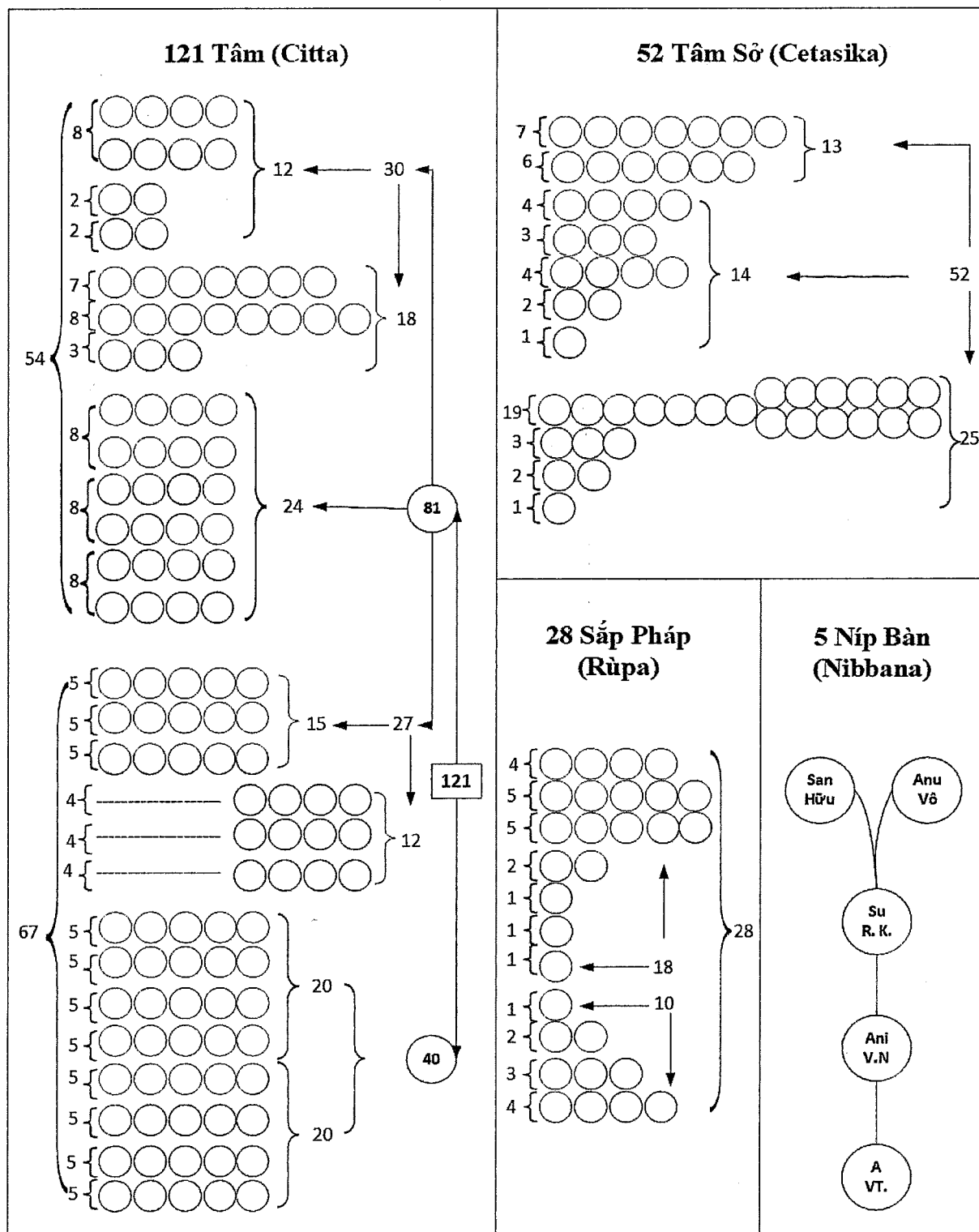
Một điều vô cùng đặc biệt là Tạng Vô Tỷ Pháp ở trong kỷ nguyên này, lại được nhân loại quan tâm đến một cách trân trọng, phát xuất từ sự việc học hỏi Tạng Vô Tỷ Pháp cho được thấu hiểu dễ dàng, cho có được sự hiểu biết, và có được sự hoan hỷ duyệt ý trong việc học hỏi đây; vì vậy nên cần phải có quyển tài liệu giáo khoa cho việc học hỏi nghiên cứu Tạng Vô Tỷ Pháp ở phần cơ bản này trước nhất, nhằm giúp ích cho việc học hỏi nghiên cứu Tạng Vô Tỷ Pháp được dễ dàng thấu hiểu, và tiếp theo là thiết thực hữu ích.

“*Viriyenadukkhamacceti*”

Với sự tinh cần, người ta sẽ vượt qua được sự khổ đau.

-----00000-----

Bản Đồ Trình Bày Cả Tứ Pháp Siêu Lý Một Cách Mãn Túc



TRÍ KÍNH LỄ VÀ LỜI THỆ NGUYỆN CỦA NGÀI GIÁO THỌ ANURUDDHA

*Samanāsambuddhamatulaṃ
Abhivādiya bhāsissam*

*Sasaddhammaganuttamaṃ
Abhidhammatthasaṅgahaṃ*

*Kính lễ Chánh Đẳng Giác chí thượng
Tiếp theo là soạn tác kinh điển*

*Chánh Pháp và Hội Chúng Thánh Tăng
Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp*

Đệ tử (là Ngài Trưởng Lão *Anuruddha*) xin nghiêng mình thành kính đánh lễ Đức Chánh Đẳng Giác chí thượng, cùng với Chánh Pháp và Hội Chúng Thánh Tăng cao thượng, tiếp theo là soạn tác bộ kinh có tên gọi là “**Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp**”.

PHÂN GIẢI THÍCH

Câu kệ trên trình bày việc đánh lễ, tỏ lòng tôn kính đến Ân Đức Tam Bảo và phát nguyện sẽ soạn tác bộ kinh này cho được thành tựu tốt đẹp.

Theo lẽ thường, khi bắt đầu soạn tác kinh điển thì tác giả tỏ lòng tôn kính đến Tam Bảo ngõ hầu đem lại mọi điều an lành trong việc soạn tác.

Ngài Trưởng Lão *Anuruddha* tỏ bày tôn kính Tam Bảo với câu kệ rằng:

“*Sammāsambuddhamatulaṃ sasaddhammaganuttamaṃ abhivādiya - Chánh Đẳng Giác chí thượng - Chánh Pháp và Chư Thánh Tăng cao thượng*” sau khi đánh lễ, là phát lời thệ nguyện với câu “*tôi sẽ nói đến Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp - bhāsissam Abhidhammatthasaṅgahaṃ.*”

Khi phân tích câu kệ này thì có được sáu từ ngữ, đó là:

- “*Chánh Đẳng Giác- Chí Thượng – Chánh Pháp và Chư Thánh Tăng cao thượng – tôi sẽ nói đến - Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp*”.
- *Sammāsambuddham* - Bậc Chánh Đẳng Giác, bậc tự giác ngộ Chánh Pháp một cách hoàn hảo, không phải là Bậc Độc Giác và Thinh Văn Giác.
- *Atulaṃ* – Chí thượng cao cả, không thể so sánh được.

Tại đây, Ngài Trưởng Lão *Anuruddha* đã nghĩ đến Ân Đức Phật với sự hiện hữu của Ngài ở trong thế gian là duy nhất, chỉ có một Bậc Chánh Đẳng Giác, và không thể có đến hai Bậc trong cùng một thời kỳ.

Từ ngữ “*Atulaṃ - bất tỷ giáo*” là rất thích hợp.

Khác biệt với Chư Độc Giác và Thinh Văn Giác còn có thể so sánh được và số lượng không hạn định trong mỗi thời kỳ hiện hữu trong thế gian.

- *Sasaddhammaganuttamaṃ* – Chánh Pháp và Hội Chúng Thánh Tăng cao thượng.

Gồm có hai từ ngữ kết hợp, đó là: “*Sasaddhamma + Ganuttamaṃ*” = *Chánh Pháp + Chư Tăng cao thượng*.

Chánh Pháp gồm có ba:

1. Pháp Học gồm có Tam Tạng và Chú Giải,
2. Pháp Hành là việc trì giới, hành đầu đà, tu tập An Chỉ Nghiệp Xứ và Minh Sát Nghiệp Xứ,
3. Pháp Thành là Thiền Định, Thắng Trí, Đạo - Quả, và Níp Bàn.

- *Abhivādiya* - Lời tôn kính đối với Tam Bảo.
- *Bhāsisṣaṃ* - Lời phát nguyện sẽ soạn tác.
- *Abhidhammatthasaṅgahaṃ* - *Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp*, là tên gọi của bộ kinh này sẽ được soạn tác.

Tên gọi của bộ kinh là do đã gom góp nội dung trong cả bảy bộ Vô Tỷ Pháp một cách tóm lược vào trong kinh điển này.

Khi phân tách “*Abhidhammatthasaṅgaha*” thì có được bốn từ ngữ, đó là: *Abhidhamma + attha + saṅ + gaha*.

- *Abhidhamma* – Pháp vi diệu, thù thắng, đặc biệt, vô tỷ. Gồm có bảy bộ.
- *Attha* - Nội dung của Tạng Vô Tỷ Pháp, đó là: Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, Níp Bàn, Chế Định.
- *Saṅ* – Tóm lược, giản lược.
- *Gaha* - Việc gom góp, tập hợp.

Và khi kết hợp cả bốn từ ngữ này thì thành “*Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp – Abhidhammatthasaṅgaha*” là gom góp một cách tóm lược tất cả *Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, Níp Bàn, Chế Định* mà Đức Phật đã khái thuyết ở trong Tạng Vô Tỷ Pháp vào trong bộ kinh điển này; và các bậc Giáo Sư đã gọi bộ kinh này là “*Chú Giải Vĩ Chi*” (ngón tay út).

Tứ Pháp Siêu Lý (Paramatthadhamma 4)

*Tattha vuttābhidhammatthā
Cittaṃ Cetasikaṃ Rūpaṃ*

*Ở đây được nói đến
Có bốn Pháp Siêu Lý*

*Catudhā Paramatthato
Nibbānamīti sabbathā*

*Nội Dung Vô Tỷ Pháp
Tâm, Tâm Sở, Sắc, Níp Bàn*

Thể theo *Nội Dung Vô Tỷ Pháp* thì có bốn Pháp Siêu Lý, đó là: *Tâm*, *Tâm Sở*, *Sắc Pháp* và *Níp Bàn*.

PHẦN GIẢI THÍCH

Câu kệ này là Ngài Giáo Thọ Sư *Anuruddha* đã trình bày một cách tuần tự về bốn Pháp Siêu Lý ở trong bộ kinh.

- ***Paramattha*** – chia ra thành hai từ ngữ: ***Parama*** + ***Attha***.
- ***Parama*** – Pháp vi diệu, không thể biến chuyển sai khác, là Pháp căn bản chủ yếu của Danh Chế Định và Nghĩa Chế Định.
- ***Attha*** - Nội dung, là thực tính của Danh Sắc, chính là Chi Pháp vậy.

Một khi kết hợp cả hai từ ngữ này lại, thì làm thành Thực Tính của Danh Sắc; đó là Chi Pháp vi diệu không thể biến đổi sai khác, và làm thành Pháp căn bản chủ yếu của Danh Xưng Chế Định và Nghĩa Lý Chế Định, và như thế được gọi là Pháp Siêu Lý.

Tóm lại, ***Paramattha*** (*Pháp Siêu Lý*) gồm ba ý nghĩa:

1. Không bao giờ thay đổi (***Parama aviparīto***): thường hằng, bất biến, trước sau đều giống nhau, không sai khác. Quá khứ, hiện tại và vị lai đều không thay đổi.
2. Đối tượng của trí tuệ cao siêu: nghĩa lý cao siêu, chân lý vi diệu (Niệm theo Uẩn, Xứ, Giới, Đế, v.v)
3. Chủ bản thể của Pháp Chế Định: tạo tác hiện bày các Pháp Chế Định (Danh Xưng Chế Định và Nghĩa Lý Chế Định).

Bậc Chánh Đẳng Giác thường luôn khái thuyết Giáo Pháp thể theo Chân Thực Tính với hai thể loại là:

- Thuyết Pháp theo thực tính của thành ngữ phổ thông, được gọi là Tục Đế (***Sammūṭisacca***); bao gồm Luật Tạng, Kinh Tạng, bộ Kinh Nhân Chế Định.
- Thuyết Pháp theo sự chắc thật của Chân Thực Tính, được gọi là Siêu Lý Đế (***Paramatthasacca***); gồm có sáu bộ Tạng Vô Tỷ Pháp, loại trừ bộ Kinh Nhân Chế Định.

Trong Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh - ở bộ *Manorathapurani Atthakathā* có dẫn chứng như sau:

***Dve saccāni akkhā si Sambuddho vadatam varo
Sammūṭim paramattahañca Tatiyaṃnupalabbhati***

“Bậc Chánh Đẳng Giác chỉ thượng hơn các bậc hiền triết, đã thuyết giảng duy chỉ có hai thể loại, đó là Tục Đế và Siêu Lý Đế; và không có khái thuyết Pháp Chân Thật đến ba thể loại”.

Việc thuyết giảng thể theo hai thể loại vừa nêu trên, nhằm lợi ích đến tất cả Chúng Hữu Tình khả huấn luyện.

Thuyết giảng theo Tục Đế với những Chúng Hữu Tình chưa từng nghe và học hỏi với Pháp Thực Tính Siêu Lý ở trong các đời quá khứ; thuyết giảng đơn giản với các vấn đề mà có thể lãnh hội dễ dàng thì Đức Phật thường thuyết giảng trước và sau đó là khái thuyết Siêu Lý Đế để tỏ ngộ rốt ráo là phần sau cùng.

Với những Chúng Hữu Tình đã từng nghe và đã từng có học hỏi Vô Tỷ Pháp trong những đời trước thì Đức Phật thường khái thuyết Siêu Lý Đế để lãnh hội với trí tuệ đầy đủ.

Ở phần Tục Đế thì có hai trường hợp, đó là:

- Trường hợp mà Đức Phật thuyết giảng trong phần Luật Tạng và Kinh Tạng.
- Trường hợp mà dân gian sử dụng trao đổi với nhau.

Cả hai trường hợp Tục Đế vừa kể trên, thì cũng là sự thật tuy nhiên chỉ là sự thật theo thành ngữ phổ thông, không phải là sự thật theo Pháp Thực Tính được, và chẳng qua chỉ là một sự chân thật để thoát khỏi sự vi phạm vọng ngữ mà thôi.

Do đó, Đức Phật thuyết giảng thể loại Tục Đế trong Tạng Luật và Tạng Kinh, hoặc tất cả dân gian thường quen sử dụng nói chuyện với nhau, cũng là nhằm để không vi phạm vọng ngữ một chút nào cả.

Như có dẫn chứng Pālī trình bày trong Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh như sau:

*Tasmā vohāraḥ kusalaṃ Sammutim voharaṇassa
Lokaṇāthassa jantuno Musāvādo na jāyati.*

“Do nguyên nhân đã được nói đến, Bậc Chánh Đẳng Giác - Bậc Tài Trí trong thành ngữ phổ thông và nơi nương nhờ của tất cả Chúng Hữu Tình, khi thuyết giảng Tục Đế thì không thành vọng ngữ một thể loại nào cả”.

PARAMATTHASACCA – SIÊU LÝ ĐẾ, có hai thể loại:

- *Sabbhāvasacca - Thực Tính Đế*: Pháp Thực Tính theo thực tướng; tức là Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện, v.v., được trình bày trong Tạng Vô Tỷ Pháp.
- *Ariyasacca – Thánh Đế*: Pháp Thực Tính một cách đặc biệt của Bậc Thánh Nhân; tức là Tứ Thánh Đế có Khổ Đế, v.v.

Như vậy, ở trong câu kệ “*Tattha vuttābhidhammatthā*” này, Ngài Giáo Thọ Sư *Anuruddha* đã trình bày theo phần Siêu Lý Đế.

Pháp Siêu Lý Có Bốn Thể Loại, đó là:

1. **Tâm Siêu Lý (*Cittaparamattha*):** là Pháp chủng liễu tri Cảnh (*Ārammaṇavijāṇanalakkhaṇaṃ*), có nghĩa là thường luôn có được việc tự tiếp xúc lấy Cảnh, và như thế mới được gọi là liễu tri Cảnh.

2. **Tâm Sở Siêu Lý (*Cetasikaparamattha*):** là Pháp chủng nương sinh vào Tâm (*Cittanisitalakkhaṇaṃ*). Tâm Sở nương vào Tâm mà sinh khởi, thì sẽ khác biệt với cây phải y cứ vào đất mà sinh lên. Bởi vì mặt đất với cây, thì mặt đất là nơi đáng nương ở, còn cây là chỗ đáng để nương sinh. Còn đối với Tâm và Tâm Sở, thì Tâm là nơi y chỉ và Tâm Sở là *tư cụ y chỉ* (hoàn toàn nương đổ) tương tự như Thầy và đệ tử. Tất cả, cũng vì các Tâm Sở sẽ liễu tri được Cảnh, là cũng do nương nhờ vào Tâm làm chủ yếu; khả phóng Tâm đi rồi thì Tâm Sở không thể nào liễu tri được Cảnh vậy. Cũng cần ghi nhớ là Tâm Sở thì cần phải nương vào Tâm mà đứng thường luôn được sinh. Như thế mới đề cập rằng Pháp thể của Tâm Sở thường sinh khởi ở trong Tâm, hoặc thường luôn kết hợp một cách bền vững ở trong Tâm.

Như có Pālī Chú Giải rằng:

“*Cetasi bhavaṃ = Cetasikaṃ (vā) Cetasiniyuttaṃ = Cetasikaṃ.*” Pháp chủng mà sinh khởi (có) trong Tâm, được gọi tên là **Tâm Sở**. (Hoặc) Pháp chủng mà kết hợp một cách bền vững ở trong Tâm, được gọi tên là **Tâm Sở**.”

3. **Sắc Siêu Lý (*Rūpaparamattha*):** là Pháp chủng có sự biến đổi, đổi thay, tiêu hoại đi (*Rūppanalakkhaṇaṃ*) trong khi tiếp xúc với tác nhân không phù hợp với nhau. Tác Nhân không phù hợp với nhau, được gọi là “*Đối Nghịch Duyên*” (*Virodhipaccaya*), chẳng hạn như sự lạnh, nóng, đói cơm, khát nước, con muỗi, bọ mắt, con mòng, mặt, gió, nắng, rắn cắn, rít kẹp, bò cạp chích, v.v.

Như có Pālī Chú Giải rằng:

“*Sūtaṃ hādi virodhipaccayehi ruppatīti = Rūpaṃ.*” Pháp chủng nào thường luôn đổi thay, tiêu hoại bởi do Đối Nghịch Duyên có sự nóng, lạnh, v.v, như thế Pháp chủng ấy được gọi tên là **Sắc Pháp**.

4. **Níp Bàn Siêu Lý (*Nibbānaparamattha*):** là Pháp chủng tịch tịnh, xa lìa khỏi Danh Sắc Ngũ Uẩn, trạng thái tĩnh lặng (*Santilakkhaṇaṃ*). Sự việc mà làm thành như vậy, cũng do Níp Bàn là Pháp xa lìa Ái dục một cách tuyệt đối.

Do bởi nguyên nhân này, tất cả các bậc Vô Sinh khi chứng đạt đến Uẩn Níp Bàn, thì tất cả những Khổ Luân Hồi như là sanh, già, đau, chết, v.v; với những thể loại này cũng đều diệt tận hết cả thấy, chẳng còn dư sót.

Như có Pālī Chú Giải rằng:

“*Vānato nikkhantanti = Nibbānaṃ (vā) Nibbāyanti sabbe vatta dukkha santāpā etasminti = Nibbānaṃ (vā) Nibbāyanti ariyajānā etasminti = Nibbānaṃ*”- Pháp chủng nào thường luôn thoát khỏi Ái dục, được gọi tên là *Vāna* (sự ham muốn), đó là vật kết nối giữa Hữu nhỏ và Hữu lớn cho tiếp nối nhau một cách tuyệt đối, như thế Pháp chủng ấy được gọi tên là **Níp Bàn**.”

(Hoặc) Khổ Luân Hồi và mọi sự thống khổ khác thường luôn không có ở trong **Níp Bàn**.” Do đó, Pháp chủng mà làm thành sự diệt tắt ở phần Khổ Luân Hồi và những sự thống khổ khác, thì được gọi tên là **Níp Bàn**.

(Hoặc) Tất cả các bậc Thánh Nhân khi chứng đạt đến Uẩn Níp Bàn thì thường luôn diệt tắt hết tất cả, có nghĩa là Bất Sinh Bất Tử, như thế Pháp chủng mà hủy diệt sự tử sinh cho tiêu hoại mất hết tất cả, được gọi tên là **Níp Bàn**.

Từ ngữ “*Nibbāna*” khi chiết tự ra thì có được hai từ ngữ, đó là “*Ni + Vāna*” *Ni* dịch nghĩa là *thoát lìa*, hay *xuất ra*. *Vāna* dịch nghĩa là *Ái Dục* (sự ham muốn).

Khi kết hợp cả hai từ ngữ này vào với nhau thì thành “*Nivāna*”, dịch nghĩa là “*thoát khỏi Ái dục*”.

Từ ngữ *Nivāna* mà thành *Nibbāna* do hiện hành theo phần Văn Phạm, là chỉ một chữ **V** cho thành hai chữ **V V** (bởi theo trạng thái), hai chữ **V V** thay đổi thành hai chữ **B B**, do đó mới thành *Nibbāna*.

TÂM SIÊU LÝ (CITTAPARAMATTHA)

Citta – *Tâm*, là Pháp chủng liễu tri Cảnh (*Ārammaṇavijānanalakkhaṇaṃ*), tức là thường luôn tiếp thu Cảnh, và do vậy được gọi là liễu tri Cảnh.

Như Chú Giải đã có trình bày “*Ārammaṇa cintetīti = Cittaṃ*: Pháp chủng nào thường luôn liễu tri Cảnh, tức là thường luôn tiếp thu được Cảnh; như thế Pháp chủng ấy được gọi tên là **Tâm**.”

+ Hoặc một trường hợp khác là “*Cintenti sampayutta dhammā etenāti = Cittaṃ*” - Những Pháp chủng tương ưng, tức là tất cả các Tâm Sở thường luôn liễu tri Cảnh bởi do nương nhờ vào Pháp chủng ấy; do đó, Pháp chủng mà làm thành Nhân từ ở nơi việc liễu tri Cảnh của những Tâm Sở ấy, được gọi tên là **Tâm**.

+ Hoặc một trường hợp khác là “*Cintanamattaṃ = Cittaṃ*” - Pháp chủng mà liễu tri Cảnh, đích thị chính là tiếp thu được Cảnh, thì được gọi tên là **Tâm**.”

+ Hoặc một trường hợp khác là “*Cittī karotīti = Cittaṃ*”- Pháp chủng mà tạo tác ra sự sai biệt ở trong sinh hoạt của tất cả Chúng Hữu Tình; như thế Pháp chủng ấy được gọi tên là **Tâm**.”

Sự vật hoàn toàn không có sanh mạng mà tốt đẹp rõ ràng, là cũng do bởi mãnh lực từ nơi Tâm; Tâm là người làm khởi lên sự tốt đẹp rõ ràng.

Tất cả Chúng Hữu Tình có sự tốt đẹp, là cũng do bởi xuất sinh tốt đẹp; sự xuất sinh tốt đẹp là cũng do thực hiện Thân, Lời và Ý tốt đẹp; việc thực hiện Thân, Lời và Ý tốt đẹp là cũng do bởi Ái Dục, chính là sự ưa thích tốt đẹp. Ái Dục tốt đẹp cũng do bởi Tưởng, là sự nghĩ nhớ các sự kiện tốt đẹp. Tưởng tốt đẹp là cũng do bởi Tâm tốt đẹp.

Như có phần Pālī trình bày trong bộ Chú Giải Siêu Lý Giải Minh (*Paramatthadīpanī*) như vậy: “*Cittavicittatāya saññāvicittā, saññāvicittatāya tanhāvicittā, tanhāvicittāya kammānivicittāni, kammānivicittatāya yoniyo vicittā, yonivicittatāya tesam tiracchānagatānaṃ vicittatā veditabbā*”.

“Nên biết rằng sự tốt đẹp của những Chúng Bàng Sinh là do bởi xuất sinh tốt đẹp. Xuất sinh tốt đẹp là do thực hiện ở phần Thân, Lời, và Ý tốt đẹp. Việc thực hiện Thân, Lời, và Ý tốt đẹp là bởi do Ái Dục là có sự ưa thích tốt đẹp. Ái Dục tốt đẹp là bởi do Tưởng là có sự nghĩ nhớ những sự kiện tốt đẹp. Tưởng tốt đẹp là cũng bởi do có Tâm tốt đẹp.”

Qui nạp nội dung Pháp Thể của Tâm thì có ba trường hợp:

1. Thường luôn tiếp thân được Cảnh.
2. Thành nhân cho tất cả Tâm Sở được biết Cảnh, tựa như người dẫn dắt.
3. Làm cho các vật hữu sinh mạng và phi sinh mạng được tốt đẹp rõ ràng.

Theo *Atthakathā (Chú Giải)* thì có chú giải Tâm Siêu Lý như sau:

1. *Trạng thái*: là liễu tri Cảnh (*Ārammaṇaṃ vijāranalakkhaṇaṃ*).
2. *Phận sự*: chủ trì, hướng dẫn Tâm Sở (*Pubbamgamarasaṇaṃ*).
3. *Sự thành tựu*: sanh diệt nối tiếp nhau một cách không gián đoạn (*Sandhanapaccupatthānaṃ*).
4. *Nhân cận*: là Tâm Sở và Sắc Pháp (*Nāmarūpa padatthanaṃ*).

Lại nữa, cũng cần nên hiểu biết đến **Tứ Nhân Sanh Tâm**:

1. *Nghiệp Quá Khứ (Atītakamma)*: là những hành động Thiện (Thiện Hạnh) hay Bất Thiện (Bất Thiện Hạnh) ở trong Quá Khứ đã tạo tác ra Quả Hiện Tại. Thành phần chính được nói đến là Tâm Dị Thục Quả.
2. *Tâm Sở (Cetasika)*: là thành phần phụ thuộc của Tâm. Nhân tố khởi sanh Tâm thể theo **Tứ Đồng** (đồng sanh, đồng diệt, đồng biết một cảnh và đồng nương một căn với Tâm).
3. *Cảnh (Ārammaṇa)*: là đối tượng của Tâm. Những cái chi được Tâm liễu tri thì được gọi là Cảnh.
4. *Căn (Vatthu)*: là những Sắc Thân Kinh (như Sắc Thân Kinh làm thành chỗ nương nhờ của Tâm Nhãn Thức, v.v), chỗ nương nhờ của Tâm Thức.

“Tattha cittaṃ tāra catubbidam hoti kāmāvacaram rūpāvacaram arūpavacaram lokuttaranceti” - Trong cả bốn Pháp Siêu Lý, thì Pháp Tâm Siêu Lý đã được trình bày đầu tiên ở trong bài giới thiệu, và có bốn thể loại, đó là: Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, Siêu Thế.

Tâm có bốn thể loại, đó là: Tâm Dục Giới có 54; Tâm Sắc Giới có 15, Tâm Vô Sắc Giới có 12; Tâm Siêu Thế có 8 hoặc 40. Tập hợp lại thành 89 hoặc 121 Tâm.

+ **54 Tâm Dục Giới** tức là 12 Tâm Bất Thiện, 18 Tâm Vô Nhân, 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo.

- 12 Tâm Bất Thiện là: 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Sân, 2 Tâm căn Si.
- 18 Tâm Vô Nhân là: 7 Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện, 8 Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân, 3 Tâm Duy Tác Vô Nhân.
- 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo là: 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Quả, 8 Tâm Đại Duy Tác.

+ **15 Tâm Sắc Giới** tức là 5 Tâm Thiện Sắc Giới, 5 Tâm Quả Sắc Giới, 5 Tâm Duy Tác Sắc Giới.

+ **12 Tâm Vô Sắc Giới** tức là 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới, 4 Tâm Quả Vô Sắc Giới, 4 Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới.

+ **27 Tâm Đáo Đại** tức là 15 Tâm Sắc Giới và 12 Tâm Vô Sắc Giới.

+ **81 Tâm Hiệp Thế** tức là 54 Tâm Dục Giới, 27 Tâm Đáo Đại.

+ **8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế** tức là 4 hoặc 20 Tâm Đạo, 4 hoặc 20 Tâm Quả; tập hợp lại thì có 8 hoặc 40.

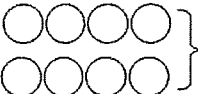
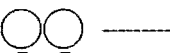
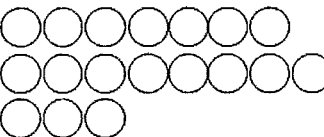
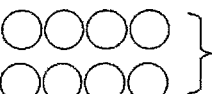
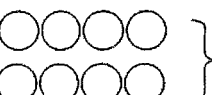
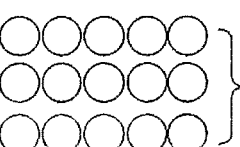
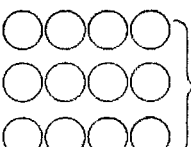
+ **4 hoặc 20 Tâm Đạo** tức là 1 hoặc 5 Tâm Đạo Thất Lai, 1 hoặc 5 Tâm Đạo Nhất Lai, 1 hoặc 5 Tâm Đạo Bất Lai, 1 hoặc 5 Tâm Đạo Vô Sinh.

+ **4 hoặc 20 Tâm Quả** tức là 1 hoặc 5 Tâm Quả Thất Lai, 1 hoặc 5 Tâm Quả Nhất Lai, 1 hoặc 5 Tâm Quả Bất Lai, 1 hoặc 5 Tâm Quả Vô Sinh.

+ **67 Tâm Hữu Thiện** tức là 27 Tâm Đáo Đại và 40 Tâm Siêu Thế.

+ **71 hoặc 103 Tâm Hữu Nhân** tức là 12 Tâm Bất Thiện, 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, 27 Tâm Đáo Đại, và 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế.

89 Hoặc 121 Tâm Siêu Lý, đó là:

	Tâm căn Tham 8	}	Tập hợp lại thành 12 Tâm Bất Thiện
	Tâm căn Sân 2		
	Tâm căn Si 2		
	Tâm Dị Thực Quả Bất Thiện 7 Tâm Dị Thực Quả Thiện Vô Nhân 8 Tâm Duy Tác Vô Nhân 3	}	Tập hợp lại thành 18 Tâm Vô Nhân
	Tâm Đại Thiện 8		
	Tâm Đại Quả 8		
	Tâm Đại Duy Tác 8	}	Tập hợp lại thành 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hào
	Tâm Thiện Sắc Giới 5 Tâm Quả Sắc Giới 5 Tâm Duy Tác Sắc Giới 5		
	Tâm Thiện Vô Sắc Giới 4 Tâm Quả Vô Sắc Giới 4 Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới 4		Tập hợp lại thành 12 Tâm Vô Sắc Giới
	1 hoặc 5 Tâm Đạo Thất Lai	}	Tập hợp lại thành 4 hoặc 20 Tâm Đạo
	1 hoặc 5 Tâm Đạo Nhất Lai		
	1 hoặc 5 Tâm Đạo Bất Lai		
	1 hoặc 5 Tâm Đạo Vô Sinh		
	1 hoặc 5 Tâm Quả Thất Lai	}	Tập hợp lại thành 4 hoặc 20 Tâm Quả
	1 hoặc 5 Tâm Quả Nhất Lai		
	1 hoặc 5 Tâm Quả Bất Lai		
	1 hoặc 5 Tâm Quả Vô Sinh		

Ý Nghĩa Tên Gọi Của Các Tâm

1. Tâm Dục Giới (*Kāmvacaracitta*): Có nghĩa là Tâm thường du hành sinh hoạt - với phần đa số - ở trong Cõi Địa Giới là thuộc sản địa của “*Vatthukāma – Vật Dục*” và “*Kilesakāma – Phiền Não Dục*”.

Như có Pālī Chú Giải trình bày như sau:

“*Kāmeṭṭi = Kāmo (vā) Kāmīyaṭṭi = Kāmo*”- Pháp chủng nào thường có sự mong muốn ở trong Cảnh Dục Trần, như thế Pháp chủng ấy được gọi tên là Dục; tức là Phiền Não Dục, có nghĩa là Ái Dục. (Hoặc) “Pháp chủng nào làm thành sản địa khả ý của Ái Dục, như thế Pháp chủng ấy được gọi tên là Dục; tức là Vật Dục, có nghĩa là Tâm Dục Giới, Tâm Sở, và Sắc Pháp.

“*Kāmassa bhavoti = Kāmo*”- “Cõi Địa Giới nào là sản địa của Phiền Não Dục và Vật Dục, như thế Cõi Địa Giới ấy được gọi tên là Cõi Dục Giới; tức là 11 Cõi Dục Địa Giới.

“*Kāme avacarati = Kāmvacararam*”- “Tâm nào thường du hành sinh hoạt ở trong Cõi Địa Giới là sản địa của Phiền Não Dục và Vật Dục, như thế Tâm ấy được gọi tên là Tâm Dục Giới”.

2. Tâm Bất Thiện (*Akusalacitta*): Có nghĩa là Tâm tạo tác ra điều xấu ác tội lỗi và cho Quả đối nghịch với Tâm Thiện, hoặc là Tâm kết hợp với Tâm Sở Bất Thiện. **Phụ Chú Giải:** Bất Thiện có năm ý nghĩa, đó là: (1) vụng về, (2) bệnh hoạn, (3) xấu xa, (4) không lợi ích, (5) và cho Quả khổ đau.

3. Tâm Căn Tham (*Lobhamūlacitta*): Có nghĩa là Tâm sinh khởi có Tâm Sở Tham làm căn gốc, làm thành chủ vị.

Chú giải: Tứ Nhân sanh Tham (*Lobha*) đó là:

- Tái tục với Nghiệp Lực Tham dẫn dắt.
- Quá khứ đã từng quen Tham.
- Thường gặp cảnh tốt, ưa thích.
- Không tự lập trường chân chánh.

4. Tâm Căn Sân (*Dosamūlacitta*): Có nghĩa là Tâm sinh khởi có Tâm Sở Sân làm căn gốc, làm thành chủ vị.

Chú giải: Ngũ Nhân sanh Sân (*Dosa*) đó là:

- Thói quen thường sân hận.
- Thiếu sự suy xét tế nhị.
- Ít nghe điều hay lẽ phải.
- Thường gặp cảnh xấu, không tốt.
- Không tự lập trường chân chánh.

5. Tâm Căn Si (*Mohamūlacitta*): Có nghĩa là Tâm sinh khởi có Tâm Sở Si làm căn gốc, làm thành chủ vị.

Chú giải: Tứ Nhân sanh Si (*Moha*) đó là:

- Quá khứ đã từng si mê.
- Tái tục trong Cảnh không tốt.
- Thường gặp Cảnh phiền não.
- Ngũ Quyền không được trọn đủ.

6. Tâm Vô Nhân (*Ahetukacitta*): Có nghĩa là Tâm sinh khởi mà không có phối hợp với sáu Nhân Tương Ứng (Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si).

7. Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện (*Akusalavipākacitta*): Có nghĩa là Dị Thục Quả sinh khởi từ ở nơi 12 Bất Thiện Nghiệp Lực; có việc thấy, việc được lắng nghe, việc ngửi, v.v., ở phần không tốt đẹp; tuy nhiên thuộc loại Vô Nhân.

8. Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân (*Ahetukākusalāvipākacitta*): Có nghĩa là Dị Thục Quả sinh khởi từ ở nơi 8 Đại Thiện Nghiệp Lực; có việc thấy, việc nghe, việc ngửi, v.v., ở phần tốt đẹp; tuy nhiên thuộc loại Vô Nhân (tức là không có Nhân Tương Ứng).

9. Tâm Duy Tác Vô Nhân (*Ahetukakiriyācitta*): Có nghĩa là Tâm sinh khởi không nương vào bất luận một thể loại Nghiệp Lực nào, và không có tạo tác Phước Báo hoặc Tội Lỗi; tuy nhiên cũng thuộc loại Vô Nhân (tức là không có Nhân Tương Ứng).

10. Tâm Vô Tịnh Hảo (*Asobhaṇacitta*): Có nghĩa là Tâm ở ngoài phần Tâm Tịnh Hảo (tốt đẹp), hoặc là Tâm bất cấu sinh với Tâm Sở Tịnh Hảo.

11. Tâm Tịnh Hảo (*Sobhaṇacitta*): Có nghĩa là Tâm cùng cấu sinh với Tâm Sở Tịnh Hảo, hoặc là Tâm ở phần tốt đẹp.

12. Tâm Đại Thiện (*Mahākusalacitta*): Có nghĩa là Tâm không có tội lỗi và cho Quả an vui, vì thế được gọi là Thiện, và có khả năng sanh nhiều hơn tự bản thân. Tất cả đều là phần mở đầu của Thiện, Thắng Trí, Đạo Quả - như thế mới gọi là “*Mahā – Đại*”. Khi kết hợp cả hai từ ngữ này lại gọi là “*Mahākusalacitta – Tâm Đại Thiện*”.

13. Tâm Đại Quả (*Mahāvipākacitta*): Có nghĩa Tâm là thành quả của Tâm Đại Thiện, vì lẽ một khi phân loại theo trường hợp của Thọ, Phối Hợp, Dẫn Dụ, đều giống với Tâm Đại Thiện, vì thế được gọi là Tâm Đại Quả.

14. Tâm Đại Duy Tác (*Mahākiriyaṇacitta*): Có nghĩa đích thị chính là cái Tâm Đại Thiện sinh trong tâm tánh của Bạc Vô Sinh, vì thế được gọi tên là Tâm Đại Duy Tác.

Phụ Chú Giải: Thiện có năm ý nghĩa, đó là: (1) khôn khéo, (2) khỏe mạnh, (3) tốt đẹp, (4) lợi ích, (5) cho quả an vui.

Theo bộ sách Chú Giải *Atthasālini* thì có giải thích từ ngữ “*Kusala – Thiện*” như sau:

(1) “*Ku – xấu*”, với ngữ căn “*Sal*”, lay chuyển, run rẩy, tiêu diệt. Vì thế, Pháp chủng làm lay chuyển, và tiêu diệt điều Bất Thiện xấu xa, thì được gọi là “*Kusala – Thiện*”.

(2) “*Kusa* + với ngữ căn “*lu*”, cắt đứt. Do vậy, “*Kusa*” do “*Ku – xấu*” và căn “*Si*”, nói dối. Điều chi gian dối một cách xấu xa là *Kusa*, tật xấu; và *Kusala* là cắt đứt tật xấu.

(3) “*Ku – bất thiện, xấu + căn Su- suy giảm*”. Điều chi làm suy giảm, hoặc tiêu diệt điều Bất Thiện do bởi Trí Tuệ, là “*Kusa*”. Pháp chủng cắt đứt điều Bất Thiện bằng Trí Tuệ, được gọi là *Kusala*.

(4) “*Kusala – Thiện*” là khẩn khít với Trí Tuệ.

(5) Loại cỏ *Kusa* có hai bề lưỡi cạnh đều sắc bén, nên cắt đứt tay bằng cả hai bề cạnh. Cùng thế ấy, *Kusala* cắt đứt cả hai phần của Ái Dục – phần đã khởi sinh và phần chưa khởi sinh.

Kusala là tinh khiết hay lành mạnh, hiểu theo nghĩa “*tránh khỏi những bệnh vật chất và tinh thần do Ái Dục gây nên*”.

Kusala là vô tội, hiểu theo nghĩa “*tránh khỏi tội lỗi do Ái Dục gây nên, bởi do những ảnh hưởng xấu của Ái Dục, và sức nóng của Ái Dục*”.

Trong bộ sách chú giải *Atthasālini* lại có ghi rằng “*Kosallasambhūtatthēna, kosallaṃ vuccati paññā* – đã được hoàn thành với Trí Tuệ, được gọi là Thiện”.

Làm thế nào xác định rằng một hành động là *Kusala – Thiện* hay là *Akusala – Bất Thiện*? Dựa trên tiêu chuẩn đạo đức nào?

Một cách vắn tắt, kết hợp với ba căn Bất Thiện (*Akusala mūla*), được gọi là Bất Thiện. Khi kết hợp với ba căn Thiện (*Kusala mūla*), được gọi là Thiện.

Ví như, hạt giống được gieo trồng trên đất phì nhiêu, thì sẽ sinh sôi nảy nở, và sớm hay muộn, tùy theo đặc tính của nó. Cùng thế ấy, hành động Thiện hay Bất Thiện sẽ tạo tác ra những kết quả đáng được ưa thích hoặc không ưa thích, và kết quả ấy, được gọi là *Vipāka – Di Thực Quả*.

Chú giải: Từ ngữ “*Kiriya* hay *Kriyā* – Duy Tác, chỉ có hành động” có ý nghĩa: từ ngữ này được hiểu theo nghĩa “*hành động vô hậu quả*”.

Với *Kamma – Nghiệp Lực*, là mãnh lực tạo ra quả báo, thì *Kiriya – Duy Tác*, là hành động không để lại quả báo. Những hành động của Chư Phật hoặc chư vị Alahán thì được gọi là *Kiriya – Duy Tác*, vì lẽ các Ngài không còn tạo tác và tích trữ Nghiệp Báo, đã vượt qua khỏi Thiện và Ác.

Trong Tạng Vô Tỷ Pháp (*Abhidhamma piṭaka*), thì *Vipāka – Quả Di Thực* và *Kiriya – Duy Tác* đều được gọi là *Abyākata – Vô Ký*, vì không để lại hậu quả,

hoặc quả báo. Với *Vipāka – Di Thực Quả*, đã là kết quả, thì không biểu hiện trở lại như một hậu quả. Và *Kiriya – Duy Tác*, chỉ có hành động, và không có để lại hậu quả của hành động.

15. Tâm Sắc Giới (*Rūpāvacaracitta*): Có nghĩa là Tâm thường du hành sinh hoạt - với phần đa số - ở trong Cõi Địa Giới là thuộc sản địa của “*Vatthurūpa – Vật Sắc*”, và “*Kilesarūpa – Phiền Nảo Sắc*”.

Vật Sắc là 15 Tâm Sắc Giới, 35 Tâm Sở.

Phiền Nảo Sắc là Ái Sắc, là sự thỏa thích trong Thiên, Thắng Trí thuộc Cõi Hữu Sắc Giới.

Có Pālī Chú Giải trình bày như sau:

“*Rūpassa bhavoti = Rūpaṃ*”- Cõi Địa Giới nào là sản địa của *Vật Sắc* và *Phiền Nảo Sắc*, như thế Cõi Địa Giới ấy được gọi tên là Cõi Sắc Giới, tức là 16 Cõi Sắc Địa Giới.

“*Rūpe avacarāṭṭi = Rūpāvacaram*”- Tâm nào thường du hành sinh hoạt ở trong Cõi Địa Giới là sản địa của *Phiền Nảo Sắc* và *Vật Sắc*, như thế được gọi tên là Tâm Sắc Giới.

16. Tâm Vô Sắc Giới (*Arūpāvacaracitta*): Có nghĩa là Tâm thường du hành sinh hoạt - với phần đa số - ở trong Cõi Địa Giới là thuộc sản địa của “*VatthuArūpa – Vật Vô Sắc*”, và “*KilesaArūpa – Phiền Nảo Vô Sắc*”.

Vật Vô Sắc là 12 Tâm Vô Sắc Giới, 30 Tâm Sở.

Phiền Nảo Vô Sắc là Ái Vô Sắc và Hữu Vô Sắc.

Như có Chú Giải Pālī trình bày như sau:

“*Arūpassa bhavoti = Arūpaṃ*”- Cõi Địa Giới nào là sản địa của *Vật Vô Sắc* và *Phiền Nảo Vô Sắc*, như thế Cõi Địa Giới ấy được gọi tên là Cõi Vô Sắc Giới; tức là bốn Cõi Vô Sắc Địa Giới.

“*Arūpe avacarāṭṭi = Arūpāvacararam*”- Tâm nào thường du hành sinh hoạt ở trong Cõi Địa Giới là sản địa của *Vật Vô Sắc* và *Phiền Nảo Vô Sắc*, như thế được gọi tên là Tâm Vô Sắc Giới.

17. Tâm Đáo Đại (*Mahaggatacitta*): Khi tập hợp cả 15 Tâm Sắc Giới và 12 Tâm Vô Sắc Giới lại với nhau, thì được gọi tên là Tâm Đáo Đại. Gọi tên là Tâm Đáo Đại, vì lẽ những Tâm này thường du hành đến những Cõi Giới rộng lớn và đặc biệt thanh cao.

Có Chú Giải Pālī trình bày như sau:

“*Mahantaṃ gatoti = Mahaggato*”- Tâm nào thường đi đến những Cõi Giới rộng lớn và đặc biệt thanh cao, như thế Tâm ấy được gọi tên là Tâm Đáo Đại.

18. Tâm Hiệp Thế (*Lokīyacitta*): Khi tập hợp 54 Tâm Dục Giới, 27 Tâm Đáo Đại lại với nhau, thì được gọi tên là Tâm Hiệp Thế. Gọi tên là Tâm Hiệp Thế, vì lẽ

những Tâm này thường ở trong Tam Cõi Địa Giới, đó là Cõi Dục Giới, Cõi Sắc Giới, Cõi Vô Sắc Giới.

Có Chú Giải Pālī trình bày như sau:

“*Loke niyuttāti = Lokiyā*” - Những Pháp chủng nào thường được tập hợp ở trong Tam Cõi Địa Giới, như thế những Pháp chủng ấy được gọi tên là Hiệp Thế.

19. Tâm Siêu Thế (***Lokuttaracitta***): Có nghĩa là Tâm vượt thoát khỏi cả Tam Cõi Địa Giới.

Chú Giải: Từ ngữ “***Lokuttara – Siêu Thế***”, khi chiết tự ra thì thành hai từ ngữ, đó là “***Loka + Uttara***”. Với “***Loka – Thế gian***” có nghĩa là “***Pañcupādana kkhandha – Ngũ Thủ Uẩn***” là năm khối nhóm của sự luyến ái. Với “***Uttara – Vượt thoát ra khỏi***”. Như vậy, “***Lokuttara – Siêu Thế***” là Pháp chủng vượt thoát ra khỏi trạng thái chấp thủ ngũ uẩn.

Từ ngữ này chỉ áp dụng một cách đặc biệt dành cho bốn Tâm Đạo. Và các Tâm Quả khi được gọi là ***Lokuttara***, vì lẽ đã vượt thoát ra khỏi hản thế gian Ngũ Thủ Uẩn.

20. Tâm Hữu Nhân (***Sahetukacitta***): Có nghĩa là Tâm phối hợp với một trong sáu Nhân Tương Ứng.

12 TÂM BẤT THIỆN (AKUSALACITTA 12)

A. Tám Tâm Căn Tham, đó là:

1. ***Somanassasahagataṃ diṭṭhigatasampayuttaṃ asaṅkhārikam*** - Câu hành Hỷ tương ưng Kiến vô dẩn.

Có nghĩa là Tâm sinh khởi không có dẫn dụ (một cách mau lẹ), cùng với sự vui thích duyệt ý, và có phối hợp với sự thấy sai chấp lầm.

Ví dụ như một đứa bé, một cách mau lẹ, ăn cắp trái táo một cách vui vẻ, và nghĩ rằng việc làm ấy không có tội.

2. ***Somanassasahagataṃ diṭṭhigatasampayuttaṃ sasaṅkhārikam*** - Câu hành Hỷ tương ưng Kiến hữu dẩn.

Có nghĩa là Tâm sinh khởi có sự dẫn dụ, cùng với sự vui thích duyệt ý, và có phối hợp với sự thấy sai chấp lầm.

Ví dụ như một đứa bé, do bởi bạn xúi giục, ăn cắp trái táo một cách vui vẻ, và nghĩ rằng việc làm ấy không có tội.

3. ***Somanassasahagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ asaṅkhārikam*** - Câu hành Hỷ bất tương ưng Kiến vô dẩn.

Có nghĩa là Tâm sinh khởi không có dẫn dụ (một cách mau lẹ), cùng với sự vui thích duyệt ý, và bất phối hợp với sự thấy sai chấp lầm.

Ví dụ như một đứa bé, một cách mau lẹ, ăn cắp trái táo một cách vui vẻ, và nghĩ rằng việc làm ấy có tội.

4. Somanassasahagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ - Câu hành
Hỷ bất tương ưng Kiến hữu dẫn.

Có nghĩa là Tâm sinh khởi có sự dẫn dụ, cùng với sự vui thích duyệt ý, và bất phối hợp với sự thấy sai chấp lầm.

Ví dụ như một đứa bé, do bởi bạn xúi giục, ăn cắp một trái táo một cách vui vẻ, và nghĩ rằng việc làm ấy có tội.

5. Upekkhāsahagataṃ diṭṭhigatasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ - Câu hành
Xã tương ưng Kiến vô dẫn.

Có nghĩa là Tâm sinh khởi không có sự dẫn dụ, cùng với sự tịnh tĩnh, và có phối hợp với sự thấy sai chấp lầm.

Ví dụ như một đứa bé, một cách mau lẹ, ăn cắp một trái táo một cách thân nhiên, và nghĩ rằng việc làm ấy không có tội.

6. Upekkhāsahagataṃ diṭṭhigatasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ - Câu hành
Xã tương ưng Kiến hữu dẫn.

Có nghĩa là Tâm sinh khởi có sự dẫn dụ, cùng với sự tịnh tĩnh, và có phối hợp với sự thấy sai chấp lầm.

Ví dụ như một đứa bé, do bởi bạn xúi giục, ăn cắp một trái táo một cách thân nhiên, và nghĩ rằng việc làm ấy không có tội.

7. Upekkhāsahagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ - Câu hành
Xã bất tương ưng Kiến vô dẫn.

Có nghĩa là Tâm sinh khởi không có sự dẫn dụ, cùng với sự tịnh tĩnh, và bất phối hợp với sự thấy sai chấp lầm.

Ví dụ như một đứa bé, một cách mau lẹ, ăn cắp một trái táo một cách thân nhiên, và nghĩ rằng việc làm ấy có tội.

8. Upekkhāsahagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ - Câu hành
Xã bất tương ưng Kiến hữu dẫn.

Có nghĩa là Tâm sinh khởi có sự dẫn dụ, cùng với sự tịnh tĩnh, và bất phối hợp với sự thấy sai chấp lầm.

Ví dụ như một đứa bé, do bởi bạn xúi giục, ăn cắp một trái táo một cách thân nhiên, và nghĩ rằng việc làm ấy có tội.

B. Hai Tâm Căn Sân, đó là:

1. Domanassasahagataṃ paṭighasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ - Câu hành
Ưu tương ưng Phẫn Hận vô dẫn.

Có nghĩa là Tâm sinh khởi không có sự dẫn dụ, cùng với sự khả tích (buồn rầu, hối tiếc), và phối hợp với sự bất duyệt ý (không vui thích).

Ví dụ như với lòng sân hận, một cách mau lẹ (không có mưu tính trước), người ta sát hại một người mà mình không ưa thích (oán hận).

2. Domanassasahagataṃ paṭighasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ - Câu hành Ưu tương ưng Phần Hận hữu dẫn.

Có nghĩa là Tâm sinh khởi có sự dẫn dụ, cùng với sự khả tích (buồn rầu, hối tiếc), và phối hợp với sự bất duyệt ý.

Ví dụ như với lòng sân hận, do bởi bạn xúi giục (hoặc có mưu tính trước), người ta sát hại một người mà mình không ưa thích (oán hận).

C. Hai Tâm Căn Si, đó là:

1. Upekkhāsahagataṃ vicikicchāsampayuttaṃ - Câu hành Xả tương ưng Hoài Nghi.

Có nghĩa là Tâm sinh khởi cùng với sự tịnh tỉnh, và phối hợp với sự nghi lự.

Ví dụ như với sự si mê, một người hoài nghi về sự hiện hữu của Đức Phật, về hiệu năng của Giáo Pháp, và năng lực của Tăng Đoàn.

2. Upekkhāsahagataṃ uddhaccasampayuttaṃ - Câu hành Xả tương ưng Trạo Cử (phóng dật).

Có nghĩa là Tâm sinh khởi cùng với sự tịnh tỉnh, và phối hợp với sự phóng dật. Ví dụ như với sự lo lắng, một hành giả không thể chú tâm vào đề mục.

Ghi chú: Hai thể loại Tâm này yếu ớt, vì lẽ sinh khởi với trạng thái mê mờ lưỡng lự, và phóng dật hôn trầm của Tâm. Vì thế, cảm giác chỉ là Xả Thọ, và không thể nào là Hỷ Thọ hoặc Ưu Thọ được.

+ Khi phân tích Thập Bát Thiện Nghiệp Lực (Thập Ác Hạnh Nghiệp Lực) liên quan đến mười hai thể loại Tâm Bát Thiện vừa kể trên, thì có được như sau:

Có Thập Bát Thiện Nghiệp Lực tạo tác qua bởi Thân, Lời, và Ý:

- **Thân Nghiệp:** (1) Sát Mạng (*Pānātipāta*), (2) Thâu Đạo (*Adinnādāna*), (3) Tà Hạnh Tính Dục (*Kāmesumicchācāra*).
- **Ngữ Nghiệp:** (4) Vọng Ngữ (*Musāvāda*), (5) Ly Gián Ngữ (*Pisunavācā*), (6) Thô Ác Ngữ (*Pharusavācā*), (7) Hồ Ngôn Loạn Ngữ (*Samphappalāpa* – nói lời vô ích).
- **Ý Nghiệp:** (8) Tham Ác (*Abhijjhā*), (9) Sân Độc (*Vyāpāda*), và (10) Tà Kiến (*Micchādiṭṭhi*).

Tất cả Thập Bát Thiện Nghiệp Lực đều tạo tác do bởi mười hai thể loại Tâm Bát Thiện vừa kể trên.

- Thông thường, phạm Nghiệp Sát Mạng là do bởi hai Tâm căn Sân.
- Nghiệp Thâu Đạo tạo tác là do bởi tám Tâm căn Tham.

- Nghiệp Tà Hạnh Tính Dục tạo tác là do bởi tám Tâm căn Tham.
- Nghiệp Thâu Đạo có thể tạo tác do bởi Sân Hận. Trong trường hợp này, nghiệp Thâu Đạo tạo tác là do bởi Tâm căn Sân thứ 1 và 2.
- Nghiệp Vọng Ngữ tạo tác là do bởi 8 Tâm căn Tham, và 2 Tâm căn Sân.
- Nghiệp Ly Giác Ngữ, Thô Ác Ngữ tạo tác là do bởi hai Tâm căn Sân.
- Nghiệp Hồ Ngôn Loạn Ngữ tạo tác là do bởi 8 Tâm căn Tham, và 2 Tâm căn Sân.
- Nghiệp Ý Tham Ác tạo tác là do bởi tám Tâm căn Tham.
- Nghiệp Ý Sân Độc tạo tác là do bởi hai Tâm căn Sân.
- Nghiệp Ý Tà Kiến tạo tác là do bởi 4 Tâm căn Tham thứ 1, 2, 5, và 6.

Phụ Chú Giải:

1. Tà Kiến có một, là thấy sai chấp lầm.
2. Tà Kiến có hai, là Thường Kiến (chấp Có – linh hồn hằng còn) và Đoạn Kiến (chấp Không, ví như chấp Chết là Hết).
3. Tà Kiến có ba, là Vô Hữu Kiến (*Natthikadiṭṭhi* - phủ nhận hậu quả của Nghiệp báo), Vô Nhân Kiến (*Ahetukadiṭṭhi* - phủ nhận cả hai, Nhân và Quả), Vô Hành Kiến (*Akiriyaḍiṭṭhi* - phủ nhận năng lực của Nghiệp báo).

Sự tiệt diệt các thể loại Tâm Bất Thiện do bởi bốn Tầng Thánh Nhân:

1. Với bậc Dự Lưu (*Sotāpanna*) thì tiệt diệt các loại Tâm căn Tham thứ 1, 2, 5, 6 và Tâm căn Si Hoài Nghi, bởi vì các Ngài đã sát trừ hai Hạ Phần Kiết Sử (*Samyojana*) là Thân Kiến (*Sakkāyadiṭṭhi* - ảo tưởng liên quan đến Tự Ngã) và Hoài Nghi (*Vicikicchā*).
2. Với Kiết Sử Giới Cấm Thủ (*Sīlabbataparāmāsa* - Giới chấp ty liệt, để đuổi tin theo những nghi lễ bái sai lầm), cũng được sát trừ ở Bậc Dự Lưu, tuy nhiên không đề cập liên quan đến 12 loại Tâm Bất Thiện kể trên.
3. Với bậc Nhất Lai (*Sakadāgāmi*) thì làm suy giảm năng lực của hai Tâm căn Sân (ở phần thô thiện), bởi vì các Ngài chỉ làm suy giảm hai Hạ Phần Kiết Sử, đó là *Kāmarāga* – Tham dục (luyến ái theo ngũ dục) và *Paṭigha* – Phẫn Hận (bất toại nguyên).
4. Với bậc Bất Lai (*Anāgāmi*) thì tiệt diệt cả hai Tâm căn Sân (ở phần vi tế), bởi vì các Ngài đã tiệt diệt hai Hạ Phần Kiết Sử Tham Dục và Sân Độc.
5. Với bậc Vô Sinh (*Arahanta*) thì hoàn toàn tiệt diệt hết cả mười hai Tâm Bất Thiện, bởi vì các Ngài đã sát trừ hết cả năm Thượng Phần Kiết Sử còn lại, đó là: Ái Sắc (*Rūparāga* - luyến ái theo các tầng Thiên Sắc Giới và Cảnh Sắc Giới), Ái Vô Sắc (*Arūparāga* - luyến ái theo các tầng Thiên Vô Sắc Giới và

Cảnh Vô Sắc Giới), Ngã Mạn (Māna), Trạo Cử (Uddhacca- Phóng Dật), và Vô Minh (Avijjā).

18 TÂM VÔ NHÂN (AHETUKACITTA 18)

A. Bảy Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện, đó là:

1/ *Upekkhāsahagataṃ cakkhaviññāṇaṃ* – *Nhãn Thức câu hành Xả*: Tâm nương sinh vào Nhãn Vật trông thấy Cảnh Sắc không tốt đẹp, cùng với trạng thái thân nhiên (Xả Thọ).

2/ *Upekkhāsahagataṃ sotaviññāṇaṃ* – *Nhĩ Thức câu hành Xả*: Tâm nương sinh vào Nhĩ Vật lắng nghe Cảnh Thính không tốt đẹp, cùng với trạng thái thân nhiên (Xả Thọ).

3/ *Upekkhāsahagataṃ ghānaviññāṇaṃ* – *Tỷ Thức câu hành Xả*: Tâm nương sinh vào Tỷ Vật nhận thức Cảnh Khí không tốt đẹp, cùng với trạng thái thân nhiên (Xả Thọ).

4/ *Upekkhāsahagataṃ jivhāviññāṇaṃ* – *Thiệt Thức câu hành Xả*: Tâm nương sinh vào Thiệt Vật nhận thức Cảnh Vị không tốt đẹp, cùng với trạng thái thân nhiên (Xả Thọ).

5/ *Dukkhasahagataṃ kāyaviññāṇaṃ* – *Thân Thức câu hành Khổ*: Tâm nương sinh vào Thân Vật cảm giác Cảnh Xúc không tốt đẹp, cùng với trạng thái Khổ Thọ.

6/ *Upekkhāsahagataṃ sampaticchanacittaṃ* – *Tâm Tiếp Thâu câu hành Xả*: Tâm sinh khởi tiếp thâu Ngũ Cảnh không tốt đẹp, cùng với trạng thái thân nhiên (Xả Thọ).

7/ *Upekkhāsahagataṃ santīraṇacittaṃ* – *Tâm Thẩm Sát câu hành Xả*: Tâm thẩm tra Ngũ Cảnh không tốt đẹp, cùng với trạng thái thân nhiên (Xả Thọ).

B. Tám Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân, đó là:

1/ *Upekkhāsahagataṃ cakkhaviññāṇaṃ* – *Nhãn Thức câu hành Xả*: Tâm nương sinh vào Nhãn Vật trông thấy Cảnh Sắc tốt đẹp, cùng với trạng thái thân nhiên (Xả Thọ).

2/ *Upekkhāsahagataṃ sotaviññāṇaṃ* – *Nhĩ Thức câu hành Xả*: Tâm nương sinh vào Nhĩ Vật lắng nghe Cảnh Thính tốt đẹp, cùng với trạng thái thân nhiên.

3/ *Upekkhāsahagataṃ ghānaviññāṇaṃ* – *Tỷ Thức câu hành Xả*: Tâm nương sinh vào Tỷ Vật nhận thức Cảnh Khí tốt đẹp, cùng với trạng thái thân nhiên.

4/ *Upekkhāsahagataṃ jivhāviññāṇaṃ* – *Thiệt Thức câu hành Xả*: Tâm nương sinh vào Thiệt Vật nhận thức Cảnh Vị tốt đẹp, cùng với trạng thái thân nhiên (Xả Thọ).

5/ *Sukhasahagataṃ kāyaviññāṇaṃ* – *Thân Thức câu hành Lạc*: Tâm nương sinh vào Thân Vật cảm giác Cảnh Xúc tốt đẹp, cùng với trạng thái Lạc Thọ.

6/ *Upekkhāsahagataṃ sampāṭicchanacittaṃ* – *Tâm Tiếp Thâu câu hành Xả*: Tâm sinh khởi tiếp thâu Ngũ Cảnh tốt đẹp, cùng với trạng thái thân nhiên.

7/ *Upekkhāsahagataṃ santīraṇacittaṃ* – *Tâm Thăm Tán câu hành Xả*: Tâm thăm tra Ngũ Cảnh tốt đẹp, cùng với trạng thái thân nhiên (Xả Thọ).

8/ *Somanassasahagataṃ santīraṇacittaṃ* – *Tâm Thăm Tán câu hành Hỷ*: Tâm thăm tra Ngũ Cảnh tốt đẹp, cùng với trạng thái Hỷ Thọ.

C. Ba Tâm Duy Tác Vô Nhân, đó là:

1/ *Upekkhāsahagataṃ pañcadvārāvajjanacittaṃ* – *Tâm Khai Ngũ Môn câu hành Xả*: Tâm sinh khởi cùng với trạng thái tịnh tĩnh, quán chiếu Cảnh thuộc Lộ Ngũ Môn, ở phần tốt đẹp (Quả Thiện) và không tốt đẹp (Quả Bất Thiện).

2/ *Upekkhāsahagataṃ manodvārāvajjanacittaṃ* – *Tâm Khai Ý Môn câu hành Xả*: Tâm sinh khởi cùng với trạng thái tịnh tĩnh, quán chiếu Cảnh thuộc Lộ Ý Môn, ở phần tốt đẹp (Quả Thiện) và không tốt đẹp (Quả Bất Thiện).

3/ *Somanassasahagataṃ hasituppādacittaṃ* – *Tâm Tiếu Sinh câu hành Hỷ*: Tâm sinh khởi cùng với sự hỷ duyệt, làm cho phát sinh việc mỉm cười của Bậc Thánh Văn Giác Vô Sinh (*Arahatta*).

Chú giải:

* **Tứ Nhân sinh Tâm Nhãn Thức, đó là:** (1) Thần Kinh Nhãn, (2) Cảnh Sắc, (3) Ánh Sáng, (4) Tác Ý.

* **Tứ Nhân sinh Tâm Nhĩ Thức, đó là:** (1) Thần Kinh Nhĩ, (2) Cảnh Thính, (3) Hư Không, (4) Tác Ý.

* **Tứ Nhân sinh Tâm Tỷ Thức, đó là:** (1) Thần Kinh Tỷ, (2) Cảnh Khí, (3) Hơi Gió, (4) Tác Ý.

* **Tứ Nhân sinh Tâm Thiệt Thức, đó là:** (1) Thần Kinh Thiệt, (2) Cảnh Vị, (3) Nước Dãi, (4) Tác Ý.

* **Tứ Nhân sinh Tâm Thân Thức, đó là:** (1) Thần Kinh Thân, (2) Cảnh Xúc, (3) Tam Đại Hiện (Đất, Lửa, Gió), (4) Tác Ý.

* **Tam Nhân sinh Tâm Tiếp Thâu, Tâm Thăm Tán là:** (1) Sắc Ý Vật, (2) Cảnh Ngũ, (3) Tác Ý.

Ghi chú: Cũng cần nên lưu ý và hiểu biết rằng, chỉ có hai Tâm Khai Ngũ Môn và Tâm Khai Ý Môn, thuộc thể loại Tâm Duy Tác (*Kiriyacitta – Tâm tạo tác nhưng không để lại nghiệp báo, chỉ có đặc biệt ở Bậc Chánh Đẳng Giác và Chư Thánh Văn Giác Vô Sinh*) lại sinh khởi ở hạng Phàm Nhân.

Chú giải: Từ ngữ “*Hasituppādacitta – Tâm Tiểu Sinh*”: đây là một thể loại Tâm đặc biệt và chỉ dành riêng đối với Chư vị Thánh Văn Giác Vô Sinh. Nguyên nhân của sự mỉm cười là thọ Hỷ, và có mười ba thể loại Tâm làm việc mỉm cười tùy theo tâm tánh của con người.

* Với hạng Phàm Nhân (*Puthujjana*) thì có thể cười với một trong bốn Tâm Tham câu hành Hỷ, hoặc một trong bốn Tâm Đại Thiện câu hành Hỷ.

* Với Bậc Thất Lai (*Sotāpanna*), Bậc Nhất Lai (*Sakadāgāmi*) và Bậc Bất Lai (*Anāgāmi*) thì có thể mỉm cười với hai Tâm Bất Thiện câu hành Hỷ Bất Tương Ứng Kiến, hoặc một trong bốn Tâm Đại Thiện câu hành Hỷ.

* Các Bậc Thánh Văn Giác Vô Sinh và Chư Phật Độc Giác thì có thể mỉm cười với một trong bốn loại Tâm Duy Tác Tịnh Hảo câu hành Hỷ (*Sobhanakiriya citta*) hoặc với Tâm Tiểu Sinh.

* Với Bậc Chánh Đẳng Giác thì mỉm cười với một trong hai Tâm Duy Tác Tịnh Hảo câu hành Hỷ Tương Ứng Trí.

Có tất cả sáu thể loại cười:

1. **Sita:** một nụ cười mỉm, nhếch môi, biểu hiện nhẹ nhàng ở trên vẻ mặt;
2. **Hasita:** cười hở răng, vừa đủ hé cho thấy chót răng;
3. **Vihasita:** nụ cười khể phát ra một tiếng động nhỏ;
4. **Upahasita:** nụ cười làm chuyển động đầu vai và tay;
5. **Apahasita:** nụ cười làm chảy nước mắt;
6. **Atihasita:** bật cười lớn tiếng, ngã nghiêng cả thân hình.

Như vậy, việc cười là một hình thức diễn tả của Thân Biểu Trí (*Kāyaviññatti – sắc thân hiện bày*), có thể hoặc không, phát sinh cùng với Ngữ Biểu Trí (*Vācaviññatti – hiện bày âm thanh*).

Chư Thánh Nhân và các Bậc Hiền Trí thì thường cười với hai cách (1) và (2). Bậc Hiền Triết thì thể hiện việc cười với hai cách (3) và (4). Với hạng Phàm Phu thì tỏ bày việc cười với hai cách (5) và (6).

24 TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO (KĀMĀVACARASOBHĀṄACITTA 24)

A. Tám Tâm Đại Thiện, đó là:

1/ *Somanassasahagataṃ nāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikam:* Câu Hành Hỷ Tương Ứng Trí Vô Dấn.

Có nghĩa là Tâm sinh khởi một cách mau lẹ (không có sự dẫn dụ), và phối hợp với Trí Tuệ cùng với sự hỷ duyệt.

Ví dụ như một em bé mau lẹ đánh lễ và cúng dường vật thực đến Thầy Tỳ Khuru, một cách vui vẻ cùng với sự hiểu biết của việc làm thiện này.

2/ *Somanassasahagatam ñāṇasampayuttam sasaṅkhārikam:* Câu Hành Hỷ Tương Ứng Trí Hữu Dẫn.

Có nghĩa là Tâm sinh khởi có sự dẫn dụ, và phối hợp với Trí Tuệ cùng với sự hỷ duyệt.

Ví dụ như theo lời dạy của Mẹ, một em bé đánh lễ và cúng dường vật thực đến Thầy Tỳ Khuru, một cách vui vẻ cùng với sự hiểu biết của việc làm thiện này.

3/ *Somanassasahagatam ñāṇavippayuttam asaṅkhārikam:* Câu Hành Hỷ Bất Tương Ứng Trí Vô Dẫn.

Có nghĩa là Tâm sinh khởi một cách mau lẹ (không có sự dẫn dụ), và không có sự phối hợp với Trí Tuệ, cùng với sự hỷ duyệt.

Ví dụ như một em bé mau lẹ đánh lễ và cúng dường vật thực đến Thầy Tỳ Khuru, một cách vui vẻ và không có sự hiểu biết của việc làm thiện này.

4/ *Somanassasahagatam ñāṇavippayuttam sasaṅkhārikam:* Câu Hành Hỷ Bất Tương Ứng Trí Hữu Dẫn.

Có nghĩa là Tâm sinh khởi có sự dẫn dụ, và không có sự phối hợp với Trí Tuệ cùng với sự hỷ duyệt.

Ví dụ như theo lời dạy của Mẹ, một em bé đánh lễ và cúng dường vật thực đến Thầy Tỳ Khuru, một cách vui vẻ và không có sự hiểu biết của việc làm thiện này.

5/ *Upekkhāsahagatam ñāṇasampayuttam asaṅkhārikam:* Câu Hành Xả Tương Ứng Trí Vô Dẫn.

Có nghĩa là Tâm sinh khởi một cách mau lẹ (không có sự dẫn dụ), và có sự phối hợp với Trí Tuệ, cùng với sự thản nhiên.

Ví dụ như một em bé mau lẹ đánh lễ và cúng dường vật thực đến Thầy Tỳ Khuru, một cách thản nhiên cùng với sự hiểu biết của việc làm thiện này.

6/ *Upekkhāsahagatam ñāṇasampayuttam sasaṅkhārikam:* Câu Hành Xả Tương Ứng Trí Hữu Dẫn.

Có nghĩa là Tâm sinh khởi có sự dẫn dụ, và phối hợp với Trí Tuệ cùng với sự thản nhiên.

Ví dụ như theo lời dạy của Mẹ, một em bé đánh lễ và cúng dường vật thực đến Thầy Tỳ Khuru, một cách thản nhiên cùng với sự hiểu biết của việc làm thiện này.

7/ *Upekkhāsahagatam ñāṇavippayuttam asaṅkhārikam:* Câu Hành Xả Bất Tương Ứng Trí Vô Dẫn.

Có nghĩa là Tâm sinh khởi một cách mau lẹ (không có sự dẫn dụ), và không có sự kết hợp với trí Tuệ, cùng với sự thần nhiên.

Ví dụ như một em bé mau lẹ đánh lễ và cúng dường vật thực đến Thầy Tỳ Khuru, một cách thần nhiên và không có sự hiểu biết của sự việc làm thiện này.

8/ Upekkhāsahagatam ñāṇavippayuttam sasaṅkhārikam: Câu Hành Xả Bất Tương Ứng Trí Hữu Dẫn.

Có nghĩa là Tâm sinh khởi có sự dẫn dụ, không có sự kết hợp với Trí Tuệ, cùng với sự thần nhiên.

Ví dụ như theo lời dạy của Mẹ, một em bé đánh lễ và cúng dường vật thực đến Thầy Tỳ Khuru, một cách thần nhiên và không có sự hiểu biết của sự việc làm thiện này.

* Lời dịch trong từ ngữ “*Ñāṇasampayuttam – Tương Ứng Trí*” là Tâm Tương Ứng (phối hợp với) Trí Tuệ, là sự tri thức sáng suốt.

* Lời dịch trong từ ngữ “*Ñāṇavippayuttam – Bất Tương Ứng Trí*” là Tâm không phối hợp với Trí Tuệ, là sự bất tri thức.

Như vậy, 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo gồm có: 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Quả (Hữu Nhân), 8 Tâm Đại Duy Tác (thuộc Dục Giới), phân biệt nhau theo phần Thọ, Phối Hợp, và Dẫn Dụ.

Tóm lược, ở trong phần Tâm Dục Giới thì có được 54 Tâm, gồm có: hai mươi ba thể loại Tâm Quả (gồm 15 Tâm Dị Thục Quả Vô Nhân + 8 Tâm Đại Quả Hữu Nhân), hai mươi Tâm Bất Thiện và Tâm Thiện (gồm 12 Tâm Bất Thiện + 8 Tâm Đại Thiện), và mười một Tâm Duy Tác (gồm 3 Tâm Duy Tác Vô Nhân + 8 Tâm Đại Duy Tác).

Chú giải:

1/ Từ ngữ “*Sobhaṇa – Tịnh Hảo*” liên hệ với những căn Thiện hoặc những Tâm Sở Tịnh Hảo; như Xả Thí, Từ Ái, Trí Tuệ, và tác hành những đức tánh tốt đẹp.

2/ Từ ngữ “*Hetuka – Hữu Nhân*” có nghĩa là liên hệ với hai Nhân Tương Ứng (*Alobha – Vô Tham, Xả Thí*) và (*Adosa – Vô Sân, Từ Ái*) hoặc ba Nhân Tương Ứng (*Alobha – Vô Tham, Adosa – Vô Sân, và Amoha – Vô Si, Trí Tuệ*).

Trong 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo (*Kāṃāvacarasobhaṇacitta*) thì có 12 Tâm liên hệ với hai Nhân Tương Ứng (Vô Tham, Vô Sân), và có 12 Tâm liên hệ với ba Nhân Tương Ứng (Vô Tham, Vô Sân và Vô Si).

3/ Từ ngữ “*Ñāṇa – Trí*” có nghĩa là minh mẫn sáng suốt, hoặc tri kiến, thấu triệt. Đối nghịch với từ ngữ “*Moha – Si mê*” mê mờ, lầm lạc.

4/ Từ ngữ “*Asaṅkhārika – Vô Dẫn*” có nghĩa là một hành động tốt (hoặc xấu) một cách mau lẹ, hồn nhiên, không suy nghĩ hay bàn tính trước, không có sự xúi giục, xui khiến, sai bảo, từ bên trong hay bên ngoài; mà do sự thích ứng điều kiện

vật chất và tinh thần; do điều kiện vật thực, hay khí hậu, v.v., là **kết quả** của những hành động tương tự đã có trong Quá Khứ (một thói quen đã từng có, một phản ứng tự nhiên).

Ghi chú: Cũng cần nên hiểu biết và lưu ý rằng, tất cả những hành động Thiện đều do một trong tám Tâm Đại Thiện. Và kết quả trở sinh tương ứng với tám Tâm Đại Quả Hữu Nhân, và cùng với tám Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân (*Ahetuka Kusala Vipāka Citta*).

Như vậy, có mười sáu Tâm Dị Thục Quả (*Vipākacitta*) tương ứng với tám Tâm Đại Thiện (*Mahākusalacitta*). Trong lúc ấy, tất cả những hành động Bất Thiện đều do một trong mười hai Tâm Bất Thiện. Và kết quả trở sinh chỉ tương ứng với bảy Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện Vô Nhân (*Ahetuka Akusala Vipāka Citta*).

Chư Phật và chư vị Alahán cũng có tất cả hai mươi ba loại Tâm Quả (7 Tâm Quả Bất Thiện Vô Nhân, 8 Tâm Quả Thiện Vô Nhân và 8 Tâm Đại Quả), bởi vì các Ngài còn phải gặt lấy những quả xấu hay tốt của Nghiệp đã gieo trong Quá Khứ, mãi cho đến ngày mà các Ngài Viên Tịch Níp Bàn (*Vô Dư Y Níp Bàn*).

Tuy nhiên, các Ngài không có tám loại Tâm Đại Thiện, bởi vì các Ngài không còn tạo tác các Nghiệp mới, bởi vì các Ngài đã tận diệt mọi thăng thục trôi buộc vào vòng sanh tử luân hồi.

Trong khoảng thời gian còn lại của kiếp sống hiện tại (*Hữu Dư Y Níp Bàn*), thì các Ngài **chỉ có những Tâm Duy Tác** (*Kiriyacitta*, Tâm hành động nhưng không để lại kết quả hành động, không tạo tác và tích trữ Nghiệp mới).

Còn với những hàng Phạm Nhân và Chư Thánh ba bậc thấp (Thất Lai, Nhất Lai, và Bất Lai) thì vẫn có tám Tâm Đại Thiện trong đời sống bình nhật.

B. Tám Tâm Đại Quả, và C. Tám Tâm Đại Duy Tác thì với Phần Pālī cũng tương tự với tám Tâm Đại Thiện với mọi trường hợp.

15 TÂM SẮC GIỚI (RŪPĀVACARACITTA 15)

1/ *Vitakkavicārapītisukha ekaggatāsaḥitaṃ paṭhamajjhāna kusalacittaṃ vipākacittaṃ kriyacittaṃ* – Tâm Thiện Sơ Thiền, Tâm Dị Thục Quả, Tâm Duy Tác câu hành Tâm, Tứ, Hỷ, Lạc, Nhứt Thống.

Có nghĩa là một Tâm Sơ Thiền, một Tâm Dị Thục Quả, một Tâm Duy Tác cùng câu sinh với năm chi Thiền, là Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Nhứt Thống.

2/ *Vicārapītisukha ekaggatāsaḥitaṃ dutiyajjhāna kusalacittaṃ vipākacittaṃ kriyacittaṃ* – Tâm Thiện Nhị Thiền, Tâm Dị Thục Quả, Tâm Duy Tác câu hành Tứ, Hỷ, Lạc, Nhứt Thống.

Có nghĩa là một Tâm Thiện Nhị Thiên, một Tâm Dị Thục Quả, một Tâm Duy Tác cùng câu sinh với bốn chi Thiên, là Tứ, Hỷ, Lạc, Nhứt Thống.

3/ *Pītisukha ekaggatāsaṅgataṃ tatiyajjhāna kusalacittam vipākacittam kriyacittam* – Tâm Thiện Tam Thiên, Tâm Dị Thục Quả, Tâm Duy Tác câu hành Hỷ, Lạc, Nhứt Thống.

Có nghĩa là một Tâm Thiện Tam Thiên, một Tâm Dị Thục Quả, một Tâm Duy Tác cùng câu sinh với ba chi Thiên, là Hỷ, Lạc, Nhứt Thống.

4/ *Sukha ekaggatāsaṅgataṃ catutthajjhāna kusalacittam vipākacittam kriyacittam* – Tâm Thiện Tứ Thiên, Tâm Dị Thục Quả, Tâm Duy Tác câu hành Lạc, Nhứt Thống.

Có nghĩa là một Tâm Thiện Tứ Thiên, một Tâm Dị Thục Quả, một Tâm Duy Tác cùng câu sinh với hai chi Thiên, là Lạc, Nhứt Thống.

5/ *Upekkhā ekaggatāsaṅgataṃ pañcamajjhāna kusalacittam vipākacittam kriyacittam* – Tâm Thiện Ngũ Thiên, Tâm Dị Thục Quả, Tâm Duy Tác câu hành Xả, Nhứt Thống.

Có nghĩa là một Tâm Thiện Ngũ Thiên, một Tâm Dị Thục Quả, một Tâm Duy Tác cùng câu sinh với hai Chi Thiên, là Xả, Nhứt Thống.

Chú Giải: Từ ngữ “*Rūpāvacara*” – thuộc Cõi Sắc Giới.

Trong Phật Giáo, thế gian (*Loka*) tồn tại ba Cõi Giới, đó là: “*Kāmaloka* – Dục Giới”, “*Rūpaloka* – Sắc Giới”, và “*Arūpaloka* – Vô Sắc Giới”.

Trong Dục Giới có 11 Cõi, đó là: bốn Cõi Thống Khổ (*Apāya*), một Cõi Nhân Loại (*Manussa*), và sáu Cõi Thiên Giới (*Devaloka*). Với 11 Cõi Dục Giới này, thì Ái Dục chiếm phần quan trọng và đa phần chi phối trong từng Cõi Giới.

Trong bốn Cõi Thống Khổ, còn được gọi là “*Duggati* – Khổ Thú”, là những Cõi mà chúng sinh ở sống trong đó có rất nhiều đau khổ, sinh hoạt trong trạng thái khốn khổ, do bởi Bất Thiện Nghiệp dẫn dắt tái tục vào.

Với Cõi Nhân Loại và 6 Cõi Thiên Dục Giới, còn được gọi là “*Sugati* – Thiện Thú”, là những Cõi mà chúng sanh sống thụ hưởng nhiều dục lạc, do bởi Thiện Nghiệp dẫn dắt.

Với hạng người mong cầu được tiến hóa, không còn tìm thích thú trong những dục lạc tầm thường, và chỉ vui thích trong những sự phát triển tâm linh cao thượng thù thắng, mong mỗi được tái tục vào những Cõi Giới thích đáng, phù hợp với nguyện vọng thanh cao và chí thượng. Ngay khi còn ở trong Cõi Nhân Loại, những bậc Hiền Triết đã từ bỏ mọi lạc thú, tiến tu (*Bhāvanā*) thúc liễm Thân Tâm theo hai phương hướng:

(1) ***Samatha* – Thiền An Chỉ** (có nghĩa là tĩnh lặng, hay an tịnh, và với phương cách này để trau dồi và thành đạt các tầng Thiền Na – *Jhāna*, qua đó, hành giả có thể phát triển những năng lực thần thông do bởi Thắng Trí - *Abhiññā*),

(2) *Vipassanā – Thiền Minh Sát* (quán chiếu thấy đúng Chân Như Thực Tướng tất cả các Pháp, chứng ngộ Đạo Quả và Níp Bàn).

Các Bậc Hiền Trí, một khi đã chứng đắc các tầng Thiền thuộc Cõi Sắc Giới, và không hoại Thiền khi cận tử, được tái tục vào Cõi Sắc Giới, với những hình thể vật chất vô cùng vi tế (Sắc Tế).

Và như thế, những Tâm thường luôn du hành và sinh hoạt ở trong Cõi Sắc Giới (*Rūpaloka*), được gọi là Tâm Sắc Giới (*Rūpāvacaracitta*).

Có tất cả mười lăm Tâm Sắc Giới, như sau:

- Năm Tâm Thiện Sắc Giới mà hành giả có thể trau dồi và phát triển ngay trong kiếp hiện tại này,
- Năm Tâm Dị Thục Quả Sắc Giới tương ứng với năm Tâm Thiện Sắc Giới mà hành giả sẽ thụ hưởng sau khi mệnh chung,
- Năm Tâm Duy Tác Sắc Giới chỉ hiện hành với Đức Phật và chư vị Alahán ngay trong kiếp sống này.

Chú Giải: Từ ngữ “*Jhāna – Thiền Na*”.

Danh từ Pālī này xuất nguyên từ ngữ căn “*jhe – suy gẫm, chú mục*”.

Theo Trưởng Lão *Buddhaghosa (Giác Âm)*, có lời giải thích về “*Jhāna – Thiền Na*” như sau: “*Ārammaṃ’upanijjhānato paccanīkajhāpanato vā jhānaṃ*”- Gọi là Thiền Na, bởi do đặc tính là chăm chú, bám sát suy gẫm vào đối tượng, hoặc bởi do đặc tính là thiêu đốt các Pháp Triền Cái (*Nīvaraṇa*), những chướng ngại tinh thần.

Như vậy, *Jhāna* là dụng Tâm chăm chú khấn khít mạnh mẽ vào một đối tượng, và cùng một lúc thiêu hủy những Pháp Triền Cái.

Có tất cả bốn mươi đề mục tu tập Thiền An Chỉ, chia ra làm bảy phần, tùy thích hợp theo tâm tánh của mỗi hành giả, như sau:

- 1/ Đề mục Hoàn Tĩnh (*Kasiṇa – có 10*).
- 2/ Đề mục Bất Tĩnh (*Āsubha – có 10*).
- 3/ Đề mục Tùy Niệm (*Anussati – có 10*).
- 4/ Đề mục Vô Lượng (*Appamaññā – có 4*).
- 5/ Đề mục Tưởng (*Saññā – có 1*).
- 6/ Đề mục Phân Tích (*Vavatthāna – có 1*).
- 7/ Đề mục Vô Sắc (*Arūpa – có 4*).

Giải thích chi tiết lần lượt các đề mục tu tập Thiền An Chỉ:

1/ Mười đề mục Hoàn Tĩnh (*Kasiṇa*) gồm có: Đất (*Paṭhavī*), Nước (*Āpo*), Lửa (*Tejo*), Gió (*Vāyo*), Xanh (*Nīla*), Vàng (*Pīta*), Đỏ (*Lohita*), Trắng (*Odāta*), Hư Không (*Ākāsa*), Ánh Sáng (*Āloka*).

Với mười đề mục Hoàn Tĩnh này có khả năng đưa hành giả đến Nhập Định (*Appanāsamādhī*).

2/ Mười đề mục Bất Tĩnh (*Āsubha*) gồm có:

- Bành Trướng Tướng (*Uddhumātaka*): tử thi sinh trướng lên.
- Thanh Trướng Tướng (*Vinīlaka*): tử thi sinh lên và có màu xanh.
- Nồng Lạn Tướng (*Vipubbaka*): tử thi tan rã và có nước chảy ra.
- Đoạn Hoại Tướng (*Vicchiddaka*): tử thi đứt lìa ra nhiều đoạn.
- Thực Hám Tướng (*Vikkhāyitaka*): tử thi bị thú ăn đực khoét.
- Tán Loạn Tướng (*Vikkhitaka*): tử thi bị đứt lìa ra từng đoạn.
- Chiết Đoạn Tướng (*Hatavikkhitaka*): tử thi bị rời rạc, vung vãi, tản mát.
- Huyết Đồ Tướng (*Lohitaka*): tử thi đầm đầy máu.
- Trùng Tụ Tướng (*Pulavaka*): tử thi bị dòi tửa đục tan.
- Hài Cốt Tướng (*Atthika*): tử thi chỉ còn một bộ xương trắng rời rã.

Ở nước Ấn Độ xưa kia, thi tử thi không được đem đi chôn cất hoặc hỏa thiêu, mà chỉ đem vứt liệng bỏ ngoài nghĩa địa, để cho chim muông và thú rừng đến ăn rút rĩa tử thi. Do đó có mười loại tử thi để làm đề mục hành thiền, thích hợp với hành giả có tâm nặng về ái dục. Hành giả đi tới nghĩa địa, nhìn vào những tử thi đang sinh thúi hoặc tan rã, để suy niệm về tánh cách bất tịnh của tử thi mà thể thường được xem là xinh xắn, đáng yêu thương. Thế nhưng, ngày nay phương thức ấy đã không còn nữa.

Như vậy, mười đề mục Bất Tĩnh không còn áp dụng phổ biến đến hành giả.

3/ Mười đề mục Tùy Niệm (*Anussati*): gồm có: Phật Tùy Niệm (*Buddhānussati*), Pháp Tùy Niệm (*Dhammānussati*), Tăng Tùy Niệm (*Saṅghānussati*), Giới Tùy Niệm (*Sīlānussati*), Thí Tùy Niệm (*Cāgānussati*), Thiên Tùy Niệm (*Devatānussati*), Tịch Tĩnh Tùy Niệm (*Upasamānussati*), Tử Tùy Niệm (*Maraṇānussati*), Thân Hành Tùy Niệm (*Kāyagatāsati*), và Sở Túc Niệm (*Ānāpānasati*).

Với mười đề mục Tùy Niệm này, ngoài trừ hai đề mục là Thân Hành Tùy Niệm và Sở Túc Niệm có khả năng đưa hành giả đến Nhập Định; còn tám đề mục còn lại chỉ đưa hành giả đến Cận Định (*Upacārasamādhī*).

4/ Bốn đề mục Phạm Trú (*Brahmavihāra*): gồm có: Từ Ái (*Mettā*), Bi Mẫn (*Karūṇā*), Tùy Hỷ (*Muditā*), Hành Xả (*Upekkhā*). Còn được gọi là “*Appamaññā – Vô Lượng*”, bởi do những đề mục này, hành giả tu tập truyền rải tư tưởng đến tất cả chúng sanh, không giới hạn, không có sự ngăn cách và vô hạn định. Với đề mục Từ Ái, hành giả lánh xa sự sân hận, oán ghét (*Kodha* – kẻ thù trực tiếp), và tình thương cá nhân vị kỷ (*Pema* – kẻ thù gián tiếp). Từ Ái bao trùm tất cả chúng sanh, không phân biệt, và tự đồng hóa với tất cả chúng sanh, với lòng chân thành mong mỗi chúng sanh đều được an vui hạnh phúc.

Với đề mục Bi Mẫn, hành giả lánh xa sự chủ yếu hãm hại người (*Vihimsā – Oán Độc* là kẻ thù trực tiếp), và sự âu sầu phiền muộn (*Domanassa – Ưu Thọ* là kẻ thù gián tiếp).

Với Bi Mẫn bao trùm những chúng sanh đau khổ, rung động trước sự đau khổ của chúng sanh, mong mỗi cứu giúp người thoát khỏi mọi đau khổ, và diệt trừ những hành động hung bạo tàn ác.

Với đề mục Tùy Hỷ, hành giả lánh xa sự ganh tỵ tật đố với tài sản công đức và thiện công đức của người (*Issā – Tật Đố* là kẻ thù trực tiếp), và sự hoan hỷ hình thức (*Pahāsa – Ngụ Lạc* là kẻ thù gián tiếp).

Đặc điểm chánh yếu của Tùy Hỷ là hoan hỷ, vui theo với tài sản công đức và thiện công đức của người (*Anumodanā*), và loại trừ mọi hình thức bất hỷ (*Arati*) trước sự thịnh vượng của người khác.

Với đề mục Hành Xả, hành giả rèn luyện tâm vô tư “không luyện ái cũng không ghét bỏ”, lánh xa sự dính mắc luyện ái (*Rāga – kẻ thù trực tiếp*) và thái độ lạnh lùng, lãnh đạm, vô tình (kẻ thù gián tiếp). Hành giả giữ tâm quân bình, và không chao động trước những thăng trầm của Bát Phong Pháp.

Với ba đề mục đầu tiên của Tứ Phạm Trú, là Từ Ái, Bi Mẫn và Tùy Hỷ, có khả năng giúp hành giả đắc chứng từ Sơ Thiền đến Tứ Thiền (thể theo *Abhidhamma*), và Hành Xả giúp hành giả chứng đắc tầng Ngũ Thiền.

5/ Một đề mục Tượng Vật Thực Uế Trước (*Āhāre patikkūlasaññā*): hành giả suy niệm về tánh cách ô trược của vật thực, về cách thức đi tìm vật thực, v.v, về việc thọ thực, v.v.

6/ Một đề mục Phân Biệt (*Catudhātuvavatthānam*): hành giả quán trạch, xem xét tìm hiểu về những đặc tính của Tứ Đại, bốn nguyên tố cấu thành vật chất (đất, nước, lửa, gió) trong sắc thân một cách rõ ràng theo từng loại, như sau:

- **Thành phần Đất (*Paṭhavī*) có hai đặc tính:** cứng và mềm, gồm có 20 thứ: tóc, lông, móng răng, da, thịt, gân, xương tủy, thận, tim, gan, óc, phổi, dạ dày, màng ruột, ruột già, ruột non, vật thực, phân.
- **Thành phần Nước (*Āpo*) có hai đặc tính:** chảy loang ra và quén tụ lại, gồm có 12 thứ: mật, đàm, mủ, máu, nước mắt, mồ hôi, chất dầu da, nước miếng, nước mũi, nước nhót và nước tiểu.
- **Thành phần Lửa (*Tejo*) có hai đặc tính:** nóng và lạnh, gồm có 4 thứ: lửa làm cho ấm thân, lửa làm cho thân khô khan, lửa làm cho thân nóng ran, lửa làm cho tiêu hóa vật thực.
- **Thành phần Gió (*Vāyo*) có hai đặc tính:** căng phồng và lay động, gồm có 6 thứ: gió thổi hơi lên, gió thổi hơi xuống, gió trong ruột, gió ngoài ruột, gió làm chuyển động thân, gió theo hơi thở vô ra.

7/ Bốn đề mục Vô Sắc (Arūpa): hành giả tu tập trong những tầng Thiền Vô Sắc, những đề mục hoàn toàn không còn Sắc Pháp, đặc biệt dành riêng cho những hành giả sau khi đã chứng đắc được tầng Tứ Thiền, gồm có:

- Không Vô Biên Xứ (*Ākāśañāñcāyatana*).
- Thức Vô Biên Xứ (*Viññāṇañcāyatana*).
- Vô Sở Hữu Xứ (*Ākiñcaññāyatana*).
- Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ (*Nevasaññānāsaññāyatana*).

Như vậy, có tất cả bốn mươi đề mục tu tập Thiền Chỉ, đã được trình bày như trên. Tuy nhiên, với 40 đề mục này còn tùy thích hợp với sáu loại tâm tánh của hành giả. Từ ngữ “*Carita – Tâm Tánh*” là bản chất cố hữu của con người, và mỗi người có tâm tánh khác nhau vì trong Quá Khứ, mỗi người đã có những hành động tạo tác Nghiệp Lực sai biệt nhau. Những hành động đã thường lặp đi lặp lại, từ đó có chiều hướng hình thành nên bản tánh từng cá nhân.

Và có tất cả sáu thể loại tâm tánh như sau:

- *Tánh Ái Tình (Rāgacarita)*: nặng về ái luyến, dính mắc vào lục trần.
- *Tánh Sân Hận (Dosacarita)*: nặng về sân hận, nóng giận, hay ác tâm.
- *Tánh Si Mê (Mohacarita)*: nặng về si mê, chậm chạp, lầm lạc.
- *Tánh Đức Tin (Saddhācarita)*: nặng về đức tin, nhạy cảm tin tưởng một cách mau lẹ, có vài hành giả có tâm đạo đặc biệt nhiệt thành.
- *Tánh Tâm (Vitakkacarita)*: nặng về truy tầm, tìm kiếm, có tâm tánh rời rạc, không mạch lạc.
- *Tánh Giác (Buddhacarita)*: nặng về suy gẫm sáng suốt, có đặc tính thông minh sắc bén lạ thường.

Những đề mục tu tập Thiền An Chỉ thích hợp với các loại tâm tính sai biệt nhau:

- Có mười đề mục Bất Tịnh (*Asubhā*) và Thân Hành Tùy Niệm (*Kāyagatāsati*) là thích hợp với hành giả nặng về tánh Ái Tình.
- Có bốn đề mục Phạm Trú (*Brahmavihāra – Từ, Bi, Hỷ, Xả*) và bốn đề mục Hoàn Tịnh (*Kasīna: Xanh, Vàng, Đỏ, Trắng*) là thích hợp với hành giả nặng về tánh Sân Hận.
- Với đề mục Sở Tức Niệm (*Ānāpānasati*) là thích hợp với hành giả nặng về tánh Si Mê và tánh Tâm.
- Có sáu loại đề mục Tùy Niệm (*Anussati: Phật, Pháp, Tăng, Giới, Thí, Thiên*) thích hợp với hành giả nặng về tánh Đức Tin.
- Với đề mục Từ Tùy Niệm (*Maraṇānussati*), đề mục Tịch Tịnh Tùy Niệm (*Upasamānussati*), đề mục Phân Biệt (*Vavatthāna*) và đề mục Tưởng Vật Thục Uế Trược (*Patikkūlasaññā*) thích hợp với hành giả nặng về tánh Giác.

Và tất cả những đề mục tu tập còn lại (Đất, Nước, Lửa, Gió, Hư Không, Ánh Sáng, và đề mục Vô Sắc) thì thích hợp với tất cả mọi tánh tình.

Cũng cần nên biết, về những đề mục **Kasina** – *Hoàn Tĩnh*, hành giả nặng về tánh Tâm thì thường tạo hình tướng nhỏ thích ứng; tuy nhiên, hành giả lại nặng về tánh Si thì thường tạo hình tướng to lớn thích hợp.

Tóm lại, những tầng Thiền được chứng đắc thích hợp với những đề mục thích ứng.

Tất cả bốn mươi đề mục tu tập kể trên, đều có khả năng đưa hành giả đạt đến giai đoạn sơ khởi của các tầng Thiền thích hợp.

Với mười đề mục, có tám đề mục Tùy Niệm (ngoài trừ Thân Hành Tùy Niệm và Sở Túc Tùy Niệm), đề mục Tưởng Vật Thực Uế Trược và đề mục Phân Biệt, chỉ có khả năng đưa hành giả đến **giai đoạn Cận Định**, không đưa đến giai đoạn Nhập Định. Với mười đề mục **Kasina** – *Hoàn Tĩnh*, và đề mục Sở Túc Niệm, thì có khả năng đưa hành giả đạt đến Ngũ Thiền.

Với mười đề mục **Āsubha** – *Bất Tĩnh*, và đề mục Thân Hành Tùy Niệm, có khả năng đưa hành giả đạt đến Sơ Thiền.

Với ba đề mục đầu tiên của **Brahmavihāra** – *Phạm Trú* (là Từ, Bi, Hỷ) có khả năng đưa hành giả đạt đến Tứ Thiền, và đề mục Hành Xả lại có khả năng đưa hành giả đến Ngũ Thiền.

Như vậy có đến hai mươi sáu đề mục tu tập Thiền Chỉ đưa hành giả chứng đạt các tầng Thiền Sắc Giới. Và bốn đề mục Vô Sắc đưa hành giả chứng đạt các tầng Thiền Vô Sắc Giới.

Trình bày giản lược tiến trình tu tập Thiền An Chỉ:

Quá trình tu tập Thiền An Chỉ được diễn tiến theo ba giai đoạn, đó là:

- (1) **Parikammabhāvanā** – *Chuẩn Bị Tu Tập*,
- (2) **Upacārabhāvanā** – *Cận Hành Tu Tập*,
- (3) **vā Appanābhāvanā** – *Nhập Định Tu Tập*”

thì thường có “**Kammatthāna** – *Nghiệp Xứ*” làm Cảnh, thường sinh khởi với “**Viramitabbavatthu** – *Đề mục vật tự chế*”, không chủ yếu sinh khởi với năng lực diệt trừ Ác Hạnh, thuần túy chỉ gom tâm an trụ vào Nghiệp Xứ mà thôi.

Tiếp theo, tu tập Thiền An Chỉ cũng được diễn tiến tuần tự theo ba giai đoạn, đó là:

- (1) **Parikammasamādhī** – *Chuẩn Bị Định với Parikamma Nimitta* – *Chuẩn Bị Tưởng*”
- (2) **Upacārasamādhī** – *Cận Hành Định với Uggaha Nimitta* – *Cận Hành Tưởng*” và

(3) *Appanāsamādhī* – Nhập Định được trải qua với *Patibhāga Nimitta* – Quang Tướng”.

Với “*Parikamma Nimitta* – Chuẩn Bị Tướng”, hành giả chọn lấy đề mục thích hợp với tâm tánh.

Đây là giai đoạn sơ khởi, chuẩn bị tu tập với *Chuẩn Bị Tướng*.

Hành giả chuyên chú gom tâm vào đề mục này cho đến khi tâm hoàn toàn an trú vào đó, tất cả mọi tạp niệm vọng tưởng, quả nhiên, phải được loại trừ ra khỏi tâm niệm. Với một thời gian tu tập, hành giả sẽ tiến đến một giai đoạn kế tiếp, là đầu mắt đang nhắm kín, cũng có thể hình dung đến *Chuẩn Bị Tướng* trong tâm trí, giai đoạn này đạt đến “*Uggaha Nimitta* - Cận Hành Tướng”.

Không để gián đoạn, hành giả chuyên trì gom tâm vào *Cận Hành Tướng*, mãi cho đến phát triển giai đoạn “*Patibhāga Nimitta* – Quang Tướng”.

Nêu lên thí dụ dẫn chứng: Với đề mục “*Paṭhavi Kasiṇa* – Đề mục Đất”.

Hành giả dùng đất sét tạo ra một mặt tròn độ ba tấc đường kính, cạo gọt trơn bén, tô mặt láng và đều đặn.

Mặt tròn này được gọi là “*Parikamma Nimitta*”- *Chuẩn Bị Tướng*, đề mục sơ khởi. Đặt đề mục này cách chỗ ngồi khoảng độ một thước, hành giả chăm chú gom tâm vào đề mục với sự niệm thầm trong tâm “*Paṭhavi* – đất, *Paṭhavi* – đất”, trong chánh niệm gom tâm an trú vào đề mục.

Với thời gian tu tập, có thể là một ngày, một tuần, v.v, hành giả đạt đến giai đoạn cho dù nhắm kín mắt lại, vẫn hình dung được vòng tròn *Kasiṇa*, đây gọi là giai đoạn “*Uggaha Nimitta*”- *Cận Hành Tướng*, hình ảnh của *Chuẩn Bị Tướng* luôn hiện hữu và không rời xa trong tâm trí.

Hành giả tiếp tục tiến tu với *Cận Hành Tướng* cho đạt đến một giai đoạn của “*Patibhāga Nimitta*”- *Quang Tướng*.

+ Sự khác biệt giữa *Uggaha Nimitta* và *Patibhāga Nimitta*, là với *Cận Hành Tướng* thì hành giả còn nhìn thấy những khuyết điểm của đề mục, như là lỗi lõm, gồ ghề, v.v., tuy nhiên với *Quang Tướng* thì hành giả chỉ còn nhìn thấy một trạng thái bóng láng và trong suốt của đề mục, không còn thấy hình dáng và màu sắc, chỉ còn là một hình thức phát hiện và khởi sanh do tri giác.

Nỗ lực kiên trì chuyên chú gom tâm vào *Quang Tướng*, hành giả đạt đến giai đoạn của “*Upacāra Samādhī* – Cận Định” và lúc bấy giờ năm Pháp Triền Cái (*Nīvaraṇa* – năm chướng ngại luôn cản trở của tinh thần, gồm có:

- (1) *Kāmachanda* – Tham Dục,
- (2) *Patigha* – Oán Hận,
- (3) *Thīna* – *Middha* – Hôn Trầm Thụy Miên,
- (4) *Uddhacca* – *Kukkucca* – Trạo Hối, và

(5) *Vicikicchā* – Hoài Nghi, tạm thời được chế ngự khắc phục.

Không ngừng gia công tu tập, cuối cùng, hành giả đạt đến giai đoạn “*Appanā Samādhi* – Nhập Định”, và chứng đắc tầng Thiền Na (*Jhāna*), thụ hưởng một trạng thái Tâm an trụ và tĩnh lặng (Tâm và đề mục hợp thành một).

Trình bày diễn tiến Lộ Trình Sơ Khởi Thiền của Độn Căn hành giả.

Tiến trình tu tập Thiền Chỉ dẫn đến Nhập Định được trình bày theo Lộ Trình Tâm (tiến trình tư tưởng) như sau:

- *Bhavaṅga* – Hữu Phần,
- *Bhavaṅgacalana* – Hữu Phần Rúng Động,
- *Bhavaṅgupaccheda* – Hữu Phần Dứt Dòng,
- *Manodvārāvajjana* – Khai Ý Môn,
- *Parikamma* – Chuẩn Bị,
- *Upacāra* – Cận Hành,
- *Anuloma* – Thuận Tùng,
- *Gotrabhū* – Chuyển Tộc,
- *Appanā*– Nhập Định. (theo người “*Mandapannadandābhinnāpuggala*” – Độn Tuệ Nọa Trí (Độn Căn).

Tuy nhiên với người “*Tikkhapannabhippābhinnāpuggala*” – Lợi Tuệ Cấp Trí (Lợi Căn) thì không có sát na Tâm *Parikamma* – Chuẩn Bị.

Hành giả tiền tu *An Chỉ Nghiệp Xứ* có *Địa Biến Xứ*, v.v, khi gần sắp đến chứng đắc Thiền Na, thì bất luận một loại “*Paññattipatibhāganimitta* – Quang Tướng Chế Định” nào mà hành giả đã có được tiền tu và hiện bày theo Lộ Ý Môn, do đó Tâm Hữu Phần sanh khởi hai sát na, gọi tên là Hữu Phần Rúng Động, và Hữu Phần Dứt Dòng rồi diệt.

Tiếp nối theo, là một sát na Tâm Khai Ý Môn sinh khởi tiếp thu Quang Tướng Chế Định rồi diệt.

Tuần tự bất luận một trong những Đồng Lực Đại Thiện Tương Ứng Trí hoặc Đồng Lực Duy Tác Tương Ứng Trí sanh khởi bốn sát na (người Độn Căn) hoặc ba sát na (người Lợi Căn) tiếp thu Quang Tướng Chế Định ở các vị trí như sau:

- *Parikamma* – Chuẩn Bị,
- *Upacāra* – Cận Hành,
- *Anulomā* – Thuận Tùng,
- *Gotrabhū* – Chuyển Tộc, rồi cũng diệt mất.

Tiếp theo, là *Jhānakusala* – Thiện Thiền hoặc *Jhānakiriya* – Duy Tác Thiền, sinh khởi một sát na tiếp thu Quang Tướng Chế Định, được gọi tên là “*Appanāsamadhijavana* – Đồng Lực Kiên Cố Định” rồi cũng diệt.

Kế tiếp, Tâm Hữu Phần lại tiếp tục sanh khởi, sau đó là Lộ Trình Ý Môn có Đồng Lực Đại Thiện hay Đồng Lực Đại Duy Tác thường sanh khởi làm nhiệm vụ ở vị trí là “*Paccavekkhanavithī* – Lộ Trình Phán Kháng” là quán sát chi Thiện có Tâm, v.v., sanh khởi nhiều vòng Lộ Trình Tâm vừa theo thích hợp.

Tiếp theo, trình bày diễn tiến sanh khởi Lộ Trình Nhập Thiện của Độn Căn hành giả.

Người phúc lộc Thiện trước khi nhập Định có được lập tâm kỳ nguyện rằng Sơ Thiện (hoặc Nhị Thiện, Tam Thiện, v.v., tùy theo sự sở nguyện) mà tôi đã có được chứng đắc, xin hãy phát sanh đến với tôi suốt thời gian một giờ đồng hồ (hoặc hai hay ba giờ tùy theo mong cầu) rồi thì thẩm thị *Quang Tướng* của Nghiệp Xứ đó cùng với sát na “*Chuẩn Bị*” rằng “*Paṭhavī – Địa, Paṭhavī – Địa*”, v.v., hoặc “*Tejo – Hỏa, Tejo – Hỏa*”, v.v., hoặc “*Sabbe sattā pānā averā hontu* – Tất cả chúng sanh hữu tình đừng có oan trái lẫn nhau” hoặc “*Uddhumātakamvirūlakam* – Sinh chướng lên xanh sẫm đen (thuộc *Āsubhasaññā* – Tưởng Bất Tịnh) v.v., tùy theo Nghiệp Xứ mà bản thân đã dùng tiên tu; trước khi Tâm Thiện sẽ sanh khởi thì có hai sát na Tâm Hữu Phần chuyển động sanh khởi, được gọi tên là Hữu Phần Rúng Động, và Hữu Phần Dứt Dòng rồi diệt mất.

Tiếp nối, Tâm Khai Ý Môn sanh khởi tiếp thấu cảnh *Quang Tướng* rồi cũng diệt. Tuân tự, bất luận một trong những Tâm Đồng Lực Đại Thiện Tương Ứng Trí hay Tâm Đồng Lực Đại Duy Tác Tương Ứng Trí sinh khởi bốn sát na (theo người Độn Căn) hay ba sát na (theo người Lợi Căn) tiếp thấu *Quang Tướng* ở các vị trí *Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Tùng, Chuyển Tộc* (hoặc là *Cận Hành, Thuận Tùng, Chuyển Tộc*) rồi cũng diệt mất. Sau đó thì, vô số Tâm Thiện sinh khởi liên tục suốt thời gian mà đã có kỳ nguyện, khi tròn đủ hạn định thời gian theo như đã có kỳ nguyện ấn định, rồi thì Tâm Hữu Phần lại sinh khởi, theo sau là Lộ Trình Phán Kháng sanh khởi vừa theo thích hợp.

Ghi chú:

- 1/ *Parikamma* – *Chuẩn Bị*: là sát na chuẩn bị, hay sơ khởi.
- 2/ *Upacāra* – *Cận Hành*: là sát na gần kề, cận định, bởi vì nó đến kề cận bên trạng thái nhập định
- 3/ *Anuloma* – *Thuận Tùng*: là sát na khởi sanh tương hợp thuận chiều, và hội đủ điều kiện để cuối cùng đạt đến nhập định (*Appanā*).
- 4/ *Gotrabhū* – *Chuyển Tộc*: là sát na tâm vượt thoát khỏi phạm vi Dục Giới. Từ ngữ “*Gotrabhū*” với nghĩa “*Gotra* – huyết thống phàm phu” và “*bhū* – làm việc chế ngự”.

Tất cả những sát na tâm của dòng Tâm Đồng Lực, kể từ phát khởi cho đến sát na Chuyển Tộc, đều thuộc Dục Giới. Ngay sau đó, thì một sát na Tâm Chuyển Tộc duy nhất, kế liền phát sinh một sát na Nhập Định (*Appanā*), dẫn ngay vào Thiện

(Jhāna). Tâm này thuộc Sắc Giới, và được gọi là Tâm Thiện Sơ Thiên Sắc Giới. Đối với bậc Alahán, gọi là Tâm Duy Tác Sắc Giới. Và Tâm này chỉ tồn tại trong một sát na, rồi trở lại Tâm Hữu Phần. Tâm Thiện Thiên (**Kusala Jhāna**) và Tâm Duy Tác Thiên (**Kiriya Jhāna**) được chứng nghiệm ngay trong Cõi Dục Giới, tùy theo sự sở nguyện, lâu dài tùy thích hợp.

Một cách tương tự, hành giả tiếp tục chuyên chú gom tâm và phát triển các tầng Thiền cao hơn, Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền và Ngũ Thiền.

Năm Tâm Dị Thục Quả Thiền (**Jhāna Vipāka**) là kết quả tương ứng với năm Tâm Thiện Thiên, và làm nhiệm vụ tử và tái tục vào Cõi Sắc Giới.

Giải thích chi tiết về năm chi Thiền: Tầm (**Vitakka**), Tứ (**Vicāra**), Hỷ (**Pīti**), Lạc (**Sukha**), Nhất Thống (**Ekaggata**).

- Với tầng Sơ Thiền, hội đủ cả năm chi Thiền, Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc và Nhất Thống.
- Với tầng Nhị Thiền, loại khỏi chi Thiền Tầm, chỉ còn bốn chi, Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất Thống.
- Với tầng Tam Thiền, loại khỏi hai chi Thiền là Tầm và Tứ, chỉ còn ba chi, Hỷ, Lạc và Nhất Thống.
- Với tầng Tứ Thiền, loại khỏi ba chi Thiền là Tầm, Tứ và Hỷ, chỉ còn hai chi, Lạc và Nhất Thống.
- Với tầng Ngũ Thiền, loại cả bốn chi Thiền là Tầm, Tứ, Hỷ và Lạc, chỉ còn hai chi là Xả và Nhất Thống.

Và cũng cần nên biết rằng trong *Kinh Tạng (Suttanta Piṭaka)* và trong bộ sách chú giải *Thanh Tịnh Đạo (Visuddhi Magga)* thì chỉ ghi nhận có bốn tầng Thiền, từ Sơ Thiền đến Tứ Thiền. Trong trường hợp này, thì tầng Nhị Thiền chỉ có ba Chi Thiền, đó là Hỷ, Lạc và Nhất Thống, loại khỏi hai Chi Thiền đầu tiên, đó là Tầm và Tứ.

12 TÂM VÔ SẮC GIỚI (ĀRŪPĀVACARACITTA 12)

1/ Upekkhāekaggatāsahitaṃ Ākāśañāṇcāyatanakusalacittaṃ, vipāka cittaṃ, kriyacittaṃ - Tâm Thiện Không Vô Biên Xứ, Tâm Dị Thục Quả, Tâm Duy Tác câu hành Xả, Nhất Thống.

Có nghĩa là một Tâm Thiện Không Vô Biên Xứ, một Tâm Dị Thục Quả, một Tâm Duy Tác cùng sanh với hai chi Thiền là Xả, Nhất Thống.

2/ Upekkhāekaggatāsahitaṃ Viññāṇañcāyatanakusalacittaṃ, vipāka cittaṃ, kriyacittaṃ - Tâm Thiện Thức Vô Biên Xứ, Tâm Dị Thục Quả, Tâm Duy Tác câu hành Xả, Nhất Thống.

Có nghĩa là một Tâm Thiện Thức Vô Biên Xứ, một Tâm Dị Thục Quả, một Tâm Duy Tác cùng sanh với hai chi Thiên là Xả, Nhất Thống.

3/ *Upekkhāekaggatāsahitaṃ Ākincaññāyatanakusalacittam, vipāka cittam, kriyacittam* – Tâm Thiện Vô Sở Hữu Xứ, Tâm Dị Thục Quả, Tâm Duy Tác câu hành Xả, Nhất Thống.

Có nghĩa là một Tâm Thiện Vô Sở Hữu Xứ, một Tâm Dị Thục Quả, một Tâm Duy Tác cùng sanh với hai chi Thiên là Xả, Nhất Thống.

4/ *Upekkhāekaggatāsahitaṃ Nevasaññānāsaññāyatanakusalacittam, vipākācittam, kriyacittam* – Tâm Thiện Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, Tâm Dị Thục Quả, Tâm Duy Tác câu hành Xả, Nhất Thống.

Có nghĩa là một Tâm Thiện Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, một Tâm Dị Thục Quả, một Tâm Duy Tác cùng sanh với hai chi Thiên là Xả, Nhất Thống.

Cũng tương tự với 15 Tâm Sắc Giới (*Rūpāvacaracitta*) như đã được trình bày ở phần trên, 12 Tâm Vô Sắc Giới (*Arūpāvacaracitta*) cũng có những đặc tính tương tự. Những Tâm thường luôn du hành và sinh hoạt trong Cõi Vô Sắc Giới (*Arūpaloka*) được gọi là Tâm Vô Sắc Giới (*Arūpāvacaracitta*).

Có tất cả 12 Tâm, gồm:

- Bốn Tâm Thiện Vô Sắc Giới mà hành giả có thể trau dồi và phát triển ngay trong kiếp hiện tại này,
- Bốn Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới tương ứng với bốn Tâm Thiện Vô Sắc Giới mà hành giả sẽ thọ hưởng sau khi chết, và
- Bốn Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới chỉ hiện hành với Đức Phật và chư vị Alahán ngay trong kiếp sống này.

Cũng cần nên hiểu biết, năm tầng Thiên Sắc Giới thì có sự khác biệt nhau do các chi Thiên, có chi Tầm, chi Tứ, v.v., còn bốn tầng Thiên Vô Sắc Giới thì có sự khác biệt với nhau về các đề mục. Tuy nhiên, Tâm Vô Sắc Giới lại có điểm khác biệt với Tâm Sắc Giới, là chỉ dành riêng cho những hành giả đã chứng đắc Ngũ Thiên Sắc Giới, và chỉ có hai chi Thiên là Xả và Nhất Thống, chuyên tâm nỗ lực với những đề mục thuần Danh Pháp, không còn Sắc Pháp. Do bởi năng lực của ý chí, chỉ có Tâm tồn tại trong những trường hợp đặc biệt ngoại lệ, có thể tách rời Danh Pháp ra khỏi Sắc Pháp.

Với hành giả đã từng có phát triển ở tầng Ngũ Thiên Sắc Giới (*Rūpajhāna*) và muốn trau dồi tầng Thiên Vô Sắc Giới, chuyên chú Tâm vào Quang Tướng (*Patibhāga Nimitta*) của đề mục Hư Không (*Ākāsa kasina*) đã có trong thời gian tu tập lúc trước. Hành giả chú mục vào một đốm ánh sáng nhỏ trong Tâm Thức, và duy trì Quang Tướng này cho được lâu dài. Tiếp tục như thế, hành giả khởi nguyện cho ánh sáng này lớn dần lên cho đến khi bao trùm toàn thể không gian. Không

gian đầy ánh sáng này quả không có thực, không phải là một *Siêu Lý Đế (Paramattha Sacca)*, mà chỉ là một *Chế Định (Paññatti)* và thuộc phần *Tục Đế (Sammuti Sacca)*.

Từ ngữ Pālī được nói đến là “*Kasiṇugghātimākāsa – Hư Không phát triển với đề mục Hoàn Tịnh (Kasiṇa)*”. Chú Tâm vào đề mục này một cách không gián đoạn, hành giả niệm “*Ākāso ananto – Hư Không vô lượng vô biên*” cho đến chứng đạt tầng Thiền Vô Sắc Giới đầu tiên – “*Ākāsañācāyatana – Không Vô Biên Xứ*” với hai chi Thiền là Xả và Nhất Thống.

Tương tự với tầng Thiền Sắc Giới, tiến trình tư tưởng (Lộ Trình Tâm) của hành giả tu tập Thiền Vô Sắc Giới được diễn tiến như sau:

- *Manodvārāvajjana – Khai Ý Môn,*
- *Parikamma – Chuẩn Bị (với Độn Căn hành giả),*
- *Upacāra - Cận Hành,*
- *Anuloma – Thuận Tòng,*
- *Gotrabhū – Chuyển Tộc,*
- *Ākāsañācāyatana - Không Vô Biên Xứ,*
- *Bhavaṅga – Hữu Phần.*

Sát na Tâm Chuẩn Bị (*Parikamma*) có thể không sanh khởi với Lợi Căn hành giả. Hành giả tiếp tục tu tập, khẩn khát vào tầng Sơ Thiền Vô Sắc Giới, và nhận thức rằng “*chính Tâm Thức quả là vô lượng vô biên – Viññāṇam anantaṃ*”, phủ nhận vào đề mục của tầng Sơ Thiền Không Vô Biên Xứ; phát triển chú tâm vào đề mục “*Thức Vô Biên Xứ - Viññāṇañcāyatana*” cho đến chứng đạt tầng Nhị Thiền Vô Sắc Giới, với đề mục thuộc *Siêu Lý Đế (Paramattha Sacca)*.

Để phát triển đến tầng Tam Thiền Vô Sắc Giới, thì hành giả lấy đề mục của tầng Sơ Thiền là “Không Vô Biên Xứ” và nhận thức rằng “*Không có chi, không có chi cả - Natthi kiñci*” để rồi phát triển chú tâm vào đề mục “*Vô Sở Hữu Xứ - Ākinaññāyatana*” cho đến chứng đạt tầng Tam Thiền Vô Sắc Giới, với đề mục thuộc *Chế Định (Paññatti)*.

Cuối cùng là tầng Tứ Thiền Vô Sắc Giới được phát triển bằng cách lấy đề mục của Tam Thiền Vô Sắc Giới làm đối tượng. Với đề mục “*Vô Sở Hữu Xứ*” rất là vi tế và khó nhận định quả quyết về Tâm hiện hữu hay không hiện hữu. Chú tâm vào đề mục này, hành giả nhận thức được rằng “*Chẳng phải Tưởng như vậy, và cũng chẳng phải chẳng phải Tưởng như vậy, quả thật là vắng lặng, quả thật là tối thượng – Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ – Nevasañña n’asaññāyatana*” cho đến chứng đạt tầng Tứ Thiền Vô Sắc Giới, với đề mục thuộc *Siêu Lý Đế (Paramattha Sacca)*.

Ghi chú:

1/ Hai Tâm Sơ Thiền và Tam Thiền lấy đề mục *Chế Định (Paññatti)* làm đối tượng, về tánh cách vô lượng vô biên của Hư Không, và khái niệm về Hư Vô.

2/ Hai Tâm Nhị Thiền và Tứ Thiền lấy đề mục *Siêu Lý Đế (Paramattha Sacca)* làm đối tượng, về tánh cách vô lượng vô biên của Tâm Thức.

3/ Tâm Nhị Thiền lấy Tâm Sơ Thiền làm đề mục, và Tứ Thiền lấy Tam Thiền làm đề mục, bằng cách phủ nhận cái đề mục cũ, và tiến tu đề mục mới. (*Phủ nhận đề mục “Không Vô Biên Xứ” rồi tiến tu đề mục “Thức Vô Biên Xứ”*).

Bốn Tâm Thiền Vô Sắc Giới có bốn Tâm Dị Thục Quả tương ứng ở trong Cõi Vô Sắc Giới. Với bốn Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới, thì chỉ hiện hành với Đức Phật và chư vị Alahán.

Trong tất cả mười hai Tâm Thiền Vô Sắc Giới, thì chỉ có hai Chi Thiền là *Xả (Upekkhā)* và *Nhất Thống (Ekaggata)*, tương tự với Ngũ Thiền Sắc Giới.

40 TÂM SIÊU THỂ (LOKUTTARACITTA 40)

A. Tâm Đạo (Maggacitta):

1/ *Vitakkavicārapītisukhaekaggatāsahitam paṭhamajjhāna sotāpatti maggacittam, sakadāgāmimaggacittam, anāgāmimaggacittam, arahattamaggacittam* – Tâm Đạo Thất Lai, Tâm Đạo Nhất Lai, Tâm Đạo Bất Lai, Tâm Đạo Vô Sinh Sơ Thiền câu hành Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

Có nghĩa là một Tâm Đạo Thất Lai, một Tâm Đạo Nhất Lai, một Tâm Đạo Bất Lai, một Tâm Đạo Vô Sinh Sơ Thiền cùng câu sinh với năm Chi Thiền là Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

2/ *Vicārapītisukhaekaggatāsahitam dutiyajjhāna sotāpattimaggacittam, sakadāgāmimaggacittam, anāgāmimaggacittam, arahattamaggacittam* – Tâm Đạo Thất Lai, Tâm Đạo Nhất Lai, Tâm Đạo Bất Lai, Tâm Đạo Vô Sinh Nhị Thiền câu hành Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

Có nghĩa là một Tâm Đạo Thất Lai, một Tâm Đạo Nhất Lai, một Tâm Đạo Bất Lai, một Tâm Đạo Vô Sinh Nhị Thiền cùng câu sinh với bốn Chi Thiền là Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

3/ *Pītisukhaekaggatāsahitam tatiyajjhāna sotāpattimaggacittam, sakadāgāmimaggacittam, anāgāmimaggacittam, arahattamaggacittam* – Tâm Đạo Thất Lai, Tâm Đạo Nhất Lai, Tâm Đạo Bất Lai, Tâm Đạo Vô Sinh Tam Thiền câu hành Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

Có nghĩa là một Tâm Đạo Thất Lai, một Tâm Đạo Nhất Lai, một Tâm Đạo Bất Lai, một Tâm Đạo Vô Sinh Tam Thiền cùng câu sinh với ba Chi Thiền là Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

4/ *Sukhaekaggatāsahitam catutthajjhāna sotāpattimaggacittam, sakadāgāmimaggacittam, anāgāmimaggacittam, arahattamaggacittam* – Tâm

Đạo Thất Lai, Tâm Đạo Nhất Lai, Tâm Đạo Bất Lai, Tâm Đạo Vô Sinh Tứ Thiền câu hành Lạc, Nhất Thống.

Có nghĩa là một Tâm Đạo Thất Lai, một Tâm Đạo Nhất Lai, một Tâm Đạo Bất Lai, một Tâm Đạo Vô Sinh Tứ Thiền cùng câu sinh với hai Chi Thiền là Lạc, Nhất Thống.

5/ *Upekkhāekaggatāsaḥitaṃ pañcamajjhāna sotāpattimaggaḥitaṃ, sakadāgāmiṃmaggaḥitaṃ, anāgāmiṃmaggaḥitaṃ, arahattaṃmaggaḥitaṃ* – Tâm Đạo Thất Lai, Tâm Đạo Nhất Lai, Tâm Đạo Bất Lai, Tâm Đạo Vô Sinh Ngũ Thiền câu hành Xả, Nhất Thống.

Có nghĩa là một Tâm Đạo Thất Lai, một Tâm Đạo Nhất Lai, một Tâm Đạo Bất Lai, một Tâm Đạo Vô Sinh Ngũ Thiền cùng câu sinh với hai Chi Thiền là Xả, Nhất Thống.

B. Tâm Quả (Phalacitta):

1/ *Vitakkavicārapīṭisukhaekaggatāsaḥitaṃ paṭhamajjhāna sotāpatti phalacittaṃ, sakadāgāmi phalacittaṃ, anāgāmi phalacittaṃ, arahatta phalacittaṃ* – Tâm Quả Thất Lai, Tâm Quả Nhất Lai, Tâm Quả Bất Lai, Tâm Quả Vô Sinh Sơ Thiền câu hành Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

Có nghĩa là một Tâm Đạo Thất Lai, một Tâm Đạo Nhất Lai, một Tâm Đạo Bất Lai, một Tâm Đạo Vô Sinh Sơ Thiền cùng câu sinh với năm Chi Thiền là Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

2/ *Vicārapīṭisukhaekaggatāsaḥitaṃ dutiyajjhāna sotāpatti phalacittaṃ, sakadāgāmi phalacittaṃ, anāgāmi phalacittaṃ, arahatta phalacittaṃ* - Tâm Quả Thất Lai, Tâm Quả Nhất Lai, Tâm Quả Bất Lai, Tâm Quả Vô Sinh Nhị Thiền câu hành Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

Có nghĩa là một Tâm Đạo Thất Lai, một Tâm Đạo Nhất Lai, một Tâm Đạo Bất Lai, một Tâm Đạo Vô Sinh Nhị Thiền cùng câu sinh với bốn Chi Thiền là Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

3/ *Pīṭisukhaekaggatāsaḥitaṃ tatiyajjhāna sotāpatti phalacittaṃ, sakadāgāmi phalacittaṃ, anāgāmi phalacittaṃ, arahatta phalacittaṃ* - Tâm Quả Thất Lai, Tâm Quả Nhất Lai, Tâm Quả Bất Lai, Tâm Quả Vô Sinh Tam Thiền câu hành Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

Có nghĩa là một Tâm Đạo Thất Lai, một Tâm Đạo Nhất Lai, một Tâm Đạo Bất Lai, một Tâm Đạo Vô Sinh Tam Thiền cùng câu sinh với ba Chi Thiền là Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

4/ *Sukhaekaggatāsaḥitaṃ catutthajjhāna sotāpatti phalacittaṃ, sakadāgāmi phalacittaṃ, anāgāmi phalacittaṃ, arahatta phalacittaṃ* - Tâm Quả Thất Lai, Tâm Quả Nhất Lai, Tâm Quả Bất Lai, Tâm Quả Vô Sinh Tứ Thiền câu hành Lạc, Nhất Thống.

Có nghĩa là một Tâm Đạo Thất Lai, một Tâm Đạo Nhất Lai, một Tâm Đạo Bất Lai, một Tâm Đạo Vô Sinh Tứ Thiền cùng câu sinh với hai Chi Thiền là Lạc, Nhất Thống.

5/ Upekkhāekaggatāsahitaṃ pañcamajjhāna sotāpattiphalacittaṃ, sakadāgāmiphalacittaṃ, anāgāmiphalacittaṃ, arahattaphalacittaṃ - Tâm Quả Thất Lai, Tâm Quả Nhất Lai, Tâm Quả Bất Lai, Tâm Quả Vô Sinh Ngũ Thiền câu hành Xả, Nhất Thống.

Có nghĩa là một Tâm Đạo Thất Lai, một Tâm Đạo Nhất Lai, một Tâm Đạo Bất Lai, một Tâm Đạo Vô Sinh Ngũ Thiền cùng câu sinh với hai Chi Thiền là Xả, Nhất Thống.

Ghi chú: Khi Tâm Siêu Thế (*Lokuttaracitta*) được phát triển xuyên qua một trong năm tầng Thiền Thiện Sắc Giới (*Kusala Rūpa Jhāna*) thì sẽ có tất cả **bốn mươi (8x5=40)** loại Tâm Siêu Thế (tính theo giảng rộng).

+ Việc sanh khởi của Lộ Trình Đắc Đạo Thất Lai của Lợi Căn “Tikkhapuggala” hành giả như sau:

Hành giả đang tiến tu Pháp Quán Thiền Minh Sát, trước khi sẽ đắc chứng Đạo Quả, có được thấy Tam Tướng một cách rõ ràng cùng tột, thì Tâm Hữu Phần chuyển động sinh khởi hai sát na, được gọi là *Hữu Phần Rúng Động*, *Hữu Phần Dứt Dòng* rồi diệt mất.

Tiếp nối là *Tâm Khai Ý Môn* sanh khởi tiếp thu thực tính Sắc Pháp hay Danh Pháp rồi diệt mất. Tuần tự một trong bốn Tâm Đồng Lực Đại Thiện Tương Ứng Trí sinh khởi ba sát na, trong đó có *Cận Hành*, *Thuận Tùng* tiếp thu Cảnh Sắc Pháp hoặc Danh Pháp rồi cũng diệt mất; và rồi *Chuyển Tộc* tiếp thu Cảnh Níp Bàn ở vị trí là khai mở Đạo Thất Lai và hủy diệt tộc tánh Phàm Phu, rồi diệt mất.

Tiếp theo, Tâm Đạo Thất Lai sinh khởi một sát na tiếp thu Cảnh Níp Bàn, cùng lúc hủy diệt trọn vẹn không còn dư sót Tà Kiến, Hoài Nghi rồi cũng diệt. Kế tiếp, Tâm Quả Thất Lai sinh khởi ba sát na tiếp thu Cảnh Níp Bàn rồi cũng diệt mất. Sau đó, Tâm Hữu Phần lại sanh khởi, và Lộ Trình Ý Môn với bất luận một trong những Tâm Đồng Lực Đại Thiện Tương Ứng Trí thường sinh khởi làm nhiệm vụ ở vị trí Lộ Trình Phản Kháng, là quán sát Đạo Quả, Níp Bàn, Phiền Nảo đã được xa lìa và vẫn còn dư sót, sinh khởi nhiều vòng Lộ Trình Tâm vừa theo một cách thích hợp.

+ Việc sanh khởi của Lộ Trình Đắc Đạo ba bậc trên của Độn Căn “Mandapuggala” hành giả như sau:

Hành giả đang tiến tu Pháp Quán Thiền Minh Sát, trước khi Lộ Trình Đắc Đạo ở ba bậc trên sẽ sinh khởi, thì được thấy Tam Tướng một cách rõ ràng cùng tột,

thì Tâm Hữu Phần chuyển động sinh khởi hai sát na, được gọi tên là *Hữu Phần Rúng Động*, *Hữu Phần Dứt Dòng* rồi cũng diệt mất.

Tiếp nối, Tâm Khai Ý Môn sinh khởi tiếp thu thực tính Sắc Pháp hoặc Danh Pháp rồi diệt mất. Tuần tự, bất luận một trong bốn Tâm Đồng Lực Đại Thiện Tương Ứng Trí sinh khởi bốn sát na trong đó có *Chuẩn Bị*, *Cận Hành*, *Thuận Tùng* tiếp thu Cảnh Sắc Pháp hoặc Danh Pháp rồi cũng diệt, và rồi “*Vodanā – Dữ Tịnh*” tiếp thu Cảnh Níp Bàn ở vị trí là khai mở ba Đạo bậc trên.

Tiếp theo, Tâm Đạo Nhất Lai, Tâm Đạo Bất Lai, Tâm Đạo Vô Sinh sinh khởi một sát na tiếp thu Cảnh Níp Bàn cùng lúc hủy diệt trọn vẹn Phiền Nảo hoàn toàn không còn dư sót vừa theo thích hợp rồi cũng diệt mất. Kế tiếp, Tâm Quả Nhất Lai, Tâm Quả Bất Lai, Tâm Quả Vô Sinh sinh khởi hai sát na tiếp thu Cảnh Níp Bàn rồi cũng diệt mất. Sau đó, Tâm Hữu Phần lại sinh khởi và Lộ Trình Phản Kháng quán sát Đạo Quả, Níp Bàn, Phiền Nảo được sinh khởi tiếp nối vừa theo một cách thích hợp.

Giải thích:

1/ Phàm Tam Nhân nếu tiến tu *An Chỉ Nghiệp Xứ (Samathakammaṭṭhāna)* thì sẽ thành tựu là người *Phúc Lộc Thiên (Jhānalābhīpuggalā)* Sắc Giới và Vô Sắc Giới. Còn nếu tiến tu *Minh Sát Nghiệp Xứ (Vipassanākammaṭṭhāna)* thì sẽ thành tựu **Bậc Thất Lai**.

2/ Nếu Bậc Thất Lai tiến tu *An Chỉ Nghiệp Xứ* thì sẽ thành tựu là người *Phúc Lộc Thiên* Sắc Giới và Vô Sắc Giới. Còn nếu tiến tu *Quán Nghiệp Xứ* thì sẽ thành tựu **Bậc Nhất Lai**, và nếu nhập *Thiền Quả* thì thường sinh **Quả Thất Lai**.

3/ Nếu Bậc Nhất Lai tiến tu *An Chỉ Nghiệp Xứ* thì sẽ thành tựu là người *phúc lộc thiên* Sắc Giới và Vô Sắc Giới. Còn nếu tiến tu *Minh Sát Nghiệp Xứ* thì sẽ thành tựu **Bậc Bất Lai**, và nếu Nhập *Thiền Quả* thì thường sinh **Quả Nhất Lai**.

4/ Nếu Bậc Bất Lai tiến tu *An Chỉ Nghiệp Xứ* thì sẽ thành tựu là người *Phúc Lộc Thiên* Sắc Giới và Vô Sắc Giới. Còn nếu tiến tu *Minh Sát Nghiệp Xứ* thì sẽ thành tựu **Bậc Vô Sinh**, và nếu Nhập *Thiền Quả* thì thường sinh **Quả Bất Lai**.

Chú giải: Giải thích và dẫn chứng Pālī chú giải với nguyên nhân nào mà **Tâm Đồng Lực Dục Giới** có được tên gọi là “*Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Tùng, Chuyển Tộc, và Dữ Tịnh*”.

(1) **Parikamma – Chuẩn Bị:** Đồng Lực Dục Giới có tên gọi là *Chuẩn Bị*, vì làm tác nhân cho việc chuẩn bị, sắp đặt kiến tạo, và làm cho sinh khởi Tâm Đồng Lực Kiên Cố; tức là Thắng Trí, Thiền Na, Đạo Quả được khởi sinh; do đó mới gọi tên là “*Chuẩn Bị*”.

Như có Pālī chú giải trình bày như sau:

“Indriya samatādīhi paritobhāyehi appanā kriyati sajjīyati etenāti = Parikamma”- Việc chuẩn bị, sắp đặt kiến tạo làm thành từng phần kiên cố do có sự việc quân bình cân nhắc từ nơi Ngũ Quyền với Tâm Đồng Lực này, do đó Tâm Đồng Lực Dục Giới mà làm thành tác nhân cho việc chuẩn bị, sắp đặt kiến tạo làm khởi sinh Tâm Đồng Lực Kiên Cố, được gọi tên là “Chuẩn Bị”.

Hoặc là **“Parikaroti appanaṃ abhisankharoti = Parikamma”**- Tâm Đồng Lực nào thường chuẩn bị, sắp đặt Thiền Na, Thắng Trí, Đạo Quả thuộc phần Kiên Cố được sinh khởi, như thế Tâm Đồng Lực đó, được gọi tên là “Chuẩn Bị”.

(2) Upacāra – Cận Hành: Đồng Lực Dục Giới có tên gọi là Cận Hành, là vì làm thành Đồng Lực sinh khởi bên trong phạm vi của Đồng Lực Kiên Cố.

Như có Pālī chú giải trình bày như sau:

“Appanāya upaccacarati = Upacāro”- Tâm Đồng Lực nào thường sinh khởi cận lân với Kiên Cố, như thế Tâm Đồng Lực đó gọi tên là “Cận Hành”.

Hoặc là **“Samīpe carati = Upacāro”**- Tâm Đồng Lực nào thường sinh khởi cận lân với Kiên Cố là Thiền Na, Thắng Trí, Đạo Quả; như thế gọi tên Tâm Đồng Lực ấy là “Cận Hành”.

(3) Anuloma – Thuận Tùng: Đồng Lực Dục Giới có tên gọi là Thuận Tùng, là vì hiện hành vừa theo thích hợp với Kiên Cố, do việc bài xuất Pháp thành đối nghịch (Cảnh nghịch), như thế mới gọi tên là “Thuận Tùng”.

Như có Pālī chú giải trình bày như sau:

“Paccanīkadhamma vidhamanena appanāya anukulanti = Anulomaṃ”- Tâm Đồng Lực nào thường hiện hành vừa theo thích hợp với Kiên Cố do việc bài xuất Pháp đối nghịch, như thế Tâm Đồng Lực đó gọi tên là “Thuận Tùng”.

Hoặc là **“Pubbāparānaṃ anulomaṃ”**- Tâm Đồng Lực nào thường sinh khởi dài theo ở cả hai phía Đồng Lực, tức là Đồng Lực Chuẩn Bị sinh khởi ở **phần trước** của Lộ Trình Thiền Na, Lộ Trình Đắc Đạo, và Lộ Trình Đồng Lực Kiên Cố thì sinh khởi ở **phía sau**, do đó Tâm Đồng Lực đó, được gọi tên là “Thuận Tùng”.

(4) Gotrabhū – Chuyển Tộc: Đồng Lực Dục Giới có tên gọi là Chuyển Tộc, là vì thực hiện việc chặt đứt hủy diệt **chủng tộc Dục Giới** (trong Lộ Trình Thiền Na) và thực hiện việc chặt đứt hủy diệt **chủng tộc Phàm Phu** (trong Lộ Trình Đắc Đạo), cho hòa nhập vào **chủng tộc Đáo Đại** (trong Lộ Trình Thiền Na), và **chủng tộc Siêu Thế** (trong Lộ Trình Đắc Đạo). Do đó, gọi tên Tâm Đồng Lực ấy là “Chuyển Tộc”.

Như có Pālī chú giải trình bày như sau:

“Gottaṃ abhīhuyyati chijjati etthāti = Gotrabhū”- Chặt đứt hủy diệt chủng tộc Dục Giới hoặc Phàm Phu (bởi 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí) như thế gọi tên là “Chuyển Tộc”.

Hoặc là **“Gottam bhāveti vuddhetīti = Gotrabhū”**- Tâm Đồng Lực nào thường làm tiến hóa đến chủng tộc Đáo Đại – Siêu Thế, như thế gọi tên Tâm Đồng Lực ấy là **“Chuyển Tộc”**.

(5) Vodanā – Dũ Tịnh: Đồng Lực Dục Giới có tên gọi là **Dũ Tịnh**, là vì làm cho các bậc Thánh Nhân càng tăng tiến sự thanh tịnh một cách rất vi diệu.

Tức là Bậc Thất Lai trong khi được chứng đắc Đạo Quả Nhất Lai thì thường có Tâm Đồng Lực Dục Giới làm nhiệm vụ tiếp thân Níp Bàn; trước hết là bỏ Pháp Hữu Vi lại, và làm cho Đạo Nhất Lai sinh khởi tiếp thân Cảnh Níp Bàn cùng lúc thực hiện việc diệt trừ **“Anusayakilesa – Tùy Miên Phiền Nảo”** một cách rất đặc biệt, hơn cả ở phần diệt trừ Tùy Miên Phiền Nảo của Đạo Thất Lai trở đi.

Bậc Nhất Lai khi được chứng đắc Đạo Quả Bất Lai và Bậc Bất Lai khi được chứng đắc Đạo Quả Vô Sinh, thì thường có Đồng Lực Dục Giới làm nhiệm vụ tương tự để cho Đạo Bất Lai và Đạo Vô Sinh được khởi sinh tiếp thân Cảnh Níp Bàn, luôn cả thực hiện việc diệt trừ Tùy Miên Phiền Nảo với mãnh lực vi diệu thù thắng hơn cả việc diệt trừ Tùy Miên Phiền Nảo ở Đạo bậc thấp, do đó mới được gọi là **“Dũ Tịnh”**.

Như có Pālī chú giải trình bày như sau:

“Vodānetīti = Vodānam”- Tâm Đồng Lực nào thường làm cho Bậc Thánh Nhân càng tăng tiến sự thanh tịnh một cách rất vi diệu, như thế gọi tên Tâm Đồng Lực ấy là **“Dũ Tịnh”**.

Phân Tích 121 Tâm Theo Riêng Từng Mỗi Phần Hiện Hữu Trong Chín Phần Thể Theo Chi Pháp

1/ Phân tích Tâm chia theo Chủng Loại (Jātibhedanaya): việc phân chia Tâm theo Chủng Loại, thì hiện hữu bốn Chủng Loại, đó là:

- Tâm theo Chủng Loại Bất Thiện hoặc Tâm Bất Thiện thì có 12 Tâm, đó là: 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Sân, và 2 Tâm căn Si.
- Tâm theo Chủng Loại Thiện hoặc Tâm Thiện thì có 37 Tâm, đó là: 8 Tâm Đại Thiện, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, và 20 Tâm Đạo.
- Tâm theo Chủng Loại Dị Thục Quả hoặc Tâm Dị Thục Quả thì có 52 Tâm, đó là 15 Tâm Quả Vô Nhân, 8 Tâm Đại Quả, 9 Tâm Quả Đáo Đại, và 20 Tâm Quả Siêu Thế.
- Tâm theo Chủng Loại Duy Tác hoặc Tâm Duy Tác thì có 20 Tâm, đó là: 3 Tâm Duy Tác Vô Nhân, 8 Tâm Đại Duy Tác, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại.

2/ Phân tích Tâm chia theo Cõi Địa Giới (Bhūmibhedanaya): việc phân chia Tâm theo Cõi Địa Giới, thì hiện hữu bốn Cõi Địa Giới, đó là:

- Tâm ở phần Dục Giới hay Tâm Dục Giới có 54 Tâm.

- Tâm ở phần Sắc Giới hay Tâm Sắc Giới có 15 Tâm.
- Tâm ở phần Vô Sắc Giới hay Tâm Vô Sắc Giới có 12 Tâm.
- Tâm ở phần Siêu Thế hay Tâm Siêu Thế có 40 Tâm.

3/ Phân tích Tâm chia theo Tịnh Hảo (*Sobhaṇābhedanaya*): việc phân chia Tâm theo Vô Tịnh Hảo và Tịnh Hảo.

- Tâm ở phần Vô Tịnh Hảo hoặc Tâm Vô Tịnh Hảo thì có 30 Tâm, đó là: 12 Tâm Bất Thiện, và 18 Tâm Vô Nhân.
- Tâm ở phần Tịnh Hảo hoặc Tâm Tịnh Hảo thì có 91 Tâm, đó là: 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, 15 Tâm Sắc Giới, 12 Vô Tâm Sắc Giới, và 40 Tâm Siêu Thế.

4/ Phân tích Tâm chia theo Hiệp Thế (*Lokabhedanaya*): việc phân chia Tâm theo Hiệp Thế và Siêu Thế.

- Tâm ở phần Hiệp Thế hay Tâm Hiệp Thế có 81 Tâm, là 54 Tâm Dục Giới, 15 Tâm Sắc Giới, 12 Tâm Vô Sắc Giới.
- Tâm ở phần Siêu Thế hay Tâm Siêu Thế có 40 Tâm Siêu Thế.

5/ Phân tích Tâm chia theo Nhân (*Hetubhedanaya*): việc phân chia Tâm theo Vô Nhân và Hữu Nhân.

- Tâm ở phần Vô Nhân hoặc Tâm Vô Nhân thì có 18 Tâm Vô Nhân.
- Tâm ở phần Hữu Nhân hoặc Tâm Hữu Nhân thì có 103 Tâm, đó là: 12 Tâm Bất Thiện, 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, 27 Tâm Đáo Đại, và 40 Tâm Siêu Thế.

6/ Phân tích Tâm chia theo Thiền Na (*Jhānabhedanaya*): việc phân chia Tâm theo Phi Thiền và Hữu Thiền.

- Tâm bất phối hợp với Chi Thiền gọi là Tâm Phi Thiền thì có 54 Tâm, đó là 54 Tâm Dục Giới.
- Tâm phối hợp với Chi Thiền gọi là Tâm Hữu Thiền thì có 67 Tâm, đó là 27 Tâm Đáo Đại, và 40 Tâm Siêu Thế.

7/ Phân tích Tâm chia theo Thọ (*Vedanābhedanaya*): việc phân chia Tâm theo năm (5) Thọ, là Lạc Thọ, Khổ Thọ, Ưu Thọ, Hỷ Thọ, và Xả Thọ.

- Có 1 Tâm câu hành Lạc, đó là 1 Tâm Thân Thức câu hành Lạc.
- Có 1 Tâm câu hành Khổ, đó là 1 Tâm Thân Thức câu hành Khổ.
- Có 62 Tâm câu hành Hỷ, đó là 4 Tâm căn Tham câu hành Hỷ, 1 Tâm Thảm Tấn câu hành Hỷ, 1 Tâm Tiểu Sinh, 12 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo câu hành Hỷ, 12 Tâm Sắc Giới câu hành Hỷ, và 32 Tâm Siêu Thế câu hành Hỷ.
- Có 2 Tâm câu hành Ưu, đó là 2 Tâm căn Sân câu hành Ưu.
- Có 55 Tâm câu hành Xả, đó là 4 Tâm căn Tham câu hành Xả, 2 Tâm căn Si câu hành Xả, 8 Tâm Ngũ Song Thức, 2 Tâm Tiếp Thâu, 2 Tâm Thảm

Tán câu hành Xả, 1 Tâm Khai Ngũ Môn, 1 Tâm Khai Ý Môn, 12 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo câu hành Xả, 15 Tâm Đáo Đại câu hành Xả, 8 Tâm Siêu Thế câu hành Xả.

8/ Phân tích Tâm chia theo Phối Hợp (*Sampayogabhedanaya*): việc phân chia Tâm theo Tương Ứng và Bất Tương Ứng.

- Tâm ở phần Tương Ứng có 87 Tâm, đó là 4 Tâm căn Tham Tương Ứng Kiến, 2 Tâm căn Sân, 2 Tâm căn Si, 12 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo Tương Ứng Trí, và 67 Tâm Thiền.
- Tâm ở phần Bất Tương Ứng có 34 Tâm, đó là 4 Tâm căn Tham Bất Tương Ứng Kiến, 18 Tâm Vô Nhân, và 12 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo Bất Tương Ứng Trí.

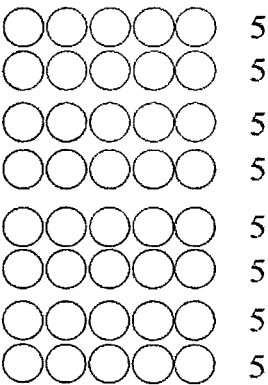
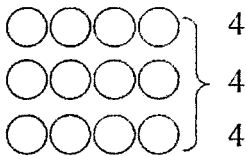
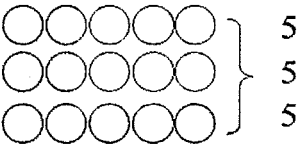
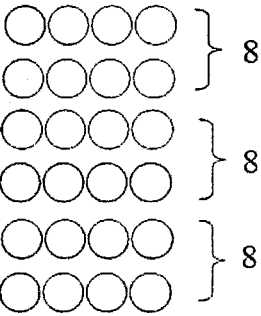
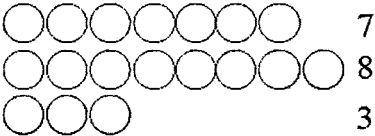
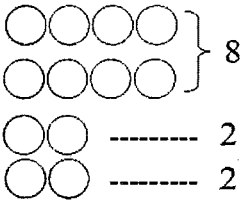
Ghi chú: 18 Tâm Vô Nhân được liệt kê vào trong phần **Bất Tương Ứng**, Và 67 Tâm Thiền được liệt kê vào trong phần **Tương Ứng**.

9/ Phân tích Tâm chia theo Dẫn Dụ (*Saṅkhārabhedanaya*): việc phân chia Tâm theo Vô Dẫn và Hữu Dẫn.

- Có 37 Tâm ở phần Vô Dẫn hoặc Tâm Vô Dẫn, đó là 4 Tâm Tham Vô Dẫn, 1 Tâm căn Sân Vô Dẫn, 2 Tâm căn Si, 18 Tâm Vô Nhân, và 12 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo Vô Dẫn.
- Có 84 Tâm ở phần Hữu Dẫn hoặc Tâm Hữu Dẫn, đó là 4 Tâm căn Tham Hữu Dẫn, 1 Tâm căn Sân, 12 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo Hữu Dẫn, và 67 Tâm Thiền.

Ghi chú: 2 Tâm căn Si, 18 Tâm Vô Nhân được liệt kê vào trong phần **Vô Dẫn**. Và 67 Tâm Thiền được liệt kê vào trong phần **Hữu Dẫn**.

1. Có Bốn Phân Loại Về **Chủng Loại**, đó là:



1. Có 12 Chủng Loại Bất Thiện, là:

- 8 Tâm căn Tham,
- 2 Tâm căn Sân,
- 2 Tâm căn Si.

2. Có 37 Chủng Loại Thiện, là:

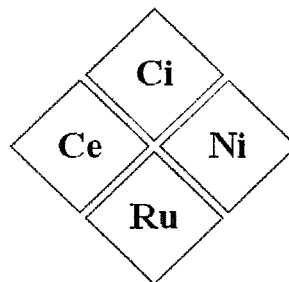
- 8 Tâm Đại Thiện,
- 9 Tâm Đạo Đại,
- 20 Tâm Đạo.

3. Có 52 Chủng Loại Dị Thục Quả, là:

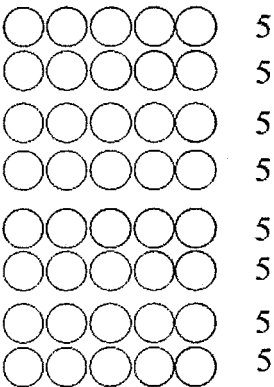
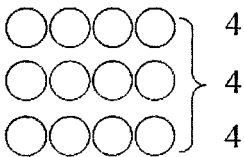
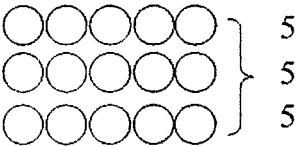
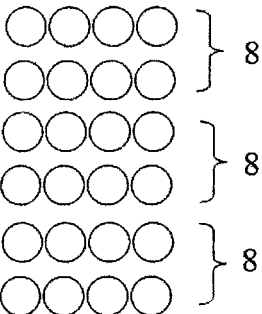
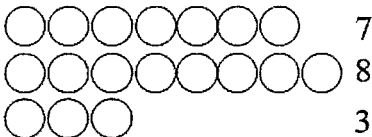
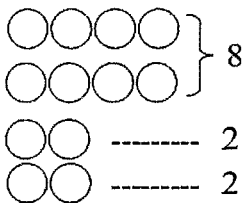
- 7 Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện,
- 8 Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân,
- 8 Tâm Đại Quả,
- 5 Tâm Quả Sắc Giới,
- 4 Tâm Quả Vô Sắc Giới,
- 20 Tâm Quả Siêu Thế.

4. Có 20 Chủng Loại Duy Tác, là:

- 3 Tâm Duy Tác Vô Nhân,
- 8 Tâm Đại Duy Tác,
- 5 Tâm Duy Tác Sắc Giới,
- 4 Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới.



2. Có Bốn Phân Loại Về Cõi Địa Giới, đó là:

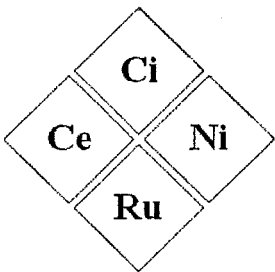


1. Có 54 Cõi Dục Giới, là:
- 12 Tâm Bất Thiện,
 - 18 Tâm Vô Nhân,
 - 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hào.

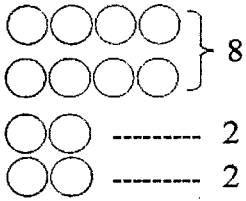
2. Có 15 Cõi Sắc Giới, là:
- 5 Tâm Thiện Sắc Giới,
 - 5 Tâm Quả Sắc Giới,
 - 5 Tâm Dục Tác Sắc Giới

3. Có 12 Cõi Vô Sắc Giới, là:
- 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới,
 - 4 Tâm Quả Vô Sắc Giới,
 - 4 Tâm Dục Tác Vô Sắc Giới.

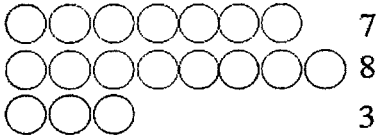
4. Có 40 Cõi Siêu Thế, là 20 Tâm Đạo
20 Tâm Quả.



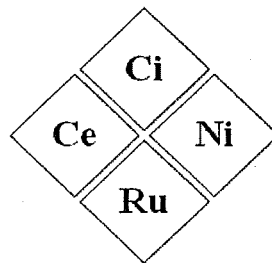
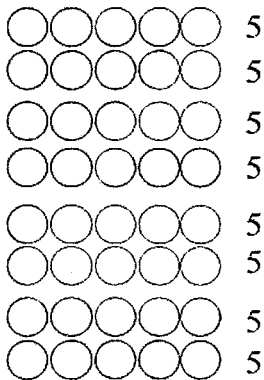
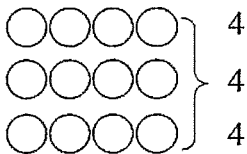
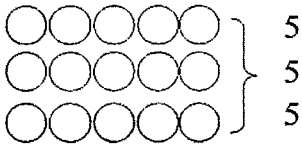
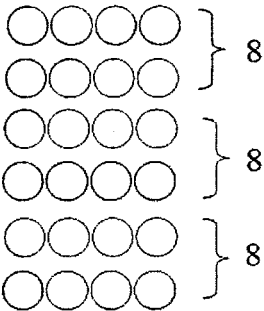
3. Có Hai Phân Loại Về **Tịnh Hảo**, đó là:



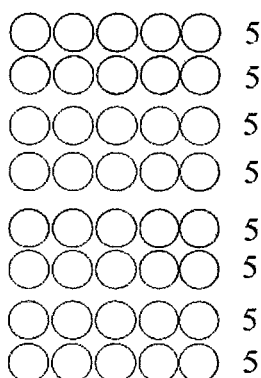
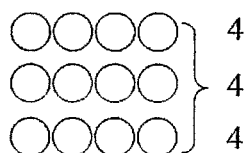
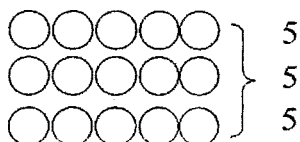
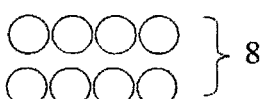
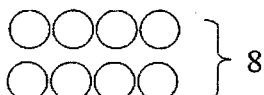
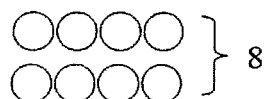
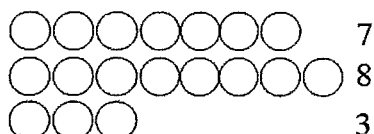
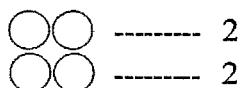
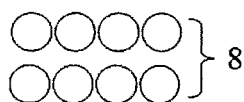
1. Có 30 Tâm Vô Tịnh Hảo, là 12 Tâm Bất Thiện,
18 Tâm Vô Nhân.



2. Có 91 Tâm Tịnh Hảo, là:
- 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo,
- 15 Tâm Sắc Giới,
- 12 Tâm Vô Sắc Giới,
- 40 Tâm Siêu Thế.

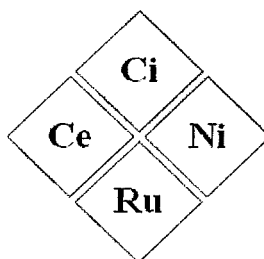


4. Có Hai Phân Loại Về Hiệp Thế, đó là:

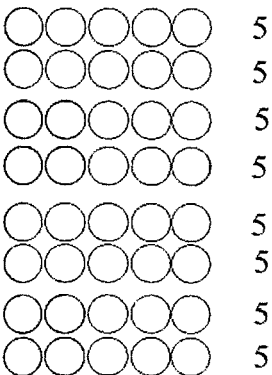
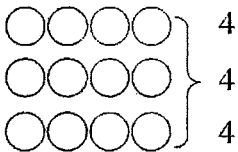
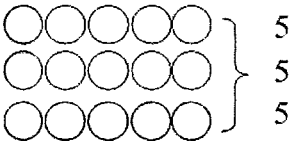
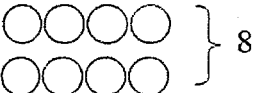
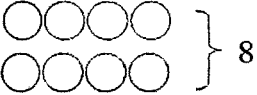
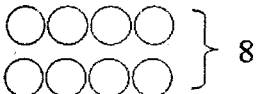
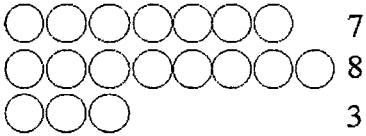
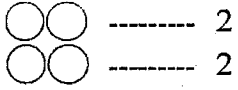
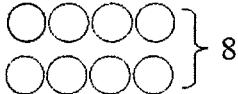


1. Có 81 Tâm Hiệp Thế, là
- 12 Tâm Bất Thiện,
 - 18 Tâm Vô Nhân,
 - 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo,
 - 15 Tâm Sắc Giới,
 - 12 Tâm Vô Sắc Giới.

2. Có 40 Tâm Siêu Thế, là
20 Tâm Đạo,
20 Tâm Quả.



5. Có Hai Phân Loại Về Nhân, đó là:

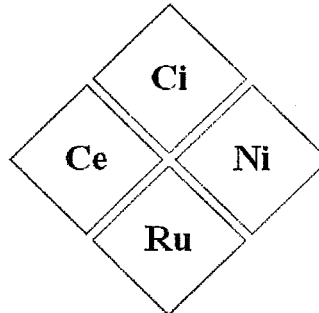


1. Có 18 Tâm Vô Nhân, là:

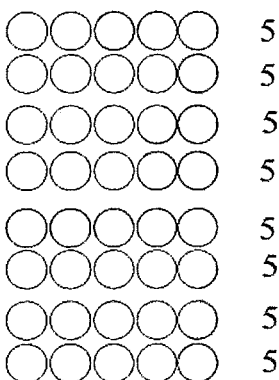
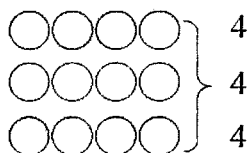
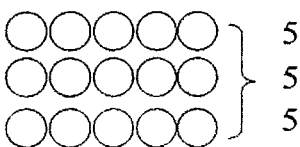
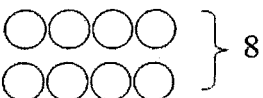
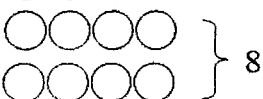
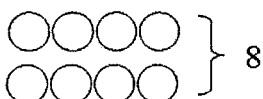
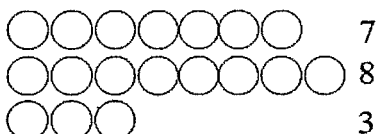
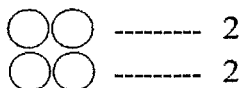
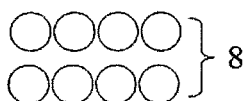
- 7 Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện,
- 8 Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân,
- 3 Tâm Duy Tác Vô Nhân.

2. Có 103 Tâm Hữu Nhân, là:

- 12 Tâm Bất Thiện,
- 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hào,
- 15 Tâm Sắc Giới,
- 12 Tâm Vô Sắc Giới,
- 40 Tâm Siêu Thế.

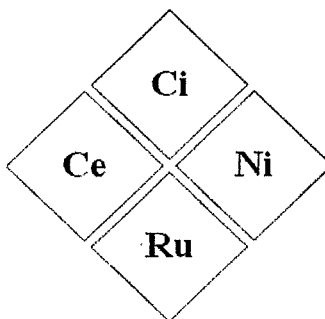


6. Có Hai Phân Loại Về Thiền Na, đó là:

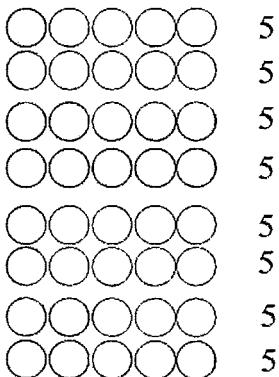
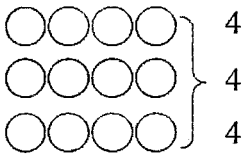
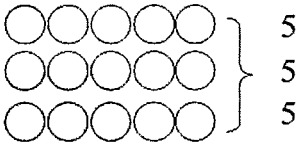
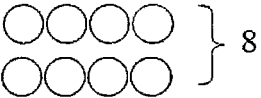
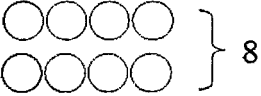
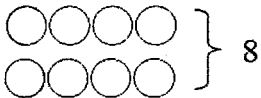
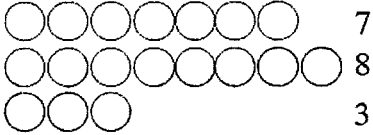
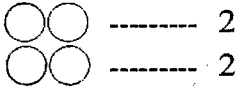
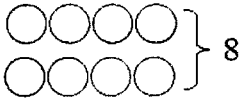


1. 54 Tâm Phi Thiên, là:
- 12 Tâm Bất Thiện,
 - 18 Tâm Vô Nhân,
 - 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo.

2. Có 67 Tâm Hưu Thiên, là:
- 15 Tâm Sắc Giới,
 - 12 Tâm Vô Sắc Giới,
 - 40 Tâm Siêu Thế.



7. Có Năm Phân Loại Về Thọ, đó là:



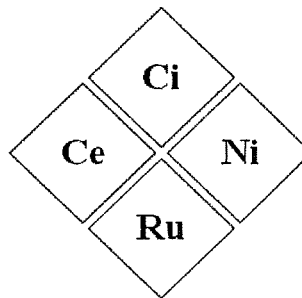
1. Lạc Thọ có 1, là Tâm Thân Thức câu hành Lạc.

2. Khô Thọ có 1, là 1 Tâm Thân Thức câu hành Khô.

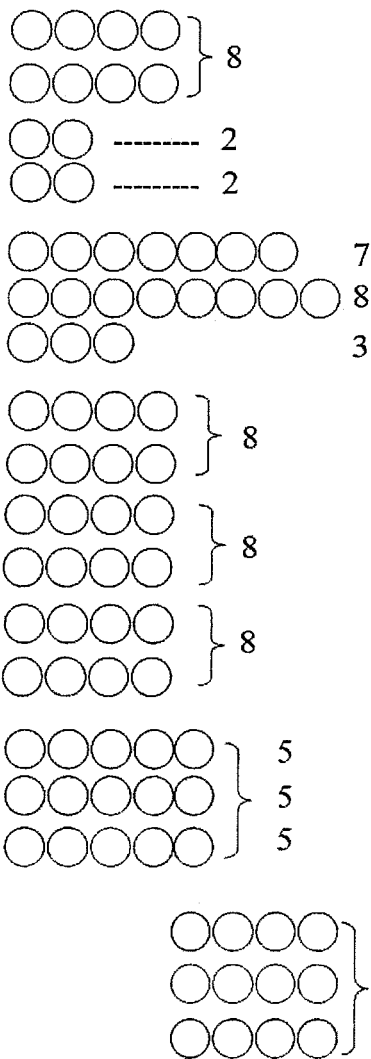
3. Hỷ Thọ có 62, là 4 Tâm căn Tham Hỷ Thọ,
1 Tâm Thâm Tấn Hỷ Thọ,
1 Tâm Tiểu Sinh Hỷ Thọ,
4 Tâm Đại Thiện Hỷ Thọ,
4 Tâm Đại Quả Hỷ Thọ,
4 Tâm Đại Dục Tác Hỷ Thọ,
11 Tâm Sơ Thiền,
11 Tâm Nhị Thiền,
11 Tâm Tam Thiền,
11 Tâm Tứ Thiền.

4. Ưu Thọ có 2, là 2 Tâm căn Sân.

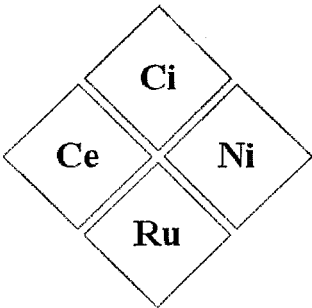
5. Xả Thọ có 55, là 4 Tâm căn Tham Xả Thọ,
2 Tâm căn Si,
14 Tâm Vô Nhân Xả Thọ,
4 Tâm Đại Thiện Xả Thọ,
4 Tâm Đại Quả Xả Thọ,
4 Tâm Đại Dục Tác Xả Thọ,
23 Tâm Ngũ Thiền.



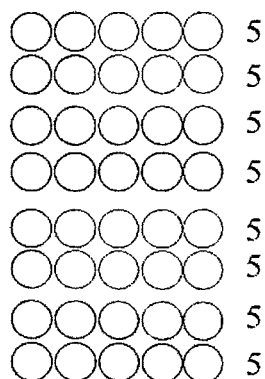
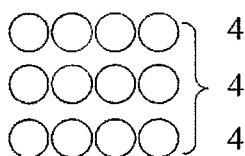
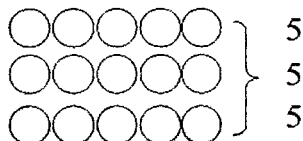
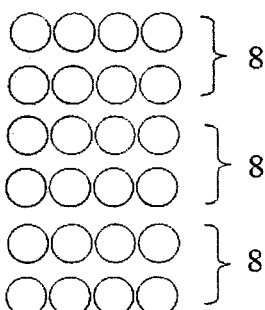
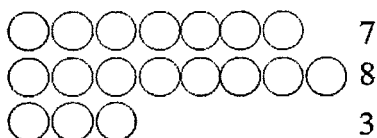
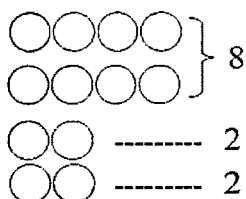
8. Có Hai Phân Loại Về Tương Ứng, đó là:



1. Có 87 Tâm Tương Ứng, là:
- 4 Tâm căn Tham Tương Ứng Kiến,
 - 2 Tâm căn Sân,
 - 2 Tâm căn Si,
 - 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí,
 - 4 Tâm Đại Quả Tương Ứng Trí,
 - 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí,
 - 15 Tâm Sắc Giới,
 - 12 Tâm Vô Sắc Giới,
 - 40 Tâm Siêu Thế.
2. Có 34 Tâm Bất Tương Ứng, là:
- 4 Tâm căn Tham Bất Tương Ứng Kiến,
 - 18 Tâm Vô Nhân,
 - 4 Tâm Đại Thiện Bất Tương Ứng Trí,
 - 4 Tâm Đại Quả Bất Tương Ứng Trí,
 - 4 Tâm Đại Duy Tác Bất Tương Ứng Trí.



9. Có Hai Phân Loại Về **Dẫn Dụ**, đó là:

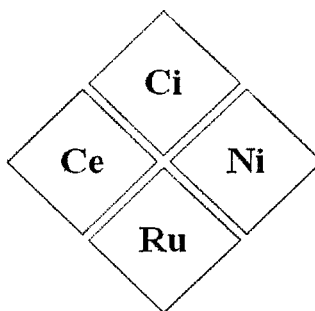


1. Có 37 Tâm Vô Dẫn, là:

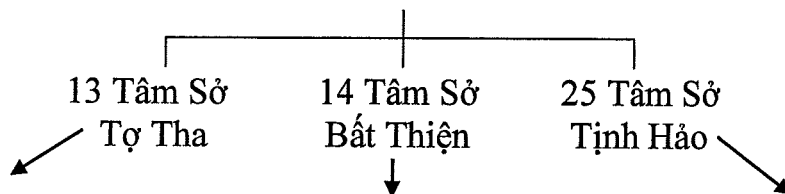
- Tâm căn Tham thứ 1, thứ 3, thứ 5, thứ 7,
- Tâm căn Sân thứ 1,
- 2 Tâm căn Si,
- 18 Tâm Vô Nhân,
- Tâm Đại Thiện thứ 1, thứ 3, thứ 5, thứ 7,
- Tâm Đại Quả thứ 1, thứ 3, thứ 5, thứ 7,
- Tâm Đại Duy Tác thứ 1, thứ 3, thứ 5, thứ 7.

2. Có 84 Tâm Hữu Dẫn, là:

- Tâm căn Tham thứ 2, thứ 4, thứ 6, thứ 8,
- Tâm căn Sân thứ 2,
- Tâm Đại Thiện thứ 2, thứ 4, thứ 6, thứ 8,
- Tâm Đại Quả thứ 2, thứ 4, thứ 6, thứ 8,
- Tâm Đại Duy Tác thứ 2, thứ 4, thứ 6, thứ 8,
- 15 Tâm Sắc Giới,
- 12 Tâm Vô Sắc Giới,
- 40 Tâm Siêu Thế.



52 TÂM SỞ (CETASIKA 52)



+ 7 Tâm Sở Biện Hành (<i>Sabbacittasādhāraṇa Cetasika</i> 7) - Xúc (<i>Phassa</i>) - Thọ (<i>Vedanā</i>) - Tưởng (<i>Saññā</i>) - Tư (<i>Cetanā</i>) - Nhất Thống (<i>Ekaggata</i>) - Mạng Quyền (<i>Jīvitndriya</i>) - Tác Ý (<i>Manasikāra</i>)	+ 4 Tâm Sở Si Phần (<i>Mocatukacetāsika</i> 4) - Si (<i>Moha</i>) - Vô Tàm (<i>Ahīrika</i>) - Vô Quý (<i>Anottappa</i>) - Trạo Cử (<i>Uddhacca</i>) + 3 Tâm Sở Tham Phần - Tham (<i>Lobha</i>) - Tà Kiến (<i>Diṭṭhi</i>) - Ngã Mạn (<i>Māna</i>)	+ 19 Tâm Sở Tinh Hảo Biện Hành (<i>Sobhaṇa sādhāraṇacetāsika</i> 25) - Tín (<i>Saddhā</i>) - Niệm (<i>Sati</i>) - Tàm (<i>Hiri</i>) - Quý (<i>Ottappa</i>) - Vô Tham (<i>Alobha</i>) - Vô Sân (<i>Adosa</i>) - Trung Gian (<i>Tattramajjhataṭṭā</i>) - Thân + Tâm An - Thân + Tâm Khinh - Thân + Tâm Nhu - Thân + Tâm Thích - Thân + Tâm Thuần - Thân + Tâm Chánh
+ 6 Tâm Sở Biệt Cảnh - Tầm (<i>Vitakka</i>) - Tư (<i>Vicāra</i>) - Thắng Giải (<i>Adhimokkha</i>) - Cần (<i>Viriya</i>) - Hỷ (<i>Pīti</i>) - Dục (<i>Chanda</i>)	+ 4 Tâm Sở Sân Phần - Sân (<i>Dosa</i>) - Hối Hận (<i>Kukkucca</i>) - Tật Đồ (<i>Issā</i>) - Lận Sặc (<i>Macchariya</i>) + 2 Tâm Sở Hôn Phần - Hôn Trầm (<i>Thīna</i>) - Thùy Miên (<i>Middha</i>) + 1 Tâm Sở Hoài Nghi - Hoài Nghi (<i>Vicikicchā</i>)	+ 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần - Chánh Ngữ - Chánh Nghiệp - Chánh Mạng + 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần - Bi Mẫn - Tùy Hỷ + 1 Tâm Sở Trí Tuệ - Tuệ Quyền

Bốn Trường Hợp Trạng Thái Của Tâm Sở

*Ekuppādanirodhā ca Ekāmbanavattukā
Cetoyuttā dvipannāsa Dhammā cetasikā matā.*

“*Pháp chủng Tâm Sở có số lượng là 52, và phối hợp với Tâm theo trạng thái như sau: đồng sanh với Tâm, đồng diệt với Tâm, đồng một cảnh với Tâm, đồng nương một loại trú căn với Tâm*”.

Và để có được sự hiểu biết về trường hợp trạng thái phối hợp của Tâm với 52 Tâm Sở này, mà được gọi là “*Cetoyuttalakkhaṇa – Tứ Đồng trạng thái*” hội đủ cả bốn trường hợp như sau:

1/ Ekuppāda – Đồng Sinh: Tâm Sở thường luôn câu sinh với Tâm; có nghĩa là khi Tâm sinh thì Tâm Sở cũng cùng sinh khởi; không thể nào có Tâm sinh trước và Tâm Sở sinh sau, hoặc là Tâm Sở sinh trước và Tâm lại sinh sau.

2/ Ekanirodha – Đồng Diệt: Cũng tương tự với phương thức như trên, khi Tâm diệt thì Tâm Sở cùng diệt với nhau, không có sự diệt trước hoặc sự diệt sau.

3/ Ekāmbana – Đồng Cảnh: Cảnh mà Tâm đang tiếp xúc cũng là cùng một cảnh với Tâm Sở đang tiếp xúc; ví dụ như Tâm đang tiếp xúc Cảnh Sắc trắng thì Tâm Sở cũng đang tiếp xúc Cảnh Sắc trắng; hoặc là Tâm tiếp xúc Cảnh Sắc đen thì Tâm Sở cũng tiếp xúc Cảnh Sắc đen.

4/ Ekavattuka – Đồng Trú Căn: Chỗ nương sinh của Tâm Sở cũng cùng một thể loại với chỗ nương sinh của Tâm; ví dụ như Tâm nương sinh vào Nhãn Căn thì Tâm Sở cũng nương sinh vào Nhãn Căn. Hoặc Tâm nương sinh vào Nhĩ Căn thì Tâm Sở cũng nương sinh vào Nhĩ Căn. Hoặc Tâm nương sinh vào Ý Căn thì Tâm Sở cũng nương sinh vào Ý Căn.

Tập hợp đủ cả bốn trường hợp trạng thái này, nên mới được gọi là **Tâm Sở**.

Và lại, trong cả bốn trường hợp của Tứ Đồng trạng thái này, thì chỉ có ba trường hợp là “**Đồng Sinh, Đồng Diệt, và Đồng Cảnh**” luôn luôn có ở trong Tâm Sở một cách chắc chắn. Còn trường hợp thứ tư là “**Đồng Trú Căn**” thì trạng thái này hiện hữu một cách bất định. Vì lẽ các Tâm Sở khi sinh khởi ở trong Ngũ Uẩn Địa Giới (Cõi Ngũ Uẩn) thì mới cần nương vào Trú Căn mà sinh khởi, thế nhưng nếu sinh ở trong Cõi Tứ Uẩn thì không cần phải nương vào Trú Căn mà khởi sinh.

Chú giải: Từ ngữ “*Cetasika*” khi chiết tự ra từng phần, thì có được như sau: “*Ceta + s + ika*” là Pháp phối hợp với Tâm, hoặc Thức, và gọi tên là **Tâm Sở**.

Tâm không thể hiện hữu ở ngoài các Tâm Sở được. Cả hai, Tâm và các Tâm Sở tương ứng, luôn luôn đồng khởi sinh và đồng hoại diệt cùng một lúc. Tuy nhiên có một vài đặc tính vật chất, chẳng hạn như “*Viññattirūpa*” – **Sắc Biểu Tri**, gồm có hai là: “*Kāyaviññatti*” – **Thân Biểu Tri**, phương thức biểu hiện bằng hành động, và

Vācīviññatti – Ngũ Biểu Tri, phương thức phát biểu bằng lời nói” đồng khởi sinh và đồng hoại diệt với Tâm Thức. Ngoài những hình thức biểu hiện ấy, thì đặc tính thứ ba là có một đối tượng đồng nhất với đối tượng của Tâm. Khi có đủ hội đủ cả ba đặc tính trên, thì quả nhiên, tất phải có đặc tính thứ tư là đồng có chung một Trú Căn.

Trong **Abhidhamma – Vô Tỷ Pháp**, thì Tâm hoặc Thức thường luôn phối hợp với 52 Tâm Sở này. Tập hợp tất cả Tâm lại, gọi là *Thức Uẩn (Viññāṇakhandha)*. Một trong các Tâm Sở, có *Tâm Sở Thọ (Vedanā)* còn được gọi là *Thọ Uẩn (Vedanākhandha)*, *Tâm Sở Tưởng (Saññā)* còn được gọi là *Tưởng Uẩn (Saññākhandha)* hoặc còn được gọi là nhóm “Tri Giác”. Năm mươi Tâm Sở còn lại được gọi là *Hành (Saṅkhāra)* còn được gọi là *Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandha)* hoặc được gọi là nhóm “sinh hoạt tâm linh”, với *Tâm Sở Tư (Cetanā)* là quan trọng nhất trong những Tâm Sở này.

Như vậy, khi phân tích về Ngũ Uẩn (*Pañcakkhandha*) thì có được như sau:

- *Thức Uẩn – Viññāṇakhandha*: là tất cả Tâm, 121 Tâm.
- *Thọ Uẩn – Vedanākhandha*: là Tâm Sở Thọ.
- *Tưởng Uẩn – Saññākhandha*: là Tâm Sở Tưởng.
- *Hành Uẩn – Saṅkhārakkhandha*: là 50 Tâm Sở còn lại (loại trừ Tâm Sở Thọ, và Tưởng).
- *Sắc Uẩn – Rūpakhandha*: là tất cả 28 Sắc Pháp.

Phân Tích 52 Tâm Sở Theo Đồng Nhóm Hoặc Bọn (*Rāṣī*)

Tất cả 52 Tâm Sở này, khi phân chia ra thành Nhóm (*rāṣī*) thì có được ba nhóm, được gọi là “*Rāṣī*” (cùng nhóm, bọn, tập thể).

- Là một nhóm Tâm Sở Tợ Tha có 13 cái chung với nhau thành một nhóm,
- Một nhóm Tâm Sở Bất Thiện có 14 cái chung với nhau thành một nhóm,
- Một nhóm Tâm Sở Tịnh Hảo có 25 cái chung với nhau thành một nhóm.

Hoặc cũng sẽ được gọi là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 14 Tâm Sở Bất Thiện, và 25 Tâm Sở Tịnh Hảo.

Phân Tích Ba Đồng Nhóm Theo Từng Thể Loại:

1/ Các Tâm Sở trong cùng một nhóm Tợ Tha thì được chia ra làm hai thể loại, đó là:

- Một thể loại gồm có 7 Tâm Sở Biến Hành,
- Một thể loại gồm có 6 Tâm Sở Biệt Cảnh.

2/ Các Tâm Sở trong cùng một nhóm Bất Thiện thì được chia ra làm năm thể loại, đó là:

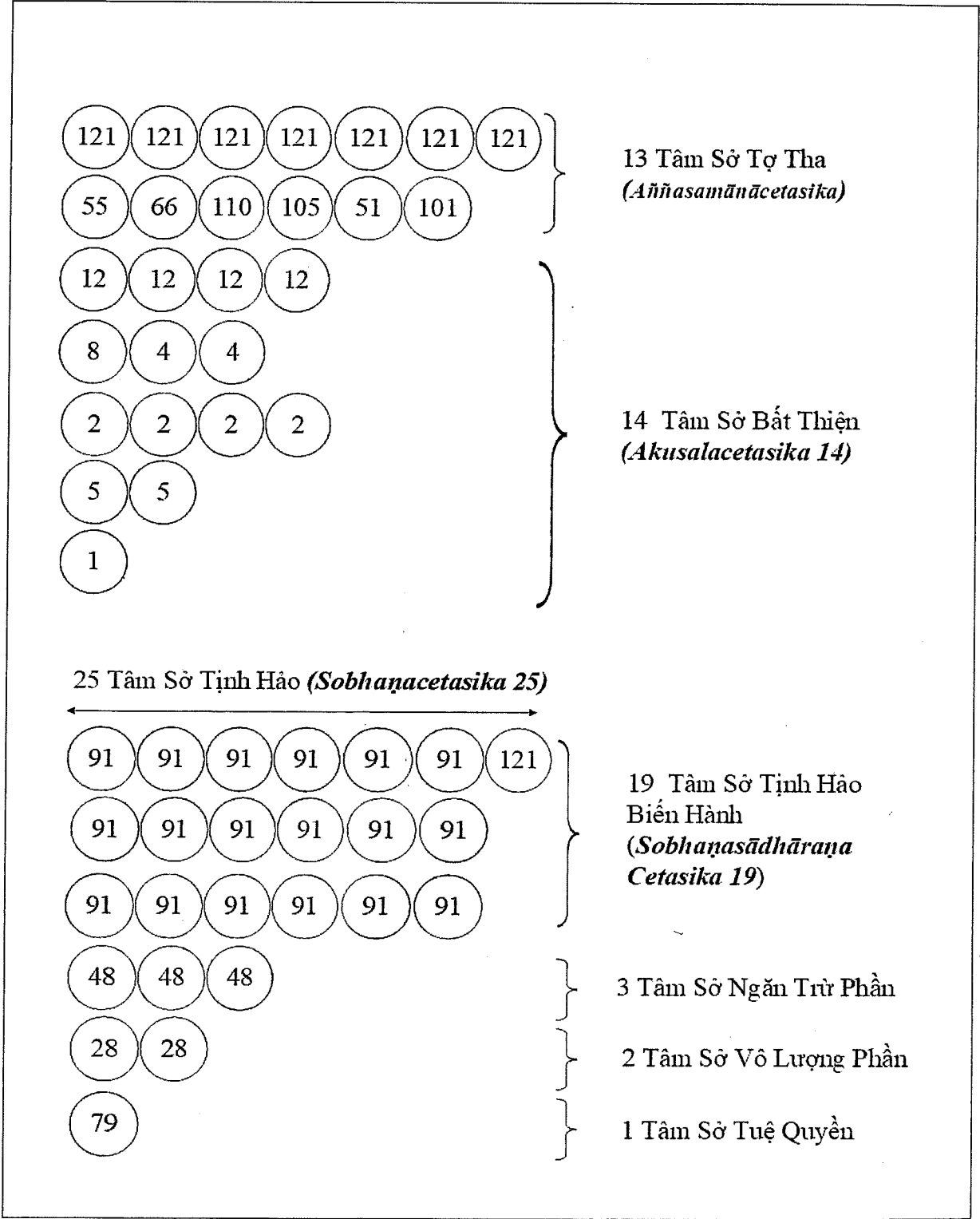
- Một thể loại gồm có 4 Tâm Sở Si Phần,
- Một thể loại gồm có 3 Tâm Sở Tham Phần,
- Một thể loại gồm có 4 Tâm Sở Sân Phần,
- Một thể loại gồm có 2 Tâm Sở Hôn Phần,
- Một thể loại gồm có 1 Tâm Sở Hoài Nghi.

3/ Các Tâm Sở trong cùng một nhóm Tịnh Hảo thì được chia ra làm bốn thể loại, đó là:

- Một thể loại gồm có 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành,
- Một thể loại gồm có 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần,
- Một thể loại gồm có 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần,
- Một thể loại gồm có 1 Tâm Sở Tuệ Quyền.

Tâm Sở có 13 Tâm Sở Tợ Tha, 14 Tâm Sở Bất Thiện. và 25 Tâm Sở Tịnh Hảo.	Gom thành 52 Tâm Sở.
Tâm Sở Tợ Tha có 7 Tâm Sở Biến Hành và 6 Tâm Sở Biệt Cảnh.	Gom thành 13 Tâm Sở.
Tâm Sở Bất Thiện có 4 Tâm Sở Si Phần, 3 Tâm Sở Tham Phần, 4 Tâm Sở Sân Phần, 2 Tâm Sở Hôn Phần, 1 Tâm Sở Hoài Nghi.	Gom thành 14 Tâm Sở.
Tâm Sở Tịnh Hảo có 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành, 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần, 1 Tâm Sở Tuệ Quyền.	Gom thành 25 Tâm Sở.

Bản Đồ Của 52 Tâm Sở Phối Hợp Với Tâm (Cetasika 52)



TÂM SỞ SIÊU LÝ (CETASIKAPARAMATTHA)

1. Có 52 Tâm Sở, đó là:

- 13 Tâm Sở Tợ Tha,
- 14 Tâm Sở Bất Thiện,
- 25 Tâm Sở Tịnh Hảo.

2. Có 13 Tâm Sở Tợ Tha, đó là:

- 7 Tâm Sở Biến Hành,
- 6 Tâm Sở Biệt Cảnh.

3. Có 14 Tâm Sở Bất Thiện, đó là:

- 4 Tâm Sở Si Phần,
- 3 Tâm Sở Tham phần,
- 4 Tâm Sở Sân Phần,
- 2 Tâm Sở Hôn Phần,
- 1 Tâm Sở Hoài Nghi.

4. Có 25 Tâm Sở Tịnh Hảo, đó là:

- 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành,
- 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần,
- 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần,
- 1 Tâm Sở Tuệ Quyền.

13 TÂM SỞ TỢ THA (Aññasamānacetāsika 13)

A. Bảy Tâm Sở Biến Hành (*Sabbacittasādhāraṇacetāsika 7*), đó là:

1. Xúc (*Phassa*): Pháp chủng tiếp xúc Cảnh.

Xuất nguyên từ ngũ căn “*Phas*”, tiếp xúc. Khi một đối tượng phát hiện đến Thức, xuyên qua một trong sáu căn thì Tâm Sở Xúc khởi sinh. Và không nên hiểu rằng chỉ là sự xúc chạm suông (*Na sangatimatto eva Phasso*).

Tứ ý nghĩa của Tâm Sở Xúc:

- *Trạng thái (Lakkhaṇa)*: Có sự xúc chạm (*Phusana*).
- *Phận sự (Rasa)*: Đụng chạm (*Sanghattana*).
- *Sự thành tựu (Paccupaṭṭhāna)*: Sự tiếp xúc của ba thành phần: Thức, Căn, và Cảnh.
- *Nhân cận (Padaṭṭhāna)*: Có Cảnh hiện bày.

Có Pālī chú giải trình bày là: “*Phassena phusitvā* – Có sự tiếp chạm do từ nơi Xúc”, “*Thức chứng nghiệm do từ nơi Thọ - Vedanāya vediyati*”, “*Tri giác do từ nơi Tưởng - Saññāya sañjānāti*”, “*Có ý muốn do từ nơi Tác Ý - Cetanāya ceteti*”.

2. Thọ (*Vedanā*): Pháp chủng thụ hưởng Cảnh.

Xuất nguyên từ ngũ căn “*Vid*” cảm thọ. Tương tự với Tâm Sở Xúc, Thọ là đặc tính chánh yếu của tất cả các loại Tâm. Và Thọ có năm thể loại, hiện hữu ở cả hai Tâm và Thân; đó là Khổ, Ưu, Hỷ, Lạc, và Xả.

3. Tưởng (*Saññā*): Pháp chủng nhớ tưởng, ghi nhớ Cảnh.

Xuất nguyên từ ngũ căn “*Sam + nā*”, hiểu biết, nhận thức. Đặc tính chánh yếu của *Saññā* là nhận thức ra đối tượng mà trước kia Tâm đã từng có lần hiểu biết, tri giác.

4. Tư Tác Ý (*Cetanā*): Pháp chủng thúc đẩy và dẫn dụ Pháp Tương Ứng ở trong Cảnh để cho làm phận sự của mình. Cả hai danh từ “*Citta – Tâm*, và *Cetanā – Tư*” đều xuất nguyên từ ngũ căn “*Cit – suy tư*”, có ý nghĩa là “*ý muốn làm*” hoặc “*ý muốn làm động cơ đưa đến hành động*”, “*phối hợp (Abhisandhāna)* và tích trữ (*Āyuhana*)”.

Theo bộ sách chú giải *Atthasālini* và *Vibhāvinī Tikā*, thì:

- *Cetanā* là Pháp phối hợp tất cả Tâm Sở đồng phát sanh với nó trên đối tượng của Tâm (*Attanā sampayutta dhamme ārammaṇe abhisandahati*).
- *Cetanā* vừa tác hành nhiệm vụ của mình, vừa phối trí sinh hoạt của các Tâm Sở khác đồng phát sanh. Theo một lối giải thích khác,
- *Cetanā* là Pháp đưa đến hành động bằng cách tạo duyên cho Pháp được cấu tạo (*Sankhatābhisankharane vā byāpāraṇ āpajjati’ti cetanā*).
- *Cetanā* là Pháp đóng vai trò quan trọng nhất trong tất cả các hành động, thiện và bất thiện.

Theo Ngài Trưởng Lão Chú Giải *Ledi Sayadaw* trình bày rằng:

- *Cetanā* hành động trên các Tâm Sở đồng cùng phát sinh với chính mình bằng cách thấu nhận đối tượng, và hành động nhằm thành tựu nhiệm vụ, là quyết định hành động.
- *Cetanā – Tư*, là Tâm Sở có ý nghĩa quan trọng nhất trong các loại Tâm Hiệp Thế (*Lokiyacitta*), còn với Tâm Siêu Thế (*Lokuttaracitta*) thì có *Paññā*, là trí tuệ.

Tâm Hiệp Thế có khuynh hướng tạo tác và tích trữ Nghiệp. Tâm Siêu Thế, thì trái lại, có khuynh hướng tận diệt Nghiệp. Do đó, *Cetanā* trong các Tâm Siêu Thế, không tạo tác Nghiệp. Tuy nhiên, *Cetanā* trong tất cả những loại Tâm Hiệp Thế, Thiện hay Bất Thiện, đều được xem là Nghiệp Lực (*Kamma*).

Đứng về phương diện tâm lý, thì:

- *Cetanā* quyết định các hoạt động của những Tâm Sở cùng phát sanh đồng thời với nó.
- Về phương diện đạo đức, thì *Cetanā* quyết định hậu quả dĩ nhiên phải đến của nó.

- Do đó, nếu không có *Cetanā*, tức nhiên không có *Kamma*.

5. Nhất Thống (*Ekaggatā*): Pháp chủng an tịnh và làm cho Pháp Tương Ứng hiện diện duy nhất ở trong một Cảnh.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Eka + agga + tā*”, nhất điểm, trạng thái tâm gom tụ vào một điểm, an trụ vào một đề mục, hoặc tập trung vào một đối tượng. Tâm Sở Nhất Thống được ví như ngọn đèn đứng vững, không bị gió làm giao động. Như trụ cột vững chắc mà gió không thể lay chuyển. Tâm Sở Nhất Thống ngăn ngừa, không để cho các Tâm Sở đồng phát sinh bị phát tán, và giữ chắc các Tâm Sở vào đề mục. Tâm Sở Nhất Thống là một trong năm Chi Thiên. Một khi được phát triển và trau dồi đến mức độ cao, thì Tâm Sở Nhất Thống trở thành *Samādhi – Định*.

6. Mạng Quyền (*Jīvitindriya*): Pháp chủng duy trì Pháp Tương Ứng.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Jīvita – mạng sống*” + “*Indriya – quyền lực*”. Gọi “*Jīvita – mạng sống*, hoặc *đời sống*”. Gọi “*Indriya – quyền lực*”, có năng lực duy trì. Với *Cetanā* quyết định mọi sinh hoạt của tất cả Tâm Sở, nhưng với *Jīvitindriya – Mạng Quyền* thì duy trì sự sống vào *Cetanā* và các Tâm Sở khác.

Có hai loại *Jīvitindriya – Mạng Quyền*, là *Nāma Jīvitindriya – Danh Mạng Quyền*, tức là Tâm Sở Mạng Quyền; và *Rūpa Jīvitindriya – Sắc Mạng Quyền*. Với Tâm Sở Mạng Quyền duy trì sự sống của Tâm và các Tâm Sở (Danh Pháp), và Sắc Mạng Quyền thì duy trì sự sống của các Sắc Pháp. Cũng ví như sen trong đầm được nước nâng đỡ; cũng ví như em bé được bà vú nuôi chăm sóc và âm bông; còn Danh Pháp và Sắc Pháp thì được Mạng Quyền duy trì và nâng đỡ.

Một Sắc Mạng Quyền tồn tại trong mười bảy sát na Tâm. Mười bảy Danh Mạng Quyền liên tiếp sanh rồi diệt trong khoảng thời gian của một Sắc Mạng Quyền. Cũng ví như người chèo thuyền phải tùy thuộc vào chiếc thuyền, và chiếc thuyền thì tùy thuộc người chèo thuyền; cùng thế ấy, Mạng Quyền tùy thuộc vào Danh Pháp và Sắc Pháp, và Danh Pháp và Sắc Pháp tùy thuộc vào Mạng Quyền.

7. Tác Ý (*Manasikāra*): Pháp chủng lập ý và dắt dẫn Pháp Tương Ứng đến Cảnh. Đặc tính chính là quay Tâm hướng về Cảnh. Tác Ý ví như bánh lái của một chiếc tàu, bộ phận không thể không có để hướng tàu về đến nơi bến bờ.

Tâm không có Tác Ý (*Manasikāra*) thì cũng ví như tàu không có bánh lái.

Tâm Sở Tác Ý cũng có thể ví như người đánh xe song mã, ngồi trên xe chăm chú vào hai con ngựa (Danh Pháp và Sắc Pháp) chạy song song đều đặn.

+ Với bảy Tâm Sở vừa nêu trên được gọi là *Tâm Sở Biến Hành*, bởi do phối hợp được với tất cả Tâm. Khi chiết tự ra thì từ ngữ này có được ba câu là:

- “*Sabba+ Citta+ Sādhāraṇa*”, nghĩa là:
- “*Sabba – tất cả*”,
- “*Citta – Tâm*”,

- “*Sādhāraṇa* – chung, cùng khắp cả”.

Khi tập hợp lại ba từ ngữ này thành “*Sabbacittasādhāraṇa* – cùng khắp cả (biến mãn) đến tất cả Tâm”.

B. Sáu Tâm Sở Biệt Cảnh (*Pakiṇṇakacetasika* 6): đó là:

1. **Tầm (*Vitakka*):** Pháp chủng dắt dẫn Pháp Tương Ứng đi đến Cảnh, tức là khảo lự (tầm kiếm và tư duy) Cảnh.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Vi*” + “*takk* – suy tư”. Tâm Sở Tầm có ý nghĩa là sự gắn ghép, áp đặt các Tâm Sở đồng phát sinh vào Cảnh. Ở mặt khác, một khi được trau dồi và phát triển đầy đủ, thì Tâm Sở Tầm là một yếu tố đầu tiên của Thiền Na; với Chi Thiền Tầm của tầng Sơ Thiền, đem Tâm tầm kiếm đề mục Thiền Na, ví như ong bay tìm đến hoa.

Với Tâm Đạo Siêu Thế (*Lokuttara Magga Citta*) thì được gọi là Chánh Tư Duy (*Sammāsaṅkappa*), vì lẽ đã loại trừ các tư tưởng lầm lạc và đem Tâm đến Níp Bàn.

2. **Tứ (*Vicāra*):** Pháp chủng có việc dò xét phủ lấy Cảnh.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Vi*” + “*car* – đi thuyền thang bất định”. Tâm Sở Tứ có ý nghĩa là sinh hoạt liên tục của Tâm với Cảnh, quán sát, dò xét vào đối tượng. Một khi trau dồi và phát triển đầy đủ, thì Tâm Sở Tứ là một yếu tố của Thiền Na; với Chi Thiền Tứ của tầng Nhị Thiền, đưa Tâm đến quán sát đề mục Thiền Na, ví như ong bay lượn quanh quần đóa hoa.

3. **Thắng Giải (*Adhimokkha*):** Pháp chủng phán quyết Cảnh.

Xuất nguyên từ ngữ căn: “*Adhi* + *muc*”- phóng thích. Tâm Sở Thắng Giải có đặc tính là xác định, chọn lọc, ví như quan tòa phán quyết. Vì tính cách không lay chuyển của nó, do đó được ví như một cột trụ vững chắc.

4. **Cần (*Vīriya*):** Pháp chủng có sự sách tấn, sấn sụt trong Cảnh.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Aj* – có nghĩa đi” + “*Ir*”. Từ ngữ *Vīra* là người chuyên cần nỗ lực hoàn thành công việc của mình một cách liên tục.

Tâm Sở Cần có trạng thái, hoặc hành động của người cương quyết (*Vīraṇaṃ bhāvo, kammaṇ*), có ý nghĩa là Pháp được thực hiện hay hoàn tất đúng phương pháp (*Vidhiṇā trayitabbaṃ pavattetabbaṃ vā*). Tâm Sở Cần có đặc tính bảo hộ (*Upatthambana*), giữ vững (*Paggahana*), chống đỡ (*Ussahana*). Cũng ví như một ngôi nhà hư cũ nhờ những cây cột mới để chống đỡ; cùng thế ấy, Tâm Sở Cần hỗ trợ và nâng đỡ các Tâm Sở khác đồng phát sinh.

Theo chú giải *Atthasālini* có trình bày rằng “*Vīriya* – Tinh tấn, chuyên cần, cố gắng, tận lực, là căn nguyên của mọi thành tựu mỹ mãn”.

5. **Hỷ (*Pīti*):** Pháp chủng có sự hân hoan, vui thích ở trong Cảnh.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Pi*”, *hoan hỷ, thích thú*. Đặc điểm của Tâm Sở Hỷ là tạo thích thú cho đối tượng.

6. Dục (*Chanda*): Pháp chủng có sự mong muốn Cảnh.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Chad*”, mong ước, mong muốn. Đặc tính chánh yếu của *Chanda* là “*ước muốn làm*”, cũng như với tay nắm lấy một vật.

Có ba loại *Chanda* – Dục, là:

- *Kāmachanda* - *Tham Dục*: là khát vọng duyên theo lục trần, một trong năm Pháp Triền Cái (*Nīvaraṇa*). Đây là một thể loại Pháp Bất Thiện.
- *Kattukamyatā* – *Tác Dục*: là “*ước muốn làm*”, gồm cả hai thể loại, Bất Thiện và Thiện.
- *Dhammachanda* – *Pháp Dục*: là ước muốn chân chánh.

Chính vì ước muốn chân chánh này, đã thúc giục Thái Tử *Siddhattha* từ bỏ mọi thứ vui dục lạc của đời sống Vương Giả. Người Phật Tử hằng luôn có *Dhammachanda*, với ước muốn chân chánh, ngõ hầu chứng ngộ Níp Bàn. Quả thực đây không là sự tham ái.

Theo chú giải nhận xét như sau “Sự cố gắng quyết ý, hoặc ý chí là do *Cần* (*Viriya*). Trạng thái thích thú trong đối tượng là do *Hỷ* (*Pīti*). Có ý định liên quan đến đối tượng là do *Dục* (*Chanda*).

+ Với sáu Tâm Sở vừa nêu trên được gọi là *Tâm Sở Biệt Cảnh*, bởi do phối hợp hết các loại Tâm, tuy nhiên chỉ được vài phần, không là hết cả thấy.

Khi chiết tự thì từ ngữ này có được ba câu là: “*Pa + Kiṇṇa + Ka*” với ý nghĩa như sau:

- *Pa* – *một cách cùng khắp cả*”.
- *Kiṇṇa* – *biến địa giai thị (rải rác cùng khắp)*.
- *Ka* – *không có ý nghĩa một cách riêng biệt*”.

Tập hợp lại ba từ ngữ này thành “*Pakiṇṇaka*”- *rải rác một cách cùng khắp*.

Có nghĩa là sáu Tâm Sở này phối hợp được cùng khắp thể loại, được cả phần Hiệp Thế - Siêu Thế, phần Tịnh Hảo – Vô Tịnh Hảo, phần Thiện – Bất Thiện – Quả - Duy Tác, tuy nhiên không phải là phối hợp hết cả thấy.

Khác biệt với cách phối hợp của *Tâm Sở Biến Hành*, là phần phối hợp được chung cả thấy và tất cả. Tập hợp bảy *Tâm Sở Biến Hành* và sáu *Tâm Sở Biệt Cảnh* thì gọi là *Tâm Sở Tợ Tha*, bởi do những Tâm Sở này có thực tính thích hợp với Chủng Loại của tất cả các Pháp.

Chẳng hạn như, trong Tâm Sở Tịnh Hảo có Tín, hoặc trong Tâm Sở Vô Tịnh Hảo thì có Si chẳng hạn, thường là Pháp khác biệt đối với Tâm Sở Tợ Tha.

Tuy nhiên với Tâm Sở Tợ Tha thì lại hợp với Chủng Loại của cả hai nhóm Tâm Sở kể trên, do vậy mới phối hợp được với Tâm.

Khác biệt với Tâm Sở Tịnh Hảo, thì không thể tương tự với Tâm Sở Vô Tịnh Hảo được, hoặc Tâm Sở Vô Tịnh Hảo cũng không thể tương tự với Tâm Sở Tịnh Hảo được; bởi do vậy mới không thể phối hợp cùng nhau với Tâm được.

Khi chiết tự thì từ ngữ “*Aññasamāna*” này có được hai từ ngữ là:

- “*Añña + Samāna*”.
- “*Añña – Pháp khác*”.
- “*Samāna – giống nhau*”.

Tập hợp hai từ ngữ này lại thành “*Aññasamāna – tương tự với Pháp khác*”.

14 TÂM SỞ BẤT THIỆN (*Akusalacetāsika 14*)

A. Bốn Tâm Sở Si Phần (*Mocatukkacetāsika 4*), đó là:

1. Si Mê (*Moha*): Pháp chùng che lấp thực tính của Cảnh đang hiện bày, là sự mê mờ.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Muh*”- mê mờ, lầm lạc, ảo tưởng, và làm cho tâm mù quáng, không nhận định đúng và không thấy rõ thực tính Pháp. *Moha – Si Mê* là một trong ba căn Bất Thiện, và nằm trong tất cả các loại Tâm Bất Thiện. Nghịch nghĩa của *Moha – Si Mê*, là *Paññā – Trí Tuệ*. Đặc tính chánh của *Moha* là lẫn lộn, không thấy rõ bản chất của sự vật. *Moha* như đám mây mờ, bao phủ tri kiến liên quan đến Nghiệp Lực và Tứ Đế.

2. Vô Tàm (*Ahirika*): Pháp chùng không có sự hổ thẹn đối với Ác Hạnh.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*A + hirika*”- không có hổ thẹn, và Vô Tàm (*Ahirikkam = Ahirikam*). Người không có sự hổ thẹn khi làm điều Bất Thiện, được gọi là *Ahiriko*. Với người có sự hổ thẹn (*Hiri*) thì sẽ chùng bước, thối lui, trước hành động Bất Thiện; cũng ví như cọng lông gà co rút lại trước ngọn lửa. Người có *Ahirika – Vô Tàm*, thì có thể làm bất luận điều Bất Thiện nào và không có một chút rụt rè.

3. Vô Quý (*Anottappa*): Pháp chùng không có sự ghê sợ đối với Ác Hạnh.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Na + ava + tapp*”- bứt rứt, dầy vò.

Với *Ottappa – Quý*, là ghê sợ làm điều bất thiện, tức ghê sợ hậu quả của hành động bất thiện. *Anottappa – Vô Quý*, nghịch nghĩa của *Ottappa*, được ví như con thiêu thân bị cháy sém trên ngọn lửa. Một người biết sợ nóng ắt không thọc tay vào lửa, thế nhưng với con thiêu thân thì không ghê sợ hậu quả tai hại của hành động bay vào lửa, do đó, phải bị thiêu đốt.

Cùng thế ấy, một người có sự *Anottappa – Vô Quý*, không biết sợ hậu quả của hành động Bất Thiện, thì có thể làm bất cứ điều Ác nào, và cuối cùng ắt phải thọ lãnh Quả khổ đau trong Khổ Thú.

4. Trạo Cử (*Uddhacca*): Pháp chủng phóng dật, tức là thân bắt Cảnh không vững vàng.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*U*”- *trên, phía trên*, + căn “*Dhu*”- *chao động, rung chuyển*.

Có Pālī chú giải trình bày như sau:

“*Uddhutassa bhāvo Uddhuccam = Uddhaccam*” – Trạng thái tán loạn lao chao, ví như trạng thái tán loạn của đồng tro tàn khi người ta ném cục đá vào.

Đó là trạng thái tâm chao động, và nghịch nghĩa với trạng thái tâm an trụ. Là một trong năm Pháp Triền Cái (*Nivāraṇa, chướng ngại tinh thần*). Tâm Sở Trạo Cử đối nghịch với Chi Thiền Lạc.

Theo Chú giải *Atthasālini* có giải thích về *Uddhacca* – *Trạo Cử*, là trạng thái Tâm xao lãng, bồn khoăn lo âu, hoặc bối rối, không yên.

+ Bốn Tâm Sở vừa nêu trên được gọi là *Tứ Si Phần (Mocatuka)* vì lẽ đưa Tâm Sở Si lên làm chủ vị, và cũng chính bốn Tâm Sở này còn được gọi là “*Sabbākusalasādhāraṇacetāsika – Tâm Sở Bất Thiện Biến Hành*”, bởi do nhóm Tâm Sở này phối hợp trọn vẹn với tất cả 12 Tâm Bất Thiện.

B. Ba Tâm Sở Tham Phần (*Lotikacetāsika 3*), đó là:

1. Tham Lam (*Lobha*): Pháp chủng có sự mong cầu, và đắm nhiễm trong Cảnh Dục Trần.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Lubh*”- *bám chặt vào, hay cột lại, ái luyến, bám níu*. Từ ngữ Ái Dục cũng còn được dùng trong ý nghĩa tương đương với *Lobha*.

Một khi giác quan tiếp xúc với một đối tượng đáng được ưa thích duyệt ý, tức Trần Cảnh khả ái, thì thường có sự luyến ái hoặc sự bám níu phát sinh, đeo níu đối tượng và không buông bỏ.

2. Tà Kiến (*Diṭṭhi*): Pháp chủng có sự thấy sai chấp lầm trong Cảnh.

Nên ghi nhận, có sự khác biệt giữa *Moha – Si Mê* và *Diṭṭhi – Tà Kiến*. Si Mê che lấp, làm mê mờ đối tượng giống như một đám mây mờ bao phủ. Còn Tà Kiến liên quan đến quan kiến khur khur cố chấp vào ý tưởng của mình. Tà Kiến bác bỏ, không chấp nhận bản chất thực sự và nhìn sự vật một cách sai lầm. Nghịch nghĩa với Tà Kiến là *Chánh Kiến (Sammādiṭṭhi)*, hay là *Nàṇa – Trí Tuệ*.

3. Ngã Mạn (*Māna*): Pháp chủng có sự kiêu mạn, chấp tự ngã.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Man*”- *suy tư*. Ngã Mạn bao hàm ý nghĩa cống cao, tự cao tự đại. Ngã Mạn nếu tính theo hẹp thì có ba thể loại, đó là: *Ỗ Hơn, Ỗ Bằng, Ỗ Thua*. Và nếu tính theo rộng thì có được chín thể loại Pháp Ngã Mạn.

Cũng nên ghi nhận, là có sự khác biệt giữa Tà Kiến và Ngã Mạn.

Tà Kiến thì phát sinh khái niệm về “*Ta*” và “*Của Ta*” liên quan đến quan kiến sai lầm về *Tự Ngã*. Còn Ngã Mạn cũng phát sinh khái niệm về “*Ta*” liên quan

đến lòng *Vị Kỳ*. Do đó, hai Pháp này không bao giờ khởi sinh cùng một lúc trong một Tâm căn Tham.

Theo các nhà chú giải nhận xét và so sánh, *Ditṭhi* và *Māna* ví như hai mảnh hổ không thể cùng sống chung một khu rừng.

+ Ba Tâm Sở vừa nêu trên được gọi là “*Lotika – Tam Tham Phần*” là vì đưa Tâm Sở Tham lên làm chủ vị, và phối hợp với tất cả tám Tâm căn Tham.

C. Bốn Tâm Sở Sân Phần (*Docatukacetāsika* 4), đó là:

1. Sân Hận (*Dosa*): Pháp chủng tác nghiệp, gây nguy hại ở trong Cảnh.

Xuất nguyên từ ngũ căn “*Dus*”- không hài lòng, bất hỷ duyệt, bất mãn, bất toại nguyện. Còn gọi là “*Paṭigha*” – do ngũ căn “*Paṭi*”- chống lại, và “*gha*”- chạm vào, đụng vào, tiếp xúc”. Ác ý, thù hận, cũng được xem cùng ý nghĩa với *Paṭigha*. Một khi giác quan tiếp xúc với một đối tượng không đáng ưa thích thì có Tâm bất toại nguyện. Ở đâu có ác ý (*Paṭigha*) là có buồn phiền (*Domanassa*). Có buồn phiền là có bất toại nguyện, dưới hình thức thô thiển hay vi tế.

2. Tật Đố (*Issā*): Pháp chủng không có sự thỏa thích vừa lòng trong Tài Sản hoặc Thiện Công Đức của tha nhân.

Xuất nguyên từ ngũ căn “*I*” + căn “*su*”- đố kỵ, ganh ghét.

Đặc tính của *Issā* – Tật Đố, là ganh tỵ về sự thành công và thịnh vượng của tha nhân, và như vậy, Tật Đố có tính cách khách quan, bắt nguồn từ bên ngoài chủ thể.

3. Lận Sắc (*Macchariya*): Pháp chủng có sự cực độ ái tích về Tài Sản hoặc Thiện Công Đức của bản thân.

Có Pālī Chú Giải rằng “*Macchariyassa bhāvo = Macchariya*” là trạng thái của người bòn xén keo kiệt. Đặc tính của *Macchariya* là che đậy, dấu kín sự thịnh vượng của mình. Ngược lại với *Issā* thì *Macchariya* có tính cách chủ quan, bắt nguồn từ bên trong chủ thể. Và cả hai, *Issā* – Tật Đố, và *Macchariya* – Lận Sắc đều được xem là cùng chung nhóm của *Dosa* – Sân Hận.

4. Hối Hận (*Kukkucca*): Pháp chủng có sự rối loạn ở trong Tâm về Ác Hạnh đã tạo tác, và Thiện Hạnh không được tác hành.

Có Pālī Chú Giải rằng “*Kukatassa bhāvo = Kukkuccaṃ*” là trạng thái của người bồn chồn lo âu, hối hận vì đã có hành động sai lầm.

Theo Chú Giải, thì điều Bất Thiện đã làm là “*Ku + kata*”, và như vậy, ăn năn hối hận về một điều Bất Thiện đã làm là *Kukkucca*, và ăn năn hối tiếc điều Thiện đã bỏ qua không được làm, cũng là *Kukkucca*.

Trong Bộ Kinh Pháp Tụ (*Dhammasaṅgani*) đã có giải thích như sau:

“**Tại sao Hối Hận?**” – Với Tâm cho rằng điều hợp pháp là bất hợp pháp, cái Tâm cho rằng điều bất hợp pháp là hợp pháp; cái Tâm cho rằng không hợp đạo đức

là đạo đức, và điều hợp đạo đức thì cho rằng không hợp đạo đức – tất cả những trạng thái lo âu, sốt ruột, quá lo lắng, bứt rứt lương tâm, những mất mát tinh thần – đều được gọi là *Kukkucca*.

Và *Kukkucca* – *Hối Hận*, là một trong năm Pháp Triền Cái (*Nīvaraṇa*) và luôn đi chung với *Uddhacca* – *Trạo Cự*. Tâm Sở *Kukkucca* chỉ liên quan đến Quá Khứ.

+ Bốn Tâm Sở vừa nêu trên được gọi là “*Docatuka – Tứ Sân Phần*” là bởi do đưa Tâm Sở Sân làm chủ vị, và phối hợp với hai Tâm căn Sân.

D. Hai Tâm Sở Hôn Phần (*Thīḍukacetāsika 2*), đó là:

1. Hôn Trầm (*Thīna*): Pháp chủng làm cho Tâm bị muội lược, thối chuyển với Cảnh.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*The*”- *co rút lại* + “*na*”. Như vậy “*Thenā = thāna = Thīna*”. *Thīna* – *Hôn Trầm*, là trạng thái Tâm uơnon yếu bệnh hoạn, co rút lại, thối lui, ví như cọng lông gà trước ngọn lửa. *Thīna* – *Hôn Trầm* nghịch nghĩa với *Viriya* – *Tinh Tấn*.

Theo Chú Giải có trình bày về *Thīna* – *Hôn Trầm* là “*Citta - gelaṇṇam*”- *Trạng thái Tâm uơnon yếu bệnh hoạn*. Như vậy, *Thīna* nghịch nghĩa với “*Citta kammaṇṇatā* – *Tâm Thích*”, trạng thái thích hợp của Tâm, thuộc phần Tâm Sở Tịnh Hào.

2. Thùy Miên (*Middha*): Pháp chủng làm cho Tâm Sở bị muội lược, thối chuyển với Cảnh.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Middh*”- *không hoạt động*, không có phản ứng, không có khả năng. Đây là trạng thái uể oải, uơnon yếu, đã đuối, của Tâm Sở.

Cả hai, *Thīna* – *Hôn Trầm* và *Middha* – *Thùy Miên*, luôn luôn đi chung – là một trong năm Pháp Triền Cái (Hôn Thùy). Chi Thiền *Vitakka* – *Tâm* khắc phục *Hôn Thùy Triền Cái*. Tương tự với *Thīna* – *Hôn Trầm*, *Middha* – *Thùy Miên* nghịch nghĩa với *Viriya*; bởi do vậy, nơi nào có *Thīna* – *Middha* thì nơi đó không có *Viriya* – *Tinh Tấn*.

Theo Chú Giải có trình bày về *Middha* – *Thùy Miên* được giải thích là “*Kāya - gelaṇṇa*”- *Trạng thái uơnon yếu bệnh hoạn của “cơ thể tinh thần”*. Tại đây, từ ngữ “*Kāya*” không có nghĩa là cơ thể vật chất, hay sắc thân này, mà là *cơ cấu tổng hợp các Tâm Sở*, tức *Vedanā* (Thọ), *Sañṇā* (Tưởng), và *Saṅkhāra* (Hành). Do đó, *Middha* nghịch nghĩa với “*Kāyakammaṇṇatā* – *Thân Thích*”, một trạng thái thích hợp của Tâm Sở.

Trong Bộ Kinh Pháp Tụ (*Dhammasaṅgani*) đã có giải thích về hai Tâm Sở *Thīna* – *Hôn Trầm* và *Middha* – *Thùy Miên*, như sau:

- **Thūna – Hôn Trầm**, là trạng thái trí năng khó chịu, uể oải, không sẵn sàng làm, nặng nề, chậm chạp, dính mắc và không linh động; trạng thái trí thức cố thủ, bám níu, khur khur cố chấp, cứng ngắt một chỗ.
- **Middha – Thùy Miên**, là trạng thái cảm giác khó chịu, không sẵn sàng, có cảm giác như người bị liệt kín, bị bao phủ, bị ngăn chặn từ bên trong. Trạng thái đã dượt làm cho buồn ngủ, mê mờ, trạng thái Tâm Sở như mơ màng, thiu thiu ngủ, nửa tỉnh nửa mê.

+ Hai Tâm Sở này gọi là “**Thīduka – Nhị Hôn Phần**” bởi do hai Tâm Sở chỉ phối hợp với những Tâm Bất Thiện Hữu Dẫn (là 4 Tâm căn Tham Hữu Dẫn, 1 Tâm căn Sân Hữu Dẫn).

E. Một Tâm Sở Hoài Nghi (*Vicikicchācetasika 1*), đó là:

1. Hoài Nghi (*Vicikicchā*): Pháp chủng có sự nghi lự, bất quyết đoán (do dự trong lòng), như là phê bình lý luận ở trong Ân Đức Phật, Pháp, Tăng, v.v.

Theo Chú Giải đã nêu lên hai đường lối giải thích như sau:

- “**Vici**” = *Vicinanto* - tìm kiếm, hay dò xét tìm hiểu. “**Kicch**”- mệt mỏi, e ngại, bị phiền toái. Đó là trạng thái phiền phức do bận rộn, thắc mắc, suy nghĩ, ngờ vực, bất định.
- “**Vi**”- không có + *Cikicchā* – thuốc (của tri kiến).

Như vậy *Vicikicchā* là không được chữa trị bằng liều thuốc hiểu biết (tri kiến). Cả hai lối giải thích đều ám chỉ một trạng thái bất định, bối rối, phân vân, hoài nghi.

Dựa theo bộ Chú Giải của Trung Bộ Kinh thì có ghi nhận như sau: “Được gọi như vậy, vì lẽ không thể quyết định bất luận điều chi xác thực theo thực tính.”

+ Tập hợp lại, 14 Tâm Sở vừa nêu trên được gọi là *14 Tâm Sở Bất Thiện*, là do bởi chỉ phối hợp duy nhất với nhóm Tâm Bất Thiện mà thôi.

25 TÂM SỞ TỊNH HẢO (SOBHAṆACITTA 25)

A. Mười Chín Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành (*Sobhaṇasādhāraṇa cetasika 19*), đó là:

1/ Tín (*Saddhā*): Pháp chủng có đức tin và tín thành chân thực với Ân Đức Phật, Pháp, Tăng, và có đức tin về Nghiệp Lực và Nghiệp Quả.

Xuất nguyên từ ngữ căn “**Sam**”- tốt đẹp, + căn “**dah**”- thiết lập, đặt lên, đề trên. Theo Pālī Chú Giải, *Saddhā – Tín*, là niềm tin thiết lập vững chắc đặt trên Ân Đức Tam Bảo gồm có Phật Bảo, Pháp Bảo, và Tăng Bảo.

Đặc tính chánh yếu của *Saddhā* là thanh lọc, làm cho trong sạch, tinh khiết (*Sampasādana*) các Tâm Sở đồng phát sinh. *Saddhā* được ví như viên bảo ngọc của một vị Vua có đặc tính làm cho nước đục hóa tinh khiết. *Saddhā – Tín*, là niềm tin tưởng, tín nhiệm, căn cứ trên sự hiểu biết. *Saddhā – Tín* làm cho phiền não của Tâm lắng xuống, và làm cho Tâm trở nên trong sạch. *Saddhā – Tín* cũng là sự hiểu biết bằng cách trực giác chứng nghiệm, hoặc là sự hiểu biết được huân tập từ nhiều Kiếp Quá Khứ.

2/ Niệm (*Sati*): Pháp chủng có sự ghi nhớ lấy Cảnh liên quan với Thiện Nghiệp Lực, về Ân Đức Phật, Pháp, Tăng, v.v.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Sar*”- hồi nhớ, chú tâm, ghi nhớ. *Sati – Niệm* có khuynh hướng gọi hiện lên trước mắt những thiện pháp và không để cho các việc thiện bị lãng quên.

Đặc tính chánh của *Sati – Niệm* là “Không trôi đi” (*Apilāpana*). Không giống như trái bí, trái bầu, lu hũ nổi trôi trên mặt nước, *Sati – Niệm* trầm mình trong đề mục. Cũng nên biết rằng *Sati – Niệm* đặc biệt này không nằm trong các loại Tâm Bất Thiện. Trong Tâm Bất Thiện chỉ có *Tà Niệm (Micchāsati)*.

Trong Bộ Kinh *Pháp Tụ (Dhammasaṅgani)* có giải thích như sau:

“*Sati – Niệm* là ghi nhớ lại, đem Tâm trở lại đối tượng, sự chú tâm ghi nhớ, mang trong Tâm cái gì nghịch nghĩa với trạng thái nông cạn và lãng quên; sự chú tâm xem như một khả năng, sự chú tâm xem như một năng lực, chánh niệm.”

3/ Tàm (*Hiri*): Pháp chủng có sự không ưa thích và hổ thẹn với việc tạo tác Ác Hạnh.

4/ Quý (*Ottappa*): Pháp chủng có sự giựt mình ghê sợ đối với việc tạo tác Ác Hạnh.

Hai Tâm Sở *Hiri – Tàm* và *Ottappa – Quý* luôn đi chung với nhau.

Hiri – Tàm được phân biệt với trạng thái nhút nhát, rụt rè; và *Ottappa – Quý* được phân biệt với trạng thái sợ hãi, kinh hoàng. *Hiri – Tàm* khởi sinh từ ở bên trong, và *Ottappa – Quý* từ ở bên ngoài, do ngoại cảnh.

Ví dụ về cây thanh sắt, với một đầu của thanh sắt thì đốt nóng đỏ lên, và đầu kia thì thoa đồ dơ thúì vào. Ta không sờ tay vào đầu dơ thúì của thanh sắt vì ghê tởm, nhòem gớm; và không thể sờ vào đầu nóng kia vì sợ. Cùng thế ấy, *Hiri – Tàm* cũng tợ như đầu thanh sắt dơ thúì, và *Ottappa – Quý*, như đầu thanh sắt nóng.

Theo Nhà Chú Giải *Rhys Davids* giải thích rõ ràng về sự liên quan mật thiết giữa hai Tâm Sở này như sau:

- *Hiri – Tàm* có nghĩa là sự hổ thẹn (*Lajjā*), *Ottappa – Quý* có nghĩa là “nỗi ưu phiền đau khổ (*Ubbego*) về hành động Bất Thiện”.
- *Hiri – Tàm* bắt nguồn từ bên trong (*Attādhīpati – Bản Ngã Trưởng Thượng, Tự Trọng*), tự mình cảm nhận hổ thẹn, và *Ottappa – Quý* chịu ảnh

hưởng của xã hội (*Lokādhpati* – *Thế Gian Trưởng Thượng, Thế Trọng*), sợ xã hội dị nghị.

- *Hiri* – Tàm xây dựng trên sự hổ thẹn, và *Ottappa* – Quý trên sự sợ sệt.
- *Hiri* – Tàm tiêu biểu trạng thái nhất trí, và *Ottappa* – Quý, ghi dấu sự phân giải tình trạng hiểm nguy và ghê sợ lỗi lầm.

+ **Và nguồn gốc chủ quan của *Hiri* – Tàm có bốn:**

- (1) Ý niệm liên quan đến sự sanh trưởng.
- (2) Đến tuổi tác,
- (3) Đến giá trị,
- (4) Và đến sự giáo dục.

Qua đó, *Hiri* – Tàm sẽ suy tư rằng: “Chỉ con cái của hạng người ty liệt, như hạng nô lệ chẳng hạn, những người nghèo khó, đói khát, kém học, mới làm điều này”. Và vì nghĩ như vậy, người ấy đã tự chế, nhẫn nhịn không làm.

+ **Và nguồn gốc của *Ottappa* – Quý**, đó là ghê sợ hậu quả của hành động Bất Thiện, hiện hữu ở bên ngoài ta. Đó là khởi sinh ý niệm “hạng người thiện trí thức sẽ khiển trách ta”.

Nếu có *Hiri* – Tàm, biết hổ thẹn trước hành động Bất Thiện, Đức Phật Ngài dạy rằng, là vị chủ nhân tốt nhất của chính mình. Với người có nhiều nhạy cảm hơn, *Ottappa* – Quý, ghê sợ hậu quả của hành động Bất Thiện, thì các ông chủ của niềm tin là người hướng dẫn tốt nhất.

Trong khi *Hiri* – Tàm, suy gẫm về giá trị của sự sinh trưởng của Ta, về giá trị vị Giáo Thọ của Ta, về giai cấp của Ta, và của bạn hữu, các đồng môn với Ta; thì *Ottappa* – Quý, cảm thấy ghê sợ trước những phiền hà của chính ta, sự khiển trách của tha nhân, và quả báo ở trong một kiếp sống khác.

Với *Hiri* – Tàm và *Ottappa* – Quý được xem là hai yếu tố rất quan trọng chi phối thể gian. Thiếu đi hai yếu tố này rồi, thì không có một xã hội văn minh nào có thể tồn tại được.

5/ Vô Tham (*Alobha*): Pháp chủng không có sự mong cầu có được, và không dính mắc trong Cảnh Dục Trần.

Alobha – Vô Tham nghịch nghĩa với *Lobha* – Tham. *Alobha* – Vô Tham không phải chỉ có nghĩa là bất luyến ái, mà còn có ý nghĩa *Dāna* – Xả thí, lòng quảng đại, bao dung. *Alobha* – Vô Tham là một phẩm hạnh tích cực liên quan đến lòng vị tha. *Alobha* – Vô Tham là một trong ba căn Thiện. Ví như giọt nước trên lá sen, lăn trôi đi mà không dính mắc. Đặc tính chánh của *Alobha* – Vô Tham là buông bỏ, từ khước, phủi sạch, không đeo níu vật gì.

6/ Vô Sân (*Adosa*): Pháp chủng không làm nguy hại Cảnh.

Adosa – Vô Sân nghịch nghĩa với *Dosa* – Sân. *Adosa* – Vô Sân không phải chỉ là không có lòng sân hận, hoặc không có bất toại nguyện, mà còn là một phẩm hạnh tích cực. *Adosa* – Vô Sân cùng nghĩa với *Mettā* – Từ Ái, một trong bốn phẩm

hạnh cao thượng vô lượng vô biên, Tứ Phạm Trú. *Adosa – Vô Sân* là một trong ba căn Thiện; ví như một hão bằng hữu dễ chịu, có đặc tính không gắt gỏng, không nặng lời (*Caṇḍikka*).

**Bộ Chú Giải Atthasālini Đã Giải Thích Rộng Lớn Về Ba Căn Thiện:
Alobha (Vô Tham), Adosa (Vô Sân) Và Amoha (Vô Si)**

Trong cả ba căn Thiện có những đặc tính này, như sau:

1. *Alobha – Vô Tham*, có đặc tính là không gắt bó, không dính mắc trong mọi sự vật, tựa như giọt nước trên lá sen. Cơ năng của *Alobha – Vô Tham* là không chiếm hữu, ví như vị Tỳ Khuru đã siêu thoát (Vô Sinh). Biểu hiện của *Alobha – Vô Tham* là buông bỏ, phui sạch như người té vào đồng rác dơ bẩn.

2. *Adosa – Vô Sân* có đặc tính là không gắt gỏng hoặc gây phiền não, như một hão bằng hữu. Cơ năng của *Adosa – Vô Sân* là sát trừ trạng thái bức bối, phiền toái hay nóng nảy. Biểu hiện của *Adosa – Vô Sân* là dễ mến, dịu dàng, như ánh trăng rằm.

3. *Amoha – Vô Si* có đặc tính, cơ năng, v.v, liên quan với *Tâm Sở Paññindriya – Tuệ Quyền*.

4. Lại nữa, *Alobha – Vô Tham* nghịch nghĩa với ô nhiễm ích kỷ. *Adosa – Vô Sân* nghịch nghĩa với trạng thái bất tịnh (*Dussīlya*). *Amoha – Vô Si* nghịch nghĩa với trạng thái không phát triển những điều kiện đạo đức.

5. Lại nữa, *Alobha – Vô Tham* là nguyên nhân đưa đến đức quảng đại, Tâm xả thí. *Adosa – Vô Sân* đưa đến cuộc sống giới đức. *Amoha – Vô Si* đưa đến sự tu tập, hành thiền.

6. Do *Alobha – Vô Tham* không lấy cái gì đã có dư, vì người Tham lấy điều mình đã dư thừa. Do *Adosa – Vô Sân* lấy cái gì không ít, vì người Sân lấy cái gì ít. Do *Amoha – Vô Si* lấy cái gì chánh đáng, vì người Si chấp điều sai lầm.

7. Do *Alobha – Vô Tham*, trước một lỗi lầm hiển nhiên, thấy đúng thực tính của nó, và nhận thức theo sự đúng thực. Với người tham lam che giấu lỗi lầm. Do *Adosa – Vô Sân*, trước một đức tính hiển nhiên Ta thấy đúng thực tính của nó, và nhận thức theo đúng sự thực. Với người sân xóa bỏ, làm phai mờ đức tính. Do *Amoha – Vô Si*, Ta nhận thấy chân thực tính của mọi sự vật, và ghi nhận rõ ràng. Với người si mê thì thấy giả là thật, và thấy thật là giả.

8. Do *Alobha – Vô Tham*, sâu muộn không phát sinh khi xa cách người thân yêu “*Ái Biệt Ly*”, vì sự triu mến là bản chất cố hữu của người tham, cũng như không thể chịu đựng nổi tình trạng xa cách người thân yêu. Do *Adosa – Vô Sân*, sâu muộn không phát sanh khi sống chung với người không ưa thích “*Oán Tắng Hội*”, vì

trạng thái bất thỏa mãn là bản chất cố hữu của người sân, cũng như không thể chịu đựng sự kết hợp với người không ưa thích. Do *Amoha – Vô Si*, sâu muộn không phát sanh khi không đạt được điều mong muốn “*Cầu Bất Đắc*”, vì bản chất cố hữu của người si mê là luôn tự hỏi và mong mỏi sự đạt thành.

9. Do *Alobha – Vô Tham*, không phát sinh sự sâu muộn vì hiện tượng tái sinh, vì *Alobha – Vô Tham* là đối nghịch Ái Dục, và Ái Dục là nguyên nhân đưa đến tái sinh. Do *Adosa – Vô Sân*, không phát sinh sự sâu muộn vì tuổi già, vì người nhiều sân hận, tánh tình nóng nảy, mau già. Do *Amoha – Vô Si*, không phát sinh sự sâu muộn vì chết, vì *Amoha – Vô Si* không thấy hiện tượng chết là đau khổ, và người si mê lại thấy cái chết quả thật đau khổ.

10. Hàng Cư Sĩ sống thuận hòa với nhau nhờ vào *Alobha – Vô Tham*; với Bậc Xuất Gia thì sống thuận hòa nhờ vào *Amoha – Vô Si*; và tất cả chung sống thuận hòa với nhau nhờ vào *Adosa – Vô Sân*.

11. Cũng cần nên hiểu biết rằng, *Alobha – Vô Tham*, không tái sinh vào Cõi Ngạ Quỷ, vì do bởi Tham Dục thường dẫn Chúng Hữu Tình phải tái tục vào Cõi này. Do *Adosa – Vô Sân*, không tái sinh vào Cõi Địa ngục, vì do bởi Sân hận, bản tánh quạu quọ, gắt gỏng thường dẫn Chúng Hữu Tình tái tục vào trong Cõi này. Do *Amoha – Vô Si*, không tái sinh vào Cõi Súc sanh, vì do bởi Si Mê thường dẫn Chúng Hữu Tình vào trong Cõi này.

12. Trong cả ba đức tánh, thì *Alobha – Vô Tham* thúc giục ra khỏi ảnh hưởng chi phối của Tham Ái; do *Adosa – Vô Sân* thúc giục ra khỏi ảnh hưởng của Sân Hận; và do *Amoha – Vô Si* thúc giục ra khỏi ảnh hưởng của Si Mê.

Hơn nữa, do cả ba đức tánh này, phát sinh ba ý niệm tương ứng:

- Ý niệm tương ứng về sự từ khước (ly dục),
- Ý niệm tương ứng về sự vô sân (không sân hận),
- Ý niệm tương ứng về sự bất hại (không gây tổn hại); và ý niệm về sự ghê tởm, về các Phạm Hạnh cao thượng.

13. Do *Alobha – Vô Tham* sát trừ về cực đoạn lợi dưỡng. Do *Adosa – Vô Sân* sát trừ về cực đoạn khổ hạnh. Và do *Amoha – Vô Si* trau dồi tu tập theo hạnh Trung Đạo.

14. Do *Alobha – Vô Tham* sát trừ dây trói buộc của Tham Ái. Do *Adosa – Vô Sân*, sát trừ dây Sân Hận. Và do *Amoha – Vô Si* sát trừ hai dây trói buộc của Giới Cầm Thủ và Kiến Chấp Thủ (độc đoán tin rằng chỉ có cái này là chân lý).

15. Trong Tứ Niệm Xứ, do bởi năng lực của *Alobha – Vô Tham* và *Adosa – Vô Sân*, hai chi đầu tiên (là Niệm Thân và Niệm Thọ) được thành tựu. Và do năng lực của *Amoha – Vô Si*, thì hai chi sau được thành tựu (là Niệm Tâm và Niệm Pháp).

16. Do *Alobha – Vô Tham*, dắt dẫn đến sức khỏe, vì không còn ham mê đeo níu theo những gì lôi cuốn, và chỉ làm theo những điều thích hợp với mình, bởi do đó được khỏe mạnh. Do *Adosa – Vô Sân*, đưa đến sự trẻ trung, vì không bị lửa sân thiêu đốt, không có sự sân hận, nên giữ được sự trẻ trung lâu dài. Và do *Amoha – Vô Si*, dẫn đến cao niên đắc lão, vì biết phân biệt được điều thích hợp và tránh những điều không thích hợp, do đó được tuổi thọ lâu dài.

17. Do *Alobha – Vô Tham*, đưa đến giàu có thịnh vượng, vì do sự Xả Thí, quả trở sinh được tài sản sự nghiệp. Do *Adosa – Vô Sân*, đưa đến nhiều người thương mến, vì do Từ Ái, quả trở sinh đưa đến thêm bạn hữu. Và do *Amoha – Vô Si*, đưa đến những thành tựu cá nhân viên mãn, vì do bởi Trí Tuệ chỉ làm những điều lợi ích cho mình, tự điều chế bản thân.

18. Do *Alobha – Vô Tham* đưa đến đời sống của Thiên Giới. Do *Adosa – Vô Sân* đưa đến đời sống của Phạm Thiên Giới. Và do *Amoha – Vô Si* đưa đến đời sống bậc Thánh Nhân.

19. Do *Alobha – Vô Tham*, đời sống an vui với những tài sản đã thu thập, giữa những người và vật thuộc nhóm quen thuộc của mình, vì không còn luyến ái, khi những người và vật bị mất mát hoặc bị hoại diệt, thì không khởi sinh sự đau buồn nuối tiếc. Do *Adosa – Vô Sân*, đời sống an vui giữa những người và vật thuộc nhóm không quen biết của mình, vì không còn sân hận, không chất chứa tình cảm bất thân thiện, dù cho sống giữa những người thù nghịch. Và do *Amoha – Vô Si*, sống an vui giữa những người và vật không thuộc phe nhóm nào, vì lẽ Trí Tuệ đã dứt bỏ mọi luyến ái.

20. Do *Alobha – Vô Tham*, có Tuệ Minh Sát sâu sắc liễu tri Thực Tướng Vô Thường, vì lòng tham ái ham muốn thụ hưởng, đã che lấp Thực Tướng Vô Thường. Do *Adosa – Vô Sân*, có Tuệ Minh Sát sâu sắc liễu tri Thực Tướng Khổ Đau, vì lẽ thăm thị các Pháp đều đau khổ, do bởi bao sự cố chấp, nguyên nhân của lòng bất toại nguyện. Và do *Amoha – Vô Si*, có Tuệ Minh Sát sâu sắc liễu tri Thực Tướng Vô Ngã, vì lẽ nhận định rõ ràng Chân Như Thực Tính của Ngũ Uẩn, và các Pháp đều là Vô Ngã.

21. Trong bộ Chú Giải *Atthasālini* đã có giải thích rằng:

“Với người quả thật đã liễu tri tường tận rằng chân như thực tính của sự vật này là Vô Thường, thì có còn khởi sinh lòng ham muốn sự vật này nữa không?”

“Với người quả thật đã liễu tri tường tận rằng chân như thực tính của sự vật này là Khổ Đau, thì có còn khởi sinh trạng thái đau khổ khác nữa do lòng sân hận quá độ không?”

“Với người quả thật đã liễu tri tường tận rằng chân như thực tính của sự vật này là Vô Ngã, thì có còn khởi sinh sự ảo tưởng hiện hữu của sự vật này nữa không?”

7/ Trung Gian (*Tatramajjhataṭā*): Pháp chủng làm cho Tâm và Tâm Sở quân bình trong mỗi sự việc của bản thân, không có việc tăng giảm.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Tatra - ở đó*”, tức là Cảnh, đối tượng; “*Majjhataṭā - ở khoảng giữa*”, là quân bình, không thiên hướng về bên nào.

Đặc tính chánh yếu của *Tatramajjhataṭā - Trung Gian* là nhìn đối tượng một cách vô tư, bất thiên vị, ví như người đánh xe nhìn đồng đều vào cặp ngựa đã được huấn luyện thuần thục. Đôi khi *Tatramajjhataṭā* và *Upekkhā* được dùng như đồng nghĩa. Do đó, khi liệt kê các Tâm Sở Vô Lượng Phần không còn đề cập đến *Upekkhā - Xả* nữa. Chính vì Tâm Sở này đồng sinh khởi với những Tâm Thiện câu hành Xả Thọ (*Upekkhāsahagata Kusala Citta*). Và cũng chính *Tatramajjhataṭā - Trung Gian* này, khi được phát triển lên cao và đã được xem như là một trong bảy yếu tố của sự giác ngộ (*Bojjhaṅga - Đẳng Giác Phần*).

Trong chú giải Pālī có trình bày: “*Upekkhā satipārisuddhi - Xả Niệm Thanh Tịnh*”- Sự trong sạch của sự ghi nhớ sinh khởi do bởi trạng thái bình thản, hoặc *Tâm Xả (Upekkhā)* được đề cập ở đây là *Tatramajjhataṭā*, về cả hai phương diện, trí thức và đạo đức.

Cũng cần nên hiểu biết rằng Chi Thiện *Upekkhā - Xả*, là một hình thức vi tế của Tâm Sở *Tatramajjhataṭā - Trung Gian*, bình thản, quân bình. Còn trong những Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, Tâm Sở *Tatramajjhataṭā - Trung Gian* hiện bày như là một cảm giác không vui không buồn, tế nhị vô tư, và có sự hiểu biết phân giải rõ rệt.

8/ Thân An (*Kāyapassaddhi*): Pháp chủng có sự an tịnh yên lặng ở ba Uẩn Tâm Sở trong các Thiện Hạnh.

9/ Tâm An (*Cittapassaddhi*): Pháp chủng có sự an tịnh yên lặng ở Tâm trong các Thiện Hạnh.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Pa + Sambh*”- làm cho an tịnh, yên lặng. *Passaddhi* là trạng thái an tịnh, yên lặng, tự tại. Đặc tính chánh của *Passaddhi - An Tịnh*, là diệt trừ, hoặc làm dịu bớt trạng thái sự sôi sục của Tham Dục (*Kilesadaratha vūpasama*).

Passaddhi - An Tịnh ví như tàn cây bóng mát đối với người đi đường đang bị nắng thiêu đốt. *Passaddhi - An Tịnh* nghịch nghĩa với *Uddhacca - Trạo Cử*, phóng dật, trạng thái tâm bị khích động. Có cả hai thể loại trạng thái an tịnh, một thuộc về Thân, gồm Thọ (*Vedanā*), Tưởng (*Saññā*) và Hành (*Sanṅkhāra*); và một thuộc về Tâm, là tất cả các Tâm Thức. Như vậy, *Kāyapassaddhi - Thân An* là trạng thái an tịnh của các Tâm Sở, và *Cittapassaddhi - Tâm An* là trạng thái an tịnh của Tâm Thức.

10/ Thân Khinh (*Kāyalahutā*): Pháp chủng có sự nhẹ nhàng ở cả ba Uẩn Tâm Sở trong các Thiện Hạnh.

11/ Tâm Khinh (*Cittalahutā*): Pháp chủng có sự nhẹ nhàng ở Tâm trong các Thiện Hạnh.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Laghu*”- là nhẹ, mềm, mau lẹ. *Lahutā* – Khinh Nhu, là trạng thái nhẹ nhàng, thư thái. Đặc tính chánh của *Lahutā* – Khinh Nhu, là diệt trừ trạng thái nặng nề của Tâm và Tâm Sở. *Lahutā* – Khinh Nhu ví như đặt gánh nặng xuống. *Lahutā* – Khinh Nhu nghịch nghĩa với *Thīna* và *Middha* (Hôn Thùy) làm cho Tâm Sở và Tâm nặng nề, và thô cứng.

12/ Thân Nhu (*Kāyamudutā*): Pháp chủng có sự mềm dịu ở ba Uẩn Tâm Sở trong các Thiện Hạnh.

13/ Tâm Nhu (*Cittamudutā*): Pháp chủng có sự mềm dịu ở Tâm trong các Thiện Hạnh.

Đặc tính chánh của *Mudutā* – Nhu Thuận, là diệt trừ trạng thái thô cứng và đề kháng. *Mudutā* – Nhu Thuận làm mất đi tính cách thô cứng, và làm cho Tâm trở nên mềm dẻo, nhu thuận để tiếp thu đối tượng. *Mudutā* – Nhu Thuận, ví như một tấm da có thấm dầu và nước đầy đủ, trở nên mềm dẻo, và có thể sử dụng được dễ dàng. *Mudutā* – Nhu Thuận nghịch nghĩa với *Diṭṭhi* – Tà Kiến và *Māna* – Ngã Mạn, làm cho Tâm Sở và Tâm thô cứng, bất nhu thuận, và khó sử dụng.

14/ Thân Thích (*Kāyakammaññatā*): Pháp chủng có sự thích hợp ở ba Uẩn Tâm Sở trong các Thiện Hạnh.

15/ Tâm Thích (*Cittakammaññatā*): Pháp chủng có sự thích hợp ở Tâm trong các Thiện Hạnh.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Kamma+nya+tā = Kammanyatā = Kammaññatā*”- là trạng thái dễ dàng sử dụng, hoặc tình trạng có thể dùng. Đặc tính chánh của *Kammaññatā* – Thích Ứng, là diệt trừ trạng thái khó dạy, không dùng được, khó sử dụng, của các Tâm Sở và Tâm. *Kammaññatā* – Thích Ứng, ví như kim loại đã được đốt nóng, dễ uốn nắn theo như ý sở cầu. *Kammaññatā* – Thích Ứng nghịch nghĩa với tất cả các Pháp Triền Cái còn lại (là Tham Dục, Oán Hận, và Hoài Nghi).

Trong bộ Chú Giải *Atthasālini* có ghi nhận rằng, hai cặp Tâm Sở này, *Mudutā* – Nhu Thuận và *Kammaññatā* – Thích Ứng, tạo nên trạng thái tịnh lặng trong những sự việc thuận tiện, khi hành Thiện, và thích ứng, nhu thuận.

16/ Thân Thuần (*Kāyapāguññatā*): Pháp chủng có sự thuần thực ở ba Uẩn Tâm Sở trong các Thiện Hạnh.

17/ Tâm Thuần (*Cittapāguññatā*): Pháp chủng có sự thuần thực ở Tâm trong các Thiện Hạnh.

Đặc tính chánh của *Pāguññatā* – Thuần Thực, là diệt trừ trạng thái uơnon yếu bệnh hoạn của Tâm và Tâm Sở. *Pāguññatā* – Thuần Thực nghịch nghĩa với sự thiếu niềm tin.

18/ Thân Chánh (*Kāyujjukatā*): Pháp chủng có sự chánh trực ở ba Uẩn Tâm Sở trong các Thiện Hạnh.

19/ Tâm Chánh (*Cittujjukatā*): Pháp chúng có sự chánh trực ở Tâm trong các Thiện Hạnh.

Đặc tính chánh của *Kāyujjukatā* và *Cittujjukatā* là ngay thẳng, nghịch nghĩa với trạng thái xiêu vẹo, quanh co, khuất khúc, lừa phỉnh, mưu mẹo.

Trong tất cả các Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành thì có sáu loại Tâm Sở là: *Tâm Sở An*, *Tâm Sở Khinh*, *Tâm Sở Nhu*, *Tâm Sở Thích*, *Tâm Sở Thuần*, *Tâm Sở Chánh*, làm thành đôi với nhau mới đặng có 12 cái; cộng chung lại với các Tâm Sở Tín, v.v., thành *Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành* có được 19 cái. Và được gọi là *Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành* là bởi do phối hợp được hết tất cả các Tâm Tịnh Hảo.

Khi chiết tự thì từ ngữ này có được hai từ ngữ, đó là: “*Sobhana + sādharma*”. Từ ngữ “*Sobhana*”- *tịnh hảo, tốt đẹp, không có tội lỗi*. Từ ngữ “*Sādharma*”- *chung, biến hành, cùng khắp cả*.

Tập hợp cả hai từ ngữ này lại thành “*Sobhanasādharma*”- *cùng khắp cả trong các Tâm Tịnh Hảo, phần tốt đẹp, không có tạo tội lỗi*.

B. Ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần (*Virāṭicetasika* 3), đó là:

1/ Chánh Ngữ (*Sammāvācā*): Việc nói lên những ngôn từ ở bên ngoài phần Tứ Ngữ Ác Hạnh, và không có liên quan đến công việc sinh kế. Nghịch nghĩa với Tà Ngữ.

2/ Chánh Nghiệp (*Sammākammanta*): Việc tạo tác hành động ở bên ngoài phần Tam Thân Ác Hạnh, và không có liên quan đến công việc sinh kế. Nghịch nghĩa với Tà Nghiệp.

3/ Chánh Mạng (*Sammājīva*): Việc nuôi mạng sinh kế ở bên ngoài phần Tứ Ngữ Ác Hạnh và Tam Thân Ác Hạnh. Nghịch nghĩa với Tà Mạng.

Ba Tâm Sở vừa nêu trên được gọi là Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, là do bởi *Tâm Sở Tư (Cetanā – Tác Ý)* ở bên ngoài phần Ác Hạnh làm chủ vị.

Chú giải: Xuất nguyên từ ngữ căn “*Vi + Ram*”- *thỏa thích trong*.

Virati là tiết chế, thỏa thích trong sự kiêng cử, ngăn ngừa.

Theo bộ Chú Giải *Atthasālini* có trình bày ba thể loại *Virati* (Ngăn Trừ Phần) như sau:

- (1) *Samādāna Virati* – *Giới Nguyện Trì*: là kiêng cử tránh làm những điều Bất Thiện, vì đó là vi phạm Giới Luật mà mình đã tự nguyện nghiêm trì. Thí dụ: người Phật Tử kiêng cử không sát sanh, trộm cắp, v.v., để giữ tròn Ngũ Giới.
- (2) *Sampatta Virati* – *Giới Ngăn Ngừa*: là kiêng cử tránh làm những điều Bất Thiện vì nghĩ đến dòng dõi tông môn, đến tuổi tác, đến sự giáo dục, v.v., của bản thân mình.
- (3) *Samuccheda Virati* – *Giới Sát Trừ*: là Giới Hạnh của một Thánh đệ tử, không làm điều Bất Thiện, vì đã tận diệt mọi căn cội Bất Thiện.

Trong hai trường hợp đầu, *Samādāna Virati* – Giới Nguyên và *Samādāna Virati* – Giới Ngăn Ngừa, thì những quy tắc tốt đẹp còn có thể bị vi phạm, nhưng với trường hợp các bậc Vô Sinh (Alahán) thì không bao giờ có xảy ra, vì các Ngài đã hoàn toàn tận diệt mọi lậu hoặc và Ái Dục.

Điều cần lưu ý rằng, cả ba Tâm Sở này đồng cùng sanh một lúc ở trong Tâm Siêu Thế (*Lokuttaracitta*). Còn trong những trường hợp khác, thì cả ba Tâm Sở này sinh khởi riêng rẽ, vì đây là ba Tác Ý (*Cetanā*) riêng biệt.

Khi hiện hữu trong Tâm Siêu Thế (*Lokuttaracitta*), thì cả ba Tâm Sở này được xem là ba Chi Đạo – Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, của *Chi Đạo* (*Magganga*) và hợp thành nhóm *Sīla* – Giới Đạo.

Sammādiṭṭhi – Chánh Kiến và *Sammāsankappa* – Chánh Tư Duy, kết hợp lại thành nhóm *Paññā* – Tuệ Đạo, được hàm chứa trong các Tâm Sở *Paññindriya* – Tuệ Quyền và *Vitakka* – Tầm.

Sammāvāyāma – Chánh Tinh Tấn, *Sammāsaṭi* – Chánh Niệm, và *Sammāsamādhī* – Chánh Định, được hàm chứa trong các Tâm Sở Cần, Niệm, và Nhất Thống.

Sammāvācā – Chánh Ngữ, là kiêng cử tránh xa Vọng Ngữ (*Musāvāda*), Ly Gián Ngữ (*Pisunāvācā*), Thô Ác Ngữ (*Pharusavācā*), và Hồ Ngôn Loạn Ngữ (*Sampapphalāpa*).

Sammākammanta – Chánh Nghiệp, là kiêng cử tránh xa Sát Mạng (*Pānātipāta*), Thâu Đạo (*Adinnādāna*), và Tà Hạnh Tính Dục (*Kāmesumicchācāra*).

Sammā Ājīva – Chánh Mạng, là kiêng cử tránh xa việc buôn bán độc dược, buôn bán các chất say, buôn bán vũ khí, buôn bán nô lệ, và buôn bán thú vật để làm thịt.

C. Hai Tâm Sở Vô Lượng Phần (*Appamaññācetasika* 2): đó là:

1/ *Bi Mẫn* (*Karuṇā*): Pháp chúng có sự trắc ẩn với Chúng Hữu Tình bị khổ đau, là người mà đang bị đón nhận sự thống khổ, hoặc sẽ phải bị đón nhận sự thống khổ vào Thời Kỳ Vị Lai.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Kar*”- làm ra, chế tạo + “*una*”. Pháp làm rung động trái tim của người hiền lương nhân đức trước cảnh ưu phiền thống khổ của kẻ khác, tức là *Karuṇā* – Bi Mẫn. Pháp làm tan biến nỗi ưu phiền đau khổ của kẻ khác là *Karuṇā* – Bi Mẫn.

Đặc tính chánh của *Karuṇā* – Bi, là lòng *ñā* mong muốn tiêu trừ nỗi thống khổ của người khác. Kẻ thù trực tiếp của *Karuṇā* – Bi Mẫn là *Himsā* – Hung Bạo, và kẻ thù gián tiếp là *Domanassa* – Ưu Thọ. *Karuṇā*- Bi Mẫn những Chúng Hữu Tình thống khổ. *Karuṇā* – Bi Mẫn loại bỏ những tư tưởng hung bạo.

2/ Tùy Hỷ (*Muditā*): Pháp chúng có sự vui mừng với Chúng Hữu Tình được an vui, là người mà đang được đón nhận sự an vui, hoặc sẽ được đón nhận an vui trong Thời Kỳ Vị Lai.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Mud*”- hoan hỷ, hài lòng. *Muditā* – Tùy Hỷ, không phải là một thiện cảm suông, mà là trạng thái hoan hỷ có tánh cách tán dương, vui vẻ ngợi khen.

Đặc tính chánh của *Muditā* – Tùy Hỷ, là lòng hoan hỷ ghi nhận sự thịnh vượng của kẻ khác (*Anumodanā*). Kẻ thù trực tiếp của *Muditā* – Tùy Hỷ là lòng *Issā* - Tật Đố, ganh tỵ, và kẻ thù gián tiếp là *Pahāsa* - vui mừng rồi rít. *Muditā* – Tùy Hỷ những Chúng Hữu Tình được an vui thịnh vượng. *Muditā* – Tùy Hỷ loại trừ sự ganh ghét (*Arati*).

Hai Tâm Sở vừa nêu trên được gọi là *Appamaññācetasika* - Tâm Sở Vô Lượng Phần, là do bởi nương sinh theo Chúng Hữu Tình bị thống khổ hoặc được an vui, một cách bao la rộng lớn và vô hạn định.

Bộ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo Giảng Giải Rộng Lớn Về Tứ Vô Lượng Tâm

Từ ngữ “*Appamaññā* – Vô Lượng”- vì có rất nhiều đối tượng, nhiều vô số kể, không có biên giới, vô giới hạn. Còn được gọi là *Brahmavihāra* – Phạm Trú, là chỗ nương trú của đời sống Phạm Hạnh. Có tất cả bốn thể loại Pháp chúng, đó là: *Mettā* – Từ Ái, *Karūṇā* – Bi Mẫn, *Muditā* – Tùy Hỷ, và *Upekkhā* – Hành Xả.

Mettā – Từ Ái hàm chứa trong Tâm Sở *Adosa* – Vô Sân. Và *Upekkhā* – Hành Xả hàm chứa trong Tâm Sở *Tatramajjhataṭṭā* – Trung Gian.

1/ Từ Ái (*Mettā*): Pháp chúng làm êm dịu tâm trí, hay tâm tánh dịu hiền của người bạn hiền lành, chính là *Mettā* – Từ Ái.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Mid*”- làm êm dịu, thương yêu, trạng thái của hảo bằng hữu. *Mettā* – Từ Ái, bao gồm những ý nghĩa thiện chí, từ ái, tình thương vì lòng tốt đẹp.

Đặc tính chánh của *Mettā* – Từ Ái là thái độ từ ái. Kẻ thù trực tiếp của *Mettā* – Từ Ái là sự sân hận, hay ác ý (*Kodha*), và kẻ thù gián tiếp là tình thương vị kỷ (*Pema*). *Mettā* – Từ Ái bao trùm tất cả Chúng Hữu Tình, không phân biệt một Chúng Hữu Tình nào. Đỉnh cao của *Mettā* – Từ Ái là tự chan hòa, tự đồng nhất với tất cả Chúng Hữu Tình. *Mettā* – Từ Ái, với lòng thành thật ước mong tất cả Chúng Hữu Tình có được sự tốt đẹp và an lành. *Mettā* – Từ Ái lánh xa sự ác ý.

2/ Hành Xả (*Upekkhā*): Xuất nguyên từ ngữ căn “*Upa*”- một cách vô tư, công bằng + căn “*Ikkh*”- thấy, nhìn, xem. *Upekkhā* – Hành Xả, là thẩm thị một cách vô tư, không luyến ái cũng không bất toại nguyện.

Đặc tính chánh của *Upekkhā – Hành Xả* là một trạng thái quân bình vô tư. Kẻ thù trực tiếp của *Upekkhā – Hành Xả* là khao khát ham muốn (*Rāga*), và kẻ thù gián tiếp là trạng thái thờ ơ lãnh đạm một cách thần nhiên, không có suy tư. *Upekkhā – Hành Xả* loại bỏ sự luyến ái và lòng bất mãn. *Upekkhā – Hành Xả* bao gồm tất cả người tốt và xấu, người thương và ghét, những vật vừa lòng và vật không vừa lòng, hạnh phúc và đau khổ, và những cặp đối nghịch tương tự.

Trong bộ Chú Giải *Visuddhimagga – Thanh Tịnh Đạo* của Ngài Trưởng Lão Giáo Thọ *Buddhaghosa* đã có chú giải một cách đầy đủ chi tiết về *Tứ Phạm Trú (Brahmavihāra)* như sau:

- (1) Đặc tính chánh của Tâm Từ Ái là bền chí theo đuổi đức tánh từ ái. Lòng triu mến vị kỷ là biểu hiện giả dạng (*Vipatti*) của Tâm Từ Ái (*kẻ thù gián tiếp*).
- (2) Đặc tính chánh của Tâm Bi Mẫn là sự chia sẻ và làm suy giảm nỗi đau khổ của chúng sanh. Nước mắt và những bi lụy là biểu hiện giả dạng của Tâm Bi Mẫn (*kẻ thù gián tiếp*).
- (3) Đặc tính chánh của Tâm Tùy Hỷ là lòng thành thật ngợi khen sự thành tựu mỹ mãn của chúng sanh. Vui cười hỷ hả và những hình thức cười giỡn là biểu hiện giả dạng của Tâm Tùy Hỷ (*kẻ thù gián tiếp*).
- (4) Đặc tính chánh của Tâm Hành Xả là tâm quân bình với trí tuệ sáng suốt, nhìn thấy rõ lý Nghiệp Báo của chúng sanh, làm suy giảm những khao khát dục vọng. Trạng thái thần nhiên lãnh đạm thờ ơ là biểu hiện giả dạng của Tâm Hành Xả (*kẻ thù gián tiếp*).

Tương tự như thế, Ngài Trưởng Lão Giáo Thọ *Buddhaghosa* cũng đề cập đến bốn đức tánh của *Tứ Phạm Trú* này, nếu hành giả tu tập một cách chuyên cần thì sẽ diệt trừ tận gốc rễ những Pháp nghịch trong đời sống hằng ngày, là:

- (1) Với Tâm Từ Ái thì sẽ diệt trừ được lòng thù hận (*Vyāpāda*).
- (2) Với Tâm Bi Mẫn thì sẽ diệt trừ được sự hung bạo (*Viheṣa*).
- (3) Với Tâm Tùy Hỷ thì sẽ diệt trừ được sự bất mãn nóng nảy (*Arati*).
- (4) Với Tâm Hành Xả thì sẽ diệt trừ được sự khao khát dục vọng (*Rāga*).

Và lại,

- Tâm Từ Ái và sự thù hận không bao giờ đi chung. Tuy nhiên, Tâm Từ Ái và đối tượng của nó khi quá gần gũi thì Tâm Từ Ái lại bị lòng luyến ái đe dọa chi phối. Về phương diện này, cần phải thận trọng và bảo vệ Tâm Từ Ái.
- Tâm Bi Mẫn và sự hung bạo không bao giờ đi chung. Tuy nhiên, lòng bi mẫn đối với chính mình, tự thương xót bản thân, và tự gấn bó khấn khít vào điều mà bản thân không có hay đã mất, về nỗi buồn mơ hồ tầm thường, sẽ là mối đe dọa của Tâm Bi Mẫn.
- Tâm Tùy Hỷ và sự bất mãn nóng nảy không bao giờ đi chung. Tuy nhiên, sự hoan hỷ với điều gì mình đang có, hoặc vui thích với những hạnh phúc thể tục

vị kỷ, sẽ làm mất đi ý nghĩa cao thượng của Tâm Tùy Hỷ, là vui mừng ngợi khen những sự tốt đẹp của người khác.

- Tâm Hành Xả và sự khao khát dục vọng không bao giờ đi chung. Tuy nhiên, sự lãnh đạm không sáng suốt của người thế tục, không vượt qua được những giới hạn cũng như không nắm vững về Nhân và Quả, vì lẽ không có đủ khả năng để vượt qua khỏi sự vật bên ngoài, là một trở ngại quan trọng của Tâm Hành Xả.

Ngài Trưởng Lão Giáo Thọ *Buddhaghosa* cũng đã có nhận xét về đức tánh cao quý của Tứ Phạm Trú, và gọi là “*Appamañña*”- Vô Lượng. Và đã dẫn chứng với thí dụ điển hình về câu chuyện của một người Mẹ và bốn con, như sau:

- (1) Lòng ước muốn cho đứa con trẻ sơ sinh được mau chóng lớn, là Tâm Từ ái (*Mettā*).
- (2) Lòng ước muốn cho đứa con trẻ đang bị bệnh, cho sớm mau được bình phục, là Tâm Bi Mẫn (*Karuṇā*).
- (3) Lòng ước muốn cho đứa con trẻ được thành tựu viên mãn việc học hành, là Tâm Tùy Hỷ (*Muditā*).
- (4) Lòng ước muốn cho đứa con trẻ được bình yên ổn định trong công ăn việc làm, là Tâm Hành Xả (*Upekkhā*).

D. Một Tâm Sở Tuệ Quyền (*Paññindriyacetasika 1*), đó là:

1. Trí Tuệ (*Paññā*): Pháp chủng liễu tri một cách xác thực toàn diện Pháp Thực Tính.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Pa*”- chân chánh, đúng đắn, “*nā*”- hiểu biết, liễu tri. *Paññā* là hiểu biết chân chánh, biết đúng.

Đặc tính chánh của *Paññā* – Trí Tuệ, là thấu đạt thực tướng, hay hiểu biết thông suốt, tức là hiểu biết thấu đáo, xuyên thấu (*Yathāsabhāva pativedho vā akkhalita pativedho*). Được gọi là Tuệ Quyền vì lẽ có quyền lực và có khả năng trong phần lớn liễu tri bản chất Thực Tướng, và do bởi *Paññā* – Trí Tuệ khắc phục được Vô Minh.

Trong Vô Tỷ Pháp Tạng (*Abhidhammapiṭaka*) thì các danh từ *Nāṇa*, *Paññā*, và *Amoha* thường được dùng đồng nghĩa với nhau. Trong các Tâm Tương Ứng Trí (*Nāṇasampayutta*), thì danh từ *Nāṇa* đồng nghĩa với *Paññā*.

Trong Tứ Như Ý Túc (*Iddhipāda*), *Paññā* có tên gọi là *Vīmamsā* (Thăm – quán trạch). Trong những Tâm Thiền, khi Nhập Định, và hiện bày những Thắng Trí thì *Paññā* ở vị trí là *Abhiññā* – Thắng Trí. Phát triển cao hơn nữa, trong phần *Maggāṅga* – Chi Đạo, thì *Paññā* là *Sammādiṭṭhi* – Chánh Kiến. Đỉnh cao của *Paññā* là trạng thái Toàn Giác của một vị Phật. *Paññā* – Trí Tuệ, là liễu tri sự vật đúng như thật, liễu tri Thực Tướng của sự vật, tức là liễu tri sự vật theo Chân Như Thực Tính của Vô Thường (*Anicca*), Khổ Đau (*Dukkha*), và Vô Ngã (*Anattā*).

Phần Phối Hợp (*Sampoyoga*) Của Mười Ba Tâm Sở Tợ Tha, đó là:

Mười ba Tâm Sở Tợ Tha có bảy phần Phối Hợp, là:

1/ Bảy Tâm Sở Biến Hành (*Sabbacittasādhāraṇacetasika*): Tính thành một phần Phối Hợp, và phối hợp được tất cả 89 hoặc 121 Tâm.

Còn sáu Tâm Sở Biệt Cảnh tính thành sáu phần Phối Hợp.

2/ Tâm Sở Tầm (*Vitakkacetasika*): Phối hợp được 55 Tâm, đó là 44 Tâm Dục Giới (loại trừ Ngũ Song Thức) và 11 Tâm Sơ Thiền.

Không phối hợp thì có được 66 Tâm, đó là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 11 Tâm Nhị Thiền, 11 Tâm Tam Thiền, 11 Tâm Tứ Thiền, và 23 Tâm Ngũ Thiền.

3/ Tâm Sở Tứ (*Vicāracetasika*): Phối hợp được 66 Tâm, đó là 44 Tâm Dục Giới (loại trừ Ngũ Song Thức), 11 Tâm Sơ Thiền, và 11 Tâm Nhị Thiền.

Không phối hợp thì có được 55 Tâm, đó là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 11 Tâm Tam Thiền, 11 Tâm Tứ Thiền, và 23 Tâm Ngũ Thiền.

4/ Tâm Sở Thắng Giải (*Adhimokkhetasika*): Phối hợp được 110 Tâm, đó là 43 Tâm Dục Giới (loại trừ Ngũ Song Thức, và 1 Tâm Tương Ứng Hoài Nghi), 27 Tâm Đáo Đại, và 40 Tâm Siêu Thế.

Không phối hợp thì có được 11 Tâm, đó là 10 Tâm Ngũ Song Thức, và 1 Tâm Tương Ứng Hoài Nghi.

5/ Tâm Sở Cần (*Viriyacetasika*): Phối hợp được 105 Tâm, đó là 38 Tâm Dục Giới (loại trừ 15 Tâm Quả Vô Nhân, 1 Tâm Khai Ngũ Môn), 27 Tâm Đáo Đại, và 40 Tâm Siêu Thế.

Không phối hợp thì có được 16 Tâm, đó là 15 Tâm Quả Vô Nhân, và 1 Tâm Khai Ngũ Môn.

6/ Tâm Sở Hỷ (*Pīṭicetasika*): Phối hợp được 51 Tâm, là 18 Tâm Dục Giới câu hành Hỷ, 11 Tâm Sơ Thiền, 11 Tâm Nhị Thiền, 11 Tâm Tam Thiền.

Không phối hợp thì có được 70 Tâm, đó là 2 Tâm căn Sân, 2 Tâm Nhãn Thức, 55 Tâm câu hành Xả, 11 Tâm Tứ Thiền.

7/ Tâm Sở Dục (*Chandacetasika*): Phối hợp được 101 Tâm, là 34 Tâm Dục Giới (trừ 2 Tâm căn Si, 18 Tâm Vô Nhân), 27 Tâm Đáo Đại, và 40 Tâm Siêu Thế.

Không phối hợp có được 20 Tâm, đó là 2 Tâm căn Si, 18 Tâm Vô Nhân.

Phần Phối Hợp (*Sampoyoga*) Của Mười Bốn Tâm Sở Bất Thiện, đó là:

Mười bốn Tâm Sở Bất Thiện thường chỉ phối hợp với 12 Tâm Bất Thiện, và được chia ra thành năm phần, là:

1/ Bốn Tâm Sở Si Phần (*Mocatukacetāsika*): Phối hợp hết tất cả 12 Tâm Bất Thiện, được tính là một phần.

2/ Ba Tâm Sở Tham Phần (Tham, Tà Kiến, Ngã Mạn) (*Lotikacetāsika*): chỉ phối hợp với 8 Tâm căn Tham, được tính là một phần.

- Tâm Sở Tham phối hợp với 8 Tâm căn Tham,
- Tâm Sở Tà Kiến phối hợp với 4 Tâm Tương Ứng Kiến,
- Tâm Sở Ngã Mạn phối hợp với 4 Tâm Bất Tương Ứng Kiến.

3/ Bốn Tâm Sở Sân Phần (*Docatukacetāsika*): chỉ phối hợp với 2 Tâm căn Sân, tính là một phần.

4/ Hai Tâm Sở Hôn Phần (*Thīnacetasika*): chỉ phối hợp với 5 Tâm Bất Thiện Hữu Dẫn, tính là một phần.

5/ Tâm Sở Hoài Nghi (*Vicikicchācetasika*): chỉ phối hợp với 1 Tâm Tương Ứng Hoài Nghi, tính là một phần.

Phần Phối Hợp (*Sampayoga*) Của Hai Mươi Lăm Tâm Sở Tịnh Hảo, đó là:

Hai mươi lăm Tâm Sở Tịnh Hảo thường chỉ phối hợp trong 59 hoặc 91 Tâm Tịnh Hảo, và được chia ra thành bốn phần, là:

1/ 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành (*Sobhaṇasādhāraṇacetāsika*): Phối hợp với tất cả 59 hay 91 Tâm Tịnh Hảo.

2/ Ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần (*Viratīcetasika*): Phối hợp với 16 hoặc 48 Tâm, đó là 8 Tâm Đại Thiện, và 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế.

3/ Hai Tâm Sở Vô Lượng Phần (*Appamaññacetāsika*): Phối hợp với 28 Tâm, đó là 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, và 12 Tâm Sắc Giới (loại trừ 3 Tâm Ngũ Thiện).

4/ Tâm Sở Trí Tuệ (*Paññācetasika*): Phối hợp với 47 hoặc 79 Tâm, đó là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 4 Tâm Đại Quả Tương Ứng Trí, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 27 Tâm Đáo Đại, và 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế.

Tâm Sở Bất Định (*Aniyatayogīcetasika*) Và Tâm Sở Nhất Định (*Niyatayogīcetasika*)

1. Tâm Sở Bất Định (*Aniyatayogīcetasika*): Có nghĩa là Tâm Sở phối hợp một cách bất định; có 11 Tâm Sở đó là: Tật Đố, Lận Sác, Hối Hận, Chánh Ngũ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Bi Mẫn, Tùy Hỷ, Ngã Mạn, Hôn Trầm, Thù Miên.

2. Riêng Biệt Và Tùy Lúc Tâm Sở (*Nāṇākadācetasika*): Có nghĩa là Tâm Sở phối hợp khi có khi không, thỉnh thoảng, đôi khi và không phối hợp cùng nhau; có 8 Tâm Sở đó là: Tật Đố, Lận Sắc, Hối Hận, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Bi Mẫn, Tùy Hỷ.

3. Tùy Lúc Tâm Sở (*Kadācetasika*): Có nghĩa là Tâm Sở phối hợp khi có khi không, và có một Tâm Sở đó là Tâm Sở Ngã Mạn.

4. Tùy Lúc Cùng Nhau Tâm Sở (*Sahakadācicetasika*): Có nghĩa là Tâm Sở phối hợp khi có khi không, nhưng cùng nhau phối hợp; và có 2 Tâm Sở đó là: Hôn Trầm, Thùy Miên.

5. Nhất Định Tâm Sở (*Niyatayogicetasika*): Có nghĩa là Tâm Sở phối hợp một cách nhất định và vững chắc. Có 41 Tâm Sở, đó là những Tâm Sở ở bên ngoài 11 Tâm Sở Bất Định.

Trong 12 Tâm Bất Thiện Có Bảy Phần Tổng Hợp (*Samgaha*), đó là:

Trong 12 Tâm Bất Thiện có bảy phần Tổng Hợp, là:

- 1/ Với số lượng 19 Tâm Sở phối hợp được với Tâm căn Tham thứ nhất và thứ ba, là tính một phần.
- 2/ Với số lượng 18 Tâm Sở phối hợp được với Tâm căn Tham thứ năm và thứ bảy, là tính một phần.
- 3/ Với số lượng 20 Tâm Sở phối hợp được với Tâm căn Tham thứ sáu và thứ tám, là tính một phần.
- 4/ Với số lượng 21 Tâm Sở phối hợp được với Tâm căn Tham thứ hai và thứ tư, là tính một phần.
- 5/ Với số lượng 20 Tâm Sở phối hợp được với Tâm căn Sân thứ nhất, là tính một phần.
- 6/ Với số lượng 22 Tâm Sở phối hợp được với Tâm căn Sân thứ hai, là tính một phần.
- 7/ Với số lượng 15 Tâm Sở phối hợp được với 2 Tâm căn Si, là tính một phần.

Trong 18 Tâm Vô Nhân Có Bốn Phần Tổng Hợp (*Samgaha*), đó là:

Có bốn phần Tổng Hợp trong 18 Tâm Vô Nhân, là:

- 1/ Với số lượng 12 Tâm Sở phối hợp ở trong Tâm Tiểu Sinh, tính là một phần (loại trừ Dục).

2/ Với số lượng 11 Tâm Sở phối hợp trong Tâm Thâm Tấn Hỷ Thọ (loại trừ Cần với Dục) và Tâm Khai Ý Môn (loại trừ Hỷ với Dục), tính là một phần.

3/ Với số lượng 11 Tâm Sở phối hợp trong ba Ý Giới (là 1 Tâm Khai Ngũ Môn với 2 Tâm Thâm Tấn) và hai Tâm Thâm Tấn Xả Thọ (loại trừ Cần, Hỷ, Dục), tính là một phần.

4/ Với số lượng 7 Tâm Sở phối hợp trong Ngũ Song Thức, tính là một phần.

Trong 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo Có Mười Hai Tổng Hợp, đó là:

Trong các Tâm Thiện Dục Giới, Tâm Dị Thục Quả Dục Giới Hữu Nhân, và Tâm Duy Tác Dục Giới Hữu Nhân; có bốn phần Tổng Hợp trong tám Tâm Thiện Dục Giới, là:

1/ Với số lượng 38 Tâm Sở phối hợp trong Tâm Đại Thiện thứ nhất và thứ hai, tính là một phần.

2/ Với số lượng 37 Tâm Sở phối hợp trong Tâm Đại Thiện thứ ba và thứ tư, thứ năm và thứ sáu, tính là hai phần.

3/ Với số lượng 36 Tâm Sở phối hợp trong Tâm Đại Thiện thứ bảy và thứ tám, tính là một phần.

Ghi chú:

- Tám Tâm Đại Thiện có bốn phần Tổng Hợp,
- Tám Tâm Dị Thục Quả có bốn phần Tổng Hợp,
- Tám Tâm Đại Duy Tác có bốn phần Tổng Hợp.

Trong 27 Tâm Đáo Đại Có Năm Phần Tổng Hợp (*Saṅgaha*), đó là:

Có năm phần Tổng Hợp trong 27 Tâm Đáo Đại, là:

1/ Với số lượng 35 Tâm Sở phối hợp trong ba Tâm Sơ Thiện, tính là một phần.

2/ Với số lượng 34 Tâm Sở phối hợp trong ba Tâm Nhị Thiện, tính là một phần.

3/ Với số lượng 33 Tâm Sở phối hợp trong ba Tâm Tam Thiện, tính là một phần.

4/ Với số lượng 32 Tâm Sở phối hợp trong ba Tâm Tứ Thiện, tính là một phần.

5/ Với số lượng 30 Tâm Sở phối hợp trong mười lăm Tâm Ngũ Thiện, tính là một phần.

Trong 40 Tâm Siêu Thế Có Năm Phần Tổng Hợp (*Saṅgaha*), đó là:

Có năm phần Tổng Hợp trong 40 Tâm Siêu Thế, là:

- 1/ Với số lượng 36 Tâm Sở phối hợp trong tám Tâm Sơ Thiên, tính là một phần.
- 2/ Với số lượng 35 Tâm Sở phối hợp trong tám Tâm Nhị Thiên, tính là một phần.
- 3/ Với số lượng 34 Tâm Sở phối hợp trong tám Tâm Tam Thiên, tính là một phần.
- 4/ Với số lượng 33 Tâm Sở phối hợp trong tám Tâm Tứ Thiên và tám Tâm Ngũ Thiên, tính là hai phần.

**Trình Bày Phần Tổng Hợp (*Saṅgaha*) Một Cách Đầy Đủ
Phân Tích 27 Tâm Sở Thế Theo 12 Tâm Bất Thiện
(*Sattavīsatiapuññamhi – 27 Phi Phúc Bất Thiện*)**

- 1/ Tâm căn Tham thứ nhất có 19 Tâm Sở phối hợp, đó là 13 Tâm Sở Tợ Tha, Tứ Si Phần, Tham, và Tà Kiến.
- 2/ Tâm căn Tham thứ hai có 21 Tâm Sở phối hợp, đó là 13 Tâm Sở Tợ Tha, Tứ Si Phần, Tham, Tà Kiến, và 2 Hôn Phần.
- 3/ Tâm căn Tham thứ ba có 19 Tâm Sở phối hợp, đó là 13 Tâm Sở Tợ Tha, Tứ Si Phần, Tham, và Ngã Mạn.
- 4/ Tâm căn Tham thứ tư có 21 Tâm Sở phối hợp, đó là 13 Tâm Sở Tợ Tha, Tứ Si Phần, Tham, Ngã Mạn, và 2 Hôn Phần.
- 5/ Tâm căn Tham thứ năm có 18 Tâm Sở phối hợp, đó là 12 Tâm Sở Tợ Tha (loại trừ Hỷ), Tứ Si Phần, Tham, và Tà Kiến.
- 6/ Tâm căn Tham thứ sáu có 20 Tâm Sở phối hợp, đó là 12 Tâm Sở Tợ Tha (loại trừ Hỷ), Tứ Si Phần, Tham, Tà Kiến, và 2 Hôn Phần.
- 7/ Tâm căn Tham thứ bảy có 18 Tâm Sở phối hợp, đó là 12 Tâm Sở Tợ Tha (loại trừ Hỷ), Tứ Si Phần, Tham, và Ngã Mạn.
- 8/ Tâm căn Tham thứ tám có 20 Tâm Sở phối hợp, đó là 12 Tâm Sở Tợ Tha (loại trừ Hỷ), Tứ Si Phần, Tham, Ngã Mạn, và 2 Hôn Phần.
- 9/ Tâm căn Sân thứ nhất có 20 Tâm Sở phối hợp, đó là 12 Tâm Sở Tợ Tha (loại trừ Hỷ), Tứ Si Phần, Tứ Sân Phần.
- 10/ Tâm căn Sân thứ hai có 22 Tâm Sở phối hợp, đó là 12 Tâm Sở Tợ Tha (loại trừ Hỷ), Tứ Si Phần, Tứ Sân Phần, và 2 Hôn Phần.
- 11/ Tâm căn Si thứ nhất có 15 Tâm Sở phối hợp, đó là 10 Tâm Sở Tợ Tha (loại trừ Thắng Giải, Hỷ, Dục), Tứ Si Phần, và Hoài Nghi.

12/ Tâm căn Si thứ hai có 15 Tâm Sở phối hợp, là 11 Tâm Sở Tợ Tha (loại trừ Hỷ, Dục), và Tứ Si Phần.

Tâm Sở Bất Thiện Hiện Hành Phối Hợp (*Sabbākusalayogīcetasika*) Phân Tích 12 Tâm Sở Thể Theo 18 Tâm Vô Nhân (*Dvādasāhetuka*)

1/ Mười Tâm Ngũ Song Thức có bảy Tâm Sở phối hợp, đó là 7 Tâm Sở Biến Hành.

2/ Hai Tâm Tiếp Thâu, hai Tâm Thảm Tấn Xả Thọ, một Tâm Khai Ngũ Môn, có mười Tâm Sở phối hợp, đó là 10 Tâm Sở Tợ Tha (loại trừ Cần, Hỷ, Dục).

3/ Tâm Thảm Tấn Hỷ Thọ có 11 Tâm Sở phối hợp, đó là 11 Tâm Sở Tợ Tha (loại trừ Cần, Dục).

4/ Tâm Khai Ý Môn có 11 Tâm Sở phối hợp, đó là 11 Tâm Sở Tợ Tha (loại trừ Hỷ, Dục).

5/ Tâm Tiểu Sinh có 12 Tâm Sở phối hợp, đó là 12 Tâm Sở Tợ Tha (loại trừ Dục).

Phân Tích 35 Tâm Sở Thể Theo 27 Tâm Đáo Đại (*Pañcatimsamahagga*)

1/ Ba Tâm Sơ Thiên có 35 Tâm Sở phối hợp, đó là 13 Tâm Sở Tợ Tha, và 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (loại trừ Tam Ngăn Trừ Phần).

2/ Ba Tâm Nhị Thiên có 34 Tâm Sở phối hợp, đó là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tầm), và 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (loại trừ Tam Ngăn Trừ Phần).

3/ Ba Tâm Tam Thiên có 33 Tâm Sở phối hợp, đó là 11 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tầm, Tứ), và 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (loại trừ Tam Ngăn Trừ Phần).

4/ Ba Tâm Tứ Thiên có 32 Tâm Sở phối hợp, đó là 10 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tầm, Tứ, Hỷ), và 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (loại trừ Tam Ngăn Trừ Phần).

5/ Mười lăm Tâm Ngũ Thiên có 30 Tâm Sở phối hợp, đó là 10 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tầm, Tứ, Hỷ), và 20 Tâm Sở Tịnh Hảo (loại trừ Tam Ngăn Trừ Phần, và hai Vô Lượng Phần).

Phân Tích 36 Tâm Sở Thể Theo 40 Tâm Siêu Thế (*Chattimsānuttaredhammā*)

1/ Tám Tâm Sơ Thiên có 36 Tâm Sở phối hợp, đó là 13 Tâm Sở Tợ Tha, và 23 Tâm Sở Tịnh Hảo (loại trừ hai Vô Lượng Phần).

2/ Tám Tâm Nhị Thiên có 35 Tâm Sở phối hợp, đó là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tầm), và 23 Tâm Sở Tịnh Hảo (loại trừ hai Vô Lượng Phần).

3/ Tám Tâm Tam Thiên có 34 Tâm Sở phối hợp, đó là 11 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tầm, Tứ), và 23 Tâm Sở Tịnh Hảo (loại trừ hai Vô Lượng Phần).

4/ Tám Tâm Tứ Thiên và tám Tâm Ngũ Thiên có 33 Tâm Sở phối hợp, đó là 10 Tâm Sở Tợ Tha (loại trừ Tầm, Tứ, Hỷ), và 23 Tâm Sở Tịnh Hảo (loại trừ hai Vô Lượng Phần).

+ Trình bày nguyên nhân ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần không phối hợp với Tâm Đại Quả và Tâm Đại Duy Tác:

Ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần mà sanh khởi ngoài việc diệt trừ Ác Hạnh, hiện hữu nhất thời thường là giống Thiện (*Kusalajāti*), không thể là giống Quả (*Vipākajāti*) hay là giống Duy Tác (*Kriyājāti*) được.

Do nhân này, ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần không phối hợp với Tâm Đại Quả và Tâm Đại Duy Tác.

+ Trình bày nguyên nhân ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần không phối hợp với Tâm Đáo Đại:

Những Tâm Thiện và Duy Tác Đáo Đại thường sanh khởi nương theo “*Parikammamādhī- Chuẩn Bị Định*”, “*Upacārasamādhī – Cận Hành Định*” khởi sinh từ “*Parikammabhāvanā – Chuẩn Bị Tu Tập*”, “*Upacārābhāvanā – Cận Hành Tu Tập*” có Nghiệp Xứ làm Cảnh, không phải sanh với đối tượng là diệt trừ Ác Hạnh, thường sanh phải có “*Vīramitabbavatthu – Đề mục tự chế vật*” làm Cảnh bất luận trường hợp. Còn Tâm Quả Đáo Đại thường là Quả của Tâm Thiện Đáo Đại, nên phải hiện hành theo Tâm Thiện Đáo Đại với mọi trường hợp.

+ Trình bày nguyên nhân Tâm Sở Vô Lượng Phần không phối hợp với Tâm Đại Quả và Tâm Siêu Thế:

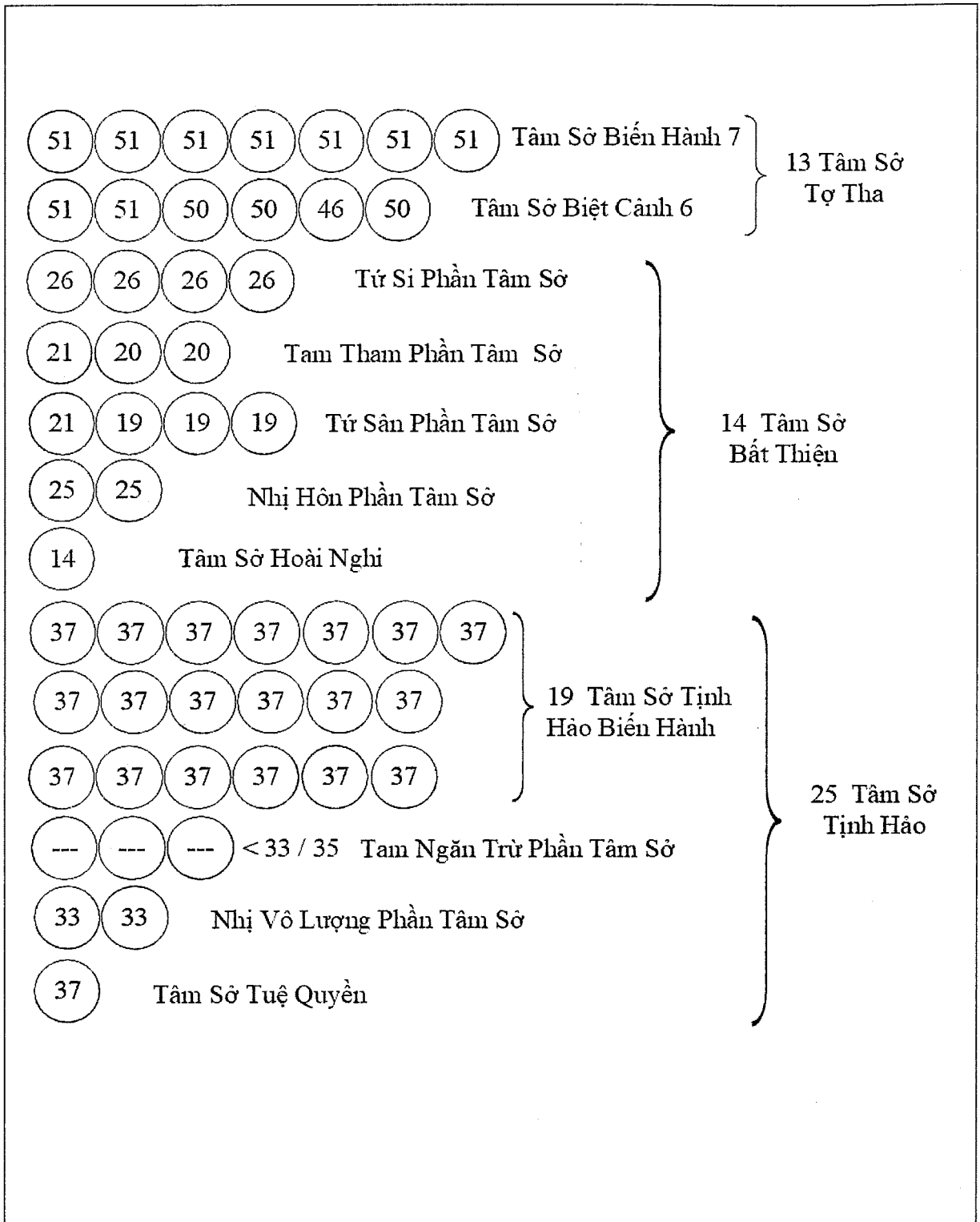
Hai Tâm Sở Vô Lượng Phần tác hành việc trắc ẩn với những chúng sanh đang thụ lãnh sự đau khổ, và làm việc vui mừng với những Chúng Hữu Tình đang thụ lãnh sự an lạc. Thể Pháp của sự trắc ẩn hoặc sự vui mừng đối với người khác, cần phải có “*Chúng sanh chế định*” làm Cảnh. Với Tâm Đại Quả được sinh khởi thì cần phải nương vào Siêu Lý trong Cảnh Dục. Còn Tâm Siêu Thế sinh khởi phải có Níp Bàn làm Cảnh, không thể lấy đề mục “*Chúng sanh chế định*” làm Cảnh được. Vì vậy, hai Tâm Sở Vô Lượng Phần không thể phối hợp với Tâm Đại Quả và Tâm Siêu Thế.

+ Trong Phần Hối Hợp Cả Hai Phần (*Tadubhayamissakanaya*) là việc nêu lên Phần Hối Hợp (*Sampayoga*) và Phần Tổng Hợp (*Samāgaha*); tức là đưa Tâm Sở lên làm chủ vị, và tầm kiểm Tâm Sở cùng câu sinh; chẳng hạn như có 52 Tâm Sở, một khi đưa Tâm Sở Xúc lên làm chủ vị, thì chính tự bản thân Tâm Sở Xúc không còn tính nữa, vì lẽ đã làm chủ vị rồi vậy, và có 51 Tâm Sở phối hợp vì lẽ cùng câu sinh với Tâm Sở Xúc.

Ghi chú: Vì nguyên nhân nào Tâm Sở Biến Hành chỉ có được 51 Tâm Sở cùng câu sinh, và không có các Tâm Sở cùng câu sinh bằng nhau vậy ? Vì lẽ Tâm Sở Biến Hành có được phối hợp ở trong tất cả các Tâm. Và vào sát na Tâm Sở Biến Hành phối hợp ở trong Tâm Bất Thiện thì đã có Tâm Sở Bất Thiện cùng câu sinh rồi; và vào sát na Tâm Sở Biến Hành phối hợp ở trong Tâm Tịnh Hảo thì đã có Tâm Sở Tịnh Hảo cùng câu sinh; bởi do thế Tâm Sở Biến Hành mới có được 51 Tâm Sở cùng câu sinh. Trong Tâm Sở Biệt Cảnh cũng có ít nhiều Tâm Sở phối hợp, vì lẽ cũng cần phải loại trừ tự chính mình đã làm chủ vị đi rồi; chẳng hạn như Tâm Sở Thắng Giải thì chỉ có 50 Tâm Sở cùng phối hợp và loại trừ chính bản thân, cùng với loại trừ Tâm Sở Hoài Nghi. Và tại làm sao phải loại trừ Tâm Sở Hoài Nghi đi ? Vì lẽ Hoài Nghi là Pháp chủng có đặc tính nghi lự, và Thắng Giải lại là Pháp chủng phán quyết Cảnh; và cả hai Tâm Sở này lại là Pháp chủng có đặc tính đối nghịch nhau, vì vậy cần phải loại trừ đi vậy.

Tâm Sở Hỷ thì chỉ có 46 Tâm Sở cùng câu sinh, đã loại trừ 4 Tâm Sở Sân Phần, một Tâm Sở Hoài Nghi, cùng với Tâm Sở Hỷ, và chỉ còn lại 46 Tâm Sở như vậy. Vì lẽ Tâm Sở Sân Phần đặc biệt chỉ phối hợp ở trong Tâm căn Sân, còn Tâm Sở Hỷ thì không phối hợp được với Tâm căn Sân; bởi do thế mới nói rằng 4 Tâm Sở Sân Phần chẳng phải đồng cùng nhóm với Tâm Sở Hỷ được. Tâm Sở Hoài Nghi cũng chỉ phối hợp ở trong Tâm căn Si thứ nhất. Tâm căn Si lại là Xả Thọ vì vậy Tâm Sở Hỷ mới không thể vào phối hợp được.

Bản Đồ Hỗn Hợp Lương Phần (Tadubhayamissakanaya)



- Tâm Sở Xúc có 51 Tâm Sở cùng câu sinh (loại trừ chính mình)
- Tâm Sở Thọ có 51 Tâm Sở cùng câu sinh (loại trừ chính mình)
- Tâm Sở Tưởng có 51 Tâm Sở cùng câu sinh (loại trừ chính mình)
- Tâm Sở Tư có 51 Tâm Sở cùng câu sinh (loại trừ chính mình)
- Tâm Sở Nhất Thống có 51 Tâm Sở cùng câu sinh (loại trừ chính mình)
- Tâm Sở Mạng Quyền có 51 Tâm Sở cùng câu sinh (loại trừ chính mình)
- Tâm Sở Tác Ý có 51 Tâm Sở cùng câu sinh (loại trừ chính mình)
- Tâm Sở Tầm có 51 Tâm Sở cùng câu sinh (loại trừ chính mình)
- Tâm Sở Tứ có 51 Tâm Sở cùng câu sinh (loại trừ chính mình)
- Tâm Sở Thắng Giải có 50 Tâm Sở cùng câu sinh (loại trừ chính mình và Hoài Nghi)
- Tâm Sở Cần có 51 Tâm Sở cùng câu sinh (loại trừ chính mình)
- Tâm Sở Hỷ có 46 Tâm Sở cùng câu sinh (loại trừ chính mình, và Tứ Sân Phần, Hoài Nghi)
- Tâm Sở Dục có 50 Tâm Sở cùng câu sinh (loại trừ chính mình, và Hoài Nghi)
- Tâm Sở Si có 26 Tâm Sở cùng câu sinh (loại trừ chính mình)
- Tâm Sở Vô Tầm có 26 Tâm Sở cùng câu sinh (loại trừ chính mình)
- Tâm Sở Vô Quý có 26 Tâm Sở cùng câu sinh (loại trừ chính mình)
- Tâm Sở Trạo Cử có 26 Tâm Sở cùng câu sinh (loại trừ chính mình)
- Tâm Sở Tham có 21 Tâm Sở cùng câu sinh (loại trừ chính mình, và Tứ Sân Phần, Hoài Nghi)
- Tâm Sở Tà Kiến có 20 Tâm Sở cùng câu sinh (loại trừ chính mình, và Ngã Mạn)
- Tâm Sở Ngã Mạn có 20 Tâm Sở cùng câu sinh (loại trừ chính mình, và Tà Kiến)
- Tâm Sở Sân có 21 Tâm Sở cùng câu sinh (loại trừ chính mình, và Hỷ, Tam Tham Phần, Hoài Nghi)
- Tâm Sở Tật Đồ, Tâm Sở Lận Sác, Tâm Sở Hối Hận cũng có 21 Tâm Sở cùng câu sinh, tương tự với Tâm Sở Sân. Tuy nhiên, mỗi Tâm Sở này có số lượng Tâm Sở phối hợp được chỉ là 19 Tâm Sở, vì ba Tâm Sở này là “*Riêng biệt và tùy lúc- nānākadāci*” bất cùng câu sinh. Do đó, Tâm Sở phối hợp với từng mỗi ba Tâm Sở này chỉ có được là 19 Tâm Sở.
- Tâm Sở Hôn Trầm – Thùy Miên có 25 Tâm Sở cùng câu sinh (loại trừ chính mình, và Hoài Nghi)
- Tâm Sở Hoài Nghi có 14 Tâm Sở cùng câu sinh (loại trừ chính mình, và Thắng Giải, Hỷ, Dục, Tam Tham Phần, Tứ Sân Phần, Nhị Hôn Phần)

- 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành có 37 Tâm Sở cùng câu sinh (loại trừ chính mình)
- Tam Ngăn Trừ Phần Tâm Sở thì có được hai thể loại, (1) về phần **Hiệp Thế** thì có 33 Tâm Sở cùng câu sinh, đó là: 13 Tâm Sở Tợ Tha, 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành, và Tâm Sở Tuệ Quyền; (2) về phần **Siêu Thế** thì có 35 Tâm Sở cùng câu sinh, đó là: 13 Tâm Sở Tợ Tha, 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành, hai Tâm Sở Ngăn Trừ Phần (loại trừ chính mình), và Tâm Sở Tuệ Quyền.
- Nhị Vô Lượng Phần Tâm Sở có 33 Tâm Sở cùng câu sinh, đó là: 13 Tâm Sở Tợ Tha, 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành, và Tâm Sở Tuệ Quyền.
- Tâm Sở Tuệ Quyền có 37 Tâm Sở cùng câu sinh (loại trừ chính mình)

Ghi chú: Trong 52 Tâm Sở, về phần **Nhất Định (Niyata)** thì có được 41 Tâm Sở phối hợp; và về phần **Bất Định (Aniyata)** thì có được 11 Tâm Sở phối hợp, đó là: Ngã Mạn, Tật Đố, Lận Sác, Hối Hận, Hôn Trầm, Thùy Miên, Tam Ngăn Trừ Phần Tâm Sở, và Nhị Vô Lượng Phần Tâm Sở.

SẮC PHÁP SIÊU LÝ (RŪPAPARAMATTHA)

Sắc Pháp (Rūpa) là Pháp chủng có sự biến đổi, đổi thay, tiêu hoại đi, (**Rūppanālakkhaṇam**) trong khi tiếp xúc với tác nhân không phù hợp với nhau.

Tác Nhân không phù hợp với nhau ấy, được gọi là Đối Nghịch Duyên (**Virodhipaccaya**), chẳng hạn như sự lạnh, nóng, đói cơm, khát nước, con muỗi, bọ mắt, con mòng, mặt, gió, nắng, rắn cắn, rít kẹp, bò cạp chích, v.v.

Như có Pālī Chú Giải đã trình bày rằng: “**Sītum hādi virodhipaccayehi ruppatīti = Rūpaṃ**” - Pháp chủng nào thường đổi thay, tiêu hoại bởi do Đối Nghịch Duyên có sự nóng, lạnh, v.v., như thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Sắc Pháp**. ”

1. **Sắc Pháp (Rūpa)** có 28, đó là:

- 18 Sắc Thành Sở Tác,
- 10 Sắc Phi Thành Sở Tác.

2. 18 Sắc Thành Sở Tác, đó là:

- 4 Sắc Đại Hiện,
- 5 Sắc Thanh Triệt,
- 4 hoặc 7 Sắc Thông Hành,
- 2 Sắc Bản Tính,
- 1 Sắc Tâm Cơ (Sắc Ý Vật),
- 1 Sắc Mạng Quyền,
- 1 Sắc Vật Thực.

3. 10 Sắc Phi Thành Sở Tác, đó là:
 - 1 Sắc Hạng Giới,
 - 2 Sắc Biểu Tri,
 - 3 hoặc 5 Sắc Biến Thể,
 - 4 Sắc Thực Tướng.
4. Tứ Sắc Đại Hiện, đó là: Địa, Thủy, Hỏa, Phong.
5. Ngũ Sắc Thanh Triệt, đó là: Nhãn Thanh Triệt, Nhĩ Thanh Triệt, Tỷ Thanh Triệt, Thiệt Thanh Triệt, và Thân Thanh Triệt.
6. Thất Sắc Thông Hành, đó là: Sắc Cảnh, Thinh Cảnh, Khí Cảnh, Vị Cảnh, Địa Xúc Cảnh, Hỏa Xúc Cảnh, Phong Xúc Cảnh.
7. Nhị Sắc Bản Tính, đó là: Nữ Giới Tính, Nam Giới Tính.
8. Nhất Sắc Tâm Cơ, đó là Ý Vật.
9. Nhất Sắc Mạng Quyền, đó là Mạng Quyền.
10. Nhất Sắc Vật Thực, đó là Đoàn Thực.
11. Nhất Sắc Hạng Giới, đó là Không Giới Tổ Chất (còn gọi là Sắc Giao Giới, tức là khoảng trống xen kẽ ở giữa Bốn Tổng Hợp Sắc này với Bốn Tổng Hợp Sắc nối tiếp)
12. Nhị Sắc Biểu Tri, đó là: Thân Biểu Tri, Ngũ Biểu Tri.
13. Ngũ Sắc Biến thể, đó là: Khinh Khoái, Nhu Nhuyễn, Thích Sự, Thân Biểu Tri, Ngũ Biểu Tri.
14. Tứ Sắc Thực Tướng, đó là: Tích Trữ, Thừa Kế, Lão Mại, Vô Thường.

+ Với 28 Sắc Pháp ấy, một khi liệt kê theo phân Phân Loại thì có được hai Đại Phân Loại, và 11 Tiểu Phân Loại.

a/. **Hai Đại Phân Loại, đó là:**

1. 18 Sắc Thành Sở Tác,
2. 10 Sắc Phi Thành Sở Tác.

b/. **Mười Một Tiểu Phân Loại, đó là:**

1. Tứ Sắc Đại Hiện,
2. Ngũ Sắc Thanh Triệt,
3. Tứ hoặc Thất Sắc Thông Hành,
4. Nhị Sắc Bản Tính,
5. Nhất Sắc Tâm Cơ,
6. Nhất Sắc Mạng Quyền,
7. Nhất Sắc Vật Thực,
8. Nhất Sắc Hạng Giới,
9. Nhị Sắc Biểu Tri,
10. Tam hoặc Ngũ Sắc Biến Thể,
11. Tứ Sắc Thực Tướng.

+ Trong số lượng 28 Sắc Pháp ấy, tính kể từ Sắc Đại Hiện cho đến Sắc Vật Thực, và một khi kết hợp cả 18 Sắc này lại thì đích thị chính thực là *Chân Sắc Siêu Lý (Rūpaparamattha)*. Còn 10 Sắc Pháp còn lại, được tính kể từ Sắc Hạn Giới cho đến Tứ Sắc Thực Tướng, thì đích thị chính thực đây chẳng phải là *Chân Sắc Siêu Lý*, mà là thể loại Sắc Đặc Biệt được sinh khởi ở trong 18 Chân Sắc Siêu Lý, và đã được gọi là *Ngụy Sắc Siêu Lý*.

Chi Pháp Của 28 Sắc Pháp

1. *Địa (Pathavī)*: tức là Sắc cứng và mềm.
2. *Thủy (Āpo)*: tức là Sắc chảy lan ra hoặc quên tụ lại.
3. *Hỏa (Tejo)*: tức là Sắc lạnh và nóng.
4. *Phong (Vāyo)*: tức là Sắc căng phồng và chuyển động.
5. *Nhãn Thanh Triệt (Cakkhupasāda)*: tức là sự trong suốt có khả năng tiếp thu được Cảnh Sắc.
6. *Nhĩ Thanh Triệt (Sotapasāda)*: tức là sự trong suốt có khả năng tiếp thu được Cảnh Thính.
7. *Tỷ Thanh Triệt (Ghānapasāda)*: tức là sự trong suốt có khả năng tiếp thu được Cảnh Khí.
8. *Thiệt Thanh Triệt (Jivhāpasāda)*: tức là sự trong suốt có khả năng tiếp thu được Cảnh Vị.
9. *Thân Thanh Triệt (Kāyapasāda)*: tức là sự trong suốt có khả năng tiếp thu được Cảnh Xúc.
10. *Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)*: tức là các sắc màu.
11. *Cảnh Thính (Saddārammaṇa)*: tức là các âm thanh.
12. *Cảnh Khí (Gandhārammaṇa)*: tức là các khí hơi.
13. *Cảnh Vị (Rasārammaṇa)*: tức là các mùi vị.
14. *Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbārammaṇa)*: tức là lạnh, nóng, mềm, cứng, căng, lỏng.
15. *Nữ Giới Tính (Itthībhāva)*: tức là Sắc làm tác nhân của sự hình thành nữ giới.
16. *Nam Giới Tính (Purisabhāva)*: tức là Sắc làm tác nhân của sự hình thành nam giới.
17. *Tâm Cơ (Hadaya)*: tức là Sắc sinh trú ở trong trái tim, và làm thành chỗ nương sinh của tất cả Tâm và Tâm Sở.
18. *Mạng Quyền (Jīvita)*: tức là Sắc gìn giữ bảo hộ tất cả các Sắc Nghiệp.
19. *Vật Thực (Āhāra)*: tức là Sắc dắt dẫn cho Sắc Vật Thực sinh khởi.
20. *Hạn Giới (Pariccheda)*: tức là Không Giới Sắc xen vào giữa bốn Tổng Hợp Sắc này với bốn Tổng Hợp Sắc kia (còn gọi là Sắc Giao Giới).

21. *Thân Biểu Tri (Kāyaviññatti)*: tức là các hoạt động của xác thân.
22. *Ngữ Biểu Tri (Vacīviññatti)*: tức là các hoạt động của lời nói.
23. *Khinh Khoái (Lahutā)*: tức là sự nhẹ nhàng của Sắc Thành Sở Tác.
24. *Nhu Nhuyễn (Mudutā)*: tức là sự mềm mòng của Sắc Thành Sở Tác.
25. *Thích Sự (Kammaññatā)*: tức là sự thích dụng đối với sự việc của Sắc Thành Sở Tác.
26. *Tích Trữ (Upacaya)*: tức là sự sinh khởi lần đầu tiên và sinh khởi những lần sau sau đó cho đến tròn đủ Sắc cần phải sinh khởi của Sắc Thành Sở Tác.
27. *Thừa Kế (Santati)*: tức là sự sinh khởi nối tiếp nhau của Sắc Thành Sở Tác cho đến tử vong.
28. *Lão Mại (Jaratā)*: tức là sự lão mại già nua của Sắc Thành Sở Tác.
29. *Vô Thường (Aniccatā)*: tức là sự diệt mất của Sắc Thành Sở Tác.

+ **Ghi chú:** Đối với *Cảnh Xúc*, chính là *Địa, Hỏa, Phong* ở phần Sắc Đại Hiện ấy vậy, vì thế, nếu tính Sắc Pháp lần lượt theo thứ tự thì chỉ có số lượng là 28.

Sinh Trú Của 28 Sắc Pháp Ở Trong Cơ Thể Loài Hữu Tình

Ở trong cơ thể của tất cả Chúng Hữu Tình thì thường có thể thâm sát tìm thấy từng mỗi sinh trú của 28 Sắc Pháp, như tiếp theo đây:

1. Tứ Sắc Đại Hiện sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.
2. Nhãn Thanh Triệt sinh trú ở trong con mắt.
3. Nhĩ Thanh Triệt sinh trú ở trong lỗ tai.
4. Tỷ Thanh Triệt sinh trú ở trong lỗ mũi.
5. Thiệt Thanh Triệt sinh trú ở cái lưỡi.
6. Thân Thanh Triệt sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.
7. Cảnh Sắc
8. Cảnh Thính
9. Cảnh Khí
10. Cảnh Vị
11. Cảnh Xúc
12. Nữ Giới Tính sinh trú ở trong khắp cả cơ thể của nữ giới.
13. Nam Giới Tính sinh trú ở trong khắp cả cơ thể của nam giới.
14. Tâm Cơ sinh trú ở trong Sắc Trái Tim.
15. Mạng Quyền
16. Đoàn Thực
17. Sắc Không Giới
18. Thân Biểu Tri sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.
19. Ngữ Biểu Tri sinh trú ở nơi miệng.

} sinh trú ở trong khắp cả cơ thể

} sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.

20. Tam Sắc Biến Thể sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.
21. Tứ Sắc Thực Tướng sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.

+ Tất cả 28 Sắc Pháp này có được 8 tên gọi với nhau thể theo Thực Tính, là:

1. Gọi tên là **Vô Nhân (Ahetuka)**, và không có Sắc Pháp nào có tên gọi là **Hữu Nhân (Sahetuka)**, vì chẳng có phối hợp với Nhân Tương Ứng.
2. Gọi tên là **Hữu Duyên (Sappaccaya)**, và không có Sắc Pháp nào có tên gọi là **Vô Duyên (Appaccaya)**, vì có 4 Trợ Duyên.
3. Gọi tên là **Hữu Lậu (Sāsava)**, và không có Sắc Pháp nào có tên gọi là **Vô Lậu (Anāsava)**, vì làm thành Cảnh của Lậu Hoạch.
4. Gọi tên là **Hữu Vi (Saṅkhata)**, và không có Sắc Pháp nào có tên gọi là **Vô Vi (Asaṅkhata)**, vì bị tạo tác sắp bày do bởi 4 Trợ Duyên.
5. Gọi tên là **Hiệp Thế (Lokiya)**, và không có Sắc Pháp nào có tên gọi là **Hiệp Thế (Lokuttara)**, vì làm thành Pháp liệt kê vào ở trong **Pháp Hành Thế Tục (Saṅkhāraloka)**.
6. Gọi tên là **Dục Giới (Kāmāvacara)**, và không có Sắc Pháp nào có tên gọi là **Hữu Sắc Giới (Rūpāvacara)** và **Vô Sắc Giới (Arūpāvacara)**, vì làm thành Cảnh của Ái Dục (Kāmatanḥā).
7. Gọi tên là **Bất Tri Cảnh (Anārammaṇa)**, và không có Sắc Pháp nào có tên gọi là **Hữu Tri Cảnh (Sārammaṇa)**, vì không có khả năng tri giác được đối tượng.
8. Gọi tên là **Phi Phóng Khí (Appahātabba)**, và không có Sắc pháp nào có tên gọi là **Khả Phóng Khí (Pahātabba)**, vì chẳng phải làm thành Pháp cần phải phóng khí xả bỏ.

[**Chú thích:** Tên gọi là **Vô Nhân (Ahetuka)** vì Sắc Pháp không có phối hợp với các Nhân Tương Ứng có **Tham (Lobha)**, **Sân (Dosa)**, v.v. Tên gọi là **Hữu Duyên (Sappaccaya)** vì Sắc Pháp chỉ có hiện hữu tương quan với bốn Duyên trợ tác là Nghiệp, Tâm, Quý Tiết và Vật Thực. Tên gọi là **Hữu Lậu (Sāsava)** vì Sắc Pháp là đối tượng của Dục Lậu. Tên gọi là **Hữu Vi (Saṅkhata)** vì Sắc Pháp được cấu tạo, sắp bày do bởi bốn Trợ Duyên là Nghiệp, Tâm, Quý Tiết và Vật Thực. Tên gọi là **Hiệp Thế (Lokiya)** vì Sắc Pháp thuộc về thế gian, vì liên kết với thế gian Ngũ Thủ Uẩn. Tên gọi là **Dục Giới (Kāmāvacara)** vì thuộc về Cõi Dục Giới, và lại nằm ở trong phạm vi của Ngũ Trần. Tên gọi là **Bất Tri Cảnh (Anārammaṇa)** vì bởi chính tự Sắc Pháp bất khả tri giác đối tượng; và chính Tâm Thức tri giác đối tượng xuyên qua giác quan. Tên gọi là **Phi Phóng Khí (Appahātabba)** vì không có sự tuần tự loại trừ các Sắc Pháp như việc diệt trừ phiền não; tuy nhiên không bao hàm ý nghĩa là “không thể bị hủy diệt” vì Sắc Pháp vẫn phải bị định luật Vô Thường chi phối.]

Phân Chia 28 Sắc Pháp Theo Việc Chia Ra Làm Thành 11 Đôi

1. + **Sắc Nội Bộ (*Ajjhattikarūpa*)**: có 5 Sắc thuộc bên trong nội bộ, tức là Ngũ Sắc Thanh Triệt.

+ **Sắc Ngoại Bộ (*Bāhirarūpa*)**: có 23 Sắc thuộc bên ngoại bộ, tức là 23 Sắc Pháp còn lại.

2. + **Sắc Hữu Vật (*Vatthurūpa*)**: có 6 Sắc làm thành chỗ nương sinh của Tâm, Tâm Sở, tức là Ngũ Sắc Thanh Triệt, và 1 Sắc Tâm Cơ.

+ **Sắc Phi Hữu Vật (*Avatthurūpa*)**: có 22 Sắc không làm thành chỗ nương sinh của Tâm, Tâm Sở, tức là 22 Sắc Pháp còn lại.

3. + **Sắc Hữu Môn (*Dvārarūpa*)**: có 7 Sắc làm thành tác nhân từ ở nơi việc sinh khởi của Tâm Lộ Trình Ngũ Môn, và Thân Hành Nghiệp Lực, Ngũ Hành Nghiệp Lực, tức là Ngũ Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Biểu Tri.

+ **Sắc Vô Môn (*Advārarūpa*)**: có 21 Sắc không làm thành tác nhân từ ở nơi việc sinh khởi của Tâm Lộ Trình Ngũ Môn, và Thân Hành Nghiệp Lực, Ngũ Hành Nghiệp Lực, tức là 21 Sắc Pháp còn lại.

4. + **Sắc Hữu Quyền (*Indriyarūpa*)**: có 8 Sắc làm thành trưởng trội, làm vị bảo hộ ở trong việc nhìn thấy, v.v., tức là Ngũ Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Mạng Quyền.

+ **Sắc Phi Hữu Quyền (*Anindriyarūpa*)**: có 20 Sắc không làm thành trưởng trội, làm vị bảo hộ ở trong việc nhìn thấy, v.v., tức là 20 Sắc Pháp còn lại.

5. + **Sắc Tho Thiển (*Olārikarūpa*)**: có 12 Sắc thô thiển, lập ý đến Sắc Pháp hiện bày rõ ràng, tức là Ngũ Sắc Thanh Triệt, 7 Sắc Biến Thể.

+ **Sắc Vi Tế (*Sukhumarūpa*)**: có 16 Sắc vi tế, lập ý đến Sắc Pháp không có hiện bày rõ ràng, tức là 16 Sắc Pháp còn lại.

6. + **Sắc Cận Lân (*Santikerūpa*)**: có 12 Sắc cận lân, sát cận; lập ý đến Sắc Pháp được nhận thấy dễ dàng, tức là Ngũ Sắc Thanh Triệt, 7 Sắc Biến Thể.

+ **Sắc Dao Viễn (*Dūrerūpa*)**: có 16 Sắc xa cách, lập ý đến Sắc Pháp khó được nhận thấy biết, tức là 16 Sắc Pháp còn lại.

7. + **Sắc Hữu Đối Chiếu (*Sappaṭigharūpa*)**: có 12 Sắc có được tiếp xúc, đối chiếu lẫn nhau, tức là Ngũ Sắc Thanh Triệt, 7 Sắc Biến Thể.

+ **Sắc Phi Hữu Đối Chiếu (*Appaṭigharūpa*)**: có 18 Sắc Pháp không có tiếp xúc, bất đối chiếu lẫn nhau, tức là 18 Sắc Pháp còn lại.

8. + **Sắc Hữu Chấp Thủ (*Upādinnarūpa*)**: có 18 Sắc nương sinh từ ở nơi Bất Thiện Nghiệp Lực và Thiện Hiệp Thế Nghiệp Lực, tức là 18 Sắc Nghiệp.

+ **Sắc Phi Chấp Thủ (*Anupādinnarūpa*)**: có 40 Sắc không có nương sinh từ ở nơi Bất Thiện Nghiệp Lực và Thiện Hiệp Thế Nghiệp Lực, tức là 15 Sắc Tâm, 13 Sắc Quý Tiết, và 12 Sắc Vật Thực.

9. + **Sắc Hữu Kiến (*Sanidassanarūpa*)**: có 1 Sắc được nhận thấy bằng mắt, tức là Cảnh Sắc.

+ *Sắc Phi Hữu Kiến (Anidassanarūpa)*: có 27 Sắc không thể nhận thấy bằng mắt được, tức là 27 Sắc Pháp còn lại.

10. + *Sắc Thủ Cảnh (Gocaraggāhakarūpa)*: có 5 Sắc tiếp thu được Ngũ Cảnh, tức là Ngũ Sắc Thanh Triệt.

+ *Sắc Bất Thủ Cảnh (Agocaraggāhakarūpa)*: có 23 Sắc không thể tiếp thu Ngũ Cảnh được, tức là 23 Sắc Pháp còn lại.

11. + *Sắc Bất Giản Biệt (Avinibbhogarūpa)*: có 8 Sắc bất giản biệt, không thể tách ly với nhau được, tức là Tứ Sắc Đại Hiện, Cảnh Sắc, Khí Cảnh, Vị Cảnh, và Sắc Vật Thực.

+ *Sắc Khả Giản Biệt (Vinibbhogarūpa)*: có 20 Sắc giản biệt, có thể tách ly với nhau được, tức là 20 Sắc Pháp còn lại.

[**Chú thích:** *Sắc Nội Bộ (Ajjhattikarūpa)* là Sắc Pháp ở bên trong thuộc về cá nhân. Năm giác quan có sự trong suốt, rất nhạy cảm và cần thiết cho Chúng Hữu Tình. Nếu không có các bộ phận này thì Chúng Hữu Tình trở thành vô tri giác như một khúc gỗ. *Sắc Hữu Vật (Vatthurūpa)* có tác dụng như cứ điểm của Tâm Thức. *Sắc Hữu Quyền (Indriyarūpa)* có khả năng chi phối các Sắc Pháp khác; ví như gọi tên Sắc Nhãn Thanh Triệt là Sắc Hữu Quyền, vì Sắc Pháp này có khả năng chi phối 9 Sắc còn lại ở trong Tổng Hợp Nhãn Thập. Hai Sắc Bản Tính có khả năng chi phối đặc tính Nam Giới, Nữ Giới. Và cũng ví như một vị thuyền trưởng trên một chiếc tàu, Sắc Mạng Quyền có khả năng bảo hộ các Sắc Pháp. *Sắc Thô Thiển (Olārikarūpa)* vì sự quan trọng Sắc Pháp ở cả hai phương diện, chủ quan và khách quan. Được xem là *Cận Lân (Santike)* vì tính cách thọ cảm của Sắc Pháp. Đặc tính *Thô Thiển* và *Cận Lân* ở cả hai, giác quan nhạy cảm và đối tượng của giác quan, xúc chạm với nhau. Vì lẽ ấy còn được gọi là *Đối Chiếu (Sappatigha)* tiếp xúc đụng chạm với nhau. *Sắc Hữu Cháp Thủ (Upādinnaarūpa)* bởi do Tham Ái và Tà Kiến bám chặt vào 18 Sắc Pháp sinh khởi lần đầu tiên do từ ở nơi Nghiệp Lực. *Sắc Thủ Cảnh (Gocaraggāhakarūpa)* được gọi như vậy là vì nó bám giữ lấy Ngũ Trần làm đối cảnh. Ngũ Quan có tác dụng làm thành Căn Môn cho Tâm Thức sinh khởi, thể nhưng Nhãn, Nhĩ, v.v., vốn dĩ là Sắc Pháp lại bất tri giác đối tượng. Và chính Ngũ Quan Thức có Nhãn Thức, Nhĩ Thức, v.v., tri giác đối tượng. Thể theo Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp thì sắc màu và âm thanh được xem là các đối tượng không đến gần nơi mắt và tai như những sự xúc chạm bằng thân, v.v. Cả hai, Nhãn và Nhĩ tiếp thu đối tượng từ ở đằng xa, không phải trực tiếp xúc chạm đến. Trong các trường hợp khác, thì phải trực tiếp xúc chạm đến Căn Môn của giác quan. Ví như muốn biết được mùi vị thì đối tượng phải trực tiếp xúc chạm vào lưỡi. Hai đối tượng kia, Khí và Xúc, cũng nên hiểu biết được như thế. Vì lẽ ấy, Ngài Giáo Thọ Sư *Anuruddha* đã chú giải phân biệt *Sắc Thủ Cảnh (Gocaraggāhakarūpa)*, tức bám giữ lấy đối tượng; và *Sắc Bất Thủ Cảnh (Agocaraggāhakarūpa)*, tức không bám giữ lấy đối tượng.]

+ Có 4 thể loại Pháp chủng làm thành tác nhân cho Sắc Pháp khởi sinh, đó là: 1/. Nghiệp Lực, 2/. Tâm Thức, 3/. Quý Tiết, và 4/. Vật Thực.

1. *Nghiệp Lực (Kamma)*: lập ý đến các hành động đã có tạo tác hữu quan với Thân, Lời và Ý ở phần Thiện cũng có, ở phần Bất Thiện cũng có, và ở trong đời quá khứ hoặc ngay trong đời này; tức là 25 Nghiệp Lực, là Tư Tác Ý hiện hữu ở trong 12 Tâm Bất Thiện, 8 Tâm Đại Thiện, 5 Tâm Thiện Hữu Sắc Giới. Kết hợp 25 Nghiệp Lực này lại, đã làm cho Sắc Nghiệp khởi sinh lên hiện hữu trong bản tánh của tất cả Chúng Hữu Tình, và ở trong từng mỗi sát na của Tâm Thức được tính kể từ Tâm Tái Tục trở đi.

2. *Tâm Thức (Citta)*: tức là 75 Tâm (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 4 Tâm Quả Dị Thực Vô Sắc Giới, Tâm Tái Tục của tất cả Chúng Hữu Tình, và Tâm Tử của Bậc Vô Sinh), 52 Tâm Sở ở ngay trong kiếp sống hiện tại, đã làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên hiện hữu trong bản tánh của tất cả Chúng Hữu Tình, và ở trong từng mỗi sát na Sinh của Tâm Thức được tính kể từ Tâm Hữu Phần thứ nhất ngay chỗ nối tiếp của Tâm Tái Tục trở đi.

3. *Quý Tiết (Utu)*: tức là *Hàn Lãnh Hỏa (Sītatejo)* sự lạnh, *Viêm Nhiệt Hỏa (Uṇhatejo)* sự nóng hiện hữu ở nội phần và ngoại phần của Chúng Hữu Tình, đã làm cho Sắc Quý Tiết khởi sinh. Đối với ở bên trong Chúng Hữu Tình đã làm cho khởi sinh lên trong từng mỗi sát na của Tâm Thức, và được tính kể từ sát na Trụ của Tâm Tái Tục trở đi. Còn về phần lạnh và nóng hiện hữu ở bên ngoài của Chúng Hữu Tình ấy, thì vào bất cứ thời gian nào mà đã hiện khởi lên một cách đầy đủ, thì chính vào ngay thời gian ấy đã làm cho Sắc Quý Tiết khởi sinh lên một cách liên tục và không gián đoạn.

4. *Vật Thực (Āhāra)*: tức là Bồ Phẩm có ở trong các vật thực, đã làm cho Sắc Vật Thực khởi sinh lên hiện hữu trong bản tánh của tất cả Chúng Hữu Tình, và ở trong từng mỗi sát na của Tâm Thức được tính kể từ Chất Bồ phẩm của Vật Thực thấm nhập lan tỏa ra ở trong thân thể của Chúng Hữu Tình ấy một cách trọn vẹn.

[*Chú thích: Xuất Sinh Xứ Sắc Pháp (Rūpasamuṭṭhāna)* là tác nhân của sự khởi sinh các Sắc Pháp. Theo quan điểm Phật Giáo thì không tìm kiếm nguyên nhân đầu tiên đã sinh khởi ra các Sắc Pháp, cũng không cố gắng giải quyết vấn đề nguồn gốc cùng tột của những hiện tượng vật chất, hoặc Sắc Pháp; và mặc nhiên đã thừa nhận rằng đây là một sự kiện cố hữu sẵn có, Sắc Pháp này vốn dĩ đã hiện hữu. Theo Tạng Vô Tỷ Pháp có trình bày đến bốn nguyên nhân đã làm khởi sinh các Sắc Pháp, ấy là Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực.]



Giải Thích Trong Cả Tứ Xuất Sinh Xứ Đã Làm Cho Sắc Pháp Khởi Sinh

1. *Nghiệp Xuất Sinh Xứ (Kammasamuṭṭhāna)*: Hết cả thấy Nghiệp Lực thì có số lượng là 33; tức là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, và 21 Thiện Nghiệp Lực, kết hợp lại thành 33 là như vậy. Tuy nhiên ở trong phần Nghiệp Xuất Sinh Xứ thì chỉ lấy có 25 Nghiệp Lực; và đã loại trừ đi 8 Nghiệp Lực, ấy là 4 Thiện Nghiệp Lực Vô Sắc Giới, và 4 Thiện Nghiệp Lực Siêu Thế. Trong việc loại trừ cả 8 Thiện Nghiệp Lực này đi, là cũng vì những thể loại Thiện Nghiệp Lực này không làm cho Sắc Pháp khởi sinh lên được. Có nghĩa là 4 Thiện Nghiệp Lực Vô Sắc Giới là Nghiệp Lực sinh khởi bởi do nương vào việc tiến hóa thể loại *Nghiệp Xứ Tu Tập Ly Ái Sắc (Rūpavirāgabhāvanā)* là việc đoạn lưu sự duyệt ý ở trong Sắc Pháp; bởi do thế, đích thị chính với mãnh lực từ ở nơi Tu Tập Ly Ái Sắc này, mới không làm cho Sắc Nghiệp khởi sinh lên được.

Còn ở trong cả 4 Thiện Nghiệp Lực Siêu Thế đây, là Nghiệp Lực khởi sinh bởi do nương vào việc tiến hóa thể loại Nghiệp Xứ thẩm sát Tam Thực Tướng (Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã) ở trong Ngũ Uẩn Danh Sắc, là thể loại Nghiệp Lực tiêu diệt *Sinh Chứng (Bhavajāti)* và Sắc Nghiệp lại chính là hiện thân của *Sinh Chứng Tử*; bởi do thế cả 4 Thiện Nghiệp Lực Siêu Thế này mới không làm cho Sắc Nghiệp khởi sinh lên được.

[**Chú thích:** “*Nghiệp Xuất Sinh Xứ*” bởi do Nghiệp Lực mà Sắc Pháp khởi sinh. Một cách xác thực, Nghiệp Lực hàm ý đến các Thiện Nghiệp Lực và Bất Thiện Nghiệp Lực ở trong quá khứ, và chỉ có những thể loại Tâm Dục Giới với Tâm Sắc Giới thì mới có thiên hướng tạo tác ra Sắc Pháp. Đó là 12 Tâm Bất Thiện, 8 Tâm Đại Thiện, và 5 Tâm Thiện *Thiền Hữu Sắc Giới (Rūpajhāna)*. Một thể loại Tâm Thiện hoặc Tâm Bất Thiện đã tạo tác ra Nghiệp Lực khởi sinh vào lúc lâm chung của một Hữu Tình, đã tạo duyên cho Tâm Tái Tục sinh khởi trong kiếp sống thứ hai kế đó. Cùng lúc với sự sinh khởi của Tâm Tái Tục này, thì các Sắc Pháp do bởi Nghiệp Lực quá khứ đã hội đủ điều kiện cũng cùng khởi sinh vào lúc ấy trong từng mỗi sát na, cũng ví như ngọn lửa của cây đèn đã được thắp mỗi lên, cho đến sát na Tâm thứ 17 - khi loài Hữu Tình cận tử lâm chung. Khi đã được thọ sinh do bởi Nghiệp Quả quá khứ, thì ba thể loại *Tổng Hợp Thập Sắc Pháp (Dasakakalāpa)* đầu tiên đã được khởi sinh, ấy là *Tổng Hợp Thân Thập, Tổng Hợp Tính Thập, và Tổng Hợp Vật Thập*.]

2. *Tâm Xuất Sinh Xứ (Cittasamuṭṭhāna)*: Hết cả thấy Tâm Thức thì có số lượng là 89; tuy nhiên ở trong phần Tâm Xuất Sinh Xứ thì chỉ lấy có 75 cái Tâm, và đã loại trừ đi 14 cái, ấy là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 4 Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới, Tâm Tái Tục của tất cả Chúng Hữu Tình, và Tâm Tử của Bậc Vô Sinh.

Trong việc loại trừ cả 14 cái Tâm này đi, là cũng vì 10 Tâm Ngũ Song Thức ấy thì có năng lực yếu kém, và không có khả năng để làm cho Sắc Tâm khởi sinh

lên được. Bốn Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới ấy, là quả báo nương sinh từ Thiện Nghiệp Lực Vô Sắc Giới, và cũng là hiện thân của Sinh Chung Tử Ly Ái Sắc Tu Tập; bởi do thế mới không có khả năng để làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên được.

Còn Tâm Tái Tục của tất cả Chúng Hữu Tình và Tâm Tử của Bạc Vô Sinh ấy, thì đặc biệt sẽ không nêu lên số lượng Tâm Thức để mà loại trừ; và lập ý chỉ lấy sát na làm chức năng Tái Tục và Tử mà thôi. Có nghĩa là có cả thấy 19 cái Tâm làm chức năng Tái Tục, đó là những 2 Tâm Thảm Tấn Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả, 5 Tâm Quả Dị Thục Hữu Sắc Giới, 4 Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới. Đối với 4 Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới như đã được giải thích ở phần trên rồi; còn 15 cái Tâm Tái Tục còn lại ấy, thì ngay trong sát na sinh khởi lần đầu tiên ở trong kiếp sống mới với năng lực vẫn còn yếu kém, do vậy mới không có khả năng để làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên được. Và có 13 cái Tâm Tử của Bạc Vô Sinh, đó là những 4 Tâm Đại Quả Tương Ứng Trí, 5 Tâm Quả Dị Thục Hữu Sắc Giới, và 4 Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới. Đối với 4 Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới ấy thì có cùng một nội dung chính với phần đã được giải thích ở phía trên; còn 9 cái Tâm Tử còn lại, là Tâm Tử của Bạc Vô Sinh đã hoàn toàn diệt Phiền Não; bởi do thế mới không làm cho Sắc Tâm khởi sinh. Tuy nhiên 9 cái Tâm này nếu làm nhiệm vụ Tử của người khác ngoại trừ Bạc Vô Sinh ấy, thì lại có khả năng làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên được.

Lại nữa, 75 cái Tâm làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên được đây, là cũng chính ngay ở từng mỗi sát na Sinh của mình. Còn sát na Trụ và sát na Diệt của từng mỗi cái Tâm ấy, thì không có khả năng làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên được; là cũng vì thông thường tất cả Danh Pháp chỉ có năng lực duy nhất là ngay ở sát na Sinh. Một khi đến sát na Trụ và sát na Diệt thì năng lực đã yếu đi; bởi do thế, những 75 cái Tâm này mới làm cho Sắc Tâm chỉ khởi sinh lên được là ở ngay sát na Sinh của mình mà thôi.

[Chú thích: Tâm Thức – tuy vô hình, vô sắc, nhưng lại là một yếu tố hỗn hợp có nhiều năng lực ở trong cái gọi là Hữu Tình – là có khả năng tạo tác các Sắc Pháp. Nói cách khác, Tâm Thiện hoặc Tâm Bất Thiện tạo nên Sắc Pháp ở cả hai hoan hỷ duyệt ý hoặc là bất duyệt ý. Điều này hiển hiện rõ rệt qua những biến đổi sắc tướng của một Hữu Tình do sự thay đổi tư tưởng của Hữu Tình ấy. Theo Tạng Vô Tỷ Pháp, ngay trong sát na Tâm Hữu Phần sinh khởi đầu tiên, kể từ sau Tâm Tái Tục vừa diệt mất, thì tức thời Sắc Tâm khởi sinh do Tâm tạo. Tâm Tái Tục không tạo ra Sắc Pháp do Tâm tạo, vì chính Nghiệp Lực đã làm chức năng ấy, và vì lẽ đây là yếu tố mới mẻ trong kiếp sống mới. Không có Sắc Pháp do Tâm tạo khởi sinh vào giai đoạn Trụ và Diệt của từng mỗi sát na, bởi vì có năng lực yếu kém. Ngũ Song Thức thì không có đủ khả năng tạo ra các Sắc Pháp. Bốn Tâm Quả Dị Thục Thiện Vô Sắc Giới (*Arūpavipākajhāna*) cũng không tạo ra các Sắc Pháp, vì đã trau giồi Tu Tập Ly Ái Sắc với một trạng thái tâm thức buông bỏ và không còn luyện ái vào Sắc Pháp. Những Chi Thiện rất cần thiết để tạo ra các Sắc Pháp từ ở nơi Tâm,

vì thế với người đã chứng đắc Thiền Định thì có thể tạo tác ra Sắc Pháp với năng lực mạnh mẽ giúp cho sự sống không còn có nhu cầu về vật thực. Tâm linh mạnh thì không thể thiếu sức sống. Người đã chứng đạt trạng thái an vui Níp Bàn thì có thể sống một thời gian mà không cần đến vật thực. Đức Phật đã trải nghiệm trạng thái ấy suốt trọn 49 ngày, trong 7 tuần lễ sau khi Ngài đã thành đạt Quả vị Chánh Đẳng Giác.]

3. Quý Tiết Xuất Sinh Xứ (*Utusamutṭhāna*): về lời giải thích ở trong phần Quý Tiết Xuất Sinh Xứ này, đã có trình bày rõ ràng ở trong đoạn trên, mới không cần phải trình bày lại nữa.

[**Chú thích:** Như đã có được đề cập ở phần trên, ngay sát na Tâm Tái Tục thì do bởi Nghiệp Lực đã tạo tác ra ba Tổng Hợp Thập Sắc Pháp gồm Tổng Hợp Thân Thập, Tổng Hợp Tính Thập, và Tổng Hợp Vật Thập. Hòa Tổ Chất ở bên trong nội phần của cả ba Tổng Hợp ấy, phối hợp với Hòa Tổ Chất ở bên ngoài, đã tạo ra các Sắc Pháp do Quý Tiết mà khởi sinh vào giai đoạn Trụ và Diệt của Tâm Tái Tục. Vào giai đoạn tiên khởi của sự tái tục, thì Hòa Tổ Chất do Nghiệp tạo đã thay thế Hòa Tổ Chất do Tâm tạo. Rõ ràng từ ngữ *Quý Tiết (Utu)*, đã được bao hàm ý nghĩa của cả hai lạnh và nóng. Một cách xác thực, chính Hòa Tổ Chất nội phần và ngoại phần, cũng là một tác nhân đã tạo ra các Sắc Pháp.]

4. Vật Thực Xuất Sinh Xứ (*Āhārasamutṭhāna*): Chất Bỏ Phẩm đã làm cho Sắc Vật Thực khởi sinh đấy, chẳng phải là chất Bỏ Phẩm đặc biệt chỉ có ở trong các vật thực không thôi, mà ngay cả ở một vài loại thuốc, chẳng hạn như thuốc bổ cũng có Bỏ Phẩm tương tự như nhau; bởi do thể khi sử dụng tiêm chích, hoặc ăn uống, hoặc bôi thoa, thì cũng tương tự như vậy, đã làm cho Sắc Vật Thực khởi sinh lên đối với người ấy. Và chất Bỏ Phẩm này hiện hữu cả bên trong lẫn bên ngoài của Chúng Hữu Tình, được gọi là *Nội Phần Bỏ Phẩm (Ajjhatta Ojā)* và *Ngoại Phần Bỏ Phẩm (Bahiddha Ojā)*. Đối với Bỏ Phẩm đã có trình bày ở trong đoạn trên, đó là Nội Phần Bỏ Phẩm. Còn Ngoại Phần Bỏ Phẩm đấy, đích thị chính là *Nghiệp Bỏ Phẩm (Kammaja Ojā)* và *Quý Tiết Bỏ Phẩm (Utu Ojā)* sinh trú ở bên trong thân thể của tất cả Chúng Hữu Tình. Trong cả hai thể loại Bỏ Phẩm này, thì *Nội Phần Bỏ Phẩm* làm chức năng giúp đỡ bảo hộ cho Sắc Vật Thực khởi sinh, được gọi là *Mãnh Lực Bảo Hộ (Upatham bhakasatti)*. Còn *Ngoại Phần Bỏ Phẩm* thì làm chức năng trực tiếp cho Sắc Vật Thực khởi sinh, được gọi là *Mãnh Lực Xuất Sinh (Janakasatti)*. Trong cả hai Ngoại Phần Bỏ Phẩm, là Nghiệp Bỏ Phẩm và Quý Tiết Bỏ Phẩm, thì Nghiệp Bỏ Phẩm rất quan trọng trong công việc giúp đỡ bảo hộ cho Sắc Vật Thực khởi sinh nhiều hơn Quý Tiết Bỏ Phẩm.

Ở trong bộ *Chú Giải Thanh Tịnh Đạo* đã có trình bày rằng trong Cõi Nhân Thế người nào đã có được thọ vật thực no đủ ở lần thứ nhất thì sẽ gìn giữ thân thể của người ấy cho vẫn được sinh tồn nội trong bảy ngày, mà chẳng cần phải thọ thêm cái chi nữa. Đối với trong Cõi Thiên Giới, thì tiên thực của Chúng Thiên mà đã có

được thọ lần thứ nhất đây, thì cũng tương tự như nhau, là sẽ gìn giữ thân thể cho được tồn tại suốt trọn một tháng trời, hoặc là hai tháng trời, mà chẳng cần phải thọ thêm cái chi nữa. Sự việc có được như vậy, là cũng vì Bồ Phẩm hiện hữu ở trong vật thực mà đã ăn vào, thì đã hòa nhập với Nghiệp Bồ Phẩm đang hiện hữu ở trong thân thể, thế rồi đã làm cho Sắc Vật Thực khởi sinh suốt trọn bảy ngày là ở trong Cõi Nhân Thế, và khởi sinh suốt trọn một tháng trời, hoặc hai tháng trời là ở trong Cõi Thiên Giới. Còn về phần thai nhi ở trong thai bào ước độ 2 hoặc 3 tuần lễ của người Mẹ, một khi người Mẹ đã thọ vật thực vào ở trong nội tạng, thì chất Bồ Phẩm lan tỏa ra và thẩm nhập vào đến cơ thể của thai nhi khi vẫn đang còn là *Phôi Điểm (Abbuda)* hoặc *Phôi Thai (Pesi, thời kỳ sau 3 tháng)*; thế rồi đã làm cho Sắc Vật Thực khởi sinh đối với thai nhi ấy.

Ở trong bộ *Chú Giải Ngũ Thập Căn Gốc (Mūlapaññāsa Atthakathā)* đã có trình bày rằng thông thường thì các vật thực ấy một khi đã bỏ vào trong miệng của người thọ thực rồi, thì cũng đã làm cho *Tổng Hợp Thuần Vật Thực (Āhāraja suddhatṭhakakalāpa)* khởi sinh lên được.

Điều này trình bày cho được thấy rằng Sắc Vật Thực sinh trú ở trong sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình, là thường luôn sinh khởi suốt trọn thời gian nối tiếp với nhau không gián đoạn, mãi cho đến chấm dứt sinh mạng.

[*Chú thích:* Từ ngữ *Āhāra* có nghĩa là chất phẩm dinh dưỡng ở bên trong các miếng ăn vật thực, và *Ojā* là chất Bồ Phẩm hiện hữu ở bên trong nhóm các Sắc Pháp do bởi Nghiệp, Tâm và Quý Tiết tạo. Chất Bồ Phẩm nội phần do chất phẩm dinh dưỡng ngoại phần giúp đỡ bảo hộ và tạo tác Sắc Pháp vào giai đoạn trú vị được tồn tại trong 49 sát na Tiểu. Sắc Pháp khởi sinh khi Chất Bồ Phẩm nội phần đã được tiêu hóa và lan tỏa ra khắp cả châu thân. Riêng rẽ một mình, Chất Bồ Phẩm không thể tạo tác Sắc Pháp nếu không có chấp phẩm dinh dưỡng từ ở bên ngoài. Sắc Tâm Cơ (Sắc Ý Vật) và 8 Sắc Hữu Quyền hoàn toàn do Nghiệp Lực tạo. Như vậy, Sắc Mạng Quyền hoặc sức sống ở trong các Chúng Hữu Tình như Nhân Loại và Bàng Sanh, phải được phân biệt với những thực thể vật chất phi sinh mạng như cây cối, núi đồi, v.v., vì lẽ những vật thể không phải do Nghiệp Lực tạo.]

Phân Tích 28 Sắc Pháp Theo Số Lượng Xuất Sinh Xứ

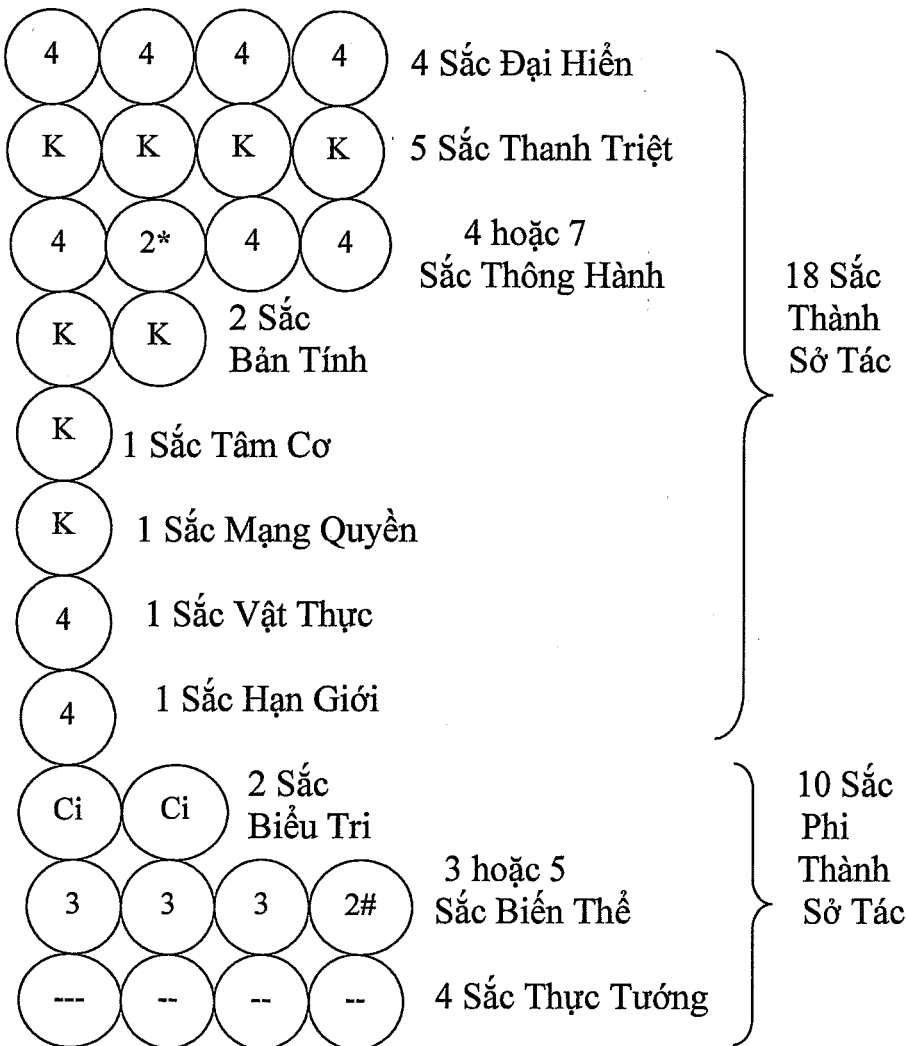
1. *Sắc Nhất Xuất Sinh Xứ (Ekasamuṭṭhānikarūpa)*: Có 11 Sắc Pháp nương sinh duy nhất chỉ một Xuất Sinh Xứ, đó là: 5 Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Mạng Quyền; cả 9 Sắc Pháp này chỉ nương sinh thuần nhất vào Nghiệp Lực làm Xuất Sinh Xứ. 2 Sắc Biểu Tri nương sinh thuần nhất vào Tâm làm Xuất Sinh Xứ.

2. **Sắc Nhị Xuất Sinh Xứ (Dvisamuṭṭhāṇikarūpa)**: Có 1 Sắc Pháp nương sinh vào cả hai Xuất Sinh Xứ, đó là: Cảnh Thinh nương sinh vào Tâm hoặc Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ.

3. **Sắc Tam Xuất Sinh Xứ (Tisamuṭṭhāṇikarūpa)**: Có 3 Sắc Pháp nương sinh vào cả ba Xuất Sinh Xứ, đó là: 3 Sắc Biến Thể nương sinh vào Tâm, Quý Tiết, Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ.

4. **Sắc Tứ Xuất Sinh Xứ (Catusamuṭṭhāṇikarūpa)**: Có 9 Sắc Pháp nương sinh vào cả bốn Xuất Sinh Xứ, đó là: 4 Sắc Đại Hiện, Cảnh Sắc, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Sắc Vật Thực, Sắc Hạn Giới; cả 9 Sắc Pháp này đều nương sinh vào Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực.

5. **Sắc Vô Xuất Sinh Xứ (Nakutocisamuṭṭhāṇikarūpa)**: Có 4 Sắc Pháp không có nương sinh bất luận một Xuất Sinh Xứ nào, đó là 4 Sắc Thực Tướng.



PHẦN TỔNG HỢP SẮC PHÁP (RŪPAKALĀPANAYA)

(Việc trình bày Sắc Pháp khởi sinh thành từng nhóm)

Từ ngữ nói rằng “*Kalāpa*” dịch nghĩa là “*nhóm, bộ phận, bọn, quần thể*”; bởi do thế, từ ngữ Tổng Hợp Sắc Pháp mới lập ý nói đến các Sắc Pháp làm thành nhóm, thành bọn; và ở trong từng mỗi Tổng Hợp Sắc Pháp ấy, nhất thiết sẽ cần phải có ba thể loại thực tính đồng hiện hành, được gọi là *Đồng Hành (Sahavutti)*. Đó là:

1. *Đồng Khởi Sinh (Ekuppāda)*: đồng câu sinh.
2. *Đồng Tiệt Diệt (Ekanirodha)*: đồng diệt mất.
3. *Đồng Y Chỉ (Ekanissaya)*: đồng nương trú một chỗ, tức là Tứ Sắc Đại Hiện.

Một khi đã có được sự đồng hiện hành với cả ba thể loại thực tính này rồi, mới gọi là Tổng Hợp Sắc Pháp, và có 23 Tổng Hợp Sắc Pháp, đó là:

- | | | |
|---|---|---|
| <ol style="list-style-type: none"> 1. 9 Tổng Hợp Sắc Nghiệp 2. 6 Tổng Hợp Sắc Tâm 3. 4 Tổng Hợp Sắc Quý Tiệt. 4. 2 Tổng Hợp Sắc Vật Thực. | } | kết hợp lại thành
23 Tổng Hợp Sắc Pháp |
|---|---|---|

Trong số lượng những 23 Tổng Hợp Sắc Pháp này, rằng khi tính đếm số lượng về Sắc Pháp thì chỉ có được 23 Sắc Pháp, có nghĩa là ở trong số lượng 28 Sắc Pháp ấy, đã loại trừ đi 1 Sắc Hạn Giới và 4 Sắc Thực Tướng, và còn lại là 23.

Chỗ loại trừ 1 Sắc Hạn Giới đây, cũng vì Sắc Hạn Giới là Sắc Pháp hạn định ranh giới giữa Tổng Hợp Sắc Pháp này với Tổng Hợp Sắc Pháp kia; bởi do thế mới không có liệt kê vào ở trong Chi Phần của Tổng Hợp Sắc Pháp.

Còn 4 Sắc Thực Tướng, thì cũng tương tự như nhau, đó là những Sắc biểu tượng đặc trưng của Tổng Hợp Sắc Pháp; bởi do thế mới không có liệt kê vào ở trong Chi Phần của Tổng Hợp Sắc Pháp.

CỬU TỔNG HỢP SẮC NGHIỆP (*Kammajakalāpa 9*), đó là:

1. *Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp (Cakkhudasakakalāpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Nhãn Thanh Triệt làm chủ vị trường trội; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền, và 1 Sắc Nhãn Thanh Triệt.
2. *Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp (Sotadasakakalāpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Nhĩ Thanh Triệt làm chủ vị trường trội; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền, và 1 Sắc Nhĩ Thanh Triệt.

3. **Tổng Hợp Tỷ Thập Pháp (Ghānadasakakalāpa):** lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Tỷ Thanh Triệt làm chủ vị trưởng trội; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền, và 1 Sắc Tỷ Thanh Triệt.
4. **Tổng Hợp Thiết Thập Pháp (Jivhādasakakalāpa):** lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Thiết Thanh Triệt làm chủ vị trưởng trội; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền, và 1 Sắc Thiết Thanh Triệt.
5. **Tổng Hợp Thân Thập Pháp (Kāyadasakakalāpa):** lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Thân Thanh Triệt làm chủ vị trưởng trội; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền, và 1 Sắc Thân Thanh Triệt.
6. **Tổng Hợp Nữ Giới Tính Thập Pháp (Itthībhāvasakakalāpa):** lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Sắc Nữ Giới Tính làm chủ vị trưởng trội; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền, và 1 Sắc Nữ Giới Tính.
7. **Tổng Hợp Nam Giới Tính Thập Pháp (Purisabhāvasakakalāpa):** lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Sắc Nam Giới Tính làm chủ vị trưởng trội; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền, và 1 Sắc Nam Giới Tính.
8. **Tổng Hợp Vật Thập Pháp (Vatthudasakakalāpa):** lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Sắc Tâm Cơ làm chủ vị trưởng trội; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền, và 1 Sắc Tâm Cơ.
9. **Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp (Jīvitanaṅvakakalāpa):** lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 9 Sắc Pháp với Sắc Mạng Quyền làm chủ vị trưởng trội; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt và 1 Sắc Mạng Quyền.

Giải thích: Cả 9 Tổng Hợp Sắc Nghiệp này, tức là Sắc Pháp nương sinh từ nơi Nghiệp Lực, và đó cũng chính là 17 Sắc Nghiệp (loại trừ 1 Sắc Hạn Giới). Bởi do thế 9 Tổng Hợp Sắc Nghiệp này mới đặc biệt chỉ có khởi sinh ở trong vật thể hữu sinh mạng mà thôi. Trong từng mỗi một con người, thì chỉ khởi sinh nhiều nhất có 8 Tổng Hợp Sắc Pháp, là cũng bởi vì cả hai Tổng Hợp Nữ Giới Tính Thập Pháp và Tổng Hợp Nam Giới Tính Thập Pháp đây, sẽ không thể nào cùng câu sinh được cả hai với nhau trong từng mỗi con người. Nếu đã là Nữ Giới, thì phải loại trừ Tổng Hợp Nam Giới Tính Thập Pháp ra; và nếu đã là Nam Giới, thì cũng phải loại trừ Tổng Hợp Nữ Giới Tính Thập Pháp ra, và cũng chính vì thế, mới chỉ còn lại 8 Tổng Hợp Sắc Pháp mà thôi. Tại đây lập ý chỉ lấy đích thực Tổng Hợp Sắc Nghiệp, chứ không có lập ý lấy Tổng Hợp Quý Tiết Duyên Nghiệp; tức là Tổng Hợp Sắc Pháp nương sinh từ nơi Quý Tiết mà có Nghiệp Lực làm Xuất Sinh Xứ; nghĩa là trong 9 Tổng Hợp Sắc Nghiệp này cũng đã có cả Quý Tiết ở trong đây, và đó chính là Hỏa Tổ Chất vậy. Thể loại Quý Tiết này khởi sinh bởi do nương vào Nghiệp Lực; và cũng vì thế, gọi là Sắc Nghiệp. Còn Sắc Pháp nương sinh từ nơi Quý Tiết hiện hữu ở trong các Tổng Hợp Sắc Nghiệp đây, thì chẳng phải đích thực là Sắc Nghiệp, mới gọi là Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp. Chính vì thế, các bộ phận hiện bày ở trong thân thể của tất cả Chúng Hữu Tình, như có tóc, lông, móng, răng, sừng, ngà, tay, chân,

v.v., đều toàn là những Sắc Quý Tiết hết cả; tức là Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp cũng có, Sắc Quý Tiết Duyên Tâm cũng có, Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết cũng có, và cũng có cả Sắc Quý Tiết Duyên Vật Thực. Tuy nhiên chỉ có Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp là làm chủ vị trưởng trội, và ba thể loại Sắc Quý Tiết còn lại thì chỉ là phần phối hợp. Sẽ được rõ biết là vào trong thời gian mà tất cả Chúng Hữu Tình mạng vong, vì theo lẽ thường nhiên một khi tất cả Chúng Hữu Tình đã tử vong, thế rồi cả ba Sắc Nghiệp, Sắc Tâm và Sắc Vật Thực này cũng thường tiết diệt hết chẳng còn dư sót, và chỉ còn lại Sắc Quý Tiết mà thôi. Sắc Quý Tiết còn lại ở tại đây, đích thị chính là 4 thể loại Sắc Quý Tiết mà đã vừa đề cập đến; và cũng vì thế mới nói được rằng “trong từng mỗi con người thì chỉ có nhiều nhất 8 Tổng Hợp Sắc Pháp là như vậy”.

Phân Tích Cửu Tổng Hợp Sắc Nghiệp Theo Ba Phần Thân Thể

Trong thân thể của con người ta, đã được chia ra làm thành ba phần, đó là:

1. *Thượng Thân (Uparimakāya)*: Phần trên thân thể, tính kể từ cổ trở lên đến đầu.
2. *Trung Thân (Majjhimakāya)*: Phần giữa thân thể, tính kể từ cổ trở xuống đến rốn.
3. *Hạ Thân (Hetthimakāya)*: Phần dưới thân thể, tính kể từ rốn trở xuống đến bàn chân.

+ Trong phần trên thân thể, thì có được 7 Tổng Hợp Sắc Nghiệp khởi sinh, đó là: 1/. Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp, 2/. Tổng Hợp Thính Thập Pháp, 3/. Tổng Hợp Tỷ Thập Pháp, 4/. Tổng Hợp Thiệt Thập Pháp, 5/. Tổng Hợp Thân Thập Pháp, 6/. Tổng Hợp Tính Thập Pháp, 7/. Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp.

+ Trong phần giữa thân thể, thì có được 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp khởi sinh, đó là: 1/. Tổng Hợp Thân Thập Pháp, 2/. Tổng Hợp Tính Thập Pháp, 3/. Tổng Hợp Vật Thập Pháp, 4/. Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp.

+ Trong phần dưới thân thể, thì có được 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp khởi sinh, đó là: 1/. Tổng Hợp Thân Thập Pháp, 2/. Tổng Hợp Tính Thập Pháp, 3/. Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp.

BÁT TỔNG HỢP SẮC TÂM (*Cittajakalāpa 8*), đó là:

1. *Tổng Hợp Bát Thuần Pháp (Suddhatthakakalāpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 8 Sắc Pháp; tức là đặc biệt chỉ có 8 Sắc Bất Giản Biệt.
2. *Tổng Hợp Thính Cửu Pháp (Saddanavakakalāpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có 9 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, và 1 Thính.

3. **Tổng Hợp Thân Biểu Tri Cữu Pháp (*Kāyaviññattinavakakalāpa*):** lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 9 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, và 1 Thân Biểu Tri.
 4. **Tổng Hợp Ngũ Biểu Tri Thinh Thập Pháp (*Vacīviññattisaddadasakakalāpa*):** lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Ngũ Biểu Tri và 1 Thinh.
 5. **Tổng Hợp Khinh Khoái Thập Nhất Pháp (*Lahutādiekādasakakalāpa*):** lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 11 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, và 3 Sắc Biến thể.
 6. **Tổng Hợp Thinh Khinh Khoái Thập Nhị Pháp (*Saddalahutādidvādasakakalāpa*):** lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 12 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Thinh, và 3 Sắc Biến Thể.
 7. **Tổng Hợp Thân Biểu Tri Khinh Khoái Thập Nhị Pháp (*Kāyaviññattilahutādidvādasakakalāpa*):** lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 12 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Thân Biểu Tri, và 3 Sắc Biến Thể.
 8. **Tổng Hợp Ngũ Biểu Tri Thinh Khinh Khoái Thập Tam Pháp (*Vacīviññattisaddalahutāditerasakakalāpa*):** lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 13 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Ngũ Biểu Tri, 1 Thinh, và 3 Sắc Biến Thể.
- + Từ điều thứ 1 cho đến điều thứ 4, gọi là **Tổng Hợp Căn Nguyên (*Mūla kalāpa*)**. Và từ điều thứ 5 cho đến điều thứ 8, gọi là **Tổng Hợp Căn Hành (*Mūti kalāpa*)**.

Giải thích: Tám Tổng Hợp Sắc Tâm đã trình bày ở tại đây, là đã trình bày theo bộ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo. Đối với trong bộ Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, thì chỉ có trình bày 6 Tổng Hợp mà thôi, tức là đã loại trừ Tổng Hợp Thinh Cữu Pháp và Tổng Hợp Thinh Khinh Khoái Thập Nhị Pháp ra; và lại cả 8 Tổng Hợp Sắc Tâm này đích thị chính là 14 Sắc Tâm (loại trừ 1 Sắc Hạn Giới). Bởi do thế, những Tổng Hợp Sắc Tâm này thường đặc biệt chỉ có nương sinh ở trong vật thể hữu sinh mạng mà thôi.

Trong cả 8 Tổng Hợp Sắc Tâm đây, thì:

1. **Tổng Hợp Bát Thuần Pháp (*Suddhaṭṭhakakalāpa*):** chỉ khởi sinh trong những lúc chẳng có quan hệ với việc hoạt động về Thân, việc nói năng về Lời; hoặc có bất luận một âm thanh tiếng động nào đang phát âm ra, và trong sát na mà tâm trí mệt mỏi, hoặc bất ổn định. Tức là trạng thái của việc hít thở vô ra, thì có biểu hiện trạng thái phồng lên và xẹp xuống của cái bụng. Trong lúc buồn lòng, hoặc nóng giận; thì có biểu hiện trạng thái mặt đỏ tía, hoặc mặt tái xanh. Trong lúc ghét ghê, hoặc sợ hãi; thì có biểu hiện trạng thái sồn tóc gáy, sồn hết gai ốc, hoặc nổi da gà, v.v.

Tổng Hợp Bát Thuần Pháp đây, một khi có cả 3 Sắc Biến Thể cùng câu sinh với nhau, thì được gọi là *Tổng Hợp Khinh Khoái Thập Nhất Pháp*, và khởi sinh ở trong những lúc tâm trí được an lạc hoặc kiên định; tức là trạng thái của việc hít thở vô ra. Trong lúc tâm trí duyệt ý, thì có biểu hiện trạng thái diện mạo vui vẻ, hớn hở hân hoan. Trong lúc Pháp Hỷ khởi sinh, thì cũng có biểu hiện trạng thái sờn tóc gáy, sờn hết gai ốc, hoặc nổi da gà, v.v.

2. *Tổng Hợp Thịnh Cữu Pháp (Saddanavakakalāpa)*: khởi sinh trong lúc có âm thanh hiện bày mà chẳng có quan hệ với việc nói năng nào cả; và khởi sinh trong những lúc tâm trí mệt mỏi, thối lui sụt giảm, hoặc bất kiên định. Tức là âm thanh phát sinh từ gió của hơi thở vô ra, tiếng ho, hắt hơi, ợ hơi, ngáp ngủ, hoặc tiếng mở sáng mà chẳng hay biết.

Tổng Hợp Thịnh Cữu Pháp đây, một khi có cả 3 Sắc Biến Thể cùng câu sinh với nhau, thì được gọi là *Tổng Hợp Thịnh Khinh Khoái Thập Nhị Pháp*, và khởi sinh trong những lúc tâm trí được an lạc hoặc kiên định; tức là cùng một thể loại âm thanh với Tổng Hợp Thịnh Cữu Pháp, tuy nhiên âm thanh ấy trong sáng hơn, và tiếng mở cũng biết rõ sự tỉnh.

3. *Tổng Hợp Thân Biểu Tri Cữu Pháp (Kāyaviññattinavakakalāpa)*: khởi sinh trong những lúc hoạt động về thân thể không được bình thường, có nghĩa là trong những lúc tâm trí mệt mỏi, bất kiên định; tức là việc đi, đứng, ngồi, nằm, co duỗi, co vào, duỗi ra, cúi xuống, ngẩng lên, ngoái nhìn bên trái, liếc nhìn bên phải, bước tới, thoái lui, nháy mắt, há miệng, nhai cắn, v.v.

Tổng Hợp Thân Biểu Tri Cữu Pháp đây, một khi có cả 3 Sắc Biến Thể cùng câu sinh với nhau, thì được gọi là *Tổng Hợp Thân Biểu Tri Khinh Khoái Thập Nhị Pháp*, và khởi sinh trong những lúc tâm trí được an lạc hoặc kiên định; tức là việc đi, đứng, ngồi, nằm, v.v., được an lạc, nhanh nhẹn, và thoải mái.

4. *Tổng Hợp Ngữ Biểu Tri Thịnh Thập Pháp (Vacīviññattisaddadasakakalāpa)*: khởi sinh trong những lúc nói năng, đọc sách, ca hát, tụng kinh, v.v., không được bình thường, có nghĩa là trong lúc có cảm giác bất an nặng nề, hoặc trong lúc tâm trí thối lui sụt giảm, không sẵn lòng để nói năng, hoặc không hoan hỷ để đọc, v.v.

Tổng Hợp Ngữ Biểu Tri Thịnh Thập Pháp đây, một khi có cả 3 Sắc Biến Thể cùng câu sinh với nhau, thì được gọi là *Tổng Hợp Ngữ Biểu Tri Thịnh Khinh Khoái Thập Tam Pháp*, và khởi sinh trong những lúc bình thường, hoặc những lúc tâm trí được an lạc, thì những sự việc nói năng, việc tụng đọc đây cũng được hiện hành một cách an lạc thoải mái.



Phân Tích Bát Tổng Hợp Sắc Tâm Theo Ba Phần Thân Thể

Trong phần trên thân thể, thì có được cả 8 Tổng Hợp Sắc Tâm khởi sinh.

Trong phần giữa và phần dưới thân thể, thì có được 4 Tổng Hợp Sắc Tâm, đó là: 1/. Tổng Hợp Bát Thuần Pháp, 2/. Tổng Hợp Thân Biểu Tri Cữu Pháp, 3/. Tổng Hợp Kinh Khoái Thập Nhất Pháp, 4/. Tổng Hợp Thân Biểu Tri Kinh Khoái Thập Nhị Pháp.

TỨ TỔNG HỢP SẮC QUÝ TIẾT (*Utujakalāpa* 4), đó là:

1. *Tổng Hợp Bát Thuần Pháp (Suddhaṭṭhakakalāpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 8 Sắc Pháp; tức là đặc biệt chỉ có 8 Sắc Bất Giãn Biệt.
 2. *Tổng Hợp Thinh Cữu Pháp (Saddanavakakalāpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có 9 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giãn Biệt, và 1 Thinh.
 3. *Tổng Hợp Kinh Khoái Thập Nhất Pháp (Lahutādiekādasakakalāpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 11 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giãn Biệt, và 3 Sắc Biến Thể.
 4. *Tổng Hợp Thinh Kinh Khoái Thập Nhị Pháp (Saddalahutādivādasakakalāpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 12 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giãn Biệt, 1 Thinh, và 3 Sắc Biến Thể.
- + Điều thứ 1 và thứ 2, gọi là *Tổng Hợp Căn Nguyên (Mūlakalāpa)*. Và điều thứ 3 và thứ 4, gọi là *Tổng Hợp Căn Hành (Mūḷikalāpa)*.

Giải thích: Cả 4 Tổng Hợp Sắc Quý Tiết đây, đích thị chính là 12 Sắc Quý Tiết (loại trừ 1 Sắc Hạng Giới) đó vậy. Và ở trong cả Tứ Sắc Quý Tiết này, thì thường chỉ khởi sinh ở nội phần thân thể của tất cả Chúng Hữu Tình. Còn ngoại phần Chúng Hữu Tình, tức là ở trong những vật thể phi sinh mạng, và chỉ có được khởi sinh hai Tổng Hợp, ấy là Tổng Hợp Bát Thuần Pháp với Tổng Hợp Thinh Cữu Pháp mà thôi.

Tứ Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Khởi Sinh Trong Nội Phần Hữu Tình

1. *Tổng Hợp Bát Thuần Pháp (Suddhaṭṭhakakalāpa)*: đó chính là thân thể của tất cả Chúng Hữu Tình, bởi vì Tổng Hợp Sắc Quý Tiết này:

1/. Là Tổng Hợp làm thành nền tảng hứng đón những Tổng Hợp Sắc Pháp khác nữa. Nếu như không có Sắc Quý Tiết này rồi, thì các Tổng Hợp Sắc Pháp khác, như có Tổng Hợp Sắc Nghiệp, v.v., cũng không có khả năng hiện khởi lên được. 2/. Và Tổng Hợp Bát Thuần Pháp này khởi sinh ở bên trong thân thể của

Chúng Hữu Tình ấy trong những lúc không được bình thường, chẳng hạn như mệt mỏi, hoặc bất an.

Tổng Hợp Bát Thuần Pháp đây, một khi có cả 3 Sắc Biến Thể cùng câu sinh với nhau, thì được gọi là *Tổng Hợp Khinh Khoái Thập Nhất Pháp*, tức là thân thể của tất cả Chúng Hữu Tình ở trong những lúc quân bình an lạc.

2. Tổng Hợp Thinh Cữu Pháp (*Saddanavakakalāpa*): khởi sinh trong những lúc có âm thanh được phát ra ở một vài phần của thân thể, chẳng hạn như bị sôi bụng, tiếng ngáy; hoặc âm thanh phát sinh từ nơi vỗ tay, búng tay, và âm thanh phát sinh do đánh vào bất luận ở phần nào của thân thể; tuy nhiên những thể loại âm thanh ấy không được phát ra cho thật rõ ràng.

Tổng Hợp Thinh Cữu Pháp đây, một khi có cả 3 Sắc Biến Thể cùng câu sinh với nhau, thì được gọi là *Tổng Hợp Thinh Khinh Khoái Thập Nhị Pháp*, đó chính là các âm thanh đã có được đề cập ở trong Tổng Hợp Thinh Cữu Pháp vậy, tuy nhiên các âm thanh ấy phát ra trong sáng rõ ràng.

Nhị Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Khởi Sinh Ngoại Phần Hữu Tình

1. Tổng Hợp Bát Thuần Pháp (*Suddhatthakakalāpa*): tức là các thực thể vật chất hiện hữu ở trong thế gian này và núi đồi, cây cối, sông nước, lửa, gió, mặt trời, mặt trăng, tinh tú, ánh sáng, bóng tối, v.v.

2. Tổng Hợp Thinh Cữu Pháp (*Saddanavakakalāpa*): tức là những thể loại như tiếng gió thổi, âm thanh sấm chớp trời gầm, tiếng nước chảy, tiếng máy xe, tàu thuyền, chuông, v.v.

Phân Tích Tứ Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Theo Ba Phần Thân Thể

Cả Tứ Tổng Hợp Sắc Quý Tiết thường được khởi sinh ở trong ba phần thân thể. Đối với Tổng Hợp Bát Thuần Pháp, hoặc Tổng Hợp Khinh Khoái Thập Nhất Pháp thì hằng thường luôn khởi sinh. Còn cả hai Tổng Hợp Thinh Cữu Pháp, hoặc Tổng Hợp Thinh Khinh Khoái Thập Nhị Pháp đây, thì thỉnh thoảng đôi khi khởi sinh, và chẳng phải hằng thường luôn.

NHỊ TỔNG HỢP SẮC VẬT THỰC (*Āhārajakalāpa 2*), đó là:

1. **Tổng Hợp Bát Thuần Pháp (Suddhaṭṭhakakalāpa):** lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 8 Sắc Pháp; tức là đặc biệt chỉ có 8 Sắc Bất Giãn Biệt; và được gọi tên là **Tổng Hợp Căn Nguyên (Mūlakalāpa).**

2. **Tổng Hợp Khinh Khoái Thập Nhất Pháp (Lahutādiekādasakakalāpa):** lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 11 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giãn Biệt, và 3 Sắc Biến Thể; và được gọi tên là **Tổng Hợp Căn Hành (Mūṭikalāpa).**

Giải thích: Cả 2 Tổng Hợp Sắc Vật Thực này, đó chính là 11 Sắc Vật Thực (loại trừ 1 Sắc Hạng Giới). Và cả hai Tổng Hợp Sắc Vật Thực này thường chỉ đặc biệt khởi sinh ở nội phần của Chúng Hữu Tình mà thôi.

Và lại sự hiện hành của cả hai Tổng Hợp Sắc Vật Thực có được như vậy là:

1. **Tổng Hợp Bát Thuần Pháp (Suddhaṭṭhakakalāpa):** nương sinh vào các vật thực, hoặc các loại thuốc sẽ là tốt hoặc không tốt đi nữa, nhưng một khi dùng vào rồi đã không làm cho thân thể có được cảm giác tươi tốt, khỏe mạnh, phấn chấn, và nhanh nhẹn. Hoặc một khi đã dùng vào rồi, đã làm cho thân thể có cảm giác bất an, bức bối, và khó chịu, chẳng hạn như vậy; có nghĩa là Tổng Hợp Vật Thực nương sinh từ nơi thuốc hoặc những thể loại vật thực này vẫn chưa có được phối hợp với cả 3 Sắc Biến Thể.

2. **Tổng Hợp Khinh Khoái Thập Nhất Pháp (Lahutādiekādasakakalāpa):** nương sinh khi đã dùng các vật thực, hoặc các loại thuốc, và đã làm cho thân thể có cảm giác tươi tốt, khỏe mạnh, phấn chấn và an lạc, chẳng hạn như vậy; có nghĩa là Tổng Hợp Sắc Vật Thực nương sinh từ nơi các thể loại thuốc hoặc vật thực đây đã phối hợp với cả 3 Sắc Biến Thể.

Cả 2 Tổng Hợp Sắc Vật Thực này, thì không có khởi sinh ở ngoại phần Hữu Tình được, vì lẽ Tổng Hợp Sắc Vật Thực chỉ sẽ khởi sinh lên được, thiết yếu cần phải nương vào **Nghiệp Bỏ Phẩm (Kammaojā)** hiện hữu ở bên trong thân thể của Hữu Tình làm thành người hiệp trợ đối với **Bỏ Phẩm Ngoại Phần (Bahiddhaojā).** Có nghĩa là một thể loại Bỏ Phẩm khác nữa hiện hữu ở trong các thể loại vật thực ấy; bởi do thế, Tổng Hợp Sắc Vật Thực hiện hữu ở trong các thể loại vật thực một khi vẫn chưa có được thọ thực vào, thì chẳng phải là Tổng Hợp Sắc Vật Thực, mà đó chính là Tổng Hợp Sắc Quý Tiết cả thấy.

Các cây cối phát triển tươi tốt to lớn lên, đâm cành phát tán, trở sinh hoa quả là do bởi nương vào đất, nước, và phân bón. Những thể loại này được hiểu biết với nhau rằng đất, nước và phân bón ấy đã làm cho Tổng Hợp Sắc Vật Thực khởi sinh đối với cây cối rất nhiều. Quả thực là những thể loại đất, nước và phân bón đấy, đã không làm cho Tổng Hợp Sắc Vật Thực khởi sinh lên đối với cây cối bất luận một trường hợp nào cả, mà trái lại chỉ làm cho Tổng Hợp Sắc Quý Tiết được khởi sinh lên thôi, vì lẽ cây cối chẳng thể nào thọ dụng loại thực phẩm của loài Hữu Tình được. Đất và nước, hoặc phân bón tưới cho cây cối đó, thì thường thấm đi vào trong thân cây theo con đường rễ cái và rễ con của cây và hiện hành theo lẽ thường nhiên.

Nếu sẽ nói với nhau là cây cối đã thọ dụng vật thực, đã uống nước ăn phân bón, thì đó là cách gọi theo từ ngữ dân gian, và chẳng phải theo thực tính Siêu Lý; cũng tương tự cùng một phương thức mà chúng ta bảo với nhau rằng “*chiếc xe này thì uống xăng nhiều, chiếc xe đó thì uống xăng ít*”, mà sự thực là chẳng có chiếc xe nào uống xăng vào được cả; và đó chỉ là dùng để gọi bảo với nhau theo *Thành Ngữ Thế Tục (Vohārasammuti)* mà thôi.

Phân Tích Nhị Tổng Hợp Sắc Vật Thực Theo Ba Phần Thân Thể

Trong cả ba phần thân thể thì cả hai Tổng Hợp Sắc Vật Thực thường luôn khởi sinh lên được.

Trình Bày Sắc Pháp Sinh Khởi Và Không Sinh Khởi Ở Trong 31 Cõi

- **Trong 11 Cõi Dục Giới:** Tất cả 28 Sắc Pháp thì thường luôn được sinh khởi.
- **Trong 15 Cõi Sắc Giới:** (loại trừ Cõi Vô Tướng Hữu Tình) thì 23 Sắc Pháp thường luôn được sinh khởi (loại trừ Tỷ, Thiệt, Thân và hai Sắc Bản Tính).
- **Trong một Cõi Vô Tướng Hữu Tình:** thì 17 Sắc Pháp thường luôn được sinh khởi (loại trừ 5 Sắc Thanh Triệt, 1 Sắc Thỉnh, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 2 Sắc Biểu Tri).
- **Trong 4 Cõi Vô Sắc Giới:** thì không có bất luận một Sắc Pháp nào sinh khởi lên được.

Trình Bày Việc Sinh Khởi Lần Đầu Và Lần Cuối Của Cả Tứ Sắc Pháp

1. Sắc Nghiệp: Thì thường khởi phát sinh trú lần đầu tiên kể từ sát na Sinh của Tâm Tái Tục. Và trong lúc cận tử lâm chung, thì Sắc Nghiệp khởi sinh lần cuối cùng vào sát na Sinh của cái Tâm thứ 17 tính đếm ngược trở lại sau kể từ Tâm Tử khởi đi, và rồi cũng không còn sinh nối tiếp nữa. Còn Sắc Nghiệp khởi sinh lần cuối cùng, khi tuổi thọ tương đương với 17 sát na tròn đủ của Tâm, thì cũng diệt mất; bởi do thế, Sắc Nghiệp đây mới đồng cùng diệt với Tâm Tử.

2. Sắc Tâm: Thì sinh trú lần đầu tiên kể từ sát na Sinh của Tâm Hữu Phần thứ nhất. Và hạng Phạm Phu cùng với các Bạc Hữu Học thì thường làm cho Sắc Tâm được khởi sinh; bởi do thế việc khởi sinh lần cuối cùng của Sắc Tâm mới có được khởi sinh vào sát na Sinh của Tâm Tử. Còn đối với Bạc Vô Sinh thì Sắc Tâm

sinh khởi lần cuối cùng vào sát na Sinh của cái Tâm thứ 2 tính đếm ngược trở lại về sau kể từ Tâm Tử khởi đi.

3. Sắc Quý Tiết: Thì sinh trú lần đầu tiên kể từ sát na Trụ của Tâm Tái Tục. Và khởi sinh liên tục cho đến ngay cả loài Hữu Tình ấy sẽ phải chết đi nữa, thì Sắc Quý Tiết ấy cũng vẫn còn được khởi sinh, và lại cho đến luôn cả Hữu Tình ấy trở thành một tử thi đi nữa, thì Sắc Quý Tiết cũng vẫn còn tiếp tục khởi sinh. Tương tự như thế, cho dù tử thi ấy sẽ trở thành xương cốt, hoặc trở thành tro bụi, hoặc trở thành đất cát đi nữa, thì Sắc Quý Tiết cũng vẫn còn sinh khởi như thường. Là vì Sắc Quý Tiết này có được sinh khởi xuyên suốt mãi cho đến trái đất bị hoại diệt, thì lúc bấy giờ mới hoàn toàn diệt. Việc đề cập đến như vậy, là lập ý lấy Sắc Quý Tiết của nhóm Hữu Tình Thấp Sanh Sản Địa và Thai Sanh Sản Địa. Còn đối với Sắc Quý Tiết của nhóm Hóa Sanh Sản Địa, tức là Hữu Tình Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Atula, Chư Thiên, Phạm Thiên; với những hạng này một khi đã mệnh chung rồi thì Sắc Quý Tiết thường là cùng đồng diệt chung với nhau; vì lẽ nhóm Hóa Sanh Sản Địa đây, một khi đã tử vong thì chẳng còn dư sót ở phần tử thi, và cũng giống như ngọn lửa diệt tắt vậy.

4. Sắc Vật Thực: Thì đối với nhóm Người Thấp Sinh và Hóa Sinh đấy, thì ngay khi Tái Tục đã vừa khởi sinh, liền tức thì nối tiếp từ nơi ấy đã có thọ dụng vật thực; chính vì thế mà Sắc Vật Thực của cả 2 nhóm Người này mới khởi phát sinh trú vào Lộ Trình Ý Môn và sinh khởi kể từ sau Tâm Tái Tục và Tâm Hữu Phần, và lại thường luôn sinh khởi liên tục vào trong từng mỗi sát na của Tâm Thức, vì lẽ Sắc Vật Thực khởi sinh là bởi do nương vào Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ, chẳng phải từ nơi Tâm và Tâm Sở làm Xuất Sinh Xứ; chính vì thế mới khởi sinh lên được trong từng mỗi sát na của Tâm, cũng tương tự với Sắc Quý Tiết.

Còn Sắc Vật Thực khởi sinh ở trong nhóm Người Thai Sinh, thì thường khởi sinh một khi các vật thực mà người Mẹ thọ thực vào, lan tỏa và thấm nhập vào thân thể của Hữu Tình đang sinh trú ở trong thai bào người Mẹ, vào giai đoạn vật thực khởi lập lan tỏa và thấm nhập vào dưỡng nuôi thân thể của Hữu Tình đã vừa tái tục. Ở trong tuần lễ đầu tiên khi vẫn còn là *Chủng Tử Hữu Tình (Kalala sattāha)* thì vật thực vẫn chưa có lan tỏa ra được, nối tiếp khi đến tuần lễ thứ 2 hoặc tuần lễ thứ 3 là giai đoạn của *Phôi Điểm Hữu Tình (Abbudasattāha)* và *Phôi Thai Hữu Tình (Pesisattāha)* thì vật thực mới sẽ bắt đầu lan tỏa và thấm nhập vào đến thân thể của Hữu Tình ấy được. Và một khi Sắc Vật Thực đã khởi sinh lên rồi, thì thường luôn sinh khởi liên tục vào trong từng mỗi sát na của Tâm Thức.

Trình Bày Sự Diệt Tắt Của Cả Tứ Sắc Pháp

“1/. Còn ngay lúc lâm chung, kể từ Tâm Tử tính đếm ngược trở lại sau đến sát na thứ mười bảy và tính vào thời trú vị của Tâm, thì các Sắc Pháp do Nghiệp mà

khởi sinh đã không còn hiện khởi thêm nữa. Và Sắc Nghiệp khởi sinh vào sát na Trụ của cái Tâm thứ 17 đây, thường được tồn tại cho đến Tâm Tử rồi đồng cùng diệt với Tâm Tử ấy.

2/. Nói tiếp theo sau từ nơi Sắc Nghiệp đã diệt mất, thì Sắc Tâm và Sắc Vật Thực cũng diệt mất.

3/. Sau khi cả ba Sắc Pháp, là Sắc Nghiệp, Sắc Tâm, và Sắc Vật Thực đã diệt đi rồi, thì việc sinh khởi nối tiếp nhau từ nơi Sắc Quý Tiết cũng khởi sinh cho đến từ vong, và thành một tử thi.”

Giải thích:

+ Trong phần Pālī điều thứ 1, kể từ *Marāṇakāle pana* v.v., cho đến *nirujjhanti* được giải thích rằng Sắc Nghiệp khi bắt đầu khởi sinh kể từ sát na Sinh của Tâm Tái Tục, rồi thì cũng sinh nối tiếp với nhau liên tục không gián đoạn trong từng mỗi sát na của Tâm suốt trọn thời gian Hữu Tình ấy vẫn đang còn có sinh mạng, và suốt cho đến Hữu Tình ấy tử vong. Và trong lúc cận tử lâm chung, thì Sắc Nghiệp khởi sinh lần cuối cùng vào sát na Sinh của cái Tâm thứ 17 tính đếm ngược trở lại sau kể từ Tâm Tử khởi đi, và rồi cũng không còn sinh nối tiếp nữa. Còn Sắc Nghiệp khởi sinh lần cuối cùng, khi tuổi thọ tương đương với 17 sát na tròn đủ của Tâm, thì cũng diệt mất; bởi do thế, Sắc Nghiệp đây mới đồng diệt với Tâm Tử.

Trong sự việc Sắc Nghiệp sinh lần cuối cùng vào sát na Sinh của cái Tâm thứ 17 đây, cũng vì lẽ thường nhiên của từng mỗi một Sắc Pháp thì có tuổi thọ bằng với 17 sát na Tâm rồi cũng diệt mất, và Tâm Tử với Sắc Nghiệp sẽ phải đồng cùng diệt với nhau, mới sẽ gọi là Hữu Tình ấy mệnh chung. Không có sự việc Tâm Tử khởi sinh rồi diệt trước Sắc Nghiệp được. Nếu Sắc Nghiệp vẫn chưa có diệt mất, thì Tâm Tử thường cũng không khởi sinh. Sự việc này hiện hành theo thực tính, và không có bất luận một sự vật nào chỉ huy cai quản cả. Với lý do này, việc khởi sinh lần cuối cùng của Sắc Nghiệp mới cần phải sinh vào sát na Sinh của cái Tâm thứ 17 tính đếm ngược trở lại sau kể từ Tâm Tử khởi đi như đã vừa đề cập đến rồi vậy.

+ Trong phần Pālī điều thứ 2, chỗ nói rằng *Tato param* cho đến *vocchijjati* đây, được giải thích rằng ngoại trừ Tâm Tử của Bạc Vô Sinh, thì Tâm Tử của tất cả hạng Phạm Phu và các Bạc Hữu Học thường làm cho Sắc Tâm được khởi sinh; bởi do thế việc khởi sinh lần cuối cùng của Sắc Tâm mới khởi sinh vào sát na Sinh của Tâm Tử. Đối với Bạc Vô Sinh thì Sắc Tâm sinh lần cuối cùng vào sát na Sinh của cái Tâm thứ 2 tính đếm ngược trở lại sau kể từ Tâm Tử khởi đi. Điều này trình bày cho được thấy rằng cho dù Tâm Tử đã diệt đi rồi, tức là người ấy đã chết đi nữa, thế nhưng Sắc Tâm cũng vẫn còn tồn tại và tiếp nối thêm được một chút ít nữa; có nghĩa là đối với hạng Phạm Phu hoặc Bạc Hữu Học một khi đã mạng vong rồi, thì Sắc Tâm cũng vẫn còn được tồn tại tiếp nối thêm tương đương với 16 cái Tâm rồi mới diệt mất. Còn Bạc Vô Sinh khi đã viên tịch Níp Bàn, thì Sắc Tâm vẫn còn được tồn tại tiếp nối thêm tương đương với 15 cái Tâm rồi mới diệt mất hẳn. **Rằng khi đã nói đến như vậy, chỉ là việc nói theo thực tính hiện hành của Lộ Trình Danh Pháp**

và Lộ Trình Sắc Pháp mà thôi. Còn nếu theo thành ngữ dân gian, thì sẽ nói được rằng khi đã chết đi rồi thì Sắc Tâm cũng đồng diệt với nhau. Tất cả sự việc này, là cũng bởi thời gian bằng với 15 cái hoặc 16 cái Tâm đây, thì cũng vẫn chưa bằng với 1/100 của một giây vậy.

Đối với Sắc Vật Thực đã có được nói đến rằng “khởi sinh trong từng mỗi sát na của Tâm” đây; là khi đến sát na Diệt của Tâm Tử thì Sắc Vật Thực cũng vẫn còn được khởi sinh lần cuối cùng. Và khi Tâm Tử đã diệt đi rồi, lập ý đến người ấy đã tử vong thuộc về Người Dục Giới, thì Sắc Vật Thực khởi sinh lần cuối cùng, và vẫn còn được tồn tại tương đương với cái 17 Tâm nữa, tuy nhiên không được tròn đủ, tức là chỉ bằng với 50 sát na Tiểu mà thôi.

Còn tất cả Chư Phạm Thiên thì không có Sắc Vật Thực sinh trú, bởi do thế mới không cần phải đề cập đến.

+ Trong phần Pālī điều thứ 3, chỗ nói rằng *Tato param v.v.*, cho đến *kaḷavarasaṅkhātā pavattanti* đã hàm ý nghĩa nói rằng việc khởi sinh nối tiếp với nhau của Sắc Quý Tiệt đây, là việc khởi sinh suốt cho đến tử vong và thành một tử thi. Giải thích rằng Sắc Quý Tiệt này khởi sinh liên tục cho đến ngay cả Hữu Tình ấy sẽ phải chết đi nữa, thì Sắc Quý Tiệt ấy cũng vẫn còn được khởi sinh, và lại cho đến luôn cả Hữu Tình ấy trở thành một tử thi đi nữa, thì Sắc Quý Tiệt cũng vẫn còn tiếp tục khởi sinh. Tương tự như thế, cho dù tử thi ấy sẽ trở thành xương cốt, hoặc trở thành tro bụi, hoặc trở thành đất cát đi nữa, thì Sắc Quý Tiệt cũng vẫn còn sinh khởi như thường. Là vì Sắc Quý Tiệt này có được sinh khởi xuyên suốt mãi cho đến trái đất bị hoại diệt, thì lúc bấy giờ mới hoàn toàn tiệt diệt. Việc đề cập đến như vậy, là lập ý lấy Sắc Quý Tiệt của nhóm Hữu Tình Thấp Sanh Sản Địa và Thai Sanh Sản Địa. Còn đối với Sắc Quý Tiệt của nhóm Hóa Sanh Sản Địa, tức là Hữu Tình Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Atula, Chư Thiên, Phạm Thiên; với những hạng này một khi đã mệnh chung rồi thì Sắc Quý Tiệt thường là cùng đồng diệt chung với nhau; vì lẽ nhóm Hóa Sanh Sản Địa đây, một khi đã tử vong thì chẳng còn dư sót ở phần tử thi, và cũng giống như ngọn lửa diệt tắt vậy.

Kệ Ngôn Trình Bày Đến Sự Luân Chuyển Quanh Quẩn
Trong Vòng Luân Hồi Của Sắc Pháp

*Icevaṃ matasattānaṃ
Paṭisandhimupādāya*

*Punadeva bhavantare
Tathā rūpaṃ pavattati*

Trong đặc tính bầm sinh của tất cả Chúng Hữu Tình đã chết đi ở trong thế gian này, thì cả Tứ Sắc Pháp lại thường khởi sinh tương tự cùng một phương cách ấy ở trong kiếp sống mới kế đó, và được bắt đầu kể từ Tâm Tái Tục. Như đã được giảng giải rồi vậy.

+ **Sắc Nghiệp** là Sắc Pháp sinh từ ở nơi Nghiệp Lực, và có được số lượng 18, đó là: 5 Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Mạng Quyền, 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Hạn Giới, kết hợp lại thành 18.

- Khi kết hợp 9 Sắc Pháp gồm có 5 Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Mạng Quyền này lại, là những Sắc Pháp nhất định chỉ nương sinh từ nơi Nghiệp Lực làm Xuất Sinh Xứ.
- Khi kết hợp 9 Sắc Pháp gồm có 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Hạn Giới này lại, là những Sắc Pháp chỉ nương sinh từ nơi Nghiệp Lực làm Xuất Sinh Xứ một cách bất định.

+ **Sắc Tâm** là Sắc Pháp nương sinh từ ở nơi Tâm Thức, và có được số lượng 15, đó là: 2 Sắc Biểu Tri, 1 Cảnh Thinh, 3 Sắc Biến Thể, 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Hạn Giới, kết hợp lại thành 15.

- Với 2 Sắc Biểu Tri thì nhất định nương sinh từ ở nơi Tâm Thức làm Xuất Sinh Xứ.
- Còn 13 Sắc Pháp còn lại, gồm có Cảnh Thinh v.v., thì nương sinh từ nơi Tâm Xuất Sinh Xứ một cách bất định.

+ **Sắc Quý Tiệt** là Sắc Pháp nương sinh từ ở nơi Quý Tiệt, và có được số lượng 13, đó là: 1 Cảnh Thinh, 3 Sắc Biến Thể, 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Hạn Giới, kết hợp lại thành 13. Ở trong số lượng 13 Sắc Quý Tiệt đây, thì không có Sắc Pháp chỉ nương sinh duy nhất từ ở Quý Tiệt; bởi do thế mới không có Sắc Quý Tiệt ở phần nhất định, và cả 13 Sắc Pháp này đều là Sắc Quý Tiệt theo phần bất định hết cả thấy.

+ **Sắc Vật Thực** là Sắc Pháp nương sinh từ ở nơi Vật Thực, và có được số lượng 12, đó là: 3 Sắc Biến Thể, 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Hạn Giới, kết hợp lại thành 12. Trong số lượng 12 Sắc Vật Thực này, thì cũng không có Sắc Pháp chỉ nương sinh duy nhất vào Vật Thực; bởi do thế mới không có Sắc Vật Thực ở phần nhất định, và cả 12 Sắc Pháp này cũng đều là Sắc Vật Thực theo phần bất định hết cả thấy.

+ **Còn cả Tứ Sắc Thực Tướng**, thì không có nương sinh bất luận một Xuất Sinh Xứ nào cả, và đó chính là thực tính của 18 Sắc Thành Sở Tác khởi sinh từ ở cả Tứ Xuất Sinh Xứ.

+ **Sắc Quý Tiệt** thì có được 4 thể loại, đó là:

1. *Sắc Quý Tiệt Duyên Nghiệp (Kammapaccayaṭṭjarūpa)* = Sắc Pháp nương sinh từ ở nơi Quý Tiệt mà có Nghiệp Lực làm Xuất Sinh Xứ.
2. *Sắc Quý Tiệt Duyên Tâm (Cittapaccayaṭṭurūpa)* = Sắc Pháp nương sinh từ ở nơi Quý Tiệt mà có Tâm Thức làm Xuất Sinh Xứ.

3. *Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết (Utupaccayaturūpa)* = Sắc Pháp nương sinh từ ở nơi Quý Tiết mà có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ.
4. *Sắc Quý Tiết Duyên Vật Thực (Āhārapaccayaturūpa)* = Sắc Pháp nương sinh từ ở nơi Quý Tiết mà có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ.
+ **Sắc Tâm** thì có được 7 thể loại, đó là:
 1. Sắc Tâm Phổ Thông lập ý đến Sắc Tâm hiện hành một cách thông thường, chẳng hạn như việc hít thở vô ra.
 2. Sắc Tâm quan hệ với việc vui cười, tức là việc cười giòn, cười mỉm.
 3. Sắc Tâm quan hệ với việc khóc lóc, tức là việc khóc lóc rên la.
 4. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi, tức là việc co vào, duỗi ra, cúi xuống, ngẩng lên, ngoái nhìn bên trái, liếc nhìn bên phải, bước tới, thoái lui, nháy mắt, há miệng, nhai cắn, v.v.
 5. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng, tức là việc nói năng trò chuyện, tụng đọc kinh sách, ca hát.
 6. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi, tức là việc đi, đứng, ngồi, nằm.
 7. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ, tức là việc đi, đứng, ngồi, nằm được một cách bình thường.

Phân Tích 75 Tâm Theo 7 Thể Loại Sắc Tâm

1. Tâm đã làm cho Sắc Tâm Phổ Thông được khởi sinh lên, tức là hết tất cả 75 Tâm.
2. Có 13 cái Tâm đã làm cho khởi sinh lên việc cười vui được đầy, đó là 4 Tâm căn Tham Hỷ Thọ, 1 Tâm Tiểu Sinh Hỷ Thọ, 4 Tâm Đại Thiện Hỷ Thọ, và 4 Tâm Đại Duy Tác Hỷ Thọ.
3. Có 2 cái Tâm đã làm cho khởi sinh lên việc khóc lóc rên la, đó là 2 Tâm căn Sân.
4. Có 32 cái Tâm đã làm cho khởi sinh lên việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi được đầy, đó là 1 Tâm Khai Ý Môn, 29 Tâm Đồng Lực Dục Giới, và 2 Tâm Thắng Trí.
5. Có 32 cái Tâm đã làm cho khởi sinh lên việc nói năng, thì cũng có Chi Pháp tương tự với điều thứ 4.
6. Có 32 cái Tâm đã làm cho khởi sinh lên cả Tứ Đại Oai Nghi, thì cũng có Chi Pháp tương tự với điều thứ 4.
7. Có 58 cái Tâm ủng hộ cho cả Tứ Đại Oai Nghi được kiên trụ, đó là 1 Tâm Khai Ý Môn, 29 Tâm Đồng Lực Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí, và 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

Ghi chú: Trong số lượng 58 cái Tâm ủng hộ cho cả Tứ Đại Oai Nghi được kiên trụ, là đặc biệt đã tính riêng thêm 2 cái Tâm Thắng Trí. Nếu như không đặc biệt tính riêng thêm 2 cái Tâm Thắng Trí này, thì chỉ có 56 cái Tâm mà thôi; đó là 1 Tâm Khai Ý Môn, 29 Tâm Đồng Lực Dục Giới, và 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố. Tất cả đây cũng vì 2 cái Tâm Thắng Trí đã được liệt kê vào trong 26 cái Tâm Đồng Lực Kiên Cố rồi, đó chính là 1 Tâm Thiện Ngũ Thiền Hữu Sắc Giới, và 1 Tâm Duy Tác Ngũ Thiền Sắc Giới vậy. Tuy nhiên việc đặc biệt tính riêng thêm nữa ấy, là cũng vì 2 cái Tâm Thiện và Tâm Duy Tác Ngũ Thiền Hữu Sắc Giới đây, chẳng phải là thể loại thông thường, và chẳng có việc liễu tri đặc biệt; trái lại có việc liễu tri đặc biệt, bởi chính do thể mới đặc biệt được tính riêng thêm nữa vậy.

Phân Tích 7 Thể Loại Sắc Tâm Theo Sự Phân Loại Của Tâm

1. Sắc Tâm nương sinh do từ nơi 4 cái Tâm căn Tham Câu Hành Hỷ phối hợp với 22 cái Tâm Sở, thì có được 6 thể loại, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
2. Sắc Tâm quan hệ với việc vui cười.
3. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi.
4. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng.
5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
6. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

2. Sắc Tâm nương sinh do từ nơi 4 cái Tâm căn Tham Câu Hành Xả phối hợp với 21 cái Tâm Sở, thì có được 5 thể loại, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
2. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi.
3. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng.
4. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

3. Sắc Tâm nương sinh do từ nơi 2 cái Tâm căn Sân Câu Hành Ưu phối hợp với 22 cái Tâm Sở, thì có được 6 thể loại, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
2. Sắc Tâm quan hệ với việc khóc lóc rên la.
3. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi.
4. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng.
5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
6. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

4. Sắc Tâm nương sinh do từ nơi 2 cái Tâm căn Si Câu Hành Xả phối hợp với 16 cái Tâm Sở, thì có được 5 thể loại, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.

2. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi.
3. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng.
4. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

5. Sắc Tâm nương sinh do từ nơi 10 Tâm Ngũ Song Thức phối hợp với 7 cái Tâm Sở, thì không có thể loại nào cả.

6. Sắc Tâm nương sinh do từ nơi 2 Tâm Tiếp Thâu, 3 Tâm Thâm Tấn, 1 Tâm Khai Ngũ Môn, và kết hợp cả 6 cái Tâm này phối hợp với 11 cái Tâm Sở, thì có được một thể loại, đó là Sắc Tâm Phổ Thông.

7. Sắc Tâm nương sinh do từ nơi 1 Tâm Khai Ý Môn phối hợp với 11 cái Tâm Sở, thì có được 5 thể loại, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
2. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi.
3. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng.
4. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

8. Sắc Tâm nương sinh do từ nơi 1 Tâm Tiểu Sinh phối hợp với 12 cái Tâm Sở, thì có được 6 thể loại, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
2. Sắc Tâm quan hệ với việc vui cười.
3. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi.
4. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng.
5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
6. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

9. Sắc Tâm nương sinh do từ nơi 4 cái Tâm Đại Thiện Câu Hành Hỷ, 4 cái Tâm Đại Duy Tác Câu Hành Hỷ phối hợp với 38 cái Tâm Sở, thì có được 6 thể loại, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
2. Sắc Tâm quan hệ với việc vui cười.
3. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi.
4. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng.
5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
6. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

10. Sắc Tâm nương sinh do từ nơi 4 cái Tâm Đại Thiện Câu Hành Xả, 4 cái Tâm Đại Duy Tác Câu Hành Xả phối hợp với 37 cái Tâm Sở, thì có được 5 thể loại, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
2. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi.
3. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng.
4. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.

5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

11. Sắc Tâm nương sinh do từ nơi 8 cái Tâm Đại Quả phối hợp với 33 cái Tâm Sở, thì có được một thể loại, đó là Sắc Tâm Phổ Thông.

12. Sắc Tâm nương sinh do từ nơi 26 cái Tâm Đồng Lực Kiên Cố (trừ 2 Tâm Thắng Trí), đó là 5 Tâm Thiện Hữu Sắc Giới, 5 Tâm Duy Tác Hữu Sắc Giới, 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới, 4 Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới, 8 Tâm Siêu Thế phối hợp với 38 cái Tâm Sở, thì có được 2 thể loại, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.

2. Sắc Tâm làm cho cả Oai Nghi (việc đứng, việc ngồi, việc nằm) nương sinh từ ở nơi 1 cái Tâm Khai Ý Môn, 29 Tâm Đồng Lực Dục Giới và 2 Tâm Thắng Trí kiên trụ được một thời gian lâu dài.

13. Sắc Tâm nương sinh do từ nơi 5 cái Tâm Quả Dị Thục Hữu Sắc Giới phối hợp với 35 cái Tâm Sở, thì có được một thể loại, đó là Sắc Tâm Phổ Thông.

14. Sắc Tâm nương sinh do từ nơi 4 cái Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới phối hợp với 30 cái Tâm Sở, thì không có thể loại nào cả.

15. Sắc Tâm nương sinh do từ nơi 2 cái Tâm Thắng Trí phối hợp với 30 cái Tâm Sở, thì có được 5 thể loại, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.

2. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi.

3. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng.

4. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.

5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

Phân Tích 13 Tâm Đồng Lực Dục Giới Hỷ Thọ Đã Làm Cho Việc Cười Vui Khởi Sinh Theo 3 Hạng Người

1. Hạng Phạm Phu cười vui với 8 cái Tâm, đó là 4 Tâm căn Tham Hỷ Thọ và 4 Tâm Đại Thiện Hỷ Thọ.

2. Ba Bậc Quả Hữu Học cười vui với 6 cái Tâm, đó là 2 Tâm Tham Bất Tương Kiến Hỷ Thọ, và 4 Tâm Đại Thiện Hỷ Thọ.

3. Bậc Vô Sinh cười vui với 5 cái Tâm, đó là 1 Tâm Tiểu Sinh, và 4 Tâm Đại Duy Tác Hỷ Thọ.

Trình Bày Sắc Pháp Bất Hiện Hữu Ở Trong Tổng Hợp Sắc Pháp

Ở trong số lượng 28 Sắc Pháp đây, đã loại trừ đi 1 Sắc Hạng Giới và 4 Sắc Thục Tướng, và chỉ còn lại là 23 Sắc Pháp.

Chỗ loại trừ đi 1 Sắc Hạn Giới đây, cũng vì Sắc Hạn Giới là Sắc Pháp hạn định ranh giới giữa Tổng Hợp Sắc Pháp này với Tổng Hợp Sắc Pháp kia; bởi do thế mới không có liệt kê vào ở trong Chi Phần của Tổng Hợp Sắc Pháp.

Còn 4 Sắc Thực Tướng, thì cũng tương tự như nhau, đó là những Sắc biểu tượng đặc trưng của Tổng Hợp Sắc Pháp; bởi do thế mới không có liệt kê vào ở trong Chi Phần của Tổng Hợp Sắc Pháp.

Như đã có trình bày câu kệ nói rằng:

*Kalāpanaṃ pariccheda
Na kalāpaṅgaṃ iccāhu*

*Lakkhaṇattā vicakkhaṇā
Ākāsaṃ lakkhaṇāni ca*

Tất cả các bậc Hiền Trí đã không trình bày đến một Sắc Hạn Giới và 4 Sắc Thực Tướng, là thuộc Chi Phần của Tổng Hợp Sắc Pháp; cũng bởi vì những cả 5 Sắc Pháp này chỉ là phần cách ly của Tổng Hợp Sắc Pháp, và lại cũng chỉ là biểu tượng đặc trưng của Tổng Hợp Sắc Pháp mà thôi.

Phân Tích 28 Sắc Pháp Khởi Sinh Trong 11 Cõi Dục Giới Thể Theo Cả Tứ Xuất Sinh Xứ

Khi phân tích tất cả 28 Sắc Pháp sinh ở trong Cõi Dục Giới thể theo Xuất Sinh Xứ, thì có đủ cả Tứ Xuất Sinh Xứ và luôn cả số lượng Sắc Xuất Sinh Xứ cũng được khởi sinh trọn đủ hết cả. Tức là 18 Sắc Nghiệp, 15 Sắc Tâm, 13 Sắc Quý Tiết, 12 Sắc Vật Thực; và kết hợp lại thành 58 Sắc Pháp. Và lại ở trong số lượng Sắc Xuất Sinh Xứ của những cả Tứ Xuất Sinh Xứ đây, thì trong từng mỗi Xuất Sinh Xứ cũng thường có đủ cả Tứ Sắc Thực Tướng cùng hiện hữu với nhau; có nghĩa là 18 Sắc Nghiệp cũng có cả Tứ Sắc Thực Tướng, tức là Sắc Nghiệp Tích Trữ, Sắc Nghiệp Thừa Kế, Sắc Nghiệp Lão Mai, và Sắc Nghiệp Vô Thường, và kết hợp lại thành 4.

Trong Sắc Tâm, Sắc Quý Tiết, Sắc Vật Thực cũng hiện hành trong cùng một phương thức này; bởi do thế, khi kết hợp cả Tứ Sắc Thực Tướng hiện hữu ở trong cả bốn thể loại Sắc Pháp như đã vừa đề cập mới thành là 16; và khi tính gộp lại nhau với số lượng của 58 Sắc Pháp, thì mới thành số lượng 74 Sắc Pháp có được khởi sinh ở trong Cõi Dục Giới. Trong những số lượng 74 Sắc Pháp này, nếu tính một cách phổ thông thì cũng chỉ có số lượng 28 Sắc Pháp mà thôi.

Phân Tích 23 Sắc Pháp Khởi Sinh Trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới (Loại Trừ Cõi Hữu Tình Vô Tướng) Thể Theo Cả Tứ Xuất Sinh Xứ

Khi phân tích 23 Sắc Pháp sinh ở trong Cõi Hữu Sắc Giới thể theo Xuất Sinh Xứ, thì thường chỉ có 3 Xuất Sinh Xứ (loại trừ Vật Thực Xuất Sinh Xứ), là vì tất cả Chư Phạm Thiên Hữu Sắc Giới thì chẳng có thọ dụng vật thực như thể loại của nhóm Nhân Loại và Chư Thiên. Tất cả Chư Phạm Thiên ấy thường luôn no đủ với Pháp Hỷ, và cũng bởi do thế, Pháp Hỷ mới tương đương như là vật thực của Chư Phạm Thiên. Vì lý do này, trong số lượng 23 Sắc Pháp ấy mới không có tính Sắc Vật Thực vào là vậy.

Trong số lượng cả 3 Sắc Xuất Sinh Xứ ấy, thì Sắc Nghiệp thường chỉ có được 13 Sắc Pháp khởi sinh (loại trừ Tỷ, Thiệt, Thân, Tính). Sắc Tâm thì có được cả 15 Sắc Pháp khởi sinh. Sắc Quý Tiệt thì có được cả 13 Sắc Pháp khởi sinh; và kết hợp lại thành 41 Sắc Pháp. Và lại một khi đã kết hợp với 12 Sắc Thực Tướng rồi thì mới thành số lượng 53 Sắc Pháp có được khởi sinh ở trong Cõi Hữu Sắc Giới. Nếu tính một cách phổ thông thì cũng chỉ có số lượng 23 Sắc Pháp mà thôi.

Phân Tích 17 Sắc Pháp Khởi Sinh Trong Cõi Hữu Tình Vô Tướng Thể Theo Cả Tứ Xuất Sinh Xứ

Khi phân tích 17 Sắc Pháp sinh ở trong Cõi Hữu Tình Vô Tướng thể theo Xuất Sinh Xứ, thì thường chỉ có được 2 Xuất Sinh Xứ, đó là Nghiệp Xuất Sinh Xứ và Quý Tiệt Xuất Sinh Xứ; cũng vì nhóm Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng là hạng Phạm Thiên không có Tâm và Tâm Sở; bởi do thế, Sắc Pháp nương sinh từ nơi Tâm Thức làm Xuất Sinh Xứ mới không có khởi sinh. Còn Sắc Pháp nương sinh từ nơi Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ ấy, thì đã là lẽ thường nhiên không có đối với Chư Phạm Thiên rồi.

Trong số lượng cả 2 Sắc Xuất Sinh Xứ ấy, thì Sắc Nghiệp thường có được 10 Sắc Pháp khởi sinh, tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Hạn Giới, và 1 Sắc Mạng Quyền. Sắc Quý Tiệt thì thường có được 12 Sắc Pháp (loại trừ Thịnh) khởi sinh; và kết hợp lại thành 22. Và lại một khi đã kết hợp với 8 Sắc Thực Tướng rồi thì mới thành số lượng 30 Sắc pháp có được khởi sinh ở trong Cõi Hữu Tình Vô Tướng; và nếu tính một cách phổ thông thì cũng chỉ có số lượng 17 Sắc Pháp.

Ghi chú: Chỗ tính kết hợp Tứ Sắc Thực Tướng vào với các Sắc Pháp nương sinh từ nơi cả Tứ Xuất Sinh Xứ ấy, thì tính theo phần kết hợp ấy chẳng hạn như vậy: 18 Sắc Nghiệp kết hợp với Tứ Sắc Thực Tướng thì thành 22 Sắc Pháp; 15 Sắc Tâm kết hợp với Tứ Sắc Thực Tướng thì thành 19 Sắc Pháp. Tuy nhiên, nếu sẽ tính Tứ Sắc Thực Tướng sinh trú riêng từng mỗi một Sắc Thành Sở Tác, thì ở trong 18 Sắc Nghiệp ấy chỉ có 17 Sắc Thành Sở Tác (loại trừ 1 Sắc Hạn Giới); và trong từng mỗi Sắc Pháp của 17 Sắc Thành Sở Tác ấy lại có Tứ Sắc Thực Tướng cùng câu sinh với

nhau; chính vì thế mới kết hợp lại thành 68 Sắc Thực Tướng, và khi cùng kết hợp với 18 Sắc Nghiệp vào rồi, thì mới có được 86 Sắc Nghiệp.

Trong 15 Sắc Tâm thì có 9 Sắc Thành Sở Tác, đó là 8 Sắc Bất Giãn Biệt và 1 Sắc Thinh. Trong từng mỗi một Sắc Pháp của 9 Sắc Thành Sở Tác thì có Tứ Sắc Thực Tướng; và kết hợp lại thành 36 Sắc Thực Tướng. Và khi cùng kết hợp với 15 Sắc Tâm vào rồi, thì mới có được 51 Sắc Tâm.

Trong 13 Sắc Quý Tiết thì tương tự cũng có 9 Sắc Thành Sở Tác, chính vì thế mới có 36 Sắc Thực Tướng, và khi cùng kết hợp với 13 Sắc Quý Tiết vào rồi, thì mới có được 49 Sắc Quý Tiết.

Trong 12 Sắc Vật Thực, thì có 8 Sắc Thành Sở Tác, chính là 8 Sắc Bất Giãn Biệt; bởi do đó mới có 32 Sắc Thực Tướng, và khi cùng kết hợp với 12 Sắc Vật Thực vào rồi, thì mới có được 44 Sắc Vật Thực là như vậy.

Kệ Ngôn Trình Bầy Sắc Pháp Không Có Được Khởi Sinh Trong Thời Tái Tục Nhưng Lại Có Được Khởi Sinh Trong Thời Chuyển Khởi Bình Nhật

*Saddo vikāro jaratā Maraṇaṇa copapattiyaṃ
Na labbhanti pavatte tu Na kiñci pi na labbhati*

Kết hợp cả 8 Sắc Pháp đây: 1 Sắc Thinh, 5 Sắc Biến Thể, 1 Sắc Lão Mai, và 1 Sắc Vô Thường, thì không có được khởi sinh ở trong Thời Tái Tục, tức là sát na Sinh của Tâm Tái Tục. Còn ở trong Thời Chuyển Khởi Bình Nhật, thì bất luận là Sắc Pháp nào cho dù sẽ không có được khởi sinh, hoặc không có hiện hữu đi nữa, thì cũng thường được khởi sinh lên hết tất cả.

Giải thích: Ngay sát na Sinh của Tâm Tái Tục thì được gọi là Thời Tái Tục. Kể từ sát na Trụ của Tâm Tái Tục trở đi cho đến sát na Trụ của Tâm Tử thì được gọi là Thời Chuyển Khởi; và đây là sự hiện hành thể theo phần Thực Tính.

Cả 8 Sắc Pháp không có được khởi sinh ở trong Thời Tái Tục đây, có nghĩa là ngay ở trong sát na Tái Tục của tất cả Chúng Hữu Tình thì âm thanh tiếng động cũng vẫn chưa có; việc hoạt động về Thân, việc nói năng về Lời cũng vẫn chưa có; Sắc nhẹ, Sắc mềm, và Sắc thích dụng đối với công việc, Sắc đang lão mai, Sắc đang diệt mất thì cũng vẫn là chưa có. Điều này được ví như một nồi gạo mới bắt đầu đặt ở trên bếp lò, thì sẽ không làm sao để cho gạo tức thời phải sôi lên được như thế nào, thì sát na Tái Tục của tất cả Chúng Hữu Tình cũng tương tự như nhau, và như đã vừa đề cập đến rồi vậy.

Câu kệ tổng hợp này, là đặc biệt chỉ trình bày riêng phần 8 Sắc Pháp có Thinh, v.v., không có được khởi sinh ở trong Thời Tái Tục; bởi do thế, mới cần phải hiểu biết rằng 20 Sắc Pháp còn lại thì thường có được khởi sinh ở trong Thời Tái Tục.

Trong số lượng của những 20 Sắc Pháp này, thì Sắc Nghiệp cũng có ở trong số lượng này, luôn cả Sắc Tâm, Sắc Quý Tiết và Sắc Vật Thực cũng có ở trong số lượng này. Tuy nhiên cả ba nhóm là Sắc Tâm, Sắc Quý Tiết và Sắc Vật Thực đây, thì thường không có được khởi sinh ở trong Thời Tái Tục, và chỉ có được khởi sinh ở trong Thời Chuyển Khởi mà thôi; bởi do thế, cả 20 Sắc Pháp mà có được khởi sinh ở trong Thời Tái Tục, là chỉ có duy nhất một nhóm Sắc Nghiệp, và đó chính là: 5 Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Mạng Quyền, 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Hạn Giới, 1 Sắc Tích Trữ, và 1 Sắc Thừa Kế; kết hợp lại thành 20.

Trong Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp có trình bày số lượng 8 Sắc Pháp không có được khởi sinh ở trong Thời Tái Tục; tuy nhiên nếu trình bày thể theo phần Chú Giải và Phụ Chú Giải rồi, thì Sắc Pháp không có được khởi sinh ở trong Thời Tái Tục sẽ phải là 9 Sắc Pháp, tức là thêm 1 Sắc Thừa Kế nữa; bởi do thế ở trong số lượng 28 Sắc Pháp, thì Sắc Pháp không có được khởi sinh ở trong Thời Tái Tục mới là 9, và 19 Sắc Pháp còn lại thì có được khởi sinh.

Còn ở trong Thời Chuyển Khởi, thì cả 28 Sắc Pháp gồm có Sắc Nghiệp, Sắc Tâm, Sắc Quý Tiết và Sắc Vật Thực thì thường có được khởi sinh lên hết cả thấy.

19 Sắc Nghiệp mà có được khởi sinh ở trong Thời Tái Tục, nếu sắp xếp theo phần Tổng Hợp, thì cũng chính là 9 Tổng Hợp Sắc Nghiệp đó vậy. Và ở trong cả thấy 9 Tổng Hợp Sắc Nghiệp đây mà không có được khởi sinh đối với tất cả Chúng Hữu Tình ở trong Thời Tái Tục, là cũng phải tùy thuộc theo trường hợp thích hợp của Sản Địa và Cõi Giới của Chúng Hữu Tình.

Sản Địa Hoặc Sản Sinh Xứ (Yoni)

Có 3 hoặc 4 thể loại Sản Địa của tất cả Chúng Hữu Tình, đó là:

1. *Thấp Sinh Sản Địa (Saṃsedaja)* lập ý đến sinh ở trong chỗ có mủ nhựa dính.
2. *Hóa Sinh Sản Địa (Opapātika)* lập ý đến phát sinh to lớn liền tức thì, y như thể rút từ ở trên cao xuống.
3. *Thai Sinh Sản Địa (Gambhaseyyaka)* lập ý đến sản sinh ở trong thai bào của người Mẹ. Thai Sanh Sản Địa chia ra làm 2 thể loại, đó là:
 - *Noãn Sinh Sản Địa (Aṇḍaja)* lập ý đến sinh ở trong quả trứng.
 - *Bao Y Sinh Sản Địa (Jalābuja)* lập ý đến sinh ở trong cái nhàu.

Vì thế, khi kết hợp lại thì mới có được Tứ Sản Địa, là: 1/. Thấp Sinh Sản Địa, 2/. Hóa Sinh Sản Địa, 3/. Noãn Sinh Sản Địa, 4/. Bao Y Sinh Sản Địa.

Giải Thích Trong Cả Tứ Sản Địa

1. *Thấp Sinh Sản Địa (Saṃsedaja)*: Tất cả Chúng Hữu Tình tái tục với Thấp Sinh Sản Địa đây, thì không cần phải nương vào người Cha, người Mẹ mà mới có ra; chỉ nương sinh từ nơi cây cối, trái quả, tán cây, máu huyết, nước bắn thiu (nước đọng ao tù), v.v., chẳng hạn như thiếu nữ *Ciñcamānavikā* sản sinh từ nơi trái me, thiếu nữ *Veluvadī* sản sinh từ nơi cây tre, thiếu nữ *Padumavadī* sản sinh từ nơi hoa sen và nàng *Padumavadī* này có tới 499 nam nhi được sản sinh từ nơi máu huyết. Các nhóm sâu bọ thì sinh từ nơi trái quả, hoặc ở chỗ bắn thiu chẳng hạn như vậy. Tuy nhiên Chúng Hữu Tình thuộc Thấp Sinh Sản Địa đây, không thể phát sinh to lớn lên liền tức thì, mà phải từ từ lớn dần lên, cũng na ná với nhóm Thai Sinh Sản Địa.

2. *Hóa Sinh Sản Địa (Opapātika)*: Loài Hữu Tình tái tục với Hóa Sinh Sản Địa đây, thì chẳng cần phải nương vào cái chi cả, chỉ duy nhất nương vào Nghiệp Lực Quá Khứ; và một khi đã được sinh ra thì phát khởi to lớn lên liền tức thì, chẳng hạn như nhóm Hữu Tình Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Chư Thiên, Phạm Thiên, Nhân Loại ở trong thời kỳ *Kiến Lập Kiếp Sơ (Vattathāyī Kappa)*.

3. *Noãn Sinh Sản Địa (Aṇḍaja)*: Tất cả Chúng Hữu Tình tái tục với Noãn Sinh Sản Địa đây, thì cần phải nương sinh từ nơi cái bụng của người Mẹ, tuy nhiên tiên khởi tái tục thì phải ở trong quả trứng trước. Khi người Mẹ đã sản sinh ra quả trứng rồi, thì từ nơi quả trứng ấy, loài Hữu Tình mới sẽ được sản sinh ra một lần nữa. Việc sản sinh của nhóm Hữu Tình này cũng theo tuần tự từ từ lớn dần lên, tức là nhóm gà, vịt, chim, quạ, thằn lằn, tắc kè, rắn, v.v.

Nhân Loại cũng có ở trong nhóm Noãn Sinh Sản Địa, chẳng hạn như hai vị Tỷ Khuru gọi với nhau là *Trưởng Lão Dvebātikathera* là con trai của Nữ Điều Nhân, tiên khởi là đã được sản sinh ra hình thành quả trứng trước, rồi từ quả trứng mới được sản sinh ra một lần nữa; và tích truyện này đã được trình bày để trong bộ Kinh Pháp Cú.

4. *Bao Y Sinh Sản Địa (Jalābuja)*: Tất cả Chúng Hữu Tình tái tục với Bao Y Sinh Sản Địa đây, thì tương tự như nhau, là cũng cần phải nương sinh từ nơi bụng của người Mẹ, tuy nhiên không cần phải có quả trứng bao bọc như là nhóm Noãn Sinh Sản Địa; và việc sản sinh của nhóm Hữu Tình này cũng được sinh ra, rồi cũng theo tuần tự từ từ lớn dần lên; tức là nhóm Nhân Loại, và nhóm Hữu Tình Bàng Sinh ngoài ra của nhóm Noãn Sinh Sản Địa.

Phân Tích Cõi Giới Theo Cả Tứ Sản Địa

<i>Niraye kummavajjesu</i>	<i>Devesu ca na yoniyo</i>
<i>Tisso purimikā honti</i>	<i>Catasso pi gatittaye</i>

(Trích trong bộ Chú Giải Xua Tan Mê Mờ)

Trong Cõi Địa Ngục, hoặc ở trong 6 tầng Thiên Giới (1) loại trừ nhóm Địa Cư Thiên (*Bhummatthadevātā*) (2) hoặc ở trong nhóm Ái Dục Thiêu Đốt Ngạ Quỷ (*Nijjhāmatanḥikapetesu ca*) thì những cả 3 Sản Địa là: Thấp Sinh Sản Địa, Noãn Sinh Sản Địa và Bao Y Sinh Sản Địa đây, thường không có được khởi sinh. Trong cả 3 Sinh Thú (*Gatī*) là: Nhân Loại, Hữu Tình Bàng Sinh, Ngạ Quỷ, thì cả Tứ Sản Địa thường có được khởi sinh.

[**Chú thích:** (1): 6 tầng Thiên Giới là: 1 Cõi Trời Tứ Đại Thiên Vương, 1 Cõi Đạo Lợi Thiên Giới, 1 Cõi Dạ Ma Thiên Giới, 1 Cõi Đâu Suất Đà Thiên Giới, 1 Cõi Hóa Lạc Thiên Giới, và 1 Cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên Giới.

(2): Địa Cư Thiên là một nhóm Chư Thiên ở tầng Trời Tứ Đại Thiên Vương, mà nương trú theo những trú địa như là núi đồi, sông nước, nhà cửa, bảo tháp, giảng đường, v.v. (Xin xem phần chi tiết ở trong bộ Đại Phụ Chú Giải Tổng Hợp Vô Tỷ Pháp, Chương thứ 5, quyển I, Địa Giới Tứ Phần, đã được soạn tác do bởi Ngài *Saddhammajotika Dhammācariya*)]

Câu kệ ngôn này đã không có trình bày đến Sản Địa khởi sinh ở trong Cõi Hữu Sắc Giới. Là như vậy, cũng vì các nhóm Chư Phạm Thiên Hữu Sắc Giới đây được sinh khởi với mãnh lực của Tâm Thiện Sắc Giới đã chứng đắc Thiền Định; bởi do thế mới không có nhiều thể loại Sản Địa, mà duy nhất chỉ có một thể loại Hóa Sinh Sản Địa mà thôi; khác biệt với nhóm Người ở Cõi Dục Giới thì đã có được rất nhiều thể loại Sản Địa.

Khi tóm tắt nội dung lại, thì có được 24 nhóm Người chỉ thuộc duy nhất nhóm Hóa Sinh Sản Địa, đó là: 1 Hữu Tình Địa Ngục, 1 Ái Dục Thiêu Đốt Ngạ Quỷ, 1 Chư Thiên sinh trú ở trong Cõi Trời Tứ Đại Thiên Vương (loại trừ nhóm Địa Cư Thiên), 5 Chư Thiên sinh trú ở trong 5 Cõi Thiên Giới tầng bậc trên, và 16 Phạm Thiên Sắc Giới.

Đối với Nhân Loại, Địa Cư Thiên, Hữu Tình Bàng Sinh, Atula, Ngạ Quỷ (loại trừ Ái Dục Thiêu Đốt Ngạ Quỷ) thì có đủ cả Tứ Sản Địa.

Phân Tích Tứ Sản Địa Theo Cửu Tổng Hợp Sắc Nghiệp

1/. Cả 2 nhóm Thấp Sinh Sản Địa và Hóa Sinh Sản Địa đây, thì ngay ở trong sát na Tái Tục thường có được tối đa 7 Tổng Hợp Sắc Nghiệp hiện hữu ở trong việc sản sinh, đó là: Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp, Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp, Tổng Hợp Tỷ Thập Pháp, Tổng Hợp Thiệt Thập Pháp, Tổng Hợp Thân Thập Pháp, Tổng Hợp Tính Thập Pháp, và Tổng Hợp Vật Thập Pháp. Tại đây, là tính theo *Phần Thượng Phẩm (Ukkatṭhanaya)*.

Khi tính theo *Phần Hạ Phẩm (Omakanaya)*, thì có phần khiếm khuyết các Tổng Hợp Sắc Pháp như sau:

1. **Nhóm Thấp Sinh Sản Địa** thì khiếm khuyết đến 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp, đó là: Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp, Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp, Tổng Hợp Tỷ Thập Pháp, và Tổng Hợp Tính Thập Pháp.
2. **Nhóm Khổ Thú Hóa Sinh Sản Địa** thì khiếm khuyết đến 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp, đó là: Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp, Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp, và Tổng Hợp Tính Thập Pháp.
3. **Nhóm Thiện Thú Hóa Sinh Sản Địa ở Cõi Nhân Loại**, thì khiếm khuyết 1 Tổng Hợp Sắc Nghiệp, đó là Tổng Hợp Tính Thập Pháp (điều này lập ý chỉ lấy riêng phần Nhân Loại ở trong thời kỳ Kiến Lập Kiếp Sơ mà thôi, nối tiếp theo đó thì không có)
4. Còn **nhóm Hóa Sinh Sản Địa ở tất cả các Cõi Thiên Giới**, ngay ở trong sát na Tái Tục thì Tổng Hợp Sắc Nghiệp thường khởi sinh mà chẳng khiếm khuyết Tổng Hợp Sắc Nghiệp nào.

2/. Nhóm Hóa Sinh Sản Địa ở tất cả Chư Phạm Thiên Sắc Giới (loại trừ Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng), thì ngay ở trong sát na Tái Tục có được 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp, đó là: Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp, Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp, Tổng Hợp Vật Thập Pháp, Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp, thường được khởi sinh.

3/. Nhóm Hóa Sanh Sản Địa ở Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, thì ngay ở trong sát na Tái Tục thường chỉ có duy nhất một Tổng Hợp Sắc Nghiệp khởi sinh, đó là Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp.

4/. Nhóm Thai Sanh Sản Địa, thì ngay ở trong sát na Tái Tục (rằng khi tính theo Phần Thượng Phẩm) thường có được tối đa 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp khởi sinh, đó là: Tổng Hợp Thân Thập Pháp, Tổng Hợp Tính Thập Pháp, Tổng Hợp Vật Thập Pháp.

Rằng khi theo Phần Hạ Phẩm, một cách tối thiểu thì thường có được 2 Tổng Hợp Sắc Nghiệp khởi sinh, đó là: Tổng Hợp Thân Thập Pháp, Tổng Hợp Vật Thập Pháp; còn Tổng Hợp Tính Thập Pháp thì có thể khiếm khuyết cũng được (Xin xem bản chính phương “Phân Tích Tứ Sản Địa Theo Cửu Tổng Hợp Sắc Nghiệp”).

Phân Tích Tổng Hợp Sắc Nghiệp Khởi Sinh Riêng Biệt Theo Sản Địa Trong Thời Chuyển Khởi

+ Nhóm Thấp Sinh Sản Địa và Hóa Sinh Sản Địa sinh trú ở trong Cõi Dục Giới thì có được 1 Tổng Hợp Sắc Nghiệp khởi sinh trong Thời Chuyển Khởi, đó là Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp.

Khi kết hợp Tổng Hợp Sắc Nghiệp khởi sinh trong Thời Tái Tục và luôn cả trong Thời Chuyển Khởi thì có được 8 Tổng Hợp.

+ Nhóm Hóa Sinh Sản Địa sinh trú ở trong Cõi Hữu Sắc Giới thì trong Thời Chuyển Khởi đặc biệt Tổng Hợp Sắc Nghiệp không có khởi sinh thêm nữa, mà chỉ tồn tại có 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp (1). Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng thì chỉ có 1 Tổng Hợp (2).

+ Nhóm Thai Sinh Sản Địa ở trong Thời Chuyển Khởi thì có được 5 Tổng Hợp Sắc Nghiệp khởi sinh, đó là: Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp, Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp, Tổng Hợp Tỷ Thập Pháp, Tổng Hợp Thiệt Thập Pháp, Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp. Trong số lượng 5 Tổng Hợp này thì có thể có 3 Tổng Hợp khiếm khuyết cũng được, đó là: Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp, Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp và Tổng Hợp Tỷ Thập Pháp.

Khi kết hợp Tổng Hợp Sắc Nghiệp khởi sinh trong Thời Tái Tục và luôn cả trong Thời Chuyển Khởi thì có được 8, và khiếm khuyết thì có được 4.

[**Ghi chú:** (1), (2): 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp của nhóm Chư Phạm Thiên Sắc Giới (loại trừ Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng) đó là: Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp, Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp, Tổng Hợp Vật Thập Pháp, và Tổng Hợp Cửu Mạng Pháp. Và 1 Tổng Hợp Sắc Nghiệp của Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, đó là Tổng Hợp Cửu Mạng Pháp đã khởi sinh lần đầu tiên ngay ở trong Thời Tái Tục, thì cho dù trong Thời Chuyển Khởi cũng vẫn liên tục khởi sinh thêm lên nữa, tuy nhiên đặc biệt là trong suốt Thời Chuyển Khởi thì không có Tổng Hợp Sắc Nghiệp nào khác khởi sinh lên được.]

Trình Bày Việc Khởi Sinh Của Cả 5 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Có Sắc Thực Tướng v.v. Của Nhóm Thai Sinh Sản Địa

*Tato param pavattimhi
Cakkhudasakādayo ca*

*Vaḍḍhamānassa jantuno
Cattāro honti sambhavā*

(*Siêu Lý Phân Tích – Paramatthavinicchaya, điều 71, kệ ngôn thứ 809*)

Nói tiếp Thời Tái Tục thì trong Thời Chuyển Khởi, cả 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp có Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp, v.v., thường khởi sinh lên đối với Hữu Tình một cách tuần tự và từ từ phát triển lên tùy theo trường hợp để sẽ được hiện hành, và không hạn chế rằng cái chi là sinh trước và cái chi là sinh sau.

Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp, Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp, Tổng Hợp Tỷ Thập Pháp, Tổng Hợp Thiệt Thập Pháp, cả 4 Tổng Hợp này khởi sinh ở trong tuần lễ thứ 11, tức là vào khoảng 70 đến 77 ngày. Tuy nhiên việc khởi sinh của cả 4 Tổng Hợp

này không có hạn chế rằng Tổng Hợp nào sinh trước, Tổng Hợp nào sinh sau; vì lẽ Đức Phật Ngài đã lập ý khái thuyết tuần tự của cả Cửu Tổng Hợp Sắc Nghiệp ấy, chẳng phải lập ý khái thuyết theo *Phần Phát Sinh (Upapattikamanaya)*, là việc trình bày theo *Phần Thuyết Giáo (Desanākamanaya)* tương tự với việc trình bày về Ngũ Uẩn và Tứ Đế (*Sacca*) như bộ *Chú Giải Ngũ Tông (Kathāvatthu Atthakathā)* đã có trình bày rằng: “*Sesāni cattāri sattasattati rattimhi jāyanti*”- “4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp còn lại gồm Thân, Tính, Vật và Mạng Quyền thì thường khởi sinh ở trong thời 77 ngày, tức là 11 tuần lễ.”

Còn Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp thì khởi sinh ở trong tuần lễ đầu tiên sau khi Tâm Tái Tục trở đi, tức là ở trong khoảng thời gian 7 ngày.

Đối với Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp mà khởi sinh ở trong Thời Chuyển Khởi của nhóm Thấp Sinh Sản Địa và Hóa Sinh Sản Địa trong Cõi Dục Giới đây, thì thường khởi sinh kể từ sát na Trụ của Tâm Tái Tục trở đi.

Trình Bày Kế Ngôn Đề Cập Đến Sự Tiến Hóa Của Sắc Pháp Kể Từ Tái Tục Cho Đến Có Đầy Đủ Các Bộ Phận

Pathamaṃ kalalaṃ hoti Kalalā hoti abbudaṃ
Abbudā jāyate pesi Pesi nibbattaṃ ghano
Ghanā pasākhā jāyanti Kesā lomā nakhāpi ca

(*Phẩm Lục Kế - Chánh Tạng Pālī Tương Ứng Bộ Kinh – Phần Tương Ứng Dạ Xoa, Bài Kinh Thiên Chủ Đế Thích – điều 208*) – (*Saṃpayuttanikāya – Sagāthāvagga - Yakkhasaṃpayutta – Indrasutta, # 208*)

Trình tự quá trình hình thành của nhóm Thai Sinh Hữu Tình ở trong thai bào được chia ra làm 5 thời kỳ, còn được gọi là *Thai Nội Ngũ Vị* (năm thời kỳ ở trong thai bào), như sau:

1/. Trong tuần lễ đầu tiên của việc Tái Tục, thì *Sắc Chủng Tử (Kalalarūpa)* khởi sinh, đó là giọt nước trong suốt giống như nước dầu mè. (Còn gọi là *Yết La Lam Vị, Tụp Uế*, là thời kỳ tinh huyết của Cha Mẹ bắt đầu hòa hợp thành một.)

2/. Trong tuần lễ thứ hai, là kể sau khi *Sắc Chủng Tử*, thì *Sắc Phôi Điểm (Abbudarūpa)* khởi sinh, và có trạng thái tương tự như tròng trứng đỏ, sắc tựa như nước rửa thịt. (Còn gọi là *An Bộ Đàm Vị, Bào*, là thời kỳ tăng trưởng thành hình như cái nhọt phồng rộp.)

3/. Trong tuần lễ thứ ba, là kể sau khi *Sắc Phôi Điểm*, thì *Sắc Phôi Thai (Pesirūpa)* khởi sinh, và có trạng thái như miếng thịt mềm nhão, có sắc màu đỏ. (Còn gọi là *Bế Thi Vị, Huyết Nhục*, là thời kỳ dần dần thành máu thịt.)

4/. Trong tuần lễ thứ tư, là kể sau khi Sắc Phôi Thai, thì *Sắc Thai Khối (Ghanarūpa)* khởi sinh, và có trạng thái thành một khối, có hình dáng giống quả trứng gà. (Còn gọi là *Kiên Nam Vị, Nhục Đoàn*, là thời kỳ dần dần thành một khối thịt rắn chắc.)

5/. Trong tuần lễ thứ năm, là kể sau khi Sắc Thai Khối thì nối tiếp theo đó, là *Ngũ Chi (Pañcasākhā)* khởi sinh, tức là Sắc Pháp phát triển ra thành năm chi (*Tato param*) ở trong khoảng giữa tuần lễ thứ 12 cho đến tuần lễ thứ 42, và những thể loại tóc, lông, móng, v.v., cũng đã hiện bày. (Còn gọi là *Bát La Xa Khư Vị, Hình Vị Ngũ Chi*, là thời kỳ dần dần có đủ 6 Căn.)

NÍP BÀN SIÊU LÝ (NIBBĀNAPARAMATTHA)

Níp Bàn (*Nibbāna*) là Pháp chủng tịch tịnh, xa lìa khỏi Danh Sắc Ngũ Uẩn (*Santilakkhaṇam*). Sự việc hình thành như vậy, cũng do bởi Níp Bàn là Pháp chủng xa lìa Ái dục một cách tuyệt đối.

Bởi do như vậy, tất cả các bậc Vô Sinh một khi đã chứng đạt đến Uẩn Níp Bàn, thì tất cả những khổ luân hồi như là sinh, già, đau, chết, v.v., những thể loại này cũng đều diệt tận hết cả thấy, không còn dư sót.

Như có Pālī Chú Giải rằng:

“Vānato nikkhantanti = Nibbānam (vā) Nibbāyanti sabbe vatta dukkha santāpā etasminti = Nibbānam (vā) Nibbāyanti ariyajānā etasminti = Nibbānam.”
 Pháp chủng nào thường vượt thoát khỏi Ái Dục, được gọi tên là *Vāna* (sự ham muốn), đó là vật kết nối giữa Hữu nhỏ và Hữu lớn cho tiếp nối với nhau một cách tuyệt đối; và như thế gọi tên Pháp chủng ấy là Níp Bàn.

(Hoặc) Khổ luân hồi và mọi sự thống khổ khác, thường không có hiện hữu ở trong Níp Bàn.”

Vì vậy, gọi tên Pháp chủng mà làm thành sự diệt tắt ở phần khổ luân hồi và những sự thống khổ khác, là Níp Bàn. (Hoặc) Tất cả bậc Thánh Nhân khi đã chứng đạt đến Uẩn Níp Bàn thì thường diệt tắt hết, là bất sanh bất tử; như thế gọi tên Pháp chủng mà hủy diệt sự tử sanh cho tiêu mất hết là Níp Bàn.

Từ ngữ “*Nibbāna*” khi chiết tự ra thì có được hai từ ngữ là “*Ni + Vāna*” *Ni* - dịch là *thoát lìa*, hay *xuất ra*. *Vāna* - dịch nghĩa là *Ái* (sự ham muốn).

Khi kết hợp cả hai từ ngữ này vào nhau thì thành “*Nivāna*” dịch nghĩa là *thoát khỏi Ái dục*.

Từ ngữ *Nivāna* mà trở thành *Nibbāna* là do bởi hiện hành theo phần văn phạm, là chỉ một chữ V cho thành hai chữ V V (bởi theo trạng thái), hai chữ V V thay đổi thành hai chữ B B, do đó mới trở thành *Nibbāna*.

***“Padamuccutamaccataṃ
Nibbānaṃ iti bhāsanti***

***Asaṅkhātamanuttaraṃ
Vānamuttā mahesayo”***

Với các bậc Đại Ân Sĩ đã giải thoát khỏi Tham Ái, thì đã gọi Níp Bàn là Pháp Bất Tử, Vô Biên, Vô Vi, và Vô Thượng.

Tất cả các Bậc Chánh Đăng Giác - các Ngài hằng luôn tâm cầu Ân Đức thù thắng tối thượng là Giới Uẩn, Định Uẩn và Tuệ Uẩn. Các Ngài đã thoát khỏi Ái Dục - vật thúc phược, thường luôn đề cập đến một thể loại Pháp Thực Tính đã được chứng đạt đến, hiện hữu một cách đặc biệt, không có liên quan với Pháp Hữu Vi, có trạng thái bất tử, và vượt thoát khỏi Ngũ Uẩn, chẳng có bị tạo tác do bởi bất luận một trong 4 Tác Duyên, là Pháp tối thượng, đó là Níp Bàn (*Nibbāna*).

Giải thích ở trong kệ ngôn này nói rằng Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* đã miêu tả Ân Đức của Níp Bàn, và đã trình bày cho được biết rằng Níp Bàn ấy là chi ?

Có 5 từ ngữ đã dùng để miêu tả Ân Đức của Níp Bàn ở trong kệ ngôn này, đó là: ***Padam***, ***Accutaṃ***, ***Accantaṃ***, ***Asaṅkhataṃ***, và ***Anuttaraṃ***. Kết hợp những cả 5 từ ngữ này lại, là thực tính của Níp Bàn; bởi do đó, Pháp nào có 5 thể loại thực tính như đã vừa đề cập tại đây, và thể theo ngôn từ của các Bậc Chánh Đăng Giác, thì Pháp ấy đích thị được gọi tên là Níp Bàn.

+ Từ ngữ ***Padam*** dịch nghĩa là “một phần” có nghĩa là “một thể loại Pháp Thực Tính đã chứng đạt được, hiện hữu một cách đặc biệt, không có liên quan với Pháp Hữu Vi” tức là Níp Bàn.

+ Từ ngữ ***Accutaṃ*** dịch nghĩa là “Pháp Bất Tử” có nghĩa là “bất sinh, bất tử” vì lẽ sự chết có được thì cũng cần phải có sự sinh; và một khi đã không có sự sinh rồi, thì sự chết cũng không có được; tức là Níp Bàn.

+ Từ ngữ ***Accantaṃ*** dịch nghĩa là “Pháp đã xâm phạm và làm mất đi Ngũ Uẩn về Quá Khứ và Vị Lai” tức là Níp Bàn. Có nghĩa là Níp Bàn ấy xâm phạm Ngũ Uẩn đã diệt, tức là *Quá Khứ Uẩn (Pubbantakhandha)*, và xâm phạm Ngũ Uẩn sẽ sinh về sau, tức là *Vị Lai Uẩn (Aparantakhandha)*. Cho dù quả thật đã không có trình bày việc xâm phạm Ngũ Uẩn ở ngay thời Hiện Tại đi nữa, tuy nhiên một khi đã có trình bày việc xâm phạm Ngũ Uẩn ở thời Quá Khứ và luôn cả thời Vị Lai rồi, thì coi như việc trình bày xâm phạm Ngũ Uẩn ở thời Hiện Tại cũng đã được thành tựu. Vì lẽ nếu như Ngũ Uẩn đã không có sinh và cũng sẽ không có sinh nối tiếp về sau, thế thì cũng không có Ngũ Uẩn đang khởi sinh vậy. Cũng ví như có người nói rằng “Tôi đã không từng trông thấy máu ở trong con cua, và tiếp nối về sau cũng sẽ không trông thấy y hệt như nhau.” Việc nói như vậy cũng có nghĩa là họ cũng không có được trông thấy ngay cả ở trong thời Hiện Tại.

Ngũ Uẩn ở thời Hiện Tại đây, đó chính là **Vị Lai Uẩn** của Ngũ Uẩn đã trải qua, và sẽ là **Quá Khứ Uẩn** của Ngũ Uẩn sẽ lại khởi sinh nối tiếp về sau; bởi do đó

mới đặc biệt không thiết yếu phải trình bày việc xâm phạm *Hiện Tại Uẩn (Paccuppannakhandha)*. Và lại sự việc có được chứng tri Níp Bàn đây, là Pháp đã vượt thoát khỏi cả Tam Thời, gọi là *Ngoại Thời (Kālavimutta)*, và là Pháp đã vượt thoát khỏi Ngũ Uẩn, gọi là *Ngoại Uẩn (Khandhvimutta)*.

+ Từ ngữ *Asaṅkhatam* dịch nghĩa là “*Pháp chẳng có bị tạo tác do bởi bất luận một trong 4 Tác Duyên*” tức là Níp Bàn. Có nghĩa là Níp Bàn đây, chẳng phải là Tâm, Tâm Sở và Sắc Pháp; vì lẽ thường nhiên thì những thể loại Tâm, Tâm Sở và Sắc Pháp đây, có được khởi sinh lên là cũng do bởi bất luận một trong 4 Tác Duyên, hoặc 2 – 3 – 4 Tác Duyên làm thành người tạo tác sắp bày, được gọi là Pháp Hữu Vi. Và lại Níp Bàn là Pháp thuần nhất chẳng khởi sinh do bởi bất luận một Tác Duyên nào, vô vi, không có được cấu tạo, và không phải là Tác Nhân cũng không phải là Quả Báo.

Khi nói theo thực tính phổ thông, thì từ ngữ Pháp Vô Vi đó cũng vừa có luôn cả Chế Định tương tự như nhau. Tuy nhiên đối với ở trong chỗ này, thì đặc biệt chỉ trình bày về *Pháp Siêu Lý (Paramatthadhamma)* là Pháp có chân thực nghĩa; chính vì thế, Pháp Vô Vi ở trong chỗ này mới lập ý chỉ lấy riêng biệt Níp Bàn mà thôi.

+ Từ ngữ *Anuttaram* dịch nghĩa là “*Pháp Tối Thượng*” tức là Níp Bàn. Có nghĩa là các Pháp khác sẽ không thể nào tối thượng hơn Níp Bàn ấy được.

Rằng khi nói theo phần kết hợp lại, thì Pháp Tối Thượng cũng chính là Tâm Siêu Thế và 36 Tâm Sở, và Níp Bàn. Tuy nhiên ở trong chỗ này thì lập ý chỉ lấy duy nhất mỗi một Níp Bàn, là cũng vì kệ ngôn đã có đề cập đề ở phía trên thì cũng chỉ trình bày duy nhất đến câu chuyện Níp Bàn.

Trình Bày Câu Chú Giải Và Lời Giải Thích Ở Trong Từ Ngữ Níp Bàn

Từ ngữ *Nibbāna* khi chiết tự ra thì có được 2 từ ngữ, đó là *Ni + Vāna*. *Ni* dịch là “*giải thoát, vượt thoát khỏi*”. *Vāna* dịch nghĩa là “*Pháp chủng làm thành vật kết nối thúc phược*” lập ý đến *Ái Dục (Taṇhā)*. Khi kết hợp cả 2 từ ngữ này vào với nhau thì thành *Nivāna*, dịch nghĩa là “*Pháp chủng vượt thoát khỏi vật kết nối thúc phược*” lập ý đến giải thoát khỏi Ái Dục. Như có câu Chú Giải trình bày rằng:

“*Vinati saṃsibbatī = Vānaṃ*” – “*Pháp chủng nào thường làm thành người kết nối thúc phược, bởi do thế Pháp chủng ấy được gọi tên là Vāna (sự ham muốn)*” tức là Ái Dục.

“*Vānato nikkhantanti = Nibbānaṃ*”- “*Pháp chủng nào thường vượt thoát khỏi vật kết nối thúc phược giữa kiếp sống nhỏ và kiếp sống lớn một cách tột diệt, tức là Ái Dục, bởi do thế Pháp chủng ấy được gọi tên là Níp Bàn.*”

“Nibbāyanti sabbe vatta dukkha santāpā etasminti = Nibbānaṃ (vā) Nibbāyanti ariyajānā etasminti = Nibbānaṃ”- “Khổ Luân Hồi và tất cả mọi sự thống khổ khác thì thường không có ở trong Níp Bàn.” (hoặc) “Tất cả các bậc Thánh Nhân khi chứng đạt đến Pháp Uẩn Níp Bàn, là bất sinh bất tử; bởi do thế Pháp chúng hủy diệt sự Sinh Tử cho tiệt diệt, được gọi tên là Níp Bàn.”

Lẽ thường, tất cả Chúng Hữu Tình sinh trú ở trong thế gian này, thì sự Sinh và sự Tử ở trong từng mỗi con người đã trải qua quả là nhiều vô số lượng không thể nào tính đếm được rằng đã từng sinh và đã từng tử bao nhiêu lần rồi, và tiếp nối về sau thì sự Sinh và sự Tử cũng liên tục nối tiếp để sẽ còn đi mãi, bất hạn định được rằng sẽ chấm dứt vào lúc nào. Khi đã là như vậy cũng do bởi nương vào Ái Dục, là sự duyệt ý, sự ái luyến muội tâm ở trong các Cảnh; đã làm thành người thúc phược Hữu Tình để không cho vượt thoát khỏi sự Sinh và sự Tử được. Cũng giống như người thợ may đã lấy nhiều mảnh vải đem may cho dính vào với nhau như thế nào, thì Ái Dục cũng được sánh tựa như người thợ may, tức là thúc phược Hữu Tình ở trong kiếp sống cũ cho nối tiếp liên tục với kiếp sống mới; chính vì lý do này mà đích thị Ái Dục mới được gọi tên là *Vāna* (rừng rậm, sự ham muốn).

Còn đối với Níp Bàn là Pháp chúng vượt thoát khỏi Ái Dục, bởi do thế mới được gọi tên là *Ly Ái Dục (Nivāna)*. Từ ngữ *Vāna* là tên gọi của Pháp Bất Thiện, tuy nhiên khi có thêm từ ngữ *Ni* phối hợp ở phía trước thì lại trở thành tên gọi của Pháp Chí Thiện. Tương tự với bậc có được danh xưng là *Bậc Lậu Tận (Khīṇāsava)*. Khi chiết tự từ ngữ *Khīṇāsava* thì có được 2 từ ngữ, là *Khīṇa + Āsava*, *Khīṇa* = chấm dứt, diệt tận; *Āsava* = Pháp Lậu Hoặc (thấm rĩ chảy ra) ở trong 31 Cõi Giới, tức là Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê. Tên gọi Lậu Hoặc là tên gọi của Pháp Bất Thiện, tuy nhiên khi lấy từ ngữ *Khīṇa* bổ túc ở phía trước thì lại trở thành tên gọi của Pháp Chí Thiện; rằng khi theo Người, đó chính là tất cả các Bậc Vô Sinh có bậc Chánh Đẳng Giác, v.v., như vậy.

Trình Bày Phân Loại Của Níp Bàn

Phân Loại Của Níp Bàn	{	Có 1:	Trạng thái an tĩnh (Santilakkhaṇa)
			Hữu Dư Y Níp Bàn (Saupādisesanibbāna)
	{	Có 2	Vô Dư Y Níp Bàn (Anupādisesanibbāna)
			Không Hư Níp Bàn (Suññatanibbāna)
	{	Có 3	Vô Tướng Níp Bàn (Animittanibbāna)
			Vô Nguyên Níp Bàn (Appaṇihitanibbāna)

Níp Bàn Có 1

Rằng khi tính theo trạng thái thực tính thì Níp Bàn duy nhất chỉ có một thể loại, đó là *Trạng Thái An Tĩnh (Santilakkhaṇa)*, là lập ý đến tính trạng tất cả các Phiền Não và Ngũ Uẩn. Chỗ nói rằng khi theo bản lai tự tính thì Níp Bàn duy nhất chỉ có một thể loại, chẳng giống như có cùng một thực thể vật chất nhưng lại có rất nhiều chủ nhân; bởi do thể sẽ không thể nào cùng sử dụng chung với nhau được, mà sẽ phải thay phiên nhau để từng mỗi người có được sử dụng. Còn Níp Bàn đây thì chẳng phải như vậy. Tất cả các Bậc Vô Sinh một khi đã viên tịch Níp Bàn rồi, thì thường cùng nhau đều chứng đạt đến trạng thái an tĩnh hết cả thấy; trình bày cho thấy rằng Níp Bàn với thực tính *Tịnh Lạc (Santisukha)* quả là đếm không kể xiết, và tùy thuộc theo số lượng các Bậc Vô Sinh viên tịch Níp Bàn.

[**Chú thích:** Từ ngữ *Nirvāṇa (S)* hoặc *Nibbāna (P)* bao gồm *Ni + Vāna*, chuyển thành *Nibbāna*. Từ ngữ *Ni* hàm xúc ý “Không”, *Vāna* có nghĩa là “Dệt lưới” hoặc “Ái Dục”. Chính Ái Dục này tác hành như sợi dây thúc phược kết nối dính liền một loạt biết bao kiếp sống của một Hữu Tình ở trong vòng Luân Hồi Sinh Tử.

Ngày nào còn bị thúc phược ở trong mạng lưới Ái Dục hoặc luyến ái, thì Hữu Tình còn tích trữ Nghiệp Lực mới, và những năng lực này phải cụ thể hóa dưới một hình thức nào ở trong vòng quanh với biết bao kiếp Sinh Tử - Tử Sinh vô cùng tận. Một khi tất cả mọi hình thức Ái Dục đều đã bị tận diệt, thế là Nghiệp Lực chấm dứt, và nói theo ngôn ngữ chế định thông thường thì Hữu Tình ấy chứng ngộ Níp Bàn, và đã vượt thoát ra khỏi vòng quanh của bao kiếp Sinh và Tử. Theo quan niệm của Phật Giáo, Giải Thoát là vượt thoát ra khỏi vòng quanh Sinh và Tử mãi mãi trở đi trở lại, luân chuyển hồi quy, và chính đó không phải chỉ là việc thoát ra khỏi “Tội Khổ và Địa Ngục.”

Từ ngữ *Nibbāna* (Níp Bàn) xuất nguyên từ *Ni* (không) + ngữ căn *Vu* (dệt), có nghĩa là “Không có Ái Dục, hoặc không có luyến ái; hoặc tách rời, lìa bỏ Ái Dục.” Một cách chính xác, Níp Bàn là Pháp đã được chứng ngộ do bởi tận diệt mọi hình thức Ái Dục.

Một trường hợp khác nữa, từ ngữ *Nibbāna* được xuất nguyên từ *Ni* (không) + ngữ căn *Vā* (thối); ở trong trường hợp này, thì Níp Bàn có nghĩa là “thối tất, dập tắt, hoặc tận diệt những ngọn lửa Tham, Sân, Si.” Nên hiểu được rằng Níp Bàn không phải chỉ suông là tận diệt Tham Dục (*Khayamattam eva na nibbānanti vattabbam*). Tận diệt Tham Dục chỉ là phương tiện để chứng ngộ Níp Bàn, tự nó không phải là cứu cánh.

Níp Bàn là nguyên lý cùng tột (*Vatthudhamma – Tông Chỉ Pháp*) thuộc về Siêu Thế (*Lokuttara*) tức là vượt ra khỏi thế gian Danh Sắc hoặc Ngũ Uẩn. Níp Bàn được chứng ngộ nhờ vào trực giác (*Hiện Kiến – Paccakha*) hoặc Thông Đạt Trí

(*Pativedhañāṇa*) và *Tỷ Lượng (Anumāna)* hoặc *Tùy Giác Trí (Anubodha ñāṇa)*. Để diễn đạt cả hai ý niệm này, Níp Bàn được xem là cần phải chứng ngộ bằng với Trí Tuệ của Tứ Thánh Đạo và trở thành đối tượng của các tầng Đạo Quả.

Về tự tánh *Thực Tính (Sabhavāto)*, Níp Bàn là *An Tịnh (Santi)*, và như vậy chỉ có duy nhất một (*Kevala*). Tùy theo sự chứng nghiệm - trước và sau khi viên tịch, thì Níp Bàn có hai thể loại. Trong chính văn Pālī có sử dụng từ ngữ *Phân Định Tác Nhân (Kāraṇapariyāyena)* được các bộ Chú Giải Pālī ở Đảo Quốc Tích Lan giải thích là nguyên nhân có được gọi như vậy vì có Hữu Dư Y và Vô Dư Y.]

Níp Bàn Có 2

Rằng khi *Phân Định Tác Nhân (Kāraṇapariyāyena)* thì Níp Bàn có được 2 thể loại, là:

1. *Hữu Dư Y Níp Bàn (Saupādisesanibbāna)*
2. *Vô Dư Y Níp Bàn (Anupādisesanibbāna)*

1. Hữu Dư Y Níp Bàn có nghĩa là Níp Bàn hiện hành với Ngũ Uẩn, là tất cả Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp vẫn còn dư sót của Phiền Não; tức là Níp Bàn của các Bậc Vô Sinh vẫn đang còn có sinh mạng.

Như trình bày câu Chú Giải nói rằng:

(1) “*Kammakilesehi upādiyaṭṭi = Upādi (vā) Ārammaṇakaraṇavasena taṇhādittihī upādiyaṭṭi = Upādi*”.

Những thể loại Nghiệp Lực và Phiền Não đây thường bám chặt lấy Ngũ Uẩn là Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp rằng là của Ta; bởi do thế Ngũ Uẩn là Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp đây, được gọi tên là *Upādi (cung cấp cho sự sống)*.

Một trường hợp khác nữa, những thể loại Ái Dục và Tà Kiến đây thường bám chặt lấy Ngũ Uẩn là Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp thể theo việc tạo tác cho làm thành Cảnh của Ta; bởi do thế Ngũ Uẩn là Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp, được gọi tên là *Upādi*.

(2) “*Sissati avasissatīti = Seso, Upādi ca seso cāti = Upādiseso*”.

Ngũ Uẩn là Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp, gọi tên là *Sesa* vì lẽ vẫn đang còn dư sót của Phiền Não.

Ngũ Uẩn là những thể loại Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp đây, vừa gọi tên là *Upādi* vừa gọi tên là *Sesa*; vì lẽ bị Nghiệp Lực và Phiền Não bám chặt lấy rằng là của Ta, hoặc bị Ái Dục và Tà Kiến bám chặt lấy thể theo việc tạo tác cho làm thành Cảnh, và là Pháp vẫn đang còn dư sót của Phiền Não; bởi do thế Ngũ Uẩn là những

thể loại Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp đây, gọi tên là *Upādisesa* (*Dur Y*: còn dư sót chút ít sự cung cấp cho đời sống, còn phụ thuộc đến sự sống).

Có nghĩa là những thể loại Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp luân chuyển quanh quẩn ở trong vòng Luân Hồi thường sinh khởi hữu quan với Phiền Não, chỉ đến khi Đạo Vô Sinh thì mới đoạn tận hết tất cả Phiền Não chẳng còn dư sót; tuy nhiên Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp đã là thành quả của những thể loại Phiền Não ấy cũng vẫn đang còn dư sót; bởi do thể đích thị chính những Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp này mới được gọi tên là *Dur Y (Upādisesa)*. Rằng khi tính theo *Dĩ Nhân Bản Nguyên*, thì đó chính là thân thể của Bậc Vô Sinh vẫn đang còn có sinh mạng.

(3) “*Saha upādisesena yā vattaṭṭi = Saupādisesā*”.

Níp Bàn nào thường câu sinh với Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp vẫn còn dư sót của tất cả các Phiền Não, bởi do thể Níp Bàn ấy được gọi tên là *Hữu Dur Y (Saupādisesa)* tức là Níp Bàn của tất cả các Bậc Vô Sinh đã được chứng tri đến.

Trong điều nói rằng “*Níp Bàn câu sinh với Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp*” ấy, thì chẳng giống với Tâm câu sinh với Tâm Sở; tức là lập ý lấy Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp vẫn còn dư sót ấy làm thành tác nhân cho được chứng tri đến Níp Bàn.

2. Vô Dur Y Níp Bàn có nghĩa là Níp Bàn không còn có dư sót Ngũ Uẩn là Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp, tức là Níp Bàn của Bậc Vô Sinh đã viên tịch Níp Bàn rồi. Như trình bày câu Chú Giải nói rằng:

“*Natthi upādiseso yassāti = Anupādiseso*”.

Ngũ Uẩn là Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp không còn có dư sót đối với Níp Bàn nào, bởi do thể Níp Bàn ấy được gọi tên là *Vô Dur Y (Anupādisesa)*.

Trong sự việc nói rằng “*Rằng khi tính theo phân định từ nơi Tác Nhân thì Níp Bàn có được hai thể loại ấy*” có nghĩa là Dị Thục Quả với Sắc Nghiệp đang vẫn còn dư sót và không còn dư sót; cả hai thể loại này làm thành Tác Nhân cho được chứng tri thực tính của Níp Bàn. Với lý do này, Đức Phật Ngài mới lập ý khai thuyết rằng Níp Bàn có hai là thể theo Tác Nhân như đã vừa đề cập; tuy nhiên cũng là việc trình bày theo phần gián tiếp thứ lớp (*Parināyanaya*), chẳng phải theo phần thẳng thắn trực tiếp một lần một.

Lại nữa, Hữu Dur Y Níp Bàn cũng sẽ còn được gọi là *Kim Thế Níp Bàn (Ditṭhadhammanibbāna)* vì lẽ tất cả các Bậc Vô Sinh chứng tri được Níp Bàn khi vẫn đang còn sinh mạng, và vẫn chưa có viên tịch Níp Bàn.

Vô Dur Y Níp Bàn cũng sẽ còn được gọi là *Lai Sinh Níp Bàn (Samparāyika nibbāna)* vì lẽ tất cả các Bậc Vô Sinh khi đã viên tịch Níp Bàn rồi, thì mới chứng tri được Níp Bàn.

Việc trình bày cả hai thể loại Níp Bàn một khi được gọi là Hữu Dur Y Níp Bàn và Vô Dur Y Níp Bàn đây, là việc trình bày theo Phần Tạng Vô Tỷ Pháp. Còn việc

trình bày theo Phần Kinh Tạng thì đã có trình bày đề ở trong phần Vấn Đáp thuộc Giáo Khoa Thư Lớp Giảng Viên Vô Tỷ Pháp Độ Nhị.

[**Chú thích:** Từ ngữ *Saupādisesa* (Hữu Dư Y), bao gồm *Sa* “với”, *Upādi* “Uẩn” (Danh và Sắc, Thân và Tâm). *Sesa* “còn dư sót lại”, *Upādi*: *Upa* + *Ā* + với ngữ căn *Da* “lấy”, có nghĩa là “Ái Dục và Tà Kiến thúc phược lấy Ngũ Uẩn.” *Upādi* cũng có nghĩa là *Tham Dục* (*Matta*) hoặc *Phiền Nã* (*Kilesa*).

Theo Chánh Tạng Pālī và các bộ Chú Giải, thì Níp Bàn mà các Bậc Thất Lai, Nhất Lai và Bất Lai chứng tri thuộc thể loại Hữu Dư Y Níp Bàn, vì các Ngài vẫn còn hữu sinh mạng và còn dư sót Phiền Nã. Níp Bàn của các Bậc Vô Sinh cũng vẫn là Hữu Dư Y Níp Bàn, vì các Ngài vẫn còn hiện hữu xác thân. Chỉ sau khi các Bậc Vô Sinh viên tịch thì mới được gọi là Vô Dư Y Níp Bàn, vì các Ngài đã diệt tận Ngũ Uẩn và đã tận diệt mọi hình thức ô nhiễm Phiền Nã.]

Níp Bàn Có 3

1. Không Hư Níp Bàn (**Suññatanibbāna**)
2. Vô Tướng Níp Bàn (**Animittanibbāna**)
3. Vô Nguyên Níp Bàn (**Appaṇihitanibbāna**)

1. Không Hư Níp Bàn có nghĩa là sự hiện hữu của Níp Bàn ấy diệt tận không Phiền Nã và Ngũ Uẩn không có chi còn dư sót, chính vì thế mới được gọi là Không Hư Níp Bàn.

[**Chú thích:** Từ ngữ *Suññata* (Không Hư) được gọi như vậy “vì không còn Tham Ái, Sân Hận và Si Mê; hoặc không còn tất cả Pháp Tạo Thành, các sự vật được cấu tạo, hoặc các sự vật do Duyên Sinh; tức là Pháp Hữu Vi”. Từ ngữ *Suññata* (Không Hư) không có nghĩa rằng Níp Bàn là “Hư Vô” không có chi cả.]

2. Vô Tướng Níp Bàn có nghĩa là sự hiện hữu của Níp Bàn ấy không có bất luận thể loại điểm tướng trăm triệu, hình thù tướng trạng, sắc màu nào cả.

Lẽ thường Sắc Uẩn thì thường có Tổng Hợp Sắc Pháp đang cùng cấu sinh với nhau, và do đó hình thù tướng trạng, sắc màu da phủ sắc mới hiện khởi lên được. Còn Tứ Danh Uẩn thì cho dù quả thật không có hiện khởi hình thù tướng trạng, sắc màu da phủ sắc như là Sắc Uẩn đi nữa, tuy nhiên sự sinh khởi nối tiếp nhau của cả Tứ Danh Uẩn đây, thì tất cả các Bậc Chánh Đẳng Giác và Bậc Thắng Tâm Thông Đạt Phúc Lộc Thắng Trí (*Paracittavijānanaabhiññālabhīpuggala*) thường được trông thấy với Trí Tuệ y như thể những Tứ Danh Uẩn ấy có hình thù tướng trạng vậy; và do đó mới có điểm tướng biểu tượng. Còn sự hiện hữu của Níp Bàn thì không là như vậy với bất luận mọi trường hợp nào, chính vì thế mới được gọi là Vô Tướng Níp Bàn.

[**Chú thích:** Từ ngữ *Animitta* (Vô Tướng) có nghĩa “không còn các thực tính của Tham, Sân, Si, v.v., hoặc không còn các biểu tượng của tất cả các Pháp Tạo Thành, các sự vật được cấu tạo, hoặc các sự vật do Duyên Sinh; tức là Pháp Hữu Vi”.]

3. Vô Nguyên Níp Bàn có nghĩa là sự hiện hữu của Níp Bàn ấy không có Cảnh đáng sở cầu với Tham, và cũng chẳng có bản thân Ái Dục với lòng ham muốn ở bên trong Níp Bàn ấy. Giải thích rằng tất cả Chư Pháp Hữu Vi, cho dù là Sắc Pháp hoặc là Danh Pháp đi nữa, thì cũng cần phải có *Thực Tính Sở Nguyên (Sabhāvapaṇihita)*, tức là phải có Cảnh đáng mong mỏi sở cầu bất luận ở một trong hai thể loại, hoặc với Tham - hoặc có Ái Dục, hoặc có cả hai thể loại này. Cho dù ngay cả những Tâm Siêu Thế và Tâm Sở đây, quả thật sẽ không có Cảnh đáng sở cầu với mãnh lực Tham, và cũng chẳng có phối hợp với Ái Dục đi nữa; tuy nhiên cũng vẫn chưa thoát khỏi *Pháp Thành Sở Nguyên (Paṇihitadhamma)*, là vì vẫn còn phải sinh trú với Nhân Loại. Về phần Níp Bàn, thì chẳng có sinh trú ở trong nội phần Nhân Loại, và thuần nhất chỉ là Pháp ngoại phần, bởi do thế mới được gọi là Vô Nguyên Níp Bàn.

[**Chú thích:** Từ ngữ *Appaṇihita* (Vô Nguyên) có nghĩa là “Không có sự khát khao ham muốn, tham vọng, v.v., hoặc do bởi không còn bám níu thúc phược vào những cảm thọ của Ái Dục.”]

Sự Sở Nguyên Níp Bàn Được Sắp Thành Ly Hữu Ái (*Vibhāvataṇhā*)

Người bất liễu tri ở trong thực tính về sự hiện hữu của Níp Bàn một cách vừa khéo, và một khi có được tư duy duyệt ý để nghĩ rằng Níp Bàn ấy chẳng bao giờ có sự khổ về Thân - khổ về Tâm ở bất luận một trường hợp nào, và hằng luôn thường lạc ngã tịnh, vì đã là Pháp giải thoát khỏi thế gian. Khi đã là như thế, thì khởi sinh sự mong cầu có được Níp Bàn, vì có sở cầu được sự an lạc về Thân - an lạc về Tâm mà chẳng quan hệ chi với thế gian này, và lại cũng chẳng có sở cầu về sự sinh, sự già, sự bệnh và sự chết chi cả; thế nhưng thể loại tư duy ấy chẳng thấu đạt đến thực tính Bất Sinh của Níp Bàn là chi cả. (Lẽ thường tình sự an lạc về Thân - an lạc về Tâm sẽ khởi sinh mà chẳng có quan hệ với việc Sinh của Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên ở trong thế gian ấy thì quả thật không có !)

Bởi do thế, sự sở nguyên Níp Bàn của hạng người này đã được sắp thành Ly Hữu Ái vậy.

-----00000-----

VẤN VÀ ĐÁP TRONG TỨ PHÁP SIÊU LÝ

A. Vấn Và Đáp Trong Phần Tâm Siêu Lý (Cittaparamattha)

I. Câu hỏi gợi ý ở trong phần Tâm Siêu Lý

1/ *Hỏi: Hãy dịch nghĩa câu kệ sau đây: “Sammāsambuddhamutalaṃ, v.v., Abhidhammatthasaṅgaha”.*

Đáp: “Đệ tử xin nghiêng mình thành kính trí kính lễ Đức Chánh Đẳng Giác chí thượng, cùng với Chánh Pháp và hội chúng Chư Thánh Tăng cao thượng, tiếp theo là soạn tác bộ kinh có tên gọi là *Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp*”.

2/ *Hỏi: Việc trình bày câu kệ này có sự lập ý chi ?*

Đáp: Theo lẽ thường, một khi bắt đầu soạn tác kinh điển thì tác giả phải bày tỏ lòng tôn kính đến Tam Bảo.

3/ *Hỏi: Việc tỏ lòng nghiêng mình đánh lễ Tam Bảo trước khi soạn tác kinh điển thì có lợi ích như thế nào ?*

Đáp: Dem lại mọi điều an lành trong việc soạn tác kinh điển.

4/ *Hỏi: Hãy viết câu kệ bằng Pālī của Giáo Sư Anuruddha thệ nguyện bảo chứng soạn tác kinh điển. Và lời Pālī về việc nghiêng mình đánh lễ Tam Bảo.*

Đáp: **Sammāsambuddhamatulaṃ sasaddhammaganuttamaṃ abhivādiyaḥāsissaṃ Abhidhammatthasaṅgahaṃ.**

- **Sammāsambuddhaṃ:** bậc Chánh Đẳng Giác.
- **Atulaṃ:** chí thượng cao cả, không thể so sánh được, bất tỷ giáo.
- **Sasaddhammaganuttamaṃ:** Chánh Pháp và hội chúng Chư Thánh Tăng cao thượng.
- **Abhivādiya:** lời tôn kính đối với Tam Bảo.
- **Bhāsissaṃ:** lời phát nguyện sẽ soạn tác.
- **Abhidhammatthasaṅgahaṃ:** Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, là tên gọi của bộ kinh này sẽ được soạn tác.

5/ *Hỏi: Chánh Pháp có mấy thể loại ? Là những chi ?*

Đáp: Chánh Pháp có hai thể loại: Tục Đế và Siêu Lý Đế.

6/ Hỏi: Từ ngữ “**Paramattha - Siêu Lý**” có ý nghĩa là chi và có được mấy thể loại ?

Đáp: Từ ngữ **Paramattha** chia ra thành hai từ **Parama + Attha**.

- **Parama**: Pháp vi diệu, không thể biến chuyển sai khác, là Pháp căn bản chánh yếu của Danh Chế Định và Nghĩa Chế Định.
- **Attha**: Nội dung, là thực tính của Danh Sắc, chính là Chi Pháp vậy.

Khi kết hợp cả hai từ ngữ này lại, chính là thực tính của Danh Sắc, là Chi Pháp vi diệu không thể biến chuyển sai khác, và là Pháp căn bản chánh yếu của Danh Chế Định và Nghĩa Chế Định, và như thế gọi là **Siêu Lý**.

Pháp Siêu Lý có bốn thể loại: Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp và Níp Bàn.

7/ Hỏi: Hãy trình bày Pháp thể của Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, và Níp Bàn.

Đáp: Pháp thể của Tâm có ba trường hợp, đó là:

- Là thường luôn tiếp thâu được Cảnh.
- Làm nhân cho tất cả Tâm Sở được biết Cảnh, ví như người dẫn dắt.
- Làm cho các vật hữu sanh mạng và vô sanh mạng được tốt đẹp rõ ràng.

Pháp thể của Tâm Sở là Tứ Đồng: đồng sanh, đồng diệt, đồng biết một Cảnh với Tâm, và đồng nương một thần kinh với Tâm.

Pháp thể của Sắc Pháp là hằng tiêu hoại đổi thay.

Pháp thể của Níp Bàn là tịch tịnh, vắng lặng, xa lìa phiền não.

8/ Hỏi: Tâm có mấy thể loại, là những chi ? Hãy trình bày Pālī.

Đáp: Có bốn thể loại Tâm, đó là: Tâm Dục Giới có 54, Tâm Sắc Giới có 15, Tâm Vô Sắc Giới có 12, Tâm Siêu Thế có 8 hoặc 40.

- **Kāmāvacaracitta**: Tâm Dục Giới.
- **Rūpāvacaracitta**: Tâm Sắc Giới.
- **Arūpāvacaracitta**: Tâm Vô Sắc Giới.
- **Lokuttaracitta**: Tâm Siêu Thế.

9/ Hỏi: Ý nghĩa của Tâm Bất Thiện là chi ? Và có mấy thể loại ?

Đáp: Tâm Bất Thiện là Tâm tạo tác tội lỗi và cho Quả khổ đau; hoặc là Tâm kết hợp với Tâm Sở Bất Thiện. Có tất cả 12 thể loại Tâm Bất Thiện, gồm có 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Sân, và 2 Tâm căn Si.

10/ Hỏi: Hãy trình bày ý nghĩa của những Tâm sau đây: Tâm căn Si, Tâm căn Tham, Tâm căn Sân.

Đáp: Tâm căn Si là Tâm sinh khởi có Tâm Sở Si làm căn bản, làm gốc.

Tâm căn Tham là Tâm sinh khởi có Tâm Sở Tham làm căn bản, làm gốc.
Tâm căn Sân là Tâm sinh khởi có Tâm Sở Sân làm căn bản, làm gốc.

11/ Hỏi: Tâm Dục Giới ở phần Câu Hành Hỷ, Bất Tương Ứng, Hữu Dẫn có số lượng bao nhiêu ? Là những chi ?

Đáp: Tâm Dục Giới ở phần Câu Hành Hỷ, Bất Tương Ứng, Hữu Dẫn có được bốn thể loại, đó là:

- Tâm Tham Câu Hành Hỷ Bất Tương Ứng Kiến Hữu Dẫn, là Tâm thứ 4.
- Tâm Đại Thiện Câu Hành Hỷ Bất Tương Ứng Trí Hữu Dẫn, là Tâm thứ 40.
- Tâm Đại Quả Câu Hành Hỷ Bất Tương Ứng Trí Hữu Dẫn, là Tâm thứ 41.
- Tâm Đại Duy Tác Câu Hành Hỷ Bất Tương Ứng Trí Hữu Dẫn, là Tâm thứ 42.

12/ Hỏi: Có bao nhiêu nguyên nhân sinh Tâm ? Xin hãy kể ra (thể theo phần Chú Giải).

Đáp: Có bốn nguyên nhân sinh Tâm, đó là:

- Nghiệp Quá Khứ (*Aññakamma*).
- Tâm Sở (*Cetasika*).
- Cảnh (*Ārammana*).
- Căn (*Vatthu*).

13/ Hỏi: Hãy kể những ý nghĩa của Tâm (thể theo phần Chú Giải).

Đáp: Có bốn ý nghĩa của Tâm, đó là:

- **Trạng thái**: là biết Cảnh.
- **Phận Sự**: chủ trì, hướng dẫn Tâm Sở.
- **Sự Thành Tựu**: sinh diệt nối tiếp nhau, không gián đoạn.
- **Nhân Cận Lân**: là Tâm Sở và Sắc Pháp.

14/ Hỏi: Hãy kể sự liên quan của Tâm Bất Thiện và Thập Bất Thiện Nghiệp (Thập Ác Hạnh Nghiệp).

Đáp: Tất cả mười thể loại Bất Thiện Nghiệp đều tạo tác do bởi mười hai thể loại Tâm Bất Thiện, như sau:

- Nghiệp Sát Mạng là do bởi hai Tâm căn Sân.
- Nghiệp Thâu Đạo là do bởi tám Tâm căn Tham, và có khi là do bởi hai Tâm căn Sân.
- Nghiệp Tà Hạnh Tính Dục là do bởi tám Tâm căn Tham.

- Nghiệp Vọng Ngũ là do bởi tám Tâm căn Tham và hai Tâm căn Sân.
- Nghiệp Ly Giác Ngũ (Lưỡng Thiệt) và Thô Ác Ngũ là do bởi hai Tâm căn Sân.
- Nghiệp Hồ Ngôn Loạn Ngũ là do bởi tám Tâm căn Tham, hai Tâm căn Sân.
- Nghiệp Ý Tham là do bởi tám Tâm căn Tham.
- Nghiệp Ý Sân là do bởi hai Tâm căn Sân.
- Nghiệp Ý Tà Kiến là do bởi bốn Tâm căn Tham thứ 1, 2, 5 và 6.

15/ Hỏi: Hãy phân tích 12 Tâm Bất Thiện thể theo phần Thọ, phần Phối Hợp, phần Dẫn Dụ.

Đáp: Câu Hành Hỷ Tương Ứng Kiến Vô Dẫn.

Câu Hành Hỷ Tương Ứng Kiến Hữu Dẫn.

Câu Hành Hỷ Bất Tương Ứng Kiến Vô Dẫn.

Câu Hành Hỷ Bất Tương Ứng Kiến Hữu Dẫn.

Câu Hành Xả Tương Ứng Kiến Vô Dẫn.

Câu Hành Xả Tương Ứng Kiến Hữu Dẫn.

Câu Hành Xả Bất Tương Ứng Kiến Vô Dẫn.

Câu Hành Xả Bất Tương Ứng Kiến Hữu Dẫn.

Câu Hành Ưu Tương Ứng Phẩn Hận Vô Dẫn.

Câu Hành Ưu Tương Ứng Phẩn Hận Hữu Dẫn.

Câu Hành Xả Tương Ứng Hoài Nghi.

Câu Hành Xả Tương Ứng Trạo Cử.

II. Câu hỏi gợi ý ở trong phần Tâm Vô Nhân:

1/ Hỏi: Hãy trình bày ý nghĩa của Tâm Vô Nhân.

Đáp: Tâm Vô Nhân là Tâm sinh khởi không có một trong sáu Nhân Tương Ứng phối hợp. (Sáu Nhân Tương Ứng, đó là Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân, và Vô Si). Tâm Vô Nhân là thuộc phần Vô Ký (Quả và Duy Tác) sinh khởi một cách máy móc, tiếp thân Cảnh, và không để lại hậu quả của sự tiếp thân Cảnh.

2/ Hỏi: Hãy trình bày sự khác biệt giữa:

- Tâm câu hành Lạc với Tâm câu hành Hỷ.
- Tâm câu hành Khổ với Tâm câu hành Ưu.

Đáp: + Sự khác biệt giữa Tâm câu hành Lạc với Tâm câu hành Hỷ, đó là:

- Tâm câu hành Lạc Thọ, là sự thụ hưởng vui sướng về Thân.
- Tâm câu hành Hỷ Thọ, là sự thụ hưởng duyệt ý về Tâm.

+ **Sự khác biệt giữa Tâm câu hành Khổ với Tâm câu hành Ưu, đó là:**

- Tâm câu hành Khổ Thọ, là sự thụ cảm đau khổ về Thân.
- Tâm câu hành Ưu Thọ, là sự thụ cảm buồn phiền về Tâm.

3/ Hỏi: Muốn biết rằng cái Tâm nào sinh khởi với nam nhân **Kumara** trong thời gian đó ?

Đáp: + Khi bắt trộm gà với Tâm bất duyệt ý, thì đó là:

- Với Tâm căn Tham Câu Hành Xả Bất Tương Kiến Hữu Dẫn.
- Hoặc với Tâm căn Sân Câu Hành Ưu Tương Ứng Phẫn Hận Hữu Dẫn.

+ Khi sát mạng gà với Tâm bất duyệt ý, thì đó là:

- Với Tâm căn Sân Câu Hành Ưu Tương Ứng Phẫn Hận Hữu Dẫn.

4/ Hỏi: Có bao nhiêu Tâm Bất Thiện ở phần Câu Hành Hỷ, Bất Tương Ứng, Hữu Dẫn ? Là những Tâm nào ?

Đáp: Tâm Bất Thiện ở phần Câu Hành Hỷ, Bất Tương Ứng, Hữu Dẫn có một, đó là: Tâm căn Tham Câu Hành Hỷ Bất Tương Ứng Kiến Hữu Dẫn, là Tâm thứ 4.

5/ Hỏi: Trong 18 Tâm Vô Nhân, v.v., do bởi nguyên nhân nào ?

Đáp: Trong 18 Tâm Vô Nhân, với 7 Tâm Quả Bất Thiện không gọi là Tâm Quả Bất Thiện Vô Nhân, là vì Tâm Bất Thiện chỉ tạo tác có một thể loại, đó là Tâm Quả Bất Thiện Vô Nhân, là do bởi Tâm Sở Si mê mờ muội lược làm căn gốc.

Tuy nhiên với Tâm Thiện thì lại tạo tác ra hai thể loại Tâm Quả:

- Tâm Thiện khi tạo tác có phối hợp với Tâm Sở Tuệ Quyền, với đủ Tư, thì cho Quả Hữu Nhân, là 8 Tâm Đại Quả Hữu Nhân.
- Tâm Thiện khi tạo tác không có phối hợp với Tâm Sở Tuệ Quyền, lại thiếu Tư, thì cho Quả Vô Nhân, là 8 Tâm Quả Thiện Vô Nhân.

Do sợ nhầm lẫn giữa hai thể loại Tâm Quả Thiện, Vô Nhân và Hữu Nhân, do đó buộc phải gọi đủ cả chức năng và trạng thái của những Tâm Quả Thiện.

6/ Hỏi: Hãy trình bày sự khác biệt giữa Nhãn Thức Quả Bất Thiện và Nhãn Thức Quả Thiện. Sự khác biệt giữa Tâm Khai Ngũ Môn và Tâm Khai Ý Môn.

Đáp: + **Sự khác biệt giữa Nhãn Thức Quả Bất Thiện với Nhãn Thức Quả Thiện, đó là:**

- Nhãn Thức Quả Bất Thiện tiếp thu Cảnh Sắc không tốt đẹp, là kết quả của nhân Bất Thiện đã tạo tác.
- Nhãn Thức Quả Thiện tiếp thu Cảnh Sắc tốt đẹp, là kết quả của nhân Thiện đã tạo tác.

+ **Sự khác biệt giữa Tâm Khai Ngũ Môn với Tâm Khai Ý Môn, đó là:**

- Tâm Khai Ngũ Môn là Tâm làm việc mở cửa Lộ Ngũ Môn
- Tâm Khai Ý Môn là Tâm làm hai việc, mở cửa Lộ Ý Môn và phán xét Lộ Ngũ Môn.

7/ Hỏi: Theo Phật Giáo, có bao nhiêu thể cách cười ? Hạng phàm phu làm việc cười theo thể cách nào ?

Đáp: Theo Phật Giáo thì có sáu thể cách cười, đó là:

1. Nụ cười mỉm, nhếch môi, biểu hiện nhẹ nhàng trên nét mặt.
2. Nụ cười hở răng, vừa đủ hé cho thấy chót răng.
3. Nụ cười phát âm thanh nhỏ.
4. Nụ cười làm chuyển động đầu vai và tay.
5. Nụ cười làm chảy nước mắt.
6. Nụ cười lớn tiếng, ngã nghiêng cả thân hình.

Hạng phàm phu bày tỏ việc cười với hai thể cách thứ 5 và 6.

8/ Hỏi: Có bao nhiêu Tâm thuộc Ý Giới ? Xin hãy kể ra. Và tiếp thu bao nhiêu Cảnh ?

Đáp: Tâm Ý Giới có ba thứ Tâm, đó là: hai Tâm Tiếp Thâu và Tâm Khai Ngũ Môn. Và thường chỉ tiếp thu năm Cảnh (Sắc, Thính, Khí, Vị, Xúc).

9/ Hỏi: Có bao nhiêu thể loại Thọ ở trong 18 Tâm Vô Nhân ? Xin hãy kể ra. Có bao nhiêu Tâm thuộc Khổ Thọ, Lạc Thọ, Hỷ Thọ, và Xả Thọ ?

Đáp: Có bốn thể loại Thọ ở trong 18 Tâm Vô Nhân, là Hỷ, Lạc, Khổ và Xả.

- Một Tâm Thân Thức Câu Hành Khổ Quả Bất Thiện, là Tâm thứ 17.
 - Một Tâm Thân Thức Câu Hành Lạc Quả Thiện Vô Nhân, là Tâm thứ 24.
- Có hai Tâm Vô Nhân thuộc Hỷ Thọ, đó là:

- Tâm Thâm Tấn Câu Hành Hỷ Quả Thiện Vô Nhân, là Tâm thứ 27.
- Tâm Tiểu Sinh Câu Hành Hỷ (Duy Tác Vô Nhân), là Tâm thứ 30.

Có 14 Tâm Vô Nhân thuộc Xả thọ, đó là:

- Hai Tâm Nhãn Thức Câu Hành Xả, là Tâm thứ 13 và 20.
- Hai Tâm Nhĩ Thức Câu Hành Xả, là Tâm thứ 14 và 21.
- Hai Tâm Tỷ Thức Câu Hành Xả, là Tâm thứ 15 và 22.
- Hai Tâm Thiệt Thức Câu Hành Xả, là Tâm thứ 16 và 23.
- Hai Tâm Tiếp Thâu Câu Hành Xả, là Tâm thứ 18 và 25.
- Hai Tâm Thâm Tấn Câu Hành Xả, là Tâm thứ 19 và 26.
- Tâm Khai Ngũ Môn Câu Hành Xả, là Tâm thứ 28.
- Tâm Khai Ý Môn Câu Hành Xả, là Tâm thứ 29.

10/ Hỏi: Hàng phàm nhân có sinh khởi Tâm Duy Tác hay không ? Nếu có, xin hãy kể ra những Tâm nào ?

Đáp: Có hai Tâm Duy Tác Vô Nhân sinh khởi ở hàng phàm nhân, đó là: Tâm Khai Ngũ Môn và Tâm Khai Ý Môn.

11/ Hỏi: Với bậc Vô Sinh thì có sinh khởi Tâm Vô Nhân hay không ? Nếu có, thì xin hãy kể ra ?

Đáp: Bậc Vô Sinh có sinh khởi Tâm Tiểu Sinh thuộc Tâm Duy Tác Vô Nhân.

12/ Hỏi: Bậc Chánh Đẳng Giác làm việc cười với những Tâm nào ? Xin hãy kể ra.

Đáp: Bậc Chánh Đẳng Giác mỉm cười với một trong hai Tâm Đại Duy Tác Câu Hành Hỷ Tương Ứng Trí, là Tâm thứ 33 và 36.

III. Câu hỏi gợi ý trong phần Tâm Thiện Dục Giới:

1/ Hỏi: Hãy trình bày sự khác biệt giữa các Tâm sau đây:

- Tâm Quả Thiện Vô Nhân và Tâm Đại Quả.
- Tâm Duy Tác Vô Nhân và Tâm Đại Duy Tác.

Đáp: + Sự khác biệt giữa Tâm Quả Thiện Vô Nhân với Tâm Đại Quả, đó là:

- Tâm Quả Thiện Vô Nhân là kết quả của Tâm Thiện tạo tác không phối hợp với Tâm Sở Tuệ Quyền và thiếu Tư. Tâm Quả Thiện Vô Nhân là Dị Thực Quả của Tâm Đại Thiện có việc thấy, việc nghe, v.v., ở phần tốt đẹp, và không có Nhân Tương Ứng phối hợp (nên gọi là Vô Nhân).
- Tâm Đại Quả là kết quả của Tâm Thiện tạo tác có phối hợp với Tâm Sở Tuệ Quyền và đủ Tư.

+ Sự khác biệt giữa Tâm Duy Tác Vô Nhân với Tâm Đại Duy Tác, là:

Với Tâm Duy Tác Vô Nhân thì có ba thể loại Tâm, đó là:

- Tâm Khai Ngũ Môn làm việc máy móc mở cửa Lộ Ngũ Môn, sinh khởi ở cả hai hạng người, là Phàm Nhân và Thánh Nhân.
- Tâm Khai Ý Môn làm việc máy móc mở cửa Lộ Ý Môn, và phán xét Lộ Ngũ Môn, sinh khởi ở cả hai hạng người, là Phàm Nhân và Thánh Nhân.
- Tâm Tiểu Sinh chỉ làm việc mở nụ cười suông của bậc Vô Sinh.

Còn Tâm Đại Duy Tác là những Tâm Đại Thiện chỉ sinh khởi ở bậc Vô Sinh, chỉ có hành động tạo tác, và không có để lại hậu quả của hành động.

2/ Hỏi: Muốn biết rằng cái Tâm nào sinh khởi ở bé trai khi thực hiện việc Thiện ?

Đáp: Với Tâm Đại Thiện Câu Hành Hỷ Bất Tương Ứng Trí Hữu Dẫn sinh khởi lúc bé trai thực hiện việc xá lạy và cúng dường vật thực đến Thầy Tỷ Khưu.

3/ Hỏi: Hãy trình bày ý nghĩa của những Tâm sau đây: Tâm Vô Tịnh Hảo và Tâm Quả Bất Thiện Vô Nhân.

Đáp: Tâm Vô Tịnh Hảo là Tâm ngoài phần của Tâm Tịnh Hảo (tốt đẹp), là những Tâm sinh khởi không có phối hợp với những Tâm Sở Tịnh Hảo.

Tâm Quả Bất Thiện Vô Nhân là hậu quả của những Tâm Bất Thiện tạo tác với Tâm Sở Si dẫn dắt.

Tâm Quả Bất Thiện Vô Nhân là Dị Thực Quả của 12 Tâm Bất Thiện, có việc thấy, việc nghe, v.v., ở phần không tốt đẹp và không có Nhân Tương Ứng phối hợp.

Vì trạng thái mê mờ muội lược của Tâm Sở Si, do đó những Tâm Quả Bất Thiện sinh khởi với trạng thái máy móc, muội lược, và không có Nhân Tương Ứng phối hợp (Nhân Tương Ứng là Tham, Sân, Si).

4/ Hỏi: Muốn biết rằng cái Tâm nào sinh khởi với hai nam nhân, áo đỏ và áo trắng, trong lúc thực hiện việc quỳ lạy ?

Đáp: Với nam nhân áo trắng sinh khởi Tâm Đại Thiện Câu Hành Hỷ Tương Ứng Trí Vô Dẫn, là Tâm thứ 31.

Với nam nhân áo đỏ sinh khởi Tâm Đại Thiện Câu Hành Xả Bất Tương Ứng Trí Hữu Dẫn, là Tâm thứ 52.

5/ Hỏi: Hãy trình bày ý nghĩa của những Tâm sau đây: Tâm Đại Thiện, Tâm Đại Quả, Tâm Đại Duy Tác.

Đáp: Tâm Đại Thiện là Tâm không tạo tác việc xấu xa tội lỗi, Tâm làm việc Thiện và Thiện, Thắng Trí, Đạo Quả, như thế mới gọi là Đại (to lớn). Kết hợp cả hai ý nghĩa này lại, gọi là Tâm Đại Thiện.

Tâm Đại Quả là thành quả của Tâm Đại Thiện, vì khi phân loại theo trường hợp của Thọ, Phối Hợp, Dẫn Dụ, thì đều tương tự với Tâm Đại Thiện, do đó gọi là Tâm Đại Quả.

Tâm Đại Duy Tác đích thị chính là Tâm Đại Thiện sinh khởi trong tâm tánh của bậc Vô Sinh, do đó gọi là Tâm Đại Duy Tác.

6/ Hỏi: Hãy trình bày ý nghĩa của những từ ngữ sau đây: Dị Thực Quả, Duy Tác, Vô Ký.

Đáp: Từ ngữ *Dị Thục Quả* là kết quả chính muồi sai khác với thời gian tạo tác của Nhân - Bất Thiện hoặc Thiện. Ví như, hạt giống được gieo trồng trên mảnh đất, thì sẽ sinh sôi nảy nở, sớm hay muộn, tùy theo đặc tính của nó.

- Từ ngữ *Duy Tác* là chỉ có hành động, và hành động tạo tác không để lại quả báo. Những tác hành của Chư Phật và các vị Vô Sinh thì được gọi là Duy Tác, vì lẽ các Ngài không còn tạo tác và tích trữ những Nghiệp Báo, và đã vượt qua khỏi cả Thiện và Ác.
- Từ ngữ *Vô Ký* là không để lại (hậu quả, quả báo), bao gồm cả hai, Quả Dị Thục và Duy Tác.

IV. Câu hỏi gợi ý trong phần Tâm Sắc Giới:

1/ Hỏi: *Hãy trình bày ý nghĩa của những Tâm sau đây: Tâm Sắc Giới, Tâm Vô Nhân, Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, Tâm Bất Thiện.*

Đáp: + Tâm Sắc Giới là Tâm thường luôn du hành sinh hoạt trong lãnh vực của *Vật Sắc (Vatthurūpa)* và *Phiền Não Sắc (Kilesarūpa)*. Là những Tâm tu tập các đề mục Thiền An Chỉ còn Sắc Pháp.

+ Tâm Vô Nhân là Tâm sinh khởi không có một trong sáu Nhân Tương Ứng phối hợp. (Sáu Nhân Tương Ứng là Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si). Và Tâm Vô Nhân là thuộc phần Vô Ký (Quả và Duy Tác) sinh khởi một cách máy móc, tiếp thân Cảnh, và không để lại hậu quả của sự tiếp thân Cảnh.

+ Tâm Dục Giới Tịnh Hảo là Tâm thường luôn du hành sinh hoạt trong lãnh vực của *Vật Dục (Vatthukāma)* và *Phiền Não Dục (Kilesakāma)*, sinh khởi phối hợp với Tâm Sở Tịnh Hảo. Và là Tâm tác hành những Thiện Sự nương sinh ở trong Cõi Dục Giới.

+ Tâm Bất Thiện là Tâm tạo tác tội lỗi và cho Quả khổ đau, hoặc là Tâm kết hợp với Tâm Sở Bất Thiện. Và có tất cả 12 thể loại Tâm Bất Thiện, gồm 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Sân, và 2 Tâm căn Si.

2/ Hỏi: *Hãy trình bày Tâm Thiên nào Câu Hành Hỷ, tính từ Tâm Sơ Thiên đến Tâm Tứ Thiên ?*

Đáp: Đó là: Tâm Sơ Thiên hội đủ cả năm chi Thiên, Tầm - Tứ - Hỷ - Lạc - Nhất Thống.

Tâm Nhị Thiên có bốn chi Thiên, Tứ - Hỷ - Lạc - Nhất Thống.

Tâm Tam Thiên có ba chi Thiên, Hỷ - Lạc - Nhất Thống.

3/ Hỏi: *Hãy trình bày Tâm Thiên nào có hai chi Thiên, có ba chi Thiên ?*

Đáp: Tâm Tứ Thiền có hai chi Thiền là Lạc và Nhất Thống.
Tâm Ngũ Thiền có hai chi Thiền là Xả và Nhất Thống.
Tâm Tam Thiền có ba chi Thiền là Hỷ, Lạc và Nhất Thống.

4/ Hỏi: Có bao nhiêu Tâm Sắc Giới ? Có bao nhiêu Tâm Thiện Sắc Giới ? Có bao nhiêu Tâm Dị Thục Quả Sắc Giới ? Có bao nhiêu Tâm Duy Tác Sắc Giới ?

Đáp: Có 15 Tâm Sắc Giới, đó là: 5 Tâm Thiện Sắc Giới, 5 Tâm Quả Sắc Giới, 5 Tâm Duy Tác Sắc Giới.

5/ Hỏi: Hãy trình bày ý nghĩa của Tâm Sắc Giới.

Đáp: Tâm Sắc Giới là Tâm thường luôn du hành sinh hoạt trong lãnh vực của *Vật Sắc (Vatthurūpa)* và *Phiền Não Sắc (Kilesarūpa)*. Là Tâm tu tập những đề mục Thiền An Chỉ còn Sắc Pháp.

6/ Hỏi: Hãy trình bày sự khác biệt giữa hai thể loại Tâm, Tâm Dục Giới Tịnh Hảo và Tâm Sắc Giới. Hãy cho biết số lượng Tâm ở cả hai phần Tâm đó.

Đáp: Sự khác biệt giữa hai thể loại Tâm, Tâm Dục Giới Tịnh Hảo và Tâm Sắc Giới, đó là:

- Tâm Dục Giới Tịnh Hảo là Tâm thường luôn du hành sinh hoạt trong lãnh vực của *Vật Dục (Vatthukāma)* và *Phiền Não Dục (Kilesakāma)*, sinh khởi phối hợp với Tâm Sở Tịnh Hảo. Là Tâm tác hành Thiện Sự nương sinh ở trong Cõi Dục Giới. Có 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo.
- Tâm Sắc Giới là Tâm thường luôn du hành sinh hoạt trong lãnh vực của *Vật Sắc (Vatthurūpa)* và *Phiền Não Sắc (Kilesarūpa)*. Là Tâm tu tập những đề mục Thiền An Chỉ còn Sắc Pháp, và có 15 Tâm Sắc Giới.

7/ Hỏi: Có bao nhiêu tầng Thiền, nếu tính theo Tạng *Abhidhamma*, và nếu tính theo Tạng Kinh và bộ chú giải *Visuddhi Magga* ?

Đáp: Nếu tính theo Tạng *Abhidhamma* thì có năm tầng Thiền.

Nếu tính theo Tạng Kinh và bộ chú giải *Visuddhi Magga* thì có được bốn tầng Thiền.

8/ Hỏi: Hãy trình bày, do bởi nguyên nhân nào, có sự khác biệt giữa hai trường hợp trên.

Đáp: Nguyên nhân có sự khác biệt giữa hai trường hợp trên, là vì:

Thể theo Tạng *Abhidhamma* thì tính theo chi Thiền nên mới có năm tầng Thiền. Và thể theo Tạng Kinh và bộ chú giải *Visuddhi Magga* thì tính theo Cõi Thiền Sắc Giới nên mới có bốn tầng Thiền.

9/ Hỏi: Có bao nhiêu chi Thiền ở trong từng mỗi tầng Thiền Sắc Giới, có Sơ Thiền, v.v. ?

Đáp: Tầng Sơ Thiền Sắc Giới có năm chi Thiền, là Tầm - Tứ - Hỷ - Lạc - Nhất Thống.

Tầng Nhị Thiền Sắc Giới có bốn chi Thiền, là Tứ - Hỷ - Lạc - Nhất Thống.

Tầng Tam Thiền Sắc Giới có ba chi Thiền, là Hỷ - Lạc - Nhất Thống.

Tầng Tứ Thiền Sắc Giới có hai chi Thiền, là Lạc - Nhất Thống.

Tầng Ngũ Thiền Sắc Giới có hai chi Thiền, là Xả - Nhất Thống.

10/ Hỏi: Trong việc Tu Tập (*Bhāvanā*) có bao nhiêu phương cách ? Và ý nghĩa của từng mỗi phương cách Tu Tập đem lại kết quả ra sao?

Đáp: Có hai phương cách Tu Tập (*Bhāvanā*), đó là:

- **Thiền An Chỉ (Samatha)**: Hành giả tiến tu theo Thiền An Chỉ, thúc liễm Thân Tâm an tịnh, tĩnh lặng. Với phương cách này để trau giồi và thành đạt các tầng Thiền, qua đó, hành giả có thể phát triển những năng lực thần thông do bởi Thắng Trí. Đến khi thân hoại mạng chung, và không bị hoại Thiền mà đã chứng đắc, thì hành giả sẽ được tục sinh vào các Cõi Tầng Thiền Sắc Giới và Vô Sắc Giới đặng thụ hưởng Phước Lộc Thiền.
- **Thiền Minh Sát (Vipassanā)**: Hành giả phát triển Tuệ Minh Sát, thấy đúng chân thực tướng của tất cả các bản thể Pháp theo Thực Tướng Vô Thường - Khổ Đau - Vô Ngã, chứng ngộ Đạo Quả và Níp Bàn.

11/ Hỏi: Hãy trình bày phần đối nghịch của những chi Thiền, như chi Thiền Tầm, v.v.,

Đáp: Chi Thiền Tầm thì chế ngự và khắc phục trạng thái Hôn Trầm - Thùy Miên Triền Cái.

Chi Thiền Tứ thì chế ngự và khắc phục trạng thái Hoài Nghi Triền Cái.

Chi Thiền Hỷ thì chế ngự và khắc phục trạng thái Sân Hận Triền Cái.

Chi Thiền Lạc thì chế ngự và khắc phục trạng thái Trạo Cử - Hối Hận Triền Cái.

Chi Thiền Nhất Thống thì chế ngự và khắc phục trạng thái Tham Dục Triền Cái.

V. Câu hỏi gợi ý trong phần Tâm Vô Sắc Giới, Tâm Siêu Thế:

1/ Hỏi: Hãy trình bày sự khác biệt giữa các Tâm: Tâm Vô Dẫn với Tâm Hữu Dẫn. Tâm Tương Ứng với Tâm Bất Tương Ứng. Tâm Duy Tác Vô Nhân với Tâm Đại Duy Tác.

Đáp: + Sự khác biệt giữa Tâm Vô Dẫn với Tâm Hữu Dẫn, đó là:

- Tâm Vô Dẫn là Tâm sinh khởi một cách không có sự dẫn dụ về Thân Lời Ý của Ta hoặc của Tha Nhân.
- Tâm Hữu Dẫn là Tâm sinh khởi có sự dẫn dụ về Thân Lời Ý của Ta hoặc của Tha Nhân.

+ Sự khác biệt giữa Tâm Tương Ứng với Tâm Bất Tương Ứng, là:

- Tâm Tương Ứng là Tâm sinh khởi có sự kết hợp với Pháp Tương Ứng. Ví dụ như Tâm Tương Ứng Kiến là Tâm sinh khởi phối hợp với sự thấy sai chấp lầm.
- Tâm Bất Tương Ứng là Tâm sinh khởi không có sự kết hợp với Pháp Tương Ứng. Ví dụ như Tâm Bất Tương Ứng Kiến là Tâm sinh khởi không phối hợp với sự thấy sai chấp lầm.

+ Sự khác biệt giữa Tâm Duy Tác Vô Nhân với Tâm Đại Duy Tác, đó là:

Tâm Duy Tác Vô Nhân thì có ba thể loại Tâm, là:

- Tâm Khai Ngũ Môn làm việc máy móc mở cửa Lộ Ngũ Môn, sinh khởi ở cả hai hạng người, là Phàm Nhân và Thánh Nhân.
- Tâm Khai Ý Môn làm việc máy móc mở cửa Lộ Ý Môn và phán xét Lộ Ngũ Môn, sinh khởi ở cả hai hạng người, là Phàm Nhân và Thánh Nhân.
- Tâm Tiểu Sinh chỉ làm việc mở nụ cười suông của bậc Vô Sinh.

Còn Tâm Đại Duy Tác là những Tâm Đại Thiện chỉ sinh khởi ở bậc Vô Sinh, chỉ có hành động tạo tác và không có để lại hậu quả của hành động.

2/ Hỏi: Hãy phân tích 81 Tâm Hiệp Thế theo phần Chủng Loại, phần Địa Giới, phần Tịnh Hảo, phần Nhân Tương Ứng, phần Thiện.

Đáp: + Phân tích 81 Tâm Hiệp Thế theo phần Chủng Loại, đó là:

- Tâm theo Chủng Loại Bất Thiện, hoặc Tâm Bất Thiện có 12 Tâm.
- Tâm theo Chủng Loại Thiện, hoặc Tâm Thiện có 17 Tâm (8 Tâm Đại Thiện, 9 Tâm Thiện Đáo Đại).
- Tâm theo Chủng Loại Quả, hoặc Tâm Dị Thục Quả có 32 Tâm (15 Tâm Quả Vô Nhân, 8 Tâm Đại Quả, 9 Tâm Quả Đáo Đại).
- Tâm theo Chủng Loại Duy Tác, hoặc Tâm Duy Tác có 20 Tâm (3 Tâm Duy Tác Vô Nhân, 8 Tâm Đại Duy Tác, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại).

+ Phân tích 81 Tâm Hiệp Thế theo phần Địa Giới, đó là:

- Tâm theo Cõi Dục Giới, hoặc Tâm Dục Giới có 54 Tâm.
- Tâm theo Cõi Sắc Giới, hoặc Tâm Sắc Giới có 15 Tâm.
- Tâm theo Cõi Vô Sắc Giới, hoặc Tâm Vô Sắc Giới có 12 Tâm.

+ **Phân tích 81 Tâm Hiệp Thế theo phần Tịnh Hảo, đó là:**

- Tâm theo phần Vô Tịnh Hảo, hoặc Tâm Vô Tịnh Hảo có 30 Tâm (12 Tâm Bất Thiện, 18 Tâm Vô Nhân).
- Tâm theo phần Tịnh Hảo, hoặc Tâm Tịnh Hảo có 51 Tâm (24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, 27 Tâm Đáo Đại).

+ **Phân tích 81 Tâm Hiệp Thế theo phần Nhân Tương Ứng, đó là:**

- Tâm theo phần Vô Nhân, hoặc Tâm Vô Nhân có 18 Tâm.
- Tâm theo phần Hữu Nhân, hoặc Tâm Hữu Nhân có 63 Tâm (12 Tâm Bất Thiện, 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, 27 Tâm Đáo Đại).

+ **Phân tích 81 Tâm Hiệp Thế theo phần Thiên, đó là:**

- Tâm không phối hợp với Chi Thiên, hoặc Tâm Phi Thiên có 54 Tâm (54 Tâm Dục Giới).
- Tâm có phối hợp với Chi Thiên, hoặc Tâm Thiên có 27 Tâm Đáo Đại.

3/ *Hỏi: Trong 67 Tâm Thiên thì có bao nhiêu Tâm thuộc Chủng Loại Thiện, Chủng Loại Quả, Chủng Loại Duy Tác?*

Đáp: Trong 67 Tâm Thiên thì có 29 Tâm thuộc Chủng Loại Thiện, hoặc Tâm Thiện Thiên (9 Tâm Thiện Đáo Đại, 20 Tâm Đạo).

Trong 67 Tâm Thiên thì có 29 Tâm thuộc Chủng Loại Quả, hoặc Tâm Quả Thiên (9 Tâm Quả Đáo Đại, 20 Tâm Quả Siêu Thế).

Trong 67 Tâm Thiên thì có 9 Tâm thuộc Chủng Loại Duy Tác, hoặc Tâm Duy Tác Thiên (9 Tâm Duy Tác Đáo Đại).

4/ *Hỏi: Hãy trình bày ý nghĩa tên gọi của những Tâm sau đây: Tâm Vô Tịnh Hảo, Tâm Sắc Giới, Tâm Đáo Đại, Tâm Hiệp Thế, Tâm Siêu Thế.*

Đáp: Tâm Vô Tịnh Hảo là Tâm ngoài phần của Tâm Tịnh Hảo (tốt đẹp), là những Tâm sinh khởi không có phối hợp với những Tâm Sở Tịnh Hảo.

Tâm Sắc Giới là Tâm thường luôn du hành sinh hoạt trong lãnh vực của *Vật Sắc (Vatthurūpa)* và *Phiền Nảo Sắc (Kilesarūpa)*. Và là Tâm tu tập những đề mục Thiền An Chi còn Sắc Pháp.

Tâm Đáo Đại là Tâm thường du hành sinh hoạt đến chỗ rộng lớn và đặc biệt thù thắng. Tâm Đáo Đại là Tâm kết hợp của 15 Tâm Sắc Giới và 12 Tâm Vô Sắc Giới.

Tâm Hiệp Thế là Tâm thường du hành sinh hoạt ở trong Tam Giới (Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới). Tâm Hiệp Thế là Tâm kết hợp của 54 Tâm Dục Giới, 15 Tâm Sắc Giới, 12 Tâm Vô Sắc Giới.

Tâm Siêu Thế là Tâm vượt thoát khỏi Tam Ái Dục và Ngũ Thủ Uẩn.

5/ Hỏi: Bởi nguyên nhân nào trong phần Tâm Siêu Thế chỉ có Thiện và Quả, không có phần Duy Tác?

Đáp: Tâm Siêu Thế không có phần Duy Tác, vì lẽ Tâm Siêu Thế lấy Cảnh Níp Bàn làm đối tượng. Và lại Tâm Duy Tác lấy chúng sinh làm đối tượng. Do đó, Tâm Siêu Thế không có phần Duy Tác.

6/ Hỏi: Số lượng Tâm theo giản lược thì có 89 Tâm, theo giải rộng có 121 Tâm. Sự khác biệt với nhau ở tại chỗ nào? Và Tâm Thiện có hai chi Thiện thì có số lượng bao nhiêu? Và những chi, xin kể ra?

Đáp: + Sự khác biệt giữa theo giản lược và theo giải rộng, đó là:

- Số lượng 89 Tâm theo giản lược, là việc tính theo phần Tâm Siêu Thế thì chỉ có 8 Tâm, đó là 4 Tâm Đạo và 4 Tâm Quả (thể theo Thiện Khô).
- Số lượng 121 Tâm theo giải rộng, là việc tính theo phần Tâm Siêu Thế thì có 40 Tâm, đó là 20 Tâm Đạo và 20 Tâm Quả (thể theo có Tu Tập Thiện An Chi).

+ Có 34 Tâm Thiện có hai chi Thiện, đó là:

- 11 Tâm Tứ Thiện có hai chi Thiện, Lạc và Nhất Thống, đó là 3 Tâm Tứ Thiện Sắc Giới và 8 Tâm Tứ Thiện Siêu Thế.
- 23 Tâm Ngũ Thiện có hai chi Thiện, Xả và Nhất Thống, đó là 3 Tâm Ngũ Thiện Sắc Giới, 12 Tâm Vô Sắc Giới và 8 Tâm Ngũ Thiện Siêu Thế.

7/ Hỏi: Hãy phân tích 121 Tâm theo phần Chung Loại, phần Thọ, phần Tịnh Hảo.

Đáp: + Phân tích 121 Tâm theo phần Chung Loại, đó là:

- Tâm theo Chung Loại Bất Thiện, hoặc Tâm Bất Thiện có 12 Tâm.
- Tâm theo Chung Loại Thiện, hoặc Tâm Thiện có 37 Tâm (8 Tâm Đại Thiện, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 20 Tâm Đạo).
- Tâm theo Chung Loại Quả, hoặc Tâm Dị Thục Quả có 52 Tâm (15 Tâm Quả Vô Nhân, 8 Tâm Đại Quả, 9 Tâm Quả Đáo Đại, 20 Tâm Quả Siêu Thế).
- Tâm theo Chung Loại Duy Tác, hoặc Tâm Duy Tác có 20 Tâm (3 Tâm Duy Tác Vô Nhân, 8 Tâm Đại Duy Tác, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại).

+ Phân tích 121 Tâm theo phần Thọ, đó là:

- Có 1 Tâm Thân Thức Câu Hành Lạc Thọ.
- Có 1 Tâm Thân Thức Câu Hành Khổ Thọ.
- Có 62 Tâm Câu Hành Hỷ Thọ, là 4 Tâm Tham Hỷ Thọ, 1 Tâm Thâm Tân Hỷ Thọ, 1 Tâm Tiểu Sinh Hỷ Thọ, 12 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo Hỷ Thọ, 12 Tâm Sắc Giới Hỷ Thọ, 32 Tâm Siêu Thế Hỷ Thọ.
- Có 2 Tâm căn Sân Câu Hành Ưu Thọ.
- Có 55 Tâm Câu Hành Xả Thọ, là 4 Tâm Tham Xả Thọ, 2 Tâm Si Xả Thọ, 14 Tâm Vô Nhân Xả Thọ, 12 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo Xả Thọ, 3 Tâm Sắc Giới Xả Thọ, 12 Tâm Vô Sắc Giới, 8 Tâm Siêu Thế Xả Thọ.

+ Phân tích 121 Tâm theo phần Tịnh Hảo, đó là:

- Có 30 Tâm Vô Tịnh Hảo, là 12 Tâm Bất Thiện và 18 Tâm Vô Nhân.
- Có 91 Tâm Tịnh Hảo, là 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, 27 Tâm Đáo Đại, 40 Tâm Siêu Thế.

8/ *Hỏi: Hãy trình bày Tâm Thiện nào Câu Hành Hỷ, tính từ Tâm Sơ Thiện đến Tâm Tứ Thiện?*

Đáp: Đó là: Tâm Sơ Thiện hội đủ năm chi Thiện, Tầm - Tứ - Hỷ - Lạc - Nhất Thống.

Tâm Nhị Thiện có bốn chi Thiện, Tứ - Hỷ - Lạc - Nhất Thống.

Tâm Tam Thiện có ba chi Thiện, Hỷ - Lạc - Nhất Thống.

9/ *Hỏi: Hãy phân tích Tâm Thiện có hai chi Thiện theo phần Giống, phần Hiệp Thế, phần Thọ.*

Đáp: + **Có 34 Tâm Thiện có hai chi Thiện, đó là:**

- Có 11 Tâm Tứ Thiện có hai chi Thiện, Lạc và Nhất Thống, đó là 3 Tâm Tứ Thiện Sắc Giới và 8 Tâm Tứ Thiện Siêu Thế.
- Có 23 Tâm Ngũ Thiện có hai chi Thiện, Xả và Nhất Thống, đó là 3 Tâm Ngũ Thiện Sắc Giới, 12 Tâm Vô Sắc Giới và 8 Tâm Ngũ Thiện Siêu Thế.

+ Phân tích 34 Tâm Thiện có hai chi Thiện theo phần Chung Loại, đó là:

- Có 5 Tâm Thiện Tứ Thiện, là 1 Tâm Thiện Tứ Thiện Sắc Giới, và 4 Tâm Thiện Tứ Thiện Siêu Thế.
- Có 5 Tâm Quả Tứ Thiện, là 1 Tâm Quả Tứ Thiện sắc Giới, và 4 Tâm Quả Tứ Thiện Siêu Thế.
- Có 1 Tâm Duy Tác Tứ Thiện Sắc Giới.
- Có 9 Tâm Thiện Ngũ Thiện, là 1 Tâm Thiện Ngũ Thiện Sắc Giới, và 4 Tâm Ngũ Thiện Vô Sắc Giới, 4 Tâm Thiện Ngũ Thiện Siêu Thế.

- Có 9 Tâm Quả Ngũ Thiền, là 1 Tâm Quả Ngũ Thiền Sắc Giới, và 4 Tâm Quả Ngũ Thiền Vô Sắc Giới, 4 Tâm Quả Ngũ Thiền Siêu Thế.
- Có 5 Tâm Duy Tác Ngũ Thiền, là 1 Tâm Duy Tác Ngũ Thiền Sắc Giới, và 4 Tâm Duy Tác Ngũ Thiền Vô Sắc Giới.

+ Phân tích 34 Tâm Thiền có hai chi Thiền theo phần Hiệp Thế, là:

- Có 3 Tâm Tứ Thiền thuộc Cõi Sắc Giới, hoặc 3 Tâm Tứ Thiền Sắc Giới.
- Có 8 Tâm Tứ Thiền thuộc phần Siêu Thế, hoặc 8 Tâm Tứ Thiền Siêu Thế.
- Có 15 Tâm Ngũ Thiền Hiệp Thế, là 3 Tâm Ngũ Thiền Sắc Giới, và 12 Tâm Ngũ Thiền Vô Sắc Giới.
- Có 8 Tâm Ngũ Thiền Siêu Thế.

+ Phân tích 34 Tâm Thiền có hai chi Thiền theo phần Thọ, đó là:

- Có 11 Tâm Tứ Thiền Câu Hành Lạc Thọ, là 3 Tâm Tứ Thiền Sắc Giới Lạc Thọ, và 8 Tâm Tứ Thiền Siêu Thế Lạc Thọ.
- Có 23 Tâm Ngũ Thiền Câu Hành Xả Thọ, là 3 Tâm Ngũ Thiền Sắc Giới Xả Thọ, 12 Tâm Ngũ Thiền Vô Sắc Giới Xả Thọ, và 8 Tâm Ngũ Thiền Siêu Thế Xả Thọ.

10/ Hỏi: Từ ngữ “*Sampayutta – Tương Ứng*” gồm có bao nhiêu thể loại ? Là những chi ?

Đáp: Từ ngữ “*Sampayutta – Tương Ứng*” có năm thể loại, đó là:

1. *Ditṭhigatasampayutta – Tương Ứng Kiến*: Tâm tương ưng (hòa trộn) với Tà Kiến, là sự thấy sai.
2. *Paṭighasampayutta – Tương Ứng Phẫn Hận*: Tâm tương ưng (hòa trộn) với Sân Hận, là sự bất hỷ duyệt (không vui).
3. *Vicikicchāsampayutta – Tương Ứng Hoài Nghi*: Tâm tương ưng (hòa trộn) với Hoài Nghi, là sự nghi lự.
4. *Uddhaccasampayutta – Tương Ứng Điều Cử*: Tâm tương ưng (hòa trộn) với Điều Cử, là sự phóng dật.
5. *Nāṇasampayutta – Tương Ứng Trí*: Tâm tương ưng (hòa trộn) với Trí Tuệ, là sự tri thức sáng suốt.

11/ Hỏi: Tâm không có từ ngữ “*Jhānasampayutta – Thiền Tương Ứng*” thế nhưng được liệt kê vào trong phần *Tương Ứng Trí* thì có số lượng bao nhiêu ? Và là những chi ?

Đáp: Có 12 Tâm Tương Ứng Trí, đó là: 12 Tâm Dục Giới Tịnh Hào Tương Ứng Trí.

Ba Tâm Đại Thiện, Đại Quả, Đại Duy Tác Câu Hành Hỷ Tương Ứng Trí Vô Dẫn, là Tâm thứ 31, 32, 33.

Ba Tâm Đại Thiện, Đại Quả, Đại Duy Tác Câu Hành Hỷ Tương Ứng Trí Hữu Dẫn, là Tâm thứ 34, 35, 36.

Ba Tâm Đại Thiện, Đại Quả, Đại Duy Tác Câu Hành Xả Tương Ứng Trí Vô Dẫn, là Tâm thứ 43, 44, 45.

Ba Tâm Đại Thiện, Đại Quả, Đại Duy Tác Câu Hành Xả Tương Ứng Trí Hữu Dẫn, là Tâm thứ 46, 47, 48.

12/ Hỏi: Tâm không có từ ngữ “*Pañcamajjhāna – Ngũ Thiền*” thế nhưng được liệt kê vào trong Ngũ Thiền thì có số lượng bao nhiêu? Và là những chi? Và do bởi nguyên nhân nào thì được liệt kê vào trong Ngũ Thiền?

Đáp: Đó là 12 Tâm Vô Sắc Giới. Tâm Vô Sắc Giới có điểm khác biệt với Tâm Sắc Giới, là chỉ dành riêng cho những hành giả đã chứng đắc tầng Ngũ Thiền Sắc Giới, chỉ có hai Chi Thiền là Xả và Nhất Thống, chuyên tâm nỗ lực với những đề mục thuần Danh Pháp, không còn Sắc Pháp. Do năng lực ý chí, chỉ có Tâm tồn tại trong những trường hợp đặc biệt ngoại lệ, và có khả năng tách rời Danh Pháp ra khỏi Sắc Pháp.

B. Vấn Và Đáp Trong Phần Tâm Sở Siêu Lý (Cetasikaparamattha) Câu hỏi gợi ý ở trong phần Tâm Sở Siêu Lý

1/ Hỏi: Hãy trình bày bốn trường hợp đặc tính của Tâm Sở, và dẫn chứng Pālī cho được cụ thể (không cần dịch nghĩa).

Đáp: Bốn trường hợp đặc tính (*Cetoyuttalakkhaṇa – Tứ Đồng Trạng Thái*) của Tâm Sở, là:

1. *Ekuppāda – Đồng Sinh*: là đồng cùng sinh với Tâm, không sinh trước hoặc không sinh sau với Tâm.
2. *Ekanirodha – Đồng Diệt*: là đồng cùng diệt với Tâm, không diệt trước hoặc không diệt sau với Tâm.
3. *Ekālabhāna – Đồng Cảnh*: là đồng cùng tiếp xúc một Cảnh với Tâm.
4. *Ekavattuka – Đồng Căn*: là đồng cùng nương một Trú Căn (Thần Kinh) xuất sinh với Tâm.

2/ Hỏi: Sự việc như vậy là do bởi nguyên nhân nào? Hãy cho thí dụ kiểu mẫu vào việc phối hợp của Tâm và Tâm Sở làm cho tất cả chúng sanh được thành tựu ở mỗi sự việc.

Đáp: Tất cả chúng sanh theo thường nhiên, cho dù hoàn toàn đầy đủ các bộ phận trong cơ thể đi nữa nhưng nếu thiếu phần Danh Pháp là Tâm và Tâm Sở thì tất cả chúng sanh cũng không có sự tri giác và cũng không có khả năng làm được những cái chi, chẳng khác nào như hình nộm vậy thôi.

Và trong cả hai Tâm và Tâm Sở này, là loại Pháp luôn có *Tứ Đồng Trạng Thái*, muốn tách lìa nhau cũng không thể được.

Ví như bánh xe răng sử dụng cho dòng điện. Nếu chỉ có bánh xe răng không thôi thì không thể làm công việc được, và bánh xe răng đang làm công việc xoay tròn do bởi nương vào dòng điện trong cả hai sợi dây điện. Nếu đứt đi một sợi dây thì một mình bánh xe răng cũng không có khả năng làm công việc được. Do đó, bậc Thiện Trí Thức cũng nên biết sự hiện hành theo Thực Tính của Tâm và Tâm Sở vậy.

3/ Hỏi: Có bao nhiêu Nhóm trong 52 Tâm Sở ? Là những nhóm nào ? Và mỗi nhóm có số lượng là bao nhiêu ? Và là những chi ?

Đáp: Tất cả 52 Tâm Sở chia thành ba nhóm (*Rāsi*). Là:

(1): Nhóm Tâm Sở Tợ Tha có số lượng là 13 cái, được chia ra thành hai tiểu nhóm là:

- Bảy Tâm Sở Biến Hành: Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Nhất Thống, Mạng Quyền, Tác Ý.
- Tám Tâm Sở Biệt Cảnh: Tầm, Tứ, Thắng Giải, Cần, Hỷ, Dục.

(2): Nhóm Tâm Sở Bất Thiện có số lượng là 14 cái, được chia ra thành năm tiểu nhóm:

- Bốn Tâm Sở Si Phần: Si, Vô Tầm, Vô Quý, Diệu Cử.
- Ba Tâm Sở Tham Phần: Tham, Tà Kiến, Ngã Mạn.
- Bốn Tâm Sở Sân Phần: Sân, Tật Đố, Lận Sắt, Hối Hận.
- Hai Tâm Sở Hôn Phần: Hôn Trầm, Thù Miên.
- Một Tâm Sở Hoài Nghi.

(3): Nhóm Tâm Sở Tịnh Hảo có số lượng là 25 cái, được chia ra thành bốn tiểu nhóm là:

- 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành: Tín, Niệm, Tầm, Quý, Vô Tham, Vô Sân, Trung Gian, Thân An – Tâm An, Thân Khinh – Tâm Khinh, Thân Nhu – Tâm Nhu, Thân Thích – Tâm Thích, Thân Thuần – Tâm Thuần, Thân Chánh – Tâm Chánh.
- Ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần: Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng.
- Hai Tâm Sở Vô Lượng Phần: Bi Mẫn, Tùy Hỷ.
- Một Tâm Sở Tuệ Quyền.

4/ Hỏi: Hãy trình bày ý nghĩa tên của những Tâm Sở sau đây: Tâm Sở Biến Hành, Tâm Sở Biệt Cảnh, Tâm Sở Bất Thiện Biến Hành, Tâm Sở Sân Phần, Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành, Tâm Sở Vô Lượng Phần.

Đáp: Tâm Sở Biến Hành là nhóm Tâm Sở này phối hợp được tất cả 121 Tâm, không phân biệt Chung Loại, hoặc Nhóm. Khi phối hợp với Tâm thì luôn luôn đi chung hết cả thấy và hết tất cả bảy Tâm Sở,

Tâm Sở Biệt Cảnh là nhóm Tâm Sở này phối hợp được tất cả các nhóm Tâm, nhưng riêng biệt theo từng Cảnh thích hợp, không đi chung hết cả Nhóm. Và Tâm Sở Biệt Cảnh phối hợp được cùng khắp, được cả phần Hiệp Thế - Siêu Thế, phần Tịnh Hảo – Vô Tịnh Hảo, phần Thiện – Bất Thiện, Quả, Duy Tác; tuy nhiên không phối hợp chung hết cả thấy.

Tâm Sở Bất Thiện Biến Hành là nhóm Tâm Sở này phối hợp trọn vẹn tất cả 12 Tâm Bất Thiện. Và Tâm Sở Sân Phán là nhóm Tâm Sở này đưa Tâm Sở Sân làm chủ vị.

Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành là nhóm Tâm Sở này phối hợp được tất cả Tâm Tịnh Hảo. Khi phối hợp với Tâm Tịnh Hảo thì nhóm Tâm Sở này luôn luôn đi chung hết cả thấy và tất cả 19 Tâm Sở.

Tâm Sở Vô Lượng Phán là nhóm Tâm Sở này do nương sinh theo chúng sinh đau khổ hay an vui, bao la và vô hạn định.

5/ **Hỏi:** *Hãy trình bày Thực Tính của các Tâm Sở sau đây: Xúc, Thọ, v.v., Tuệ Quyền.*

Đáp: Xúc: là Pháp xúc chạm Cảnh.

Thọ là Pháp thụ hưởng Cảnh.

Tư là Pháp thúc đẩy và dẫn dụ Pháp Tương Ứng trong Cảnh cho làm phận sự của ta.

Tác Ý là Pháp lập ý và dẫn dắt Pháp Tương Ứng đến Cảnh.

Tầm là Pháp dẫn dắt Pháp Tương Ứng đi đến Cảnh, là khảo lự (tư duy và tầm kiếm) Cảnh.

Thắng Giải là Pháp phán quyết Cảnh.

Hỷ là Pháp có sự hân hoan, vui thích trong Cảnh.

Dục là Pháp có sự mong muốn Cảnh.

Si là Pháp che lấp thực tính của hiện Cảnh đang có, là mê mờ.

Tham là Pháp có sự mong cầu và say đắm trong Cảnh Dục Trần.

Sân là Pháp làm nguy hại Cảnh.

Chánh Ngữ là việc nói lên ngôn từ ngoài phần Tứ Khẩu Ác Hạnh, và không liên quan đến công việc sanh kế.

Chánh Nghiệp là việc tạo tác hành động ngoài phần Tam Thân Ác Hạnh, và không liên quan đến công việc sanh kế.

Chánh Mạng là việc nuôi mạng sanh kế ngoài phần Tứ Khẩu Ác hạnh và Tam Thân Ác Hạnh.

Bi Mẫn là Pháp có sự trắc ẩn với chúng sanh bị khổ đau, là người đang phải chịu nhận lãnh sự khổ đau, hoặc sẽ đón nhận khổ đau vào thời vị lai.

Tùy Hỷ là Pháp có sự vui mừng với chúng sanh được an vui, là người đang đón nhận sự an vui hoặc sẽ được an vui trong thời vị lai.

Tuệ Quyền là Pháp liễu tri một cách xác thực toàn diện Pháp Thực Tính.

6/ Hỏi: Hãy trình bày sự khác biệt giữa các Tâm Sở sau đây: *Tư* với *Tác Ý*. *Tầm* với *Tứ*. *Dục* với *Tham*. *Hôn Trâm* với *Thụy Miên*.

Đáp: a/. Sự khác biệt giữa **Tâm Sở Tư** với **Tác Ý**, đó là:

(1) **Tâm Sở Tư** là Pháp thúc đẩy và dẫn dụ Pháp Tương Ứng trong Cảnh cho làm phận sự của ta.

- **Cetanā** là Pháp phối hợp tất cả Tâm Sở đồng phát sinh với nó trên đối tượng của Tâm.
- **Cetanā** vừa tác hành nhiệm vụ của mình, vừa phối trí sinh hoạt của các Tâm Sở khác đồng phát sinh. Theo một lối giải thích khác,
- **Cetanā** là Pháp đưa đến hành động bằng cách tạo duyên cho Pháp được cấu tạo.
- **Cetanā** là Pháp đóng vai trò quan trọng nhất trong tất cả các hành động, thiện và bất thiện.
- **Cetanā** hành động trên các Tâm Sở đồng phát sinh với nó bằng cách thấu nhận đối tượng, và hành động nhằm thành tựu nhiệm vụ, là quyết định hành động.
- **Cetanā** – *Tư*, là Tâm Sở có ý nghĩa quan trọng nhất trong các loại Tâm Hiệp Thế (*Lokiyacitta*), còn với Tâm Siêu Thế (*Lokuttaracitta*) có *Paññā*, là Trí Tuệ.

Tâm Hiệp Thế có khuynh hướng tạo tác và tích trữ Nghiệp Lực.

Tâm Siêu Thế, trái lại, có khuynh hướng tận diệt Nghiệp Lực.

Do đó, **Cetanā** trong các Tâm Siêu Thế, không tạo tác Nghiệp Lực. Tuy nhiên, **Cetanā** trong tất cả những loại Tâm Hiệp Thế, Thiện hay Bất Thiện, đều được xem là Nghiệp (*Kamma*). Đứng về phương diện tâm lý, **Cetanā** quyết định các hoạt động của những Tâm Sở cùng phát sanh đồng thời với nó. Về phương diện đạo đức, **Cetanā** quyết định hậu quả dĩ nhiên phải đến của nó. Do đó, nếu không có **Cetanā**, tức nhiên không có *Kamma*.

(2) **Tác Ý** là Pháp lập ý và dẫn dắt Pháp Tương Ứng đến Cảnh.

Đặc tính chánh của **Tác Ý** là quay tâm hướng về Cảnh.

Tác Ý ví như bánh lái của một chiếc tàu, bộ phận không thể không có, để hướng tàu về đến nơi bến bờ.

Tâm không có Tác Ý (*Manasikāra*) cũng như tàu không có bánh lái. Tâm Sở Tác Ý cũng có thể ví như người đánh xe song mã, ngồi trên xe chăm chú vào hai con ngựa (Danh Pháp và Sắc Pháp) chạy song song đều đặn.

b/. Sự khác biệt giữa **Tầm** với **Tứ**, đó là:

- **Tầm:** là Pháp dẫn dắt Pháp Tương Ứng đi đến Cảnh, là khảo lự (tư duy và tầm kiếm) Cảnh. Tâm Sở Tầm có ý nghĩa là sự gắn ghép, áp đặt các Tâm Sở đồng phát sanh vào Cảnh. Ở mặt khác, khi được trau giồi và phát triển đầy đủ, Tâm Sở Tầm là một yếu tố đầu tiên của Thiền, Chi Thiền Tầm của tầng Sơ Thiền, đem Tâm tầm kiếm đề mục Thiền, ví như ong bay tìm đến hoa. Với Tâm Đạo Siêu Thế (*Lokuttara Magga Citta*) thì được gọi là *Chánh Tư Duy (Sammā Saṅkappa)*, vì đã loại trừ các tư tưởng lầm lạc và đưa Tâm tới Níp Bàn.
- **Tứ:** là Pháp có việc dò xét phủ lấy Cảnh. Tâm Sở Tứ có ý nghĩa là sinh hoạt liên tục của Tâm với Cảnh, quán sát, dò xét vào đối tượng. Khi trau giồi và phát triển đầy đủ, Tâm Sở Tứ là một yếu tố của Thiền, Chi Thiền Tứ của tầng Nhị Thiền, đưa Tâm đến quán sát đề mục Thiền, ví như ong bay lượn quanh quần hoa.

+ **Sự khác biệt giữa Dục với Tham, đó là:**

+ **Dục:** là Pháp có sự ước muốn, mong muốn Cảnh. Đặc tính chánh yếu của *Chanda* là “*ước muốn làm*”, cũng như với tay nắm lấy một vật.

Có ba loại *Chanda* – *Dục*, là:

1. ***Kāmachanda* - Tham Dục:** là khát vọng duyên theo lục trần, một trong năm Pháp Triền Cái (*Nīvaraṇa*). Đây là một loại Pháp Bất Thiện.
2. ***Kattukamyatā* – Tác Dục:** là “*ước muốn làm*”, gồm cả hai thể loại, Bất Thiện và Thiện.
3. ***Dhammachanda* – Pháp Dục:** là ước muốn chân chánh.

Chính ước muốn chân chánh này, đã thúc giục Thái Tử Siddhattha từ bỏ mọi thứ vui dục lạc của đời vương giả.

*Người Phật tử luôn có **Dhammachanda**, với ước muốn chân chánh, để chứng ngộ Níp Bàn. Quả thật đây không là sự tham ái.*

Theo chú giải nhận xét như sau:

“*Sự cố gắng quyết ý, hay ý chí là do **Cần (Viriya)**.*”

Trạng thái thích thú trong đối tượng là do *Hỷ (Pīti)*. Có ý định liên quan đến đối tượng là do *Dục (Chanda)*.

+ **Tham:** là Pháp có sự mong cầu và say đắm trong Cảnh Dục Trần. Đặc tính chánh yếu của Tham là *bám chặt vào, hay cột lại, ái luyến, bám níu*. Từ ngữ Ái Dục cũng được dùng trong nghĩa tương đương với Tham. Khi giác quan tiếp xúc với một đối tượng đáng được ưa thích, tức trần cảnh khả ái, thì thường có sự luyến ái hay bám níu phát sanh, đeo níu đối tượng và không buông bỏ.

c/. Sự khác biệt giữa Hôn Trầm với Thụy Miên, đó là:

+ **Hôn Trầm:** là Pháp làm cho Tâm mệt mỏi, thối chuyển với Cảnh. Đặc tính chánh yếu của Hôn Trầm là trạng thái tâm uơn yếu bệnh hoạn, co rút lại, thối

lui, ví như lông gà trước ngọn lửa. *Thīna – Hôn Trầm* nghịch nghĩa với *Viriya – Tinh Tấn*.

Theo Chú Giải có trình bày về *Thīna – Hôn Trầm* là: “*Citta – gelanna*”- trạng thái tâm uơon yếu bệnh hoạn. Như vậy, *Thīna* nghịch nghĩa với “*Cittakammaññatā – Tâm Thích*”, trạng thái thích hợp của Tâm, thuộc Tâm Sở Tịnh Hảo.

+ **Thụy Miên**: là Pháp làm cho Tâm mê mờ, lui sụt với Cảnh. Đặc tính chánh yếu của Thụy Miên là *không hoạt động*, không có phản ứng, không có khả năng. Đây là trạng thái uể oải, uơon yếu, đã đuối, của Tâm Sở. Cả hai, *Thīna – Hôn Trầm* và *Middha – Thụy Miên*, luôn luôn đi chung – là một trong năm Pháp Triền Cái (Hôn Thùy). Chi Thiền *Vitakka – Tầm* khắc phục *Hôn Thùy Triền Cái*. Cũng giống với *Thīna – Hôn Trầm*, *Middha – Thụy Miên* nghịch nghĩa với *Viriya*. Như vậy, nơi nào có *Thīna – Middha* là nơi đó không có *Viriya – Tinh Tấn*.

Theo Chú Giải có trình bày về *Middha – Thụy Miên* là: “*Kāya- gelanna*”- trạng thái “thân” uơon yếu bệnh hoạn. Tại đây, từ ngữ “*Kāya*” không có nghĩa là cơ thể vật chất, hay thân này, mà là **cơ cấu tổng hợp các Tâm Sở**, tức Thọ (*Vedanā*), Tưởng (*Saññā*), và Hành (*Saṅkhāra*). Do đó, *Middha* nghịch nghĩa với “*Kāyakammaññatā – Thân Thích*”, trạng thái thích hợp của Tâm Sở.

Trong Bộ Pháp Tụ (*Dhammasaṅgani*) đã giải thích về hai Tâm Sở *Thīna – Hôn Trầm* và *Middha – Thụy Miên*, như sau:

- *Thīna – Hôn Trầm*, là trạng thái trí năng khó chịu, uể oải, không sẵn sàng làm, nặng nề, chậm chạp, dính mắc và không linh động; trạng thái trí thức cố thủ, bám níu, khu khu cố chấp, cứng ngắt một chỗ.
- *Middha – Thụy Miên*, là trạng thái cảm giác khó chịu, không sẵn sàng, có cảm giác như người bị liệt kín, bị bao phủ, bị ngăn chặn từ bên trong. Trạng thái đã đuối làm cho buồn ngủ, mê mờ, trạng thái Tâm Sở như mơ màng, thiu thiu ngủ, nửa tỉnh nửa mê.

7/ Hỏi: Hãy đọc tên các Tâm Sở có Pháp Tính như sau: 1/ Pháp nhớ tưởng Cảnh, v.v, 7/ Pháp có sự rối loạn trong Tâm về Ác Hạnh đã làm và Thiện Hạnh không được thực hiện.

Đáp:

1. Pháp nhớ tưởng Cảnh là **Tưởng**.
2. Pháp an tịnh và cho Pháp Tương Ứng hiện diện trong một Cảnh duy nhất là **Nhất Thống**.
3. Pháp duy trì Pháp Tương Ứng là **Mạng Quyền**.
4. Pháp có sự dò xét phủ lấp Cảnh là **Tứ**.
5. Pháp có sự thấy sai trong Cảnh là **Tà kiến**.
6. Pháp có sự kiêu căng ngạo mạn là **Ngã Mạn**.

7. Pháp có sự rối loạn trong Tâm về Ác Hạnh đã làm và Thiện Hạnh không được thực hiện là **Hối Hận**.

8/ *Hỏi: Sự nghi lự như thế nào mới gọi là Hoài Nghi ? Sự nghi lự trong môn học đang nghiên cứu hoặc là sự nghi lự về tên người, tên sự vật chưa từng rõ biết, cũng là Hoài Nghi hay không ? Hãy giải thích.*

Đáp: Có 8 sự hoài nghi dẫn đến sự Bất Thiện, tội lỗi; là:

1. Hoài nghi về Phật Bảo,
2. Hoài nghi về Pháp Bảo,
3. Hoài nghi về Tăng Bảo,
4. Hoài nghi về Ta trong Quá Khứ,
5. Hoài nghi về Ta ngay Hiện Tại,
6. Hoài nghi về Ta trong Vị Lai,
7. Hoài nghi về Tam Học,
8. Hoài nghi về Liên Quan Tương Sinh (Thập Nhị Nhân Duyên).

Ngoài ra, tất cả những sự nghi lự về tên người, tên sự vật, v.v., là hoài nghi thông thường, không tội lỗi.

9/ *Hỏi: Có sự sai khác nhau như vậy là do bởi nguyên nhân nào ? Và có sự chú ý khác biệt loại nào ?*

Đáp: Có sự sai khác nhau là do những đôi Tâm Sở này, như Thân An – Tâm An, v.v., một Tâm Sở chú ý về Thân bao gồm về Thọ Uẩn, Tưởng Uẩn và Hành Uẩn, một Tâm Sở chú ý về Tâm, là tất cả Tâm Thức.

Ví dụ: Có hai loại trạng thái an tịnh, một về Thân, gồm Thọ (*Vedanā*), Tưởng (*Saññā*) và Hành (*Sankhāra*); và một về Tâm, là tất cả Tâm Thức. Như vậy, *Kāya Passaddhi* – *Thân An* là trạng thái an tịnh của những Tâm Sở, và *Citta Passaddhi* – *Tâm An* là trạng thái an tịnh của Tâm.

10/ *Hỏi: Hãy dịch câu kệ sau đây: “Terasannasamānā v.v., dvipannāsa pavuccare”.*

Đáp: Đây là bài kệ tóm tắt về số lượng và các loại Tâm Sở.

Với ý nghĩa là: “Và cho đến đây đã nói đến 13 Tâm Sở Tợ Tha, 14 Tâm Sở Bất Thiện, 25 Tâm Sở Tịnh Hào, gọi là 52 Tâm Sở”.

11/ *Hỏi: Hãy dịch và giải thích câu kệ sau đây: “Satta sabbattha yujjanti v.v., sobhananasveva sobhanā”.*

Đáp: Bảy Tâm Sở Biến Hành thường cùng phối hợp với tất cả Tâm,

- 6 Tâm Sở Biệt Cảnh thường phối hợp với các Tâm thích hợp,

- 14 Tâm Sở Bất Thiện thường chỉ phối hợp với 12 Tâm Bất Thiện,
- 25 Tâm Sở Tịnh Hảo thường chỉ phối với 59 Tâm Tịnh Hảo.

12/ Hỏi: Có bao nhiêu Tâm Sở phối hợp được tất cả Tâm Hiệp Thế ? Là những Tâm Sở nào ?

Đáp:

- Một cách tổng quát, có 7 Tâm Sở Biến Hành phối hợp tất cả Tâm Hiệp Thế.
- Có 27 Tâm Sở phối hợp được tất cả Tâm Bất Thiện, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 14 Tâm Sở Bất Thiện.
- Có 12 Tâm Sở phối hợp các Tâm Vô Nhân, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Dục).
- Có 38 Tâm Sở phối hợp các Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 25 Tâm Sở Tịnh Hảo.
- Có 35 Tâm Sở phối hợp các Tâm Đáo Đại, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần).

13/ Hỏi: Hãy trình bày số lượng Tâm phối hợp được và không phối hợp được với các Tâm Sở sau đây: Tầm, Thắng Giải, Cần, Hỷ, Dục.

Đáp: Số lượng Tâm phối hợp được và không phối hợp được, là:

	PHỐI HỢP	KHÔNG PHỐI HỢP
Tầm	55	66
Thắng Giải	78 (110)	11
Cần	73 (105)	16
Hỷ	51	70
Dục	69 (101)	20

14/ Hỏi: Tâm câu hành Hỷ thọ mà không phối hợp được với Tâm Sở Hỷ có số lượng bao nhiêu ? Hãy giải thích nguyên nhân vì sao không phối hợp được ?

Đáp: Có 11 Tâm là 3 Tâm Tứ Thiên Sắc Giới và 8 Tâm Tứ Thiên Siêu Thế. Tâm Tứ Thiên có hai Chi Thiên là Lạc và Nhất Thống.

Từ ngữ **Sukha** - Lạc đồng nghĩa với từ ngữ **Somanassa** – Hỷ Duyệt, vui thích hài lòng. Tâm Tứ Thiên có chi Lạc, xem như đồng nghĩa với chi Hỷ, và theo sự phân tích Tâm theo phần Thọ thì Tâm câu hành Hỷ có 62 Tâm, là 4 Tâm Tham câu hành Hỷ, 1 Tâm Thâm Tấn câu hành Hỷ, 1 Tâm Tiểu Sinh, 12 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo câu hành Hỷ, 12 Tâm Sắc Giới câu hành Hỷ, 32 Tâm Siêu Thế câu hành Hỷ. Như vậy, tuy Tâm Tứ Thiên có chi Lạc (câu hành Hỷ thọ) mà không có phối hợp với Tâm Sở Hỷ.

15/ Hỏi: Hãy trình bày Tâm Quả phối hợp được với các Tâm Sở sau đây: Xúc, Thọ, Tứ, Cần, Hỷ.

Đáp: -

- Tâm Sở Xúc phối hợp được tất cả các Tâm Quả (Hiệp Thế - Siêu Thế, Hữu Nhân - Vô Nhân). Cũng tương tự, với Tâm Sở Thọ phối hợp với tất cả Tâm Quả.
- Tâm Sở Tứ phối hợp được 66 Tâm, tuy nhiên về Tâm Quả, thì phối hợp được 23 Tâm Quả, là 5 Tâm Quả Vô Nhân (trừ Ngũ Song Thức), 8 Tâm Đại Quả, 5 Tâm Quả Sơ Thiền, và 5 Tâm Quả Nhị Thiền.
- Tâm Sở Cần phối hợp được 105 Tâm, tuy nhiên về Tâm Quả, thì phối hợp được 37 Tâm, là 8 Tâm Đại Quả, 9 Tâm Quả Đáo Đại, và 20 Tâm Quả Siêu Thế.
- Tâm Sở Hỷ phối hợp được 51 Tâm, tuy nhiên về Tâm Quả, thì phối hợp được 20 Tâm, là 1 Tâm Thảm Tấn Hỷ Thọ, 4 Tâm Đại Quả Hỷ Thọ, 5 Tâm Quả Sơ Thiền, 5 Tâm Quả Nhị Thiền, và 5 Tâm Quả Tam Thiền.

16/ Hỏi: Trong 89 Tâm theo phần giản lược, Tâm Sở Tầm phối hợp được bao nhiêu Tâm ? Là những chi ? Và hãy dịch câu kệ sau đây: “*Sabbāpuññesu cattāro v.v., sasaṅkhāre dvayaṃ tathā*”.

Đáp: Tâm Sở Tầm phối hợp được 55 Tâm, là 44 Tâm Dục Giới (trừ Ngũ Song Thức), và 3 Tâm Sơ Thiền Hiệp Thế và 8 Tâm Sơ Thiền Siêu Thế.

Dịch nghĩa câu kệ sau đây:

**“*Sabbāpuññesu cattāro lobhamūle tayo gatā
Dosamūlesu cattāro sasaṅkhāre dvayaṃ tathā*”.**

“Bốn được thấy trong tất cả các Tâm Bất Thiện, ba trong các Tâm căn Tham, bốn trong các Tâm căn Sân, hai trong các Tâm Hữu Dẫn.”

17/ Hỏi: Trong 89 Tâm theo phần giản lược, Tâm Sở Hỷ phối hợp được 27 Tâm cũng phải, và 35 Tâm cũng phải, không nhất định như thế là do bởi nguyên nhân nào ? Và 27 với 35 Tâm, là những Tâm nào ?

Đáp: Trong 89 Tâm theo phần giản lược, Tâm Sở Hỷ phối hợp được 27 Tâm cũng phải, 35 Tâm cũng phải, bất định như vậy, do bởi nguyên nhân là việc sinh phối hợp với Thọ của Tâm Siêu Thế theo giản lược một cách bất định; tức là nếu Tâm Siêu Thế sinh phối hợp với Xả Thọ thì Tâm Sở Hỷ không phối hợp với Tâm Siêu Thế. Do đó mới phối hợp được 27 Tâm; nếu Tâm Siêu Thế sinh phối hợp với Hỷ Thọ thì Tâm Sở Hỷ vào phối hợp với Tâm Siêu Thế, do đó mới phối hợp được 35 Tâm.

- 27 Tâm đó là 18 Tâm Dục Giới Hỷ Thọ (4 Tham Hỷ Thọ, 2 Vô Nhân Hỷ Thọ, 12 Dục Giới Tịnh Hảo Hỷ Thọ, 3 Tâm Sơ Thiền Hiệp Thế, 3 Tâm Nhị Thiền Hiệp Thế, 3 Tâm Tam Thiền Hiệp Thế.
- 35 Tâm đó là 18 Tâm Dục Giới Hỷ Thọ, 3 Tâm Sơ Thiền Hiệp Thế, 3 Tâm Nhị Thiền Hiệp Thế, 3 Tâm Tam Thiền Hiệp Thế, 8 Tâm Siêu Thế.

18/ Hỏi: Hãy trình bày tên của các Tâm sau đây: Tâm phối hợp v.v,

Đáp:

1. **Có 6 Tâm** phối hợp được với Tầm, nhưng bất phối hợp với Cần, là 2 Tâm Tiếp Thâu, 3 Tâm Thẩm Tấn, 1 Tâm Khai Ngũ Môn.
2. **Có 56 Tâm** phối hợp được với Cần, nhưng bất phối hợp với Tầm, là 11 Tâm Nhị Thiền, 11 Tâm Tam Thiền, 11 Tâm Tứ Thiền, 23 Tâm Ngũ Thiền.
3. **Có 49 Tâm** phối hợp được với cả hai Tầm và Cần, là 12 Tâm Bất Thiện, 1 Tâm Khai Ngũ Môn, 1 Tâm Tiểu Sinh, 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, 11 Tâm Sơ Thiền.
4. **Có 10 Tâm** bất phối hợp với cả hai Tầm và Cần, là 10 Tâm Ngũ Song Thức.
5. **Có 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế** phối hợp được với Ngăn Trừ Phần, nhưng bất phối hợp với Vô Lượng Phần.
6. **Có 20 Tâm** phối hợp được với Vô Lượng Phần, nhưng bất phối hợp với Ngăn Trừ Phần, là 8 Tâm Đại Duy Tác, 3 Tâm Sơ Thiền Sắc Giới, 3 Tâm Nhị Thiền Sắc Giới, 3 Tâm Tam Thiền Sắc Giới, 3 Tâm Tứ Thiền Sắc Giới.
7. **Có 8 Tâm Đại Thiện** phối hợp được với cả hai Ngăn Trừ Phần và Vô Lượng Phần.
8. **Có 53 Tâm** bất phối hợp với cả hai Ngăn Trừ Phần và Vô Lượng Phần, là 30 Tâm Vô Tịnh Hảo, 8 Tâm Đại Quả, 15 Tâm Ngũ Thiền Hiệp Thế.

19/ Hỏi: Hãy trình bày câu kệ đề cập đến số lượng Tâm bất phối hợp với sáu Tâm Sở Biệt Cảnh.

Đáp: Câu kệ trình bày số lượng Tâm bất phối hợp với sáu Tâm Sở Biệt Cảnh, như sau:

Chasatthi pañcapannāsa Ekādasa ca solasa
Sattati vīsati ceva Pakinnakavivajjitā.

“Sáu mươi sáu, năm mươi lăm, mười một và mười sáu
Bảy mươi và hai mươi - không có Tâm Sở Biệt Cảnh.”

Giải thích:

1. Tâm Sở Tầm bất phối hợp với **66 Tâm**.

2. Tâm Sở Tứ bất phối hợp với **55 Tâm**.
3. Tâm Sở Thắng Giải bất phối hợp với **11 Tâm**.
4. Tâm Sở Cần bất phối hợp với **16 Tâm**.
5. Tâm Sở Hỷ bất phối hợp với **70 Tâm**.
6. Tâm Sở Dục bất phối hợp với **20 Tâm**.

20/ Hỏi: Có bao nhiêu Tâm Sở phối hợp được với tất cả Tâm Bất Thiện ? Là những Tâm Sở nào ?

Đáp: Có 14 Tâm Sở phối hợp được với tất cả Tâm Bất Thiện, là 7 Tâm Sở Biên Hành, 1 Tâm Sở Tầm, 1 Tâm Sở Tứ, 1 Tâm Sở Cần, 4 Tâm Sở Si Phần.

21/ Hỏi: Có bao nhiêu Tâm Sở Bất Thiện phối hợp một cách đặc biệt với Tâm căn Tham ? Là những Tâm Sở nào ?

Đáp: Có ba Tâm Sở Bất thiện phối hợp một cách đặc biệt với Tâm căn Tham, là Tham, Tà Kiến, Ngã Mạn.

22/ Hỏi: Hãy giải thích nguyên nhân vì sao Tâm Sở Tà Kiến không thể sinh cùng với Tâm Sở Ngã Mạn trong cùng một cái Tâm ?

Đáp: + **Sự khác biệt giữa Tà Kiến và Ngã Mạn, đó là:**

Tà kiến phát sinh khái niệm về Ngũ Uẩn Danh Sắc này liên quan đến quan kiến sai lầm về **tự ngã** là “**Ta**” và “**Của Ta**”.

Ngã mạn cũng phát sanh khái niệm về Ngũ Uẩn Danh Sắc này là “**Ta**” liên quan đến lòng **vị kỷ**.

Vì thế, hai Pháp chủng này không bao giờ khởi sinh cùng một lúc trong một Tâm căn Tham. Theo các nhà Chú Giải nhận xét và so sánh, **Ditṭhi** và **Māna** như hai mảnh hồ không thể sống chung một khu rừng.

23/ Hỏi: Có bao nhiêu Tâm Sở Bất Thiện phối hợp với Tâm Tương Ứng và bất phối hợp với Tâm Bất Tương Ứng ? Là những Tâm Sở nào ?

Đáp: Có **6 Tâm Sở Bất Thiện** phối hợp với Tâm Tương Ứng và bất phối hợp với Tâm Bất Tương Ứng, là 1 Tâm Sở Tà Kiến, 4 Tâm Sở Sân Phần, 1 Tâm Sở Hoài Nghi.

24/ Hỏi: Hãy trình bày Tâm Sở Bất Thiện phối hợp với Tâm theo số lượng như sau: một cái, hai cái, ba cái, bốn cái, năm cái, sáu cái, bảy cái, tám cái.

Đáp:

1. Tâm Sở Bất Thiện phối hợp với một cái Tâm là **Tâm Sở Hoài Nghi**.
2. Tâm Sở Bất Thiện phối hợp với hai cái Tâm là **bốn Tâm Sở Sân Phần**.

3. **Không có Tâm Sở Bất Thiện** phối hợp với **ba cái Tâm**.
4. **Tâm Sở Bất Thiện** phối hợp với bốn cái Tâm là **1 Tâm Sở Tà Kiến, 1 Tâm Sở Ngã Mạn**.
5. **Tâm Sở Bất Thiện** phối hợp với năm cái Tâm là **1 Tâm Sở Hôn Trầm, 1 Tâm Sở Thùy Miên**.
6. **Không có Tâm Sở Bất Thiện** phối hợp với **sáu cái Tâm**.
7. **Không có Tâm Sở Bất Thiện** phối hợp với **bảy cái Tâm**.
8. **Tâm Sở Bất Thiện** phối hợp với tám cái Tâm là **1 Tâm Sở Tham**.

25/ Hỏi: Hãy phân tích Tâm Sở Tịnh Hảo phối hợp một cách riêng biệt trong tất cả Tâm Tịnh Hảo ?

Đáp: Có 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành phối hợp được tất cả Tâm Tịnh Hảo; tuy nhiên theo phần đặc biệt thì có được 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần, 1 Tâm Sở Tuệ Quyền.

26/ Hỏi: Hãy trình bày trạng thái khác biệt của việc phối hợp ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần ngay sát na phối hợp với Tâm Hiệp Thế, và Tâm Siêu Thế?

Đáp: Trạng thái khác biệt nhau của Tâm Sở Ngăn Trừ Phần ngay sát na phối hợp với Tâm Hiệp Thế và Tâm Siêu Thế, là:

- Tâm Sở Ngăn Trừ Phần phối hợp với Tâm Đại Thiện thì việc phối hợp bất định và không cùng đi chung, nên gọi là *Aniyata – Bất Định* và *Nānākadāci – Tùy trường hợp*.
- Tâm Sở Ngăn Trừ Phần phối hợp với Tâm Siêu Thế thì việc phối hợp nhất định và cùng đi chung, nên gọi là *Niyataekato – Nhất Định như một*.

27/ Hỏi: Hãy trình bày số lượng Tâm phối hợp với Tâm Sở Vô Lượng Phần theo cả hai phía “*Samanāvāda – Liên Hợp Kiến*” và “*Kecivāda – Nhất Hệ Kiến*”. Và giải thích cả hai loại ý kiến trên, phía nào là đúng đắn?

Đáp: Việc phối hợp của hai Tâm Sở Vô Lượng Phần có hai trường phái ý kiến (*Vāda*) như sau:

1. *Samanāvāda – Liên Hợp Kiến, Nhất Trí Kiến*: là ý kiến của tất cả các nhà Chú Giải, như Giáo Sư *Anuruddha*, v.v., đều nói rằng hai Tâm Sở Vô Lượng Phần phối hợp được hai mươi tám Tâm, đó là 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 12 Tâm Sắc Giới (trừ 3 Tâm Ngũ Thiền Sắc Giới) như đã được đề cập đến ở phần trên.
2. *Kecivāda – Nhất Hệ Kiến*: là ý kiến của một vài nhà Chú Giải trình bày rằng: hai Tâm Sở Vô Lượng Phần này chỉ phối hợp trong 20 Tâm mà thôi, đó là 4 Tâm Đại Thiện Hỷ thọ, 4 Tâm Đại Duy Tác Hỷ thọ, và 12 Tâm Sắc Giới (trừ 3 Tâm Ngũ Thiền Sắc Giới).

Sẽ bắt phối hợp với 4 Tâm Đại Thiện Xả thọ và 4 Tâm Đại Duy Tác Xả Thọ, do bởi cho nhân quả là *“Vihinsā – Như Lận”* là việc chủ ý hãm hại người khác, có Chi Pháp là *Tâm Sở Sân*. Thực tính của Bi Mẫn thường là đối nghịch với Tâm Sở Sân. *“Arati – Bất Hỷ”* là sự bất hỷ duyệt, không thỏa thích lòng, Tâm bất khoái lạc với sự tốt đẹp của người khác, có chi pháp là *Ưu Thọ* và có *Tật Đố* làm chủ vị. Thực tính của Tùy Hỷ thường là đối nghịch với Ưu Thọ với chủ vị là *Tật Đố*. Do đó Bi Tùy Hỷ phải nên phối hợp với Tâm Câu Hành Hỷ và không thích hợp trong việc phối hợp với Tâm Câu Hành Xả. Tuy nhiên, *“Samanāvāda - Nhất Trí Kiến”* là các nhà Chú Giải nói rằng ý kiến của *“Keciācariya – Nhất Ban Giáo Sư”* này chỉ đúng được một phần, và sai một phần.

Việc đúng một phần là hành giả đang tiến tu Bi Tùy Hỷ Nghiệp Xứ trong giai đoạn đầu, khi vẫn còn là *“Parikammabhāvanā – Chuẩn Bị Tu Tập”* và *“Parikammanimitta – Chuẩn Bị Tướng”*, vẫn chưa đi đến *“Uggahanimitta – Thô Tướng”* thì Bi Tùy Hỷ sẽ được sinh khởi, đúng thật là với Tâm Hỷ Thọ, do đó Bi Tùy Hỷ phải sinh khởi và phối hợp với Tâm Hỷ Thọ là việc đúng thực.

Tuy nhiên, khi tiếp tục tiến tu Bi Tùy Hỷ Nghiệp Xứ đi tới Thô Tướng được sinh khởi, thường là Tâm của hành giả tiến tu Nghiệp Xứ đã có sự rành rẽ hoàn toàn tốt đẹp trong Bi Tùy Hỷ Nghiệp Xứ này.

Như thế trong sát na tiến hóa Bi Tùy Hỷ Nghiệp Xứ mà Thô Tướng đang sinh với Tâm của hành giả đã có sự rành rẽ như đã được nói đến, thì việc phối hợp với Hỷ Thọ hoặc với Xả Thọ cũng được, không buộc phải là thường luôn với Hỷ Thọ; do vậy, việc nói rằng Bi Tùy Hỷ không sinh với Tâm Xả Thọ là việc không đúng thực.

28/ Hỏi: Có bao nhiêu Tâm Câu Hành Hỷ Hiệp Thế phối hợp với Tâm Sở Tuệ ? Là những chi ? Và hãy giải thích 16 phần Phối Hợp một cách giản lược.

Đáp: Có 18 Tâm Câu Hành Hỷ Hiệp Thế phối hợp với Tâm Sở Tuệ, là: 2 Tâm Đại Thiện, 2 Tâm Đại Quả, 2 Tâm Đại Duy Tác, 3 Tâm Sơ Thiện, 3 Tâm Nhị Thiện, 3 Tâm Tam Thiện, 3 Tâm Tứ Thiện.

Trình bày 16 phần Phối Hợp một cách giản lược, đó là:

(1) 13 Tâm Sở Tợ Tha có 7 phần Phối Hợp, là:

- 7 Tâm Sở Biến Hành, tính thành một phần Phối Hợp.
- 6 Tâm Sở Biệt Cảnh, tính thành sáu phần Phối Hợp.

(2) 14 Tâm Sở Bất Thiện có 5 phần Phối Hợp, là:

- 4 Tâm Sở Si Phần phối hợp với 12 Tâm Sở Bất Thiện, tính thành một phần.
- 3 Tâm Sở Tham Phần phối hợp với 8 Tâm căn Tham, tính thành một phần.
- 4 Tâm Sở Sân Phần phối hợp với 2 Tâm căn Sân, tính thành một phần.
- 2 Tâm Sở Hôn Phần phối hợp với 5 Tâm Bất Thiện Hữu Dẫn, tính thành một phần.

- 1 Tâm Sở Hoài Nghi phối hợp với 1 Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi, tính thành một phần.

(3) 25 Tâm Sở Tịnh Hảo có 4 phần Phối Hợp, là:

- 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành phối hợp với 59 hoặc 91 Tâm Tịnh Hảo, tính thành một phần.
- 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần phối hợp với 16 hoặc 48 Tâm, tính thành một phần.
- 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần phối hợp với 28 Tâm, tính thành một phần.
- 1 Tâm Sở Tuệ Quyền phối hợp với 47 hoặc với 79 Tâm, tính thành một phần.

29/ Hỏi: Hãy dịch nghĩa cả hai bài Kệ sau đây:

(1) *Ekūnavīsati dhammā v.v. Atthāvīsatiyaṃ dvayaṃ.*

(2) *Pannā pakāsītā sattā v.v. Sobhanasveva sobhanā.*

Đáp: Dịch nghĩa hai bài Kệ như sau:

(1) *Ekūnavīsati dhammā Jāyantekūnasatthisu*

Tayo solasa cittesu Atthāvīsatiyaṃ dvayaṃ.

“19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành phối hợp 59 hoặc 91 Tâm Tịnh Hảo tính thành một phần,

3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần phối hợp với 16 Tâm hoặc 48 tính thành một phần,

2 Tâm Sở Vô Lượng Phần phối hợp với 28 Tâm tính thành một phần”.

(2) *Pannā pakāsītā satta - Cattālīsavidhesupi*

Sampayuttā catudhevam Sobhanesevva sobhanā.

“1 Tâm Sở Tuệ Quyền phối hợp với 47 hoặc 79 Tâm tính thành một phần, 25 Tâm Sở Tịnh Hảo thường phối hợp với 59 hoặc 91 Tâm Tịnh Hảo, các Tâm Sở này phối hợp theo bốn cách”.

30/ Hỏi: Hãy giải thích bài kệ sau đây: “*Issāmaccherakukkucca v.v. tathā saha*”.

Đáp: *Issā maccherakukkucca -*

Viratīkarunādayo

Nānā kadāci māno ca

Thīnamiddhaṃ tathā saha.

Câu kệ này trình bày Tâm Sở phối hợp một cách bất định, được gọi là *Aniyatayogīcetasika* – Tâm Sở Bất Định, khi chia tất cả Tâm Sở Bất Định thì ra thành 3 nhóm là:

1. *Nānākadācīcetasika* – Riêng biệt và tùy lúc Tâm Sở: có 8, là Tật Đồ, Lận Sắc, Hối Hận, 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần.

2. *Sahakadācicetasika* – Tùy lúc và cùng nhau Tâm Sở: có 2, là Hôn Trầm, Thùy Miên.
3. *Kadācicetasika* – Tùy lúc Tâm Sở: có 1, là Ngã Mạn.

31/ Hỏi: Lời nói: “*Aniyatayogīcetasika* – Tâm Sở Bất Định” có ý nghĩa chi? Có số lượng bao nhiêu? Là những chi? Và hãy trình bày số lượng Tâm Sở sau đây khi chia theo phần Chủng Loại.

Đáp: Từ ngữ “*Aniyatayogīcetasika* – Tâm Sở Bất Định” có ý nghĩa là Tâm Sở phối hợp một cách bất định với Tâm, có số lượng là 11 Tâm Sở, gồm có: 1 Tâm Sở Ngã Mạn, 1 Tâm Sở Tật Đố, 1 Tâm Sở Lận Sắt, 1 Tâm Sở Hối Hận, 2 Tâm Sở Hôn Phần, 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần.

Khi chia số lượng những Tâm Sở này theo sự phân chia Chủng Loại, thì có:

1. Có 6 Chủng Loại Bất Thiện.
2. Có 5 Chủng Loại Thiện.
3. Có 5 Chủng Loại Dị Thục Quả.
4. Có 2 Chủng Loại Duy Tác.

32/ Hỏi: Hãy phân tích những loại Tâm Sở Bất Định theo “*Riêng biệt và tùy lúc*”, “*Tùy lúc và cùng nhau*” và “*Tùy lúc*”, và hãy dẫn chứng cụ thể (không cần dịch nghĩa).

Đáp:

- Tâm Sở Bất Định theo phần *Riêng biệt và tùy lúc*, có 8, là: Tật Đố, Lận Sắt, Hối Hận, Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần.
- Tâm Sở Bất Định theo phần *Tùy lúc và cùng nhau*, có 2, là: Hôn Phần.
- Tâm Sở Bất Định theo phần *Tùy lúc*, có 1, là: Ngã Mạn.

Dẫn chứng bài kệ trình bày ý nghĩa như sau:

Issā maccherakukkucca - Viratīkarunādayo
Nānā kadāci māno ca Thīnamiddham tathā saha.

33/ Hỏi: Hãy trình bày các Tâm Sở sau đây: Tâm Sở Bất Định một cách xác định, Tâm Sở Bất Định không xác định, Tâm Sở Nhất Định một cách xác định, Tâm Sở Nhất Định không xác định.

Đáp:

- Có 8 Tâm Sở Bất Định một cách xác định, là: Tật Đố, Lận Sắt, Hối Hận, Vô Lượng Phần, Ngã Mạn, Hôn Trầm, Thùy Miên.
- Có 3 Tâm Sở Bất Định không xác định, là: 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần.
- Có 41 Tâm Sở Nhất Định một cách xác định, là trừ ra 11 Tâm Sở Bất Định.

- Có 3 Tâm Sở Nhất Định không xác định, là: 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần.

34/ Hỏi: *Hãy trình bày số lượng Tâm Sở phối hợp với các Tâm sau đây: (1) Tâm căn Tham thứ 1, (2) Tâm căn Tham thứ 4, (3) Tâm căn Tham thứ 5, (4) Tâm căn Tham thứ 8, (5) Tâm căn Si thứ 1.*

Đáp:

1. Có **19 Tâm Sở** phối hợp với Tâm căn Tham thứ 1.
2. Có **21 Tâm Sở** phối hợp với Tâm căn Tham thứ 4.
3. Có **18 Tâm Sở** phối hợp với Tâm căn Tham thứ 5.
4. Có **20 Tâm Sở** phối hợp với Tâm căn Tham thứ 8.
5. Có **15 Tâm Sở** phối hợp với Tâm căn Si thứ 1.

35/ Hỏi: *Hãy dịch câu kệ tiếp theo sau đây: “Chattimsānuttare dhammā v.v. pañcadhā tattha saṅgaho”.*

Đáp:

<i>Chattimsānuttare dhammā</i>	<i>Pañcatimsa mahaggate</i>
<i>Atthatimsāpi labbhanti</i>	<i>Kāmāvacarasobhane</i>
<i>Sattavīsati punnamhi</i>	<i>Dvādasāhetuketi ca</i>
<i>Yathāsambhavayogena</i>	<i>Pañcadhā tattha saṅgaho.</i>

Dịch nghĩa: “Phần Tổng Hợp là việc tính số lượng Tâm Sở phối hợp dựa theo năm trường hợp thích hợp với 89 hoặc 121 Tâm, đó là:

1. Ở Tâm Siêu Thế có 36 Tâm Sở phối hợp được, đó là 13 Tâm Sở Tợ Tha, và 23 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).
2. Ở Tâm Đáo Đại có 35 Tâm Sở phối hợp được, đó là 13 Tâm Sở Tợ Tha, và 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần).
3. Ở Tâm Dục Giới Tịnh Hảo có 38 Tâm Sở phối hợp được, đó là 13 Tâm Sở Tợ Tha, và 25 Tâm Sở Tịnh Hảo.
4. Ở Tâm Bất Thiện có 27 Tâm Sở phối hợp được, đó là 13 Tâm Sở Tợ Tha, và 14 Tâm Sở Bất Thiện.
5. Ở Tâm Vô Nhân có 12 Tâm Sở phối hợp được, đó là 12 Tâm Sở Tợ Tha (loại trừ Tâm Sở Dục).

36/ Hỏi: *Hãy trình bày Tâm Bất Thiện có số lượng Tâm Sở phối hợp như sau: 15, 18, 19, 20, 21, 22.*

Đáp:

- Tâm Bất Thiện có số lượng 15 Tâm Sở phối hợp, là **2 Tâm căn Si**.

- Tâm Bất Thiện có số lượng 18 Tâm Sở phối hợp, là **Tâm căn Tham thứ 5 và thứ 7.**
- Tâm Bất Thiện có số lượng 19 Tâm Sở phối hợp, là **Tâm căn Tham thứ 1 và thứ 3.**
- Tâm Bất Thiện có số lượng 20 Tâm Sở phối hợp, là **Tâm căn Tham thứ 6 và thứ 8, Tâm căn Sân thứ 1.**
- Tâm Bất Thiện có số lượng 21 Tâm Sở phối hợp, là **Tâm căn Tham thứ 2 và thứ 4.**
- Tâm Bất Thiện có số lượng 22 Tâm Sở phối hợp, là **Tâm căn Sân thứ 2.**

37/ Hỏi: *Hãy phân tích Tâm Sở phối hợp với hai Tâm căn Sân theo phần Tâm Sở Bất Định và Tâm Sở Nhất Định.*

Đáp:

- Trong số lượng 20 Tâm Sở phối hợp với Tâm căn Sân thứ 1, thì có 3 Tâm Sở Bất Định, và 17 Tâm Sở Nhất Định.
- Trong số lượng 22 Tâm Sở phối hợp với Tâm căn Sân thứ 2, thì có 5 Tâm Sở Bất Định, và 17 Tâm Sở Nhất Định.

38/ Hỏi: *Tâm Sở Bất Thiện Biến Hành có bao nhiêu ? Là những Tâm Sở nào? Hãy dẫn chứng Pālī trình bày cho cụ thể.*

Đáp: Tâm Sở Bất Thiện Biến Hành có số lượng là 14 Tâm Sở, gồm có: 4 Tâm Sở Si Phần, 10 Tâm Sở Tợ Tha (loại trừ Thắng Giải, Hỷ, Dục).

Như có Pālī dẫn chứng như sau:

*Sādhāranā ca cattāro Samānā ca dasāpare
Cuddasete pavuccanti Sabbākusalayogino.*

*“4 Tâm Sở Bất Thiện Biến Hành, 10 Tâm Sở Tợ Tha,
Kết hợp lại gọi là Tâm Sở Bất Thiện Biến Hành”.*

39/ Hỏi: *Trong 18 Tâm Vô Nhân, Tâm nào có Tâm Sở phối hợp tối đa, và Tâm nào có Tâm Sở phối hợp tối thiểu ?*

Đáp: Trong 18 Tâm Vô Nhân, **Tâm Tiểu Sinh** có số lượng Tâm Sở phối hợp tối đa, và **Ngũ Song Thức** có số lượng Tâm Sở phối hợp tối thiểu.

40/ Hỏi: *Hãy trình bày Tâm Vô Nhân bất phối hợp với các Tâm Sở sau đây: Xúc, Căn, Tâm, Dục.*

Đáp:

- **Không có Tâm Vô Nhân nào bất phối hợp với Tâm Sở Xúc.**

- Tâm Vô Nhân bất phối hợp với Tâm Sở Tâm là Ngũ Song Thức.
- Tâm Vô Nhân bất phối hợp với Tâm Sở Cần là 15 Tâm Quả Vô Nhân, 1 Tâm Khai Ngũ Môn.

41/ Hỏi: Hãy trình bày số lượng Tâm Sở phối hợp với các Tâm sau đây: 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Quả, 8 Tâm Đại Duy Tác, 3 Tâm Nhị Thiên Sắc Giới, 3 Tâm Tứ Thiên Sắc Giới.

Đáp:

- Có 38 Tâm Sở phối hợp với 8 Tâm Đại Thiện.
- Có 33 Tâm Sở phối hợp với 8 Tâm Đại Quả.
- Có 35 Tâm Sở phối hợp với 8 Tâm Đại Duy Tác.
- Có 34 Tâm Sở phối hợp với 3 Tâm Nhị Thiên Sắc Giới.
- Có 32 Tâm Sở phối hợp với 3 Tâm Tứ Thiên Sắc Giới.

42/ Hỏi: Hãy phân tích Tâm Sở phối hợp theo phần Nhất Định và Bất Định với các Tâm sau đây: Tâm căn Tham thứ 3, Tâm căn Tham thứ 8, Tâm Đại Thiện thứ 1, Tâm Đại Duy Tác thứ 8, 3 Tâm Sơ Thiên Hiệp Thế, 8 Tâm Ngũ Thiên Siêu Thế.

Đáp:

- Trong số lượng 19 Tâm Sở phối hợp với Tâm căn Tham thứ 1 thì có 18 Tâm Sở Nhất Định, và 1 Tâm Sở Bất Định.
- Trong số lượng 20 Tâm Sở phối hợp với Tâm căn Tham thứ 8 thì có 17 Tâm Sở Nhất Định, và 3 Tâm Sở Bất Định.
- Trong số lượng 38 Tâm Sở phối hợp với Tâm Đại Thiện thứ 1 thì có 33 Tâm Sở Nhất Định, và 5 Tâm Sở Bất Định.
- Trong số lượng 33 Tâm Sở phối hợp với Tâm Đại Duy Tác thứ 8 thì có 31 Tâm Sở Nhất Định, và 2 Tâm Sở Bất Định.
- Trong số lượng 35 Tâm Sở phối hợp với 3 Tâm Sơ Thiên Hiệp Thế thì có 33 Tâm Sở Nhất Định, và 2 Tâm Sở Bất Định.
- Trong số lượng 33 Tâm Sở phối hợp với 8 Tâm Ngũ Thiên Siêu Thế thì tất cả đều Nhất Định.

43/ Hỏi: Hãy trình bày Tâm Tịnh Hảo có số lượng Tâm Sở phối hợp bằng nhau như tiếp sau đây: 36, 35, 34, 33, 32, 31, 30.

Đáp:

1. Có 10 Tâm Tịnh Hảo phối hợp với 36 Tâm Sở, đó là: Tâm Đại Thiện thứ 7 và thứ 8, và 8 Tâm Sơ Thiên Siêu Thế.

2. Có **13 Tâm Tịnh Hảo** phối hợp với 35 Tâm Sở, đó là: Tâm Đại Duy Tác thứ 1 và thứ 2, 3 Tâm Sơ Thiền Sắc Giới, và 8 Tâm Nhị Thiền Siêu Thế.
3. Có **15 Tâm Tịnh Hảo** phối hợp với 34 Tâm Sở, đó là: Tâm Đại Duy Tác thứ 3, thứ 4, thứ 5, thứ 6, 3 Tâm Nhị Thiền Sắc Giới, và 8 Tâm Tam Thiền Siêu Thế.
4. Có **23 Tâm Tịnh Hảo** phối hợp với 33 Tâm Sở, đó là: Tâm Đại Quả thứ 1 và thứ 2, Tâm Đại Duy Tác thứ 7 và thứ 8, 3 Tâm Tam Thiền Sắc Giới, 8 Tâm Tứ Thiền Siêu Thế, và 8 Tâm Ngũ Thiền Siêu Thế.
5. Có **7 Tâm Tịnh Hảo** phối hợp với 32 Tâm Sở, đó là: Tâm Đại Quả thứ 3, thứ 4, thứ 5 và thứ 6, 3 Tâm Tứ Thiền Sắc Giới.
6. Có **2 Tâm Tịnh Hảo** phối hợp với 31 Tâm Sở, đó là Tâm Đại Quả thứ 7 và thứ 8.

44/ Hỏi: Hãy trình bày số lượng phần Tổng Hợp một cách giản lược của các Tâm sau đây: 12 Tâm Bất Thiện, 18 Tâm Vô Nhân, 8 Tâm Đại Thiện, 12 Tâm Vô Sắc Giới, 40 Tâm Siêu Thế.

Đáp: Trình bày số lượng Phần Tổng Hợp một cách giản lược của các Tâm như sau:

1. 12 Tâm Bất Thiện có 7 phần Tổng Hợp.
2. 18 Tâm Vô Nhân có 4 phần Tổng Hợp.
3. 8 Tâm Đại Thiện có 4 phần Tổng Hợp.
4. 12 Tâm Vô Sắc Giới có 1 phần Tổng Hợp.
5. 40 Tâm Siêu Thế có 5 phần Tổng Hợp.

45/ Hỏi: Hãy trình bày nghĩa của phần Phối Hợp (*Sampayoga*) và phần Tổng Hợp (*Saṅgaha*).

Đáp: Trình bày nghĩa của phần Phối Hợp (*Sampayoga*) và phần Tổng Hợp (*Saṅgaha*) như sau:

- Phần **Phối Hợp** là đề cập đến Tâm Sở làm chủ vị, rồi trình bày số lượng Tâm phối hợp với những Tâm Sở đó có được bao nhiêu, là những Tâm nào.
- Phần **Tổng Hợp** là đề cập đến Tâm làm chủ vị, rồi trình bày số lượng Tâm Sở kết hợp với những Tâm đó có được bao nhiêu, là những Tâm Sở nào.

Hoặc nói một cách khác, phần Phối Hợp là tính số lượng Tâm kết hợp với Tâm Sở. Phần Tổng Hợp là tính số lượng Tâm Sở phối hợp với Tâm.

46/ Hỏi: Hãy trình bày số lượng Tâm Sở khác cùng sinh khởi với Tâm Sở sau đây: Thọ, Tầm, Thắng Giải, Hỷ, Dục, Si, Tà Kiến, Tật Đố, Hôn Trầm, Hoài Nghi, Tín, Bi.

Đáp: -

- Có 51 Tâm Sở cùng sinh khởi với Tâm Sở Thọ.
- Có 51 Tâm Sở cùng sinh khởi với Tâm Sở Tầm.
- Có 50 Tâm Sở cùng sinh khởi với Tâm Sở Thắng Giải.
- Có 46 Tâm Sở cùng sinh khởi với Tâm Sở Hỷ.
- Có 50 Tâm Sở cùng sinh khởi với Tâm Sở Dục.
- Có 26 Tâm Sở cùng sinh khởi với Tâm Sở Si.
- Có 20 Tâm Sở cùng sinh khởi với Tâm Sở Tà Kiến.
- Có 19 Tâm Sở cùng sinh khởi với Tâm Sở Tật Đồ.
- Có 25 Tâm Sở cùng sinh khởi với Tâm Sở Hôn Trầm.
- Có 14 Tâm Sở cùng sinh khởi với Tâm Sở Hoài Nghi.
- Có 37 Tâm Sở cùng sinh khởi với Tâm Sở Tín.
- Có 33 Tâm Sở cùng sinh khởi với Tâm Sở Bi.

47/ Hỏi: Người nữ áo vàng đắc Quả Thất Lai (Dự Lưu), một ngày nọ đi qua rạp hát nhìn thấy các hình ảnh quảng cáo, khởi Tâm muốn xem, tức thời đi vào xem, và có nhiều sự vui thích. Muốn hiểu biết là ngay sát na xem những hình ảnh đó với Tâm Sở nào làm chủ vị, và có bao nhiêu Tâm Sở khác cùng sinh chung, và là những Tâm Sở nào?

Đáp: Ngay sát na đó, Tâm Sở Tham làm chủ vị, và có 18 hoặc 17 Tâm Sở khác cùng sinh chung với nhau, là:

- Có 18 Tâm Sở, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 4 Tâm Sở Si Phần, 1 Tâm Sở Ngã Mạn.
- Có 17 Tâm Sở, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 4 Tâm Sở Si Phần.

48/ Hỏi: Ngay phút giây đầu tiên, Cha Mẹ biết được tin thi rớt của người con thì cũng không phạt tội con, vì nghĩ là việc tự nhiên, nhưng sau đó có người thầy dạy học giải thích rằng cậu bé trai này không chú tâm học, thường luôn vắng lớp học, thì phát sanh sự tức giận. Muốn biết rằng ngay sát na đó, có Tâm Sở nào làm chủ vị và có bao nhiêu Tâm Sở khác cùng sanh, và là những Tâm Sở nào?

Đáp: Ngay sát na đó, có Tâm Sở Sân làm chủ vị, và có 16 Tâm Sở khác cùng sanh chung với nhau, là: 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), 4 Tâm Sở Si Phần.

49/ Hỏi: Khi các học giả đọc những câu hỏi Vô Tỷ Pháp này, có khả năng biết câu trả lời tức khắc. Muốn biết rằng ngay sát na đó, có Tâm Sở nào làm chủ vị và có bao nhiêu Tâm Sở khác cùng sinh, và là những Tâm Sở nào ?

Đáp: Ngay sát na đó, có Tâm Sở Tuệ Quyền làm chủ vị, và có **34 Tâm Sở khác** cùng sinh chung với nhau, đó là: 13 Tâm Sở Tợ Tha, 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần.

50/ **Hỏi:** *Hãy trình bày theo giải rộng số lượng Tâm Sở như sau: Xúc, Tứ, Hỷ, Điều Cử, Ngã Mạn, Hôn Trầm, Sân, Hoài Nghi, Vô Sân, Chánh Ngữ, Tùy Hỷ, và Trí Tuệ.*

Đáp:

- Theo giải rộng, Tâm Sở Xúc (**Phassa**) có 121 Tâm Sở.
- Theo giải rộng, Tâm Sở Tứ (**Vicāra**) có 66 Tâm Sở.
- Theo giải rộng, Tâm Sở Hỷ (**Pīti**) có 51 Tâm Sở.
- Theo giải rộng, Tâm Sở Điều Cử (**Uddhacca**) có 12 Tâm Sở.
- Theo giải rộng, Tâm Sở Ngã Mạn (**Māna**) có 4 Tâm Sở.
- Theo giải rộng, Tâm Sở Hôn Trầm (**Middha**) có 5 Tâm Sở.
- Theo giải rộng, Tâm Sở Sân (**Dosa**) có 2 Tâm Sở.
- Theo giải rộng, Tâm Sở Hoài Nghi (**Vicikicchā**) có 1 Tâm Sở.
- Theo giải rộng, Tâm Sở Vô Sân (**Adosa**) có 91 Tâm Sở.
- Theo giải rộng, Tâm Sở Chánh Ngữ (**Sammāvācā**) có 48 Tâm Sở.
- Theo giải rộng, Tâm Sở Tùy Hỷ (**Muditā**) có 28 Tâm Sở.
- Theo giải rộng, Tâm Sở Tuệ (**Paññā**) có 79 Tâm Sở.

51/ **Hỏi:** *Hãy trình bày tuần tự trạng thái của 52 Tâm Sở Siêu Lý.*

Đáp: Xin xem lại phần định nghĩa của các Tâm Sở.

C. VẤN VÀ ĐÁP TRONG PHẦN SẮC SIÊU LÝ (Rūpaparamattha) Câu hỏi gợi ý ở trong phần Sắc Siêu Lý

1/. **Hỏi:** *Sắc Pháp có số lượng bao nhiêu ? Là những chi ? Cho trình bày tên gọi của những thể loại Sắc Pháp ấy theo tuần tự riêng từng mỗi Sắc Pháp.*

Đáp: Sắc Pháp (**Rūpa**) có 28, là:

1. Tứ Sắc Đại Hiện, là: Địa, Thủy, Hỏa, Phong.
2. Ngũ Sắc Thanh Triệt, là: Nhãn Thanh Triệt, Nhĩ Thanh Triệt, Tỷ Thanh Triệt, Thiệt Thanh Triệt, Thân Thanh Triệt.
3. Thất Sắc Thông Hành, là: Sắc Cảnh, Thinh Cảnh, Khí Cảnh, Vị Cảnh, Địa Xúc Cảnh, Hỏa Xúc Cảnh, Phong Xúc Cảnh.
4. Nhị Sắc Bản Tính, là: Nữ Giới Tính, Nam Giới Tính.
5. Nhất Sắc Tâm Cơ, là: Ý Vật.
6. Nhất Sắc Mạng Quyền, là: Mạng Quyền.

7. Nhất Sắc Vật Thực, là: Đoàn Thực.
8. Nhất Sắc Hạn Giới, là: Không Giới Tổ Chất (còn gọi là Sắc Giao Giới).
9. Nhị Sắc Biểu Tri, là: Thân Biểu Tri, Ngũ Biểu Tri.
10. Ngũ Sắc Biến Thể, là: Khinh Khoái, Nhu Nhuyễn, Thích Sự, Thân Biểu Tri, Ngũ Biểu Tri.
11. Tứ Sắc Thực Tướng, là: Tích Trữ, Thừa Kế, Lão Mại, Vô Thường.

2/. Hỏi: 28 Sắc Pháp ấy, khi sắp theo Đại Phân Loại thì có bao nhiêu ? Là những chi ? Khi sắp theo Tiểu Phân Loại thì có bao nhiêu ? Là những chi ?

Đáp: 28 Sắc Pháp ấy, khi liệt kê theo Phần Phân Loại thì có được 2 Đại Phân Loại, và 11 Tiểu Phân Loại.

+ 2 Đại Phân Loại, là: 18 Sắc Thành Sở Tác và 10 Sắc Phi Thành Sở Tác.

+ 11 Tiểu Phân Loại, là:

- 4 Sắc Đại Hiện, 5 Sắc Thanh Triệt, 7 hoặc 4 Sắc Thông Hành, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Mạng Quyền, và 1 Sắc Vật Thực. Gồm 18 Sắc Pháp này gọi tên là Sắc Thành Sở Tác.
- 1 Sắc Hạn Giới, 2 Sắc Biểu Tri, 5 hoặc 3 Sắc Biến Thể, và 4 Sắc Thực Tướng. Gồm 10 Sắc này gọi tên là Sắc Phi Thành Sở Tác.

3/. Hỏi: Cho trình bày 28 Sắc Pháp theo Phần Chân Sắc Siêu Lý và Ngụy Sắc Siêu Lý. Và cho trình bày nội dung của tên gọi các Sắc Pháp như tiếp theo đây: Sắc Thực Tính, Sắc Phi Thực Tính, Sắc Thực Tướng, Sắc Phi Thực Tướng, Sắc Thành Sở Tác, Sắc Phi Thành Sở Tác, Sắc Sắc, Sắc Phi Sắc, Sắc Tư Duy, Sắc Phi Tư Duy.

Đáp: Trong số lượng 28 Sắc Pháp, tính kể từ Sắc Đại Hiện cho đến Sắc Vật Thực, và khi gom 18 Sắc này lại thì một cách xác thực chính là *Chân Sắc Siêu Lý*. Còn 10 Sắc Pháp còn lại, tính kể từ Sắc Hạn Giới cho đến Tứ Sắc Thực Tướng, thì một cách xác thực đây chẳng phải là *Chân Sắc Siêu Lý*, mà là loại Sắc Đặc Biệt được sinh khởi ở trong 18 Chân Sắc Siêu Lý ấy, gọi là *Ngụy Sắc Chân Lý*.

1. *Sắc Thực Tính (Sabhāvarūpa)*: là từng mỗi Sắc có thực tính của mình.
2. *Sắc Thực Tướng (Salakkhaṇarūpa)*: là từng mỗi Sắc có thực tướng là Vô Thường, Khổ Đau và Vô Ngã.
3. *Sắc Thành Sở Tác (Nippaṇnarūpa)*: là Sắc sinh khởi từ ở nơi Nghiệp, Tâm, Quý Tiệt và Vật Thực.
4. *Sắc Sắc (Rūparūpa)*: là Sắc có việc biến đổi hoại diệt.
5. *Sắc Tư Duy (Sammāsanarūpa)*: là Sắc để cho bậc Hành Giả thẩm sát bởi theo sự hình thành đặc tính Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã.

Còn đối với 10 Sắc mà chẳng phải là Chân Sắc Siêu Lý ấy, thì có tên gọi đối nghịch lại như vậy:

- a. *Sắc Phi Thực Tính (Asabhāvarūpa)*: là từng mỗi Sắc chẳng có thực tính của mình.
- b. *Sắc Phi Thực Tướng (Asalakkaṇarūpa)*: là từng mỗi Sắc chẳng có thực tướng về Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã.
- c. *Sắc Phi Thành Sở Tác (Anipphannarūpa)*: là Sắc chẳng phải sinh khởi từ ở nơi Nghiệp, Tâm, Quý Tiết và Vật Thực.
- d. *Sắc Phi Sắc (Arūparūpa)*: là Sắc chẳng có việc biến đổi hoại diệt.
- e. *Sắc Phi Tư Duy (Asammasanarūpa)*: là Sắc làm cho bậc Hành Giả không thể thâm sát bởi theo sự hình thành đặc tính Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã được.

4/. *Hỏi*: Cho giải thích nội dung của những từ ngữ Sắc Đại Hiện và Sắc Y Sinh. Và cho trình bày Chi Pháp của các Sắc Pháp như tiếp theo đây: Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Nhãn Thanh Triệt, Cảnh Sắc, Cảnh Xúc, Nữ Giới Tính, Mạng Quyền, Thân Biểu Tri, Khinh Khoái, Tích Trữ, Vô Thường.

Đáp: 1. **Sắc Đại Hiện** lập ý đến Sắc làm thành to lớn và hiện bày rõ ràng, như có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Upādinnaṇupādinnaśāntānesu salakkhaṇato sasambhārato ca mahantāni hutvā bhavanti pātubhavanāni = Mahābhūtāni*”- “Những thể loại Sắc nào làm thành to lớn và hiện bày rõ ràng bởi theo thực tính của mình, và bởi theo hình trạng của mình, ở trong bản tính của vật hữu sinh mạng và phi sinh mạng; vì thế, những thể loại Sắc ấy gọi tên là Sắc Đại Hiện.”

2. **Sắc Y Sinh** lập ý đến Sắc nương nhờ vào Sắc Đại Hiện mà sinh khởi, như có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Mahābhūtānaṃ upādāya pavattaṃ rūpaṇi = Upādāyarūpaṃ*”- “Sắc được sinh khởi bởi do nương vào Sắc Đại Hiện, vì thế Sắc ấy mới gọi tên là Sắc Y Sinh.”

- Sắc Đại Hiện có 4, là: 1/. Địa, 2/. Thủy, 3/. Hỏa, 4/. Phong.
- Sắc Y Sinh có 24, là: 1/. Nhãn, 2/. Nhĩ, 3/. Tỷ, 4/. Thiệt, 5/. Thân, 6/. Sắc, 7/. Thính, 8/. Khí, 9/. Vị, 10/. Nữ Giới Tính, 11/. Nam Giới Tính, 12/. Ý Vật, 13/. Mạng Quyền, 14/. Vật Thực, 15/. Hạng Giới, 16/. Thân Biểu Tri, 17/. Ngũ Biểu Tri, 18/. Khinh Khoái, 19/. Nhu Nhuyễn, 20/. Thích Sự, 21/. Tích Trữ, 22/. Thừa Kế, 23/. Lão Mại, 24/. Vô Thường.

Kết hợp 4 Sắc Đại Hiện và 24 Sắc Y Sinh thành 28 Sắc Pháp.

Trình bày tuần tự Chi Pháp của các Sắc Pháp như tiếp theo đây:

1. **Địa (Pathavī)**: tức là Sắc cứng và mềm.

2. *Thủy (Āpo)*: tức là Sắc chảy lan ra hoặc quên tụ lại.
 3. *Hỏa (Tejo)*: tức là Sắc lạnh và nóng.
 4. *Phong (Vāyo)*: tức là Sắc căng phồng và chuyển động.
 5. *Nhãn Thanh Triệt (Cakkhupasāda)*: tức là sự trong suốt có khả năng tiếp thu được Cảnh Sắc.
 6. *Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)*: tức là các sắc màu.
 7. *Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbārammaṇa)*: tức là lạnh, nóng, mềm, cứng, căng, lỏng.
 8. *Nữ Giới Tính (Itthībhāva)*: tức là Sắc làm tác nhân của sự hình thành nữ giới.
 9. *Mạng Quyền (Jīvita)*: tức là Sắc gìn giữ bảo hộ tất cả các Sắc Nghiệp.
 10. *Vật Thực (Āhāra)*: tức là Sắc dắt dẫn cho Sắc Vật Thực sinh khởi.
 11. *Thân Biểu Tri (Kāyaviññatti)*: tức là các hoạt động của xác thân.
 12. *Khinh Khoái (Lahutā)*: tức là sự nhẹ nhàng của Sắc Thành Sở Tác.
 13. *Tích Trữ (Upacaya)*: tức là sự sinh khởi lần đầu tiên và sinh khởi những lần sau sau đó cho đến tròn đủ Sắc cần phải sinh khởi của Sắc Thành Sở Tác.
 14. *Vô Thường (Aniccatā)*: tức là sự diệt mất của Sắc Thành Sở Tác.
- + **Ghi chú:** Đối với *Cảnh Xúc*, chính là *Địa, Hỏa, Phong* ở phần Sắc Đại Hiện ấy vậy, vì thế, nếu tính Sắc Pháp lần lượt theo thứ tự thì chỉ có số lượng là 28.

5/. Hỏi: Cho trình bày sinh trú của 28 Sắc Pháp ở trong thân thể của Chúng Hữu Tình.

Đáp: Ở trong thân thể của tất cả Chúng Hữu Tình thì thường có thể thẩm sát tìm thấy từng mỗi sinh trú của 28 Sắc Pháp, như tiếp theo đây:

1. Tứ Sắc Đại Hiện sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.
 2. Nhãn Thanh Triệt sinh trú ở trong con mắt.
 3. Nhĩ Thanh Triệt sinh trú ở trong lỗ tai.
 4. Tỷ Thanh Triệt sinh trú ở trong lỗ mũi.
 5. Thiệt Thanh Triệt sinh trú ở cái lưỡi.
 6. Thân Thanh Triệt sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.
 7. Cảnh Sắc
 8. Cảnh Thính
 9. Cảnh Khí
 10. Cảnh Vị
 11. Cảnh Xúc
 12. Nữ Giới Tính sinh trú ở trong khắp cả cơ thể của nữ giới.
 13. Nam Giới Tính sinh trú ở trong khắp cả cơ thể của nam giới.
 14. Tâm Cơ sinh trú ở trong Sắc Trái Tim.
 15. Mạng Quyền
 16. Đoàn Thực
- } sinh trú ở trong khắp cả cơ thể
- } sinh trú ở trong khắp cả cơ thể

17. Sắc Không Giới
18. Thân Biểu Tri sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.
19. Ngũ Biểu Tri sinh trú ở nơi miệng.
20. Tam Sắc Biến Thể sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.
21. Tứ Sắc Thực Tướng sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.

6/. Hỏi: Khi gọi tên theo Thực Tính của 28 Sắc Pháp ấy, thì có được bao nhiêu tên gọi? Là những chi? Và luôn cả cho trình bày nội dung của từng mỗi tên gọi ấy.

Đáp: Tất cả 28 Sắc Pháp này có được 8 tên gọi với nhau thể theo Thực Tính, đó là:

1. Gọi tên là Vô Nhân (*Ahetuka*), và không có Sắc Pháp nào có tên gọi là Hữu Nhân (*Sahetuka*), vì chẳng có phối hợp với Nhân Tương Ứng.
2. Gọi tên là Hữu Duyên (*Sappaccaya*), và không có Sắc Pháp nào có tên gọi là Vô Duyên (*Appaccaya*), vì có 4 Trợ Duyên.
3. Gọi tên là Hữu Lậu (*Sāsava*), và không có Sắc Pháp nào có tên gọi là Vô Lậu (*Anāsava*), vì làm thành Cảnh của Lậu Hoặc.
4. Gọi tên là Hữu Vi (*Saṅkhata*), và không có Sắc Pháp nào có tên gọi là Vô Vi (*Asaṅkhata*), vì bị tạo tác sắp bày do bởi 4 Trợ Duyên.
5. Gọi tên là Hiệp Thế (*Lokiya*), và không có Sắc Pháp nào có tên gọi là Siêu Thế (*Lokuttara*), vì làm thành Pháp liệt kê vào ở trong Pháp Hành Thế Tục (*Saṅkhāraloka*).
6. Gọi tên là Dục Giới (*Kāmāvacara*), và không có Sắc Pháp nào có tên gọi là Hữu Sắc Giới (*Rūpāvacara*) và Vô Sắc Giới (*Arūpāvacara*), vì làm thành Cảnh của Ái Dục (*Kāmatanāhā*).
7. Gọi tên là Bất Tri Cảnh (*Anārammaṇa*), và không có Sắc Pháp nào có tên gọi là Hữu Tri Cảnh (*Sārammaṇa*), vì không có khả năng tri giác được đối tượng.
8. Gọi tên là Phi Phóng Khí (*Appahāttabba*), và không có Sắc pháp nào có tên gọi là Khả Phóng Khí (*Pahāttabba*), vì chẳng phải làm thành Pháp cần phải phóng khí xả bỏ.

7/. Hỏi: Cho trình bày số lượng của Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực có khả năng làm cho Sắc Pháp có được khởi sinh lên, và Nghiệp Lực với Tâm Thức không có khả năng làm cho Sắc Pháp có được khởi sinh lên, tức là thể loại Nghiệp Lực nào và thể loại Tâm Thức nào? Cho lời giải thích theo riêng từng mỗi thể loại.

Đáp: 1/. Nghiệp Lực làm cho Sắc Pháp có được khởi sinh lên, tức là 25 Nghiệp Lực, là Tư Tác Ý hiện hữu ở trong 12 Tâm Bất Thiện, 8 Tâm Đại Thiện, 5 Tâm Thiện Hữu Sắc Giới; kết hợp lại thành 25.

2/. Tâm Thức làm cho Sắc Pháp có được khởi sinh lên, tức là 75 Tâm Thức (loại trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 4 Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới, Tâm Tái Tục của tất cả Chúng Hữu Tình, và Tâm Tử của Bạc Vô Sinh), 52 Tâm Sở ở ngay trong kiếp sống hiện tại, tính kể từ sát na Sinh của Tâm Hữu Phần thứ nhất nối tiếp từ nơi Tâm Tái Tục.

3/. Quý Tiết làm cho Sắc Pháp có được khởi sinh lên, tức là *Hàn Lãnh Hỏa (Sītatejo)* sự lạnh và *Viêm Nhiệt Hỏa (Uṇhatejo)* sự nóng hiện hữu ở nội phần và ngoại phần của Chúng Hữu Tình, đã làm cho Sắc Quý Tiết có được khởi sinh lên.

4/. Vật Thục làm cho Sắc Pháp có được khởi sinh lên, tức là Bồ Phẩm hiện hữu ở trong các vật thục.

+ Hết cả thấy Nghiệp Lực thì có số lượng là 33; tức là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, và 21 Thiện Nghiệp Lực, kết hợp lại thành 33 là như vậy. Tuy nhiên ở trong phần Nghiệp Xuất Sinh Xứ thì chỉ lấy có 25 Nghiệp Lực; và đã loại trừ đi 8 Nghiệp Lực, ấy là 4 Thiện Nghiệp Lực Vô Sắc Giới, và 4 Thiện Nghiệp Lực Siêu Thế. Trong việc loại trừ cả 8 Thiện Nghiệp Lực này đi, là cũng vì những thể loại Thiện Nghiệp Lực này đã không làm cho Sắc Pháp khởi sinh lên được. Có nghĩa là 4 Thiện Nghiệp Lực Vô Sắc Giới là Nghiệp Lực sinh khởi bởi do nương vào việc tiến hóa thể loại *Nghiệp Xứ Tu Tập Ly Ái Sắc (Rūpavirāgabhāvanā)* là việc đoạn lưu sự duyệt ý ở trong Sắc Pháp; bởi do thế, đích thị chính với mãnh lực từ ở nơi Tu Tập Ly Ái Sắc này, mới không làm cho Sắc Nghiệp khởi sinh lên được.

Còn ở trong cả 4 Thiện Nghiệp Lực Siêu Thế đây, là Nghiệp Lực khởi sinh bởi do nương vào việc tiến hóa thể loại Nghiệp Xứ thẩm sát Tam Thực Tướng (Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã) ở trong Ngũ Uẩn Danh Sắc, là thể loại Nghiệp Lực tiêu diệt *Sinh Chung (Bhavajāti)* và Sắc Nghiệp lại chính là hiện thân của *Sinh Chung Tử*; bởi do thế cả 4 Thiện Nghiệp Lực Siêu Thế này mới không làm cho Sắc Nghiệp khởi sinh lên được.

+ Hết cả thấy Tâm Thức thì có số lượng là 89; tuy nhiên ở trong phần Tâm Xuất Sinh Xứ thì chỉ lấy có 75 cái Tâm, và đã loại trừ đi 14 cái, ấy là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 4 Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới, Tâm Tái Tục của tất cả Chúng Hữu Tình, và Tâm Tử của Bạc Vô Sinh.

Trong việc loại trừ cả 14 cái Tâm này đi, là cũng vì 10 Tâm Ngũ Song Thức ấy thì có năng lực yếu kém, và không có khả năng để làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên được. Bốn Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới ấy, là quả báo nương sinh từ Thiện Nghiệp Lực Vô Sắc Giới, và cũng là hiện thân của Sinh Chung Tử Ly Ái Sắc Tu Tập; bởi do thế mới không có khả năng để làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên được.

Còn Tâm Tái Tục của tất cả Chúng Hữu Tình và Tâm Tử của Bạc Vô Sinh ấy, thì đặc biệt sẽ không nêu lên số lượng Tâm Thức để mà loại trừ; và lập ý chỉ lấy sát na làm chức năng Tái Tục và Tử mà thôi. Có nghĩa là có cả thấy 19 cái Tâm làm chức năng Tái Tục, đó là những 2 Tâm Thẩm Tấn Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả, 5 Tâm Quả Dị Thục Hữu Sắc Giới, 4 Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới. Đối với 4 Tâm Quả

Dị Thục Vô Sắc Giới như đã được giải thích ở phần trên rồi; còn 15 cái Tâm Tái Tục còn lại ấy, thì ngay trong sát na sinh khởi lần đầu tiên ở trong kiếp sống mới với năng lực vẫn còn yếu kém, do vậy mới không có khả năng để làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên được. Và có 13 cái Tâm Tử của Bậc Vô Sinh, đó là những 4 Tâm Đại Quả Tương Ưng Trí, 5 Tâm Quả Dị Thục Hữu Sắc Giới, và 4 Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới. Đối với 4 Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới ấy thì có cùng một nội dung chính với phần đã được giải thích ở phía trên; còn 9 cái Tâm Tử còn lại, là Tâm Tử của Bậc Vô Sinh đã hoàn toàn diệt Phiền Não; bởi do thế mới không làm cho Sắc Tâm khởi sinh. Tuy nhiên 9 cái Tâm này nếu làm nhiệm vụ Tử của người khác ngoại trừ Bậc Vô Sinh ấy, thì lại có khả năng làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên được.

8/. *Hỏi: Cũng có Sắc Pháp sinh từ nơi Tâm Sở đã diệt, và lại cũng có Sắc Pháp sinh từ nơi Tâm Sở đã vừa sinh khởi mới lên; cả 2 nhóm Sắc Pháp này là thể loại Sắc Pháp nào vậy? Và tại làm sao Đức Phật Ngài lại không gọi là Sắc Tâm Sở? Cho lời giải thích.*

Đáp: Cũng có Sắc Pháp sinh từ nơi Tâm Sở đã diệt, và lại cũng có Sắc Pháp sinh từ nơi Tâm Sở đã vừa sinh khởi mới lên; cả 2 nhóm Sắc Pháp này, thì Sắc Pháp sinh từ nơi Tâm Sở đã diệt, đó là **Sắc Nghiệp**, bởi vì sinh từ nơi Tâm Sở Tư hình thành Nghiệp Lực hiện hữu ở trong 12 Tâm Bất Thiện, 8 Tâm Đại Thiện, 5 Tâm Thiện Hữu Sắc Giới. Còn Sắc Pháp sinh từ nơi Tâm Sở đã vừa sinh khởi mới lên, đó là **Sắc Tâm**, bởi vì lẽ thường Tâm thường luôn phối hợp với Tâm Sở; chính vì thế, một khi Tâm Thức đã làm cho Sắc Pháp khởi sinh lên, thì Tâm Sở cũng cùng làm chức năng này. Tự một mình cái Tâm thì không thể nào làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên được.

Trong sự việc cả 2 nhóm Sắc Pháp này đã không được gọi là *Sắc Tâm Sở* đây, đối với Sắc Nghiệp thì cho dù thực sự sinh từ nơi Tư Tác Ý Bất Thiện và Tư Tác Ý Thiện đi nữa, tuy nhiên những thể loại Tư Tác Ý này Đức Phật Ngài đã lập ý gọi là *Nghiệp Lực*. Như lập ý khái thuyết rằng “*Cetanāhaṃ bhikkhave vedāmi*”- “*Nấy tất cả Chư Tỳ Khưu, Như Lai tuyên bố rằng chính thực Tư Tác Ý hình thành ra Nghiệp Lực*”. Với lý do này, Sắc Pháp sinh từ nơi 12 Tư Tác Ý Bất Thiện, 13 Tư Tác Ý Thiện Hiện Thế, mới không được gọi là *Sắc Tâm Sở*, mà chỉ gọi theo lời của Đức Ngài Chánh Đẳng Giác đã khái thuyết là *Sắc Nghiệp*.

Còn *Sắc Tâm* sinh từ nơi Tâm Sở ở trong hiện tại, mà không được gọi là *Sắc Tâm Sở* đây, là cũng vì gọi theo Pháp làm chủ vị trường trội; tức là sát na Tâm Sở đang tiếp thu lấy Cảnh, thì chính là Tâm làm chủ vị, và chẳng phải là Tâm Sở làm chủ vị; với lý do này mới không gọi là *Sắc Tâm Sở* được, và mới được gọi là *Sắc Tâm*.

9/. Hỏi: Bồ Phẩm đã làm cho Sắc Vật Thực được khởi sinh đấy, có bao nhiêu thể loại? Là những chi? Và thể loại Bồ Phẩm nào đã trực tiếp làm cho Sắc Vật Thực khởi sinh, và thể loại nào chỉ là giúp đỡ bảo hộ?

Đáp: Chất Bồ Phẩm hiện hữu cả bên trong lẫn bên ngoài của Chúng Hữu Tình, được gọi là *Nội Phần Bồ Phẩm (Ajjhatta Ojā)* và *Ngoại Phần Bồ Phẩm (Bahiddha Ojā)*. Đối với Bồ Phẩm đã có trình bày ở trong đoạn trên, đó là Nội Phần Bồ Phẩm. Còn Ngoại Phần Bồ Phẩm đấy, đích thị chính là *Nghiệp Bồ Phẩm (Kammaja Ojā)* và *Quý Tiết Bồ Phẩm (Utu Ojā)* sinh trú ở bên trong thân thể của tất cả Chúng Hữu Tình. Trong cả hai thể loại Bồ Phẩm này, thì *Nội Phần Bồ Phẩm* làm chức năng giúp đỡ bảo hộ cho Sắc Vật Thực khởi sinh, được gọi là *Mãnh Lực Bảo Hộ (Upathamhakasatti)*. Còn *Ngoại Phần Bồ Phẩm* thì làm chức năng trực tiếp cho Sắc Vật Thực khởi sinh, được gọi là *Mãnh Lực Xuất Sinh (Janakasatti)*. Trong cả hai Ngoại Phần Bồ Phẩm, là Nghiệp Bồ Phẩm và Quý Tiết Bồ Phẩm, thì Nghiệp Bồ Phẩm rất quan trọng trong công việc giúp đỡ bảo hộ cho Sắc Vật Thực khởi sinh nhiều hơn Quý Tiết Bồ Phẩm.

10/. Hỏi: Cho phân tích các Sắc Pháp như tiếp theo đây thể theo *Tứ Xuất Sinh Xứ*: 16 Sắc Thô Thiển, 11 Sắc Nhất Xuất Sinh Xứ, 1 Sắc Nhị Xuất Sinh Xứ, 3 Sắc Tam Xuất Sinh Xứ, 9 Sắc Tứ Xuất Sinh Xứ.

Đáp:

1. 16 Sắc Vi Tế ấy là 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Mạng Quyền có Nghiệp Lực làm Xuất Sinh Xứ. 2 Sắc Biểu Tri có Tâm Thức làm Xuất Sinh Xứ. 3 Sắc Biến Thể có Tâm Thức, Quý Tiết, và Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ. Thủy Tổ Chất, 1 Sắc Vật Thực, 1 Sắc Hạn Giới có Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ. Tứ Sắc Thực Tướng không có được nương sinh bất luận từ một Xuất Sinh Xứ nào cả, đó là Sắc Vô Xuất Sinh Xứ.

2. *Sắc Nhất Xuất Sinh Xứ*: có 11 Sắc Pháp đó là: 5 Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Mạng Quyền; cả 9 Sắc Pháp này chỉ nương sinh thuần nhất vào Nghiệp Lực làm Xuất Sinh Xứ. 2 Sắc Biểu Tri nương sinh thuần nhất vào Tâm làm Xuất Sinh Xứ

3. *Sắc Nhị Xuất Sinh Xứ*: có 1 Sắc Pháp đó là: Cảnh Thinh nương sinh vào Tâm hoặc Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ.

4. *Sắc Tam Xuất Sinh Xứ*: có 3 Sắc Pháp đó là: 3 Sắc Biến Thể nương sinh vào Tâm, Quý Tiết, Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ.

5. *Sắc Tứ Xuất Sinh Xứ*: có 9 Sắc Pháp đó là: 4 Sắc Đại Hiện, Cảnh Sắc, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Sắc Vật Thực, Sắc Hạn Giới; cả 9 Sắc Pháp này đều nương sinh vào Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực.

11/. Hỏi: *Cả Tứ Sắc Thực Tướng mà Ngài đã nói rằng không có được nương sinh bất luận từ một Xuất Sinh Xứ nào cả; khi đã là như vậy, thì sẽ nói được hoặc không nói được rằng cả Tứ Sắc Thực Tướng ấy, khởi sinh do bởi Đức Phật Ngài là bậc đã kiến tạo ra ? Cho lời giải thích theo sự hiểu biết của Ngài cho thật đúng đắn của nền tảng vậy.*

Đáp: Cả Tứ Sắc Thực Tướng thì không có nương sinh bất luận một Xuất Sinh Xứ nào cả, và đó chính là thực tính của 18 Sắc Thành Sở Tác khởi sinh từ ở cả Tứ Xuất Sinh Xứ. Và một khi 18 Sắc Thành Sở Tác khởi sinh do nương vào bất luận một trong cả Tứ Xuất Sinh Xứ nào rồi, thì ở trong chính tự bản thân của Sắc Thành Sở Tác ấy thường luôn có cả Tứ Sắc Thực Tướng này hiện bày dính liền với nhau. Có nghĩa là việc khởi sinh, việc an trụ, việc diệt mất của những thể loại Sắc Pháp ấy thì cũng tương tự như từng mỗi con người khi đã được sinh ra thì thường luôn có 4 trường hợp trạng thái dính liền theo từng mỗi cá nhân, đó là:

1/. **Sự Sinh Ra**, 2/. **Sự Lớn Lên**, 3/. **Sự Già Đi**, 4/. **Sự Tử Vong**. Và lại những sự việc sinh ra, lớn lên, già đi và tử vong đây, thì chẳng phải khởi sinh lên một cách riêng biệt được, mà chính là cần phải nương vào thân thể của con người hoặc của loài Hữu Tình mới được khởi sinh, và như thế sẽ gọi là **Sự Sinh Ra**. Khi thân thể của con người hoặc Hữu Tình ấy dần dần to lớn lên cho đến hết mức, thì cũng được gọi là **Sự Lớn Lên**. Khi thân thể của con người hoặc của Hữu Tình ấy bắt đầu già yếu xuống, thì cũng được gọi là **Sự Già Đi**. Và khi con người hoặc Hữu Tình ấy mệnh chung, thì cũng được gọi là **Sự Tử Vong**. Giả như không có thân thể của con người hoặc của Hữu Tình đã hiện khởi lên rồi, thì cả bốn biểu tượng đặc trưng này cũng sẽ không hiện khởi lên được. Và điều này như thế nào, thì thân thể của con người hoặc của Hữu Tình cũng được so sánh tương tự với Sắc Thành Sở Tác nương sinh từ ở bất luận một trong cả Tứ Xuất Sinh Xứ; với việc sinh ra, lớn lên, già đi và tử vong của con người hoặc Hữu Tình ấy cũng được ví tương tự với cả Tứ Sắc Thực Tướng dường thế ấy. Bởi do vậy, những cả Tứ Sắc Thực Tướng này mới không có khởi sinh qua việc nương nhờ bất luận một Xuất Sinh Xứ nào cả, và đã được gọi là **Sắc Vô Xuất Sinh Xứ (Nakutocisamutṭhānika rūpa)**. Và lại cũng không có được khởi sinh do bởi Đức Phật là bậc đã kiến tạo ra.

12/. Hỏi: *Bốn thể loại Sắc Quý Tiết sinh trú ở trong thân thể của Ngài, là những chi ? Cho trình bày nội dung của các Sắc Quý Tiết ấy.*

Đáp: Bốn thể loại Sắc Quý Tiết sinh trú ở trong thân thể của Tôi, đó là:

1. **Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp (Kammapaccayaautujarūpa)** = Sắc Pháp nương sinh từ nơi Quý Tiết mà có Nghiệp Lực làm Xuất Sinh Xứ.
2. **Sắc Quý Tiết Duyên Tâm (Cittapaccayaaturūpa)** = Sắc Pháp nương sinh từ nơi Quý Tiết mà có Tâm Thức làm Xuất Sinh Xứ.

3. *Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết (Utupaccayaaturūpa)* = Sắc Pháp nương sinh từ nơi Quý Tiết mà có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ.
4. *Sắc Quý Tiết Duyên Vật Thực (Āhārapaccayaaturūpa)* = Sắc Pháp nương sinh từ nơi Quý Tiết mà có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ.

13/. Hỏi: Cho trình bày Tâm làm cho Sắc Tâm có được khởi sinh như tiếp theo đây: 1. *Sắc Tâm Phổ Thông*.

2. *Sắc Tâm liên quan với việc cười vui.*
3. *Sắc Tâm liên quan với việc khóc lóc.*
4. *Sắc Tâm liên quan với việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi.*
5. *Sắc Tâm liên quan với việc nói năng.*
6. *Sắc Tâm liên quan với cả Tứ Đại Oai Nghi.*
7. *Sắc Tâm liên quan với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.*

Đáp:

1. Tâm đã làm cho Sắc Tâm Phổ Thông được khởi sinh lên, tức là hết tất cả 75 Tâm.
2. Có 13 cái Tâm đã làm cho khởi sinh lên việc cười vui được đây, đó là 4 Tâm căn Tham Hỷ Thọ, 1 Tâm Tiểu Sinh Hỷ Thọ, 4 Tâm Đại Thiện Hỷ Thọ, và 4 Tâm Đại Duy Tác Hỷ Thọ.
3. Có 2 cái Tâm đã làm cho khởi sinh lên việc khóc lóc rên la, đó là 2 Tâm căn Sân.
4. Có 32 cái Tâm đã làm cho khởi sinh lên việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi được đây, đó là 1 Tâm Khai Ý Môn, 29 Tâm Đồng Lực Dục Giới, và 2 Tâm Thắng Trí.
5. Có 32 cái Tâm đã làm cho khởi sinh lên việc nói năng, thì cũng có Chi Pháp tương tự với điều thứ 4.
6. Có 32 cái Tâm đã làm cho khởi sinh lên cả Tứ Đại Oai Nghi, thì cũng có Chi Pháp tương tự với điều thứ 4.
7. Có 58 cái Tâm ủng hộ cho cả Tứ Đại Oai Nghi được kiên trụ, đó là 1 Tâm Khai Ý Môn, 29 Tâm Đồng Lực Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí, và 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

Ghi chú: Trong số lượng 58 cái Tâm ủng hộ cho cả Tứ Đại Oai Nghi được kiên trụ, là đặc biệt đã tính riêng thêm 2 cái Tâm Thắng Trí. Nếu như không đặc biệt tính riêng thêm 2 cái Tâm Thắng Trí này, thì chỉ có 56 cái Tâm mà thôi; đó là 1 Tâm Khai Ý Môn, 29 Tâm Đồng Lực Dục Giới, và 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố. Tất cả đây cũng vì 2 cái Tâm Thắng Trí đã được liệt kê vào trong 26 cái Tâm Đồng Lực Kiên Cố rồi, đó chính là 1 Tâm Thiện Ngũ Thiền Hữu Sắc Giới, và 1 Tâm Duy Tác Ngũ Thiền Sắc Giới vậy. Tuy nhiên việc đặc biệt tính riêng thêm nữa ấy, là cũng vì 2 cái Tâm Thiện và Tâm Duy Tác Ngũ Thiền Hữu Sắc Giới đây, chẳng phải là thể

loại thông thường, và chẳng có việc liễu tri đặc biệt; trái lại có việc liễu tri đặc biệt, bởi chính do thể mới đặc biệt được tính riêng thêm nữa vậy.

14/. Hỏi: Cho trình bày Sắc Tâm sinh từ nơi Tâm như tiếp theo đây: 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Sân, 2 Tâm căn Si, 1 Tâm Khai Ý Môn, 1 Tâm Tiểu Sinh, 8 Tâm Đại Thiện, 5 Tâm Thiện Hữu Sắc Giới (loại trừ Thắng Trí), 5 Tâm Quả Dị Thục Hữu Sắc Giới, 2 Tâm Thắng Trí, 4 Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới, 4 Tâm Quả.

Đáp:

1. Có 6 thể loại Sắc Tâm sinh từ nơi 4 cái Tâm căn Tham Câu Hành Hỷ, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
 2. Sắc Tâm quan hệ với việc cười vui.
 3. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển động về Thân.
 4. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng về Lời.
 5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
 6. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.
2. Có 5 thể loại Sắc Tâm sinh từ nơi 4 cái Tâm căn Tham Câu Hành Xả, là:
1. Sắc Tâm Phổ Thông.
 2. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển động về Thân.
 3. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng về Lời.
 4. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
 5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.
3. Có 6 thể loại Sắc Tâm sinh từ nơi 2 Tâm căn Sân, đó là:
1. Sắc Tâm Phổ Thông.
 2. Sắc Tâm quan hệ với việc khóc lóc.
 3. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển động về Thân.
 4. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng về Lời.
 5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
 6. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.
4. Có 5 thể loại Sắc Tâm sinh từ nơi 2 Tâm căn Si, đó là:
1. Sắc Tâm Phổ Thông.
 2. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển động về Thân.
 3. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng về Lời.
 4. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
 5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.
5. Có 5 thể loại Sắc Tâm sinh từ nơi 1 cái Tâm Khai Ý Môn, đó là:
1. Sắc Tâm Phổ Thông.
 2. Sắc Tâm liên quan với việc chuyển động về Thân.
 3. Sắc Tâm liên quan với việc nói năng về Lời.

4. Sắc Tâm liên quan với cả Tứ Đại Oai Nghi.
5. Sắc Tâm liên quan với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.
6. Có 6 thể loại Sắc Tâm sinh từ nơi 1 cái Tâm Tiểu Sinh, đó là:
 1. Sắc Tâm Phổ Thông.
 2. Sắc Tâm quan hệ với việc cười vui.
 3. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển động về Thân.
 4. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng về Lời.
 5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
 6. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.
7. Có 6 thể loại Sắc Tâm sinh từ nơi 4 cái Tâm Đại Thiện Câu Hành Hỷ, là:
 1. Sắc Tâm Phổ Thông.
 2. Sắc Tâm quan hệ với việc cười vui.
 3. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển động về Thân.
 4. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng về Lời.
 5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
 6. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.
8. Có 5 thể loại Sắc Tâm sinh từ nơi 4 cái Tâm Đại Thiện Câu Hành Xả, là:
 1. Sắc Tâm Phổ Thông.
 2. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển động về Thân.
 3. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng về Lời.
 4. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
 5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.
9. Có 2 thể loại Sắc Tâm sinh từ nơi 5 cái Tâm Thiện Hữu Sắc Giới, đó là:
 1. Sắc Tâm Phổ Thông.
 2. Sắc Tâm làm cho cả 3 Đại Oai Nghi sinh đối với 1 Tâm Khai Ý Môn, 8 Tâm Đại Thiện, 1 Tâm Thiện Thắng Trí được kiên trụ lâu dài.
10. Có 1 thể loại Sắc Tâm sinh từ nơi 5 cái Tâm Quả Dị Thục Hữu Sắc Giới, đó là: 1. Sắc Tâm Phổ Thông.
11. Có 5 thể loại Sắc Tâm sinh từ nơi 2 cái Tâm Thắng Trí, đó là:
 1. Sắc Tâm Phổ Thông.
 2. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển động về Thân.
 3. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng về Lời.
 4. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
 5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.
12. Có 2 thể loại Sắc tâm sinh từ nơi 4 cái Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới, đó là:
 1. Sắc Tâm Phổ Thông.
 2. Sắc Tâm làm cho cả 3 Đại Oai Nghi sinh đối với 1 Tâm Khai Ý Môn, 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 1 Tâm Tiểu Sinh, 2 Tâm Thắng Trí được kiên trụ lâu dài.

15/. Hỏi: Cho phân tích 13 cái Tâm Câu Hành Hỷ làm cho việc cười vui khởi sinh đối với 3 hạng Người.

Đáp: 13 cái Tâm Câu Hành Hỷ làm cho việc cười vui khởi sinh đối với 3 hạng Người, đó là:

1. Phạm Phu cười vui với 8 cái Tâm, là: 4 Tâm căn Tham và 4 Tâm Đại Thiện Hỷ Thọ.
2. 3 Bậc Thánh Hữu Học cười vui với 6 cái Tâm, là: 2 Tâm Tham Bất Tương Ứng Kiến Hỷ Thọ và 4 Tâm Đại Thiện Hỷ Thọ.
3. Bậc Vô Sinh cười vui với 5 cái Tâm, là: 1 Tâm Tiểu Sinh và 4 Tâm Đại Duy Tác Hỷ Thọ.

16/. Hỏi: Từ ngữ **Kalāpa** có ý nghĩa là chi ? Và Tổng Hợp Sắc Pháp có số lượng bao nhiêu ? Là những chi ? Cho dẫn chứng cơ sở để trình bày với.

Đáp: Từ ngữ nói rằng “**Kalāpa**” dịch nghĩa là “nhóm, bộ phận, bọn, quần thể”; bởi do thế, từ ngữ Tổng Hợp Sắc Pháp mới lập ý nói đến các Sắc Pháp làm thành nhóm, thành bọn; và ở trong từng mỗi Tổng Hợp Sắc Pháp ấy, nhất thiết sẽ cần phải có ba thể loại thực tính đồng hiện hành, được gọi là **Đồng Hành (Sahavutti)**. Đó là:

1. **Đồng Khởi Sinh (Ekuppāda)**: đồng câu sinh.
2. **Đồng Tiệt Diệt (Ekanirodha)**: đồng diệt mất.
3. **Đồng Y Chi (Ekanissaya)**: đồng nương trú một chỗ, tức là Tứ Sắc Đại Hiện.

Một khi đã có được sự đồng hiện hành với cả ba thể loại thực tính này rồi, mới gọi là Tổng Hợp Sắc Pháp, và có 23 Tổng Hợp Sắc Pháp, đó là:

- | | |
|-----------------------------|---|
| 1. 9 Tổng Hợp Sắc Nghiệp | } kết hợp lại thành
23 Tổng Hợp Sắc Pháp |
| 2. 8 Tổng Hợp Sắc Tâm | |
| 3. 4 Tổng Hợp Sắc Quý Tiết. | |
| 4. 2 Tổng Hợp Sắc Vật Thực. | |

17/. Hỏi: Các Sắc Pháp khác làm thành Chi Pháp của Tổng Hợp được, thế nhưng tại làm sao 1 Sắc Hạng Giới và 4 Sắc Thực Tướng lại không được làm thành Chi Pháp của Tổng Hợp ? Cho lời giải thích và dẫn chứng cơ sở để trình bày với.

Đáp: Chỗ loại trừ đi 1 Sắc Hạng Giới đây, cũng vì Sắc Hạng Giới là Sắc Pháp hạn định ranh giới giữa Tổng Hợp Sắc Pháp này với Tổng Hợp Sắc Pháp kia; bởi do thế mới không có liệt kê vào ở trong Chi Phần của Tổng Hợp Sắc Pháp.

Còn 4 Sắc Thực Tướng, thì cũng tương tự như nhau, đó là những Sắc biểu tượng đặc trưng của Tổng Hợp Sắc Pháp; bởi do thế mới không có liệt kê vào ở trong Chi Phần của Tổng Hợp Sắc Pháp.

18/. Hỏi: Sắc Pháp sinh trú ở trong sát na Tái Tục, gồm thể loại Sắc Pháp nào, có số lượng bao nhiêu, là những chi ? Và cho phân tích Tổng Hợp Sắc Nghiệp khởi sinh ở trong sát na Tái Tục của Thấp Sinh Sản Địa, Thai Sinh Sản Địa, và Hóa Sinh Sản Địa trong Cõi Sắc Giới (loại trừ Cõi Hữu Tình Vô Tướng)

Đáp: Sắc Pháp sinh trú ở trong sát na Tái Tục, tức là Sắc Nghiệp, có số lượng 18, đó là: 8 Sắc Bất Giản Biệt, 5 Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Mạng Quyền, 1 Sắc Hạng Giới, tùy thuộc theo tình cảnh thích hợp của Sản Địa và Cõi Giới. Và có được 7 Tổng Hợp Sắc Nghiệp khởi sinh ở trong sát na Tái Tục của Thấp Sinh Sản Địa, đó là: 1/. Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp, 2/. Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp, 3/. Tổng Hợp Tỷ Thập Pháp, 4/. Tổng Hợp Thiệt Thập Pháp, 5/. Tổng Hợp Thân Thập Pháp, 6/. Tổng Hợp Tính Thập Pháp, 7/. Tổng Hợp Vật Thập Pháp. Trong sát na Tái Tục của Thai Sinh Sản Địa thì có được 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp, đó là: 1/. Tổng Hợp Thân Thập Pháp, 2/. Tổng Hợp Tính Thập Pháp, 3/. Tổng Hợp Vật Thập Pháp.

19/. Hỏi: Có được bao nhiêu nhóm Hữu Tình sinh khởi to lớn lên tức thì, là những chi ? Và cho trình bày sự phát triển một cách tuần tự từ nơi thân thể của Ngài, tính kể từ sát na Tái Tục trở đi cho đến có được tròn đủ các bộ phận.

Đáp: Có được 24 nhóm Người chỉ thuộc duy nhất nhóm Hóa Sanh Sản Địa sinh khởi to lớn lên tức thì, đó là: 1 Hữu Tình Địa Ngục, 1 Ái Dục Thiêu Đốt Ngạ Quỷ, 1 Chư Thiên sinh trú ở trong Cõi Trời Tứ Đại Thiên Vương (loại trừ nhóm Địa Cư Thiên), 5 Chư Thiên sinh trú ở trong 5 Cõi Thiên Giới tầng bậc trên, và 16 Phạm Thiên Sắc Giới.

Trình tự quá trình hình thành thân thể của Tôi (nhóm Thai Sanh Hữu Tình) ở trong thai bào được chia ra làm 5 thời kỳ, còn được gọi là *Thai Nội Ngũ Vị* (năm thời kỳ ở trong thai bào), như sau:

1/. Trong tuần lễ đầu tiên của việc Tái Tục, thì *Sắc Chủng Tử (Kalalarūpa)* khởi sinh, đó là giọt nước trong suốt giống như nước dầu mè. (Còn gọi là *Yết La Lam Vị, Táp Uế*, là thời kỳ tinh huyết của Cha Mẹ bắt đầu hòa hợp thành một.)

2/. Trong tuần lễ thứ hai, là kể sau khi *Sắc Chủng Tử*, thì *Sắc Phôi Điểm (Abbudarūpa)* khởi sinh, và có trạng thái tương tự như tròng trứng đỏ, sắc tựa như nước rửa thịt. (Còn gọi là *An Bộ Đàm Vị, Bào*, là thời kỳ tăng trưởng thành hình như cái nhọt phồng rộp.)

3/. Trong tuần lễ thứ ba, là kể sau khi Sắc Phôi Điềm, thì *Sắc Phôi Thai (Pesirūpa)* khởi sinh, và có trạng thái như miếng thịt mềm nhão, có sắc màu đỏ. (Còn gọi là *Bé Thi Vị, Huyết Nhục*, là thời kỳ dần dần thành máu thịt.)

4/. Trong tuần lễ thứ tư, là kể sau khi Sắc Phôi Thai, thì *Sắc Thai Khối (Ghanarūpa)* khởi sinh, và có trạng thái thành một khối, có hình dáng giống quả trứng gà. (Còn gọi là *Kiến Nam Vị, Nhục Đoàn*, là thời kỳ dần dần thành một khối thịt rắn chắc.)

5/. Trong tuần lễ thứ năm, là kể sau khi Sắc Thai Khối thì nối tiếp theo đó, là *Ngũ Chi (Pañcasākhā)* khởi sinh, tức là Sắc Pháp phát triển ra thành năm chi (*Tato param*) ở trong khoảng giữa tuần lễ thứ 12 cho đến tuần lễ thứ 42, và những thể loại tóc, lông, móng, v.v., cũng đã hiện bày. (Còn gọi là *Bát La Xa Khư Vị, Hình Vị Ngũ Chi*, là thời kỳ dần dần có đủ 6 Căn.)

20/. Hỏi: Cho trình bày việc sinh khởi lần đầu tiên và lần cuối cùng của các Sắc Pháp như tiếp theo đây: *Sắc Nghiệp, Sắc Tâm, Sắc Quý Tiết, Sắc Vật Thực*.

Đáp: Sắc Nghiệp khởi sinh lần đầu tiên kể từ sát na Sinh của Tâm Tái Tục, và khởi sinh lần cuối cùng vào sát na Sinh của cái Tâm thứ 17 tính đếm ngược trở lại sau kể từ Tâm Tử khởi đi.

Sắc Tâm khởi sinh lần đầu tiên kể từ sát na Sinh của Tâm Hữu Phần thứ nhất, và khởi sinh lần cuối cùng vào sát na Sinh của Tâm Tử. Đối với Bạc Vô Sinh khởi sinh lần cuối cùng vào sát na Sinh của cái Tâm thứ 2 tính đếm ngược trở lại sau kể từ Tâm Tử trở đi.

Sắc Quý Tiết này khởi sinh liên tục cho đến ngay cả Hữu Tình ấy sẽ phải chết đi nữa, thì Sắc Quý Tiết ấy cũng vẫn còn được khởi sinh, và lại cho đến luôn cả Hữu Tình ấy trở thành một tử thi đi nữa, thì Sắc Quý Tiết cũng vẫn còn tiếp tục khởi sinh. Tương tự như thế, cho dù tử thi ấy sẽ trở thành xương cốt, hoặc trở thành tro bụi, hoặc trở thành đất cát đi nữa, thì Sắc Quý Tiết cũng vẫn còn sinh khởi như thường. Là vì Sắc Quý Tiết này có được sinh khởi xuyên suốt mãi cho đến trái đất bị hoại diệt, thì lúc bấy giờ mới hoàn toàn diệt.

Sắc Vật Thực khởi sinh kể từ Bồ Phâm lan tỏa thấm nhập khắp cả (trong tuần lễ thứ 2 - 3) và khởi sinh lần cuối cùng vào sát na Diệt của Tâm Tử.

21/. Hỏi: Cả 4 Sắc Pháp gồm có Sắc Nghiệp, Sắc Tâm, Sắc Quý Tiết, Sắc Vật Thực sẽ sinh trú và sẽ diệt mất ở trong thân thể của Ngài vào thời gian nào ? Cho trình bày theo riêng từng mỗi phần. Và tất cả các Ngài Chú Giải và Phụ Chú Giải đã nói rằng ở trong Cõi Nhân Loại khi thọ thực một lần thì được sinh tồn đến 7 ngày, và ở trong Cõi Thiên Giới khi thọ thực một lần thì được sinh tồn đến 1 hoặc 2 tháng; thế nhưng Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* đã có nói rằng có hạng Nhân Loại chẳng phải

thọ thực chi mà cũng vẫn có thể được sinh tồn đến 7 hoặc 10 tháng! Vậy muốn biết được rằng hạng Nhân Loại nào chẳng nương nhờ vào cái chi mà vẫn được sinh tồn?

Đáp: Sắc Nghiệp diệt mất vào sát na Diệt của Tâm Tử. Sắc Tâm của hạng Phàm Phu hoặc 3 Bậc Thánh Hữu Học một khi đã mệnh chung thì Sắc Tâm chỉ sẽ tồn tại bằng với 16 cái Tâm rồi mới diệt mất. Sắc Quý Tiệt thì sẽ diệt mất khi thể gian bị hoại diệt. Sắc Vật Thực một khi đã tử vong rồi thì vẫn còn tồn tại chỉ bằng với 17 cái Tâm nhưng không tròn đủ, tức là chỉ bằng với 50 sát na Tiểu thì mới sẽ diệt mất.

Theo Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* đã có nói rằng có hạng Nhân Loại chẳng cần thọ dụng vật thực mà cũng vẫn được sinh tồn đến 7 hoặc 10 tháng, đó chính là thai nhi ở trong thai bào của người Mẹ do bởi nương vào vật thực của người Mẹ đã thọ thực vào.

D. Vấn Và Đáp Trong Phần Níp Bàn Siêu Lý (Nibbānaparamattha) Câu hỏi gợi ý ở trong phần Níp Bàn Siêu Lý

1/. **Hỏi:** Do bởi nguyên nhân nào Pháp chủng an tĩnh xa lìa Phiền Não và Ngũ Uẩn, được gọi tên là Níp Bàn? Là thuộc nhóm Pháp nào? Chứng đạt giác ngộ bằng với Trí Tuệ nào? Làm thành Cảnh trực tiếp của nhóm Pháp nào? Cho lời giải thích dẫn chứng nền tảng và phối hợp luôn cả lời dịch nghĩa.

Đáp: Pháp chủng an tĩnh xa lìa Phiền Não và Ngũ Uẩn được gọi tên là Níp Bàn, vì lẽ đã vượt thoát khỏi Ái Dục; là Pháp Siêu Thế; chứng đạt giác ngộ chứng ngộ bằng với Trí Tuệ hiện hữu ở trong cả 4 Tâm Đạo; làm thành Cảnh trực tiếp của 8 Tâm Siêu Thế 36 Tâm Sở. Như Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* đã trình bày để ở trong bộ Kinh Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp nói rằng: *“Nibbānaṃ pana lokuttarasaṅkhātāṃ catumaggañāṇena sacchikātabbaṃ maggaphalānaṃ ālambanabhūtaṃ vānasaṅkātāya taṇhāya nikkhantattā nibbānanti pavuccati”* – “Níp Bàn được gọi là Siêu Thế, và phải được chứng tri bằng với Trí Tuệ của Tứ Đạo; trở thành một đối tượng của Đạo và Quả, và lại đã được gọi là Níp Bàn vì đó là một sự giải thoát khỏi rình Ái Dục.”

2/. **Hỏi:** Cho dịch nghĩa kệ ngôn như tiếp theo đây, luôn cả với lời giải thích theo từng mỗi phần.

*Padamuccutamaccataṃ
Nibbānaṃ iti bhāsanti*

*Asaṅkhātamanuttaraṃ
Vānamuttā mahesayo*

Đáp: Với các bậc Đại Ấn Sĩ đã giải thoát khỏi Tham Ái, thì đã gọi Níp Bàn là Pháp Bất Tử, Vô Biên, Vô Vi, và Vô Thượng.

Tất cả các Bậc Chánh Đăng Giác - các Ngài hằng luôn tâm cầu Ân Đức thù thắng tối thượng là Giới Uẩn, Định Uẩn và Tuệ Uẩn. Các Ngài đã thoát khỏi Ái Dục - vật thức phược, thường luôn đề cập đến một thể loại Pháp Thực Tính đã được chứng đạt đến, hiện hữu một cách đặc biệt, không có liên quan với Pháp Hữu Vi, có trạng thái bất tử, và vượt thoát khỏi Ngũ Uẩn, chẳng có bị tạo tác do bởi bất luận một trong 4 Tác Duyên, là Pháp tối thượng, đó là Níp Bàn (Nibbāna).

Giải thích ở trong kệ ngôn này nói rằng Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* đã miêu tả Ân Đức của Níp Bàn, và đã trình bày cho được biết rằng Níp Bàn ấy là chi ?

Có 5 từ ngữ đã dùng để miêu tả Ân Đức của Níp Bàn ở trong kệ ngôn này, đó là: *Padam*, *Accutam*, *Accantam*, *Asaṅkhatam*, và *Anuttaram*. Kết hợp những cả 5 từ ngữ này lại, là thực tính của Níp Bàn; bởi do đó, Pháp nào có 5 thể loại thực tính như đã vừa đề cập tại đây, và thể theo ngôn từ của các Bậc Chánh Đăng Giác, thì Pháp ấy đích thị được gọi tên là Níp Bàn.

+ Từ ngữ *Padam* dịch nghĩa là “một phần” có nghĩa là “một thể loại Pháp Thực Tính đã chứng đạt được, hiện hữu một cách đặc biệt, không có liên quan với Pháp Hữu Vi” tức là Níp Bàn.

+ Từ ngữ *Accutam* dịch nghĩa là “Pháp Bất Tử” có nghĩa là “bất sinh, bất tử” vì lẽ sự chết có được thì cũng cần phải có sự sinh; và một khi đã không có sự sinh rồi, thì sự chết cũng không có được; tức là Níp Bàn.

+ Từ ngữ *Accantam* dịch nghĩa là “Pháp đã xâm phạm và làm mất đi Ngũ Uẩn về Quá Khứ và Vị Lai” tức là Níp Bàn. Có nghĩa là Níp Bàn ấy xâm phạm Ngũ Uẩn đã diệt, tức là *Quá Khứ Uẩn (Pubbantakhandha)*, và xâm phạm Ngũ Uẩn sẽ sinh về sau, tức là *Vị Lai Uẩn (Aparantakhandha)*. Cho dù quả thật đã không có trình bày việc xâm phạm Ngũ Uẩn ở ngay thời Hiện Tại đi nữa, tuy nhiên một khi đã có trình bày việc xâm phạm Ngũ Uẩn ở thời Quá Khứ và luôn cả thời Vị Lai rồi, thì coi như việc trình bày xâm phạm Ngũ Uẩn ở thời Hiện Tại cũng đã được thành tựu. Vì lẽ nếu như Ngũ Uẩn đã không có sinh và cũng sẽ không có sinh nối tiếp về sau, thế thì cũng không có Ngũ Uẩn đang khởi sinh vậy. Cũng ví như có người nói rằng “Tôi đã không từng trông thấy máu ở trong con cua, và tiếp nối về sau cũng sẽ không trông thấy y hệt như nhau.” Việc nói như vậy cũng có nghĩa là họ cũng không có được trông thấy ngay cả ở trong thời Hiện Tại.

Ngũ Uẩn ở thời Hiện Tại đây, đó chính là *Vị Lai Uẩn* của Ngũ Uẩn đã trải qua, và sẽ là *Quá Khứ Uẩn* của Ngũ Uẩn sẽ lại khởi sinh nối tiếp về sau; bởi do đó mới đặc biệt không thiết yếu phải trình bày việc xâm phạm *Hiện Tại Uẩn (Paccuppannakhandha)*. Và lại sự việc có được chứng tri Níp Bàn đây, là Pháp đã vượt thoát khỏi cả Tam Thời, gọi là *Ngoại Thời (Kālavimutta)*, và là Pháp đã vượt thoát khỏi Ngũ Uẩn, gọi là *Ngoại Uẩn (Khandhavimutta)*.

+ Từ ngữ *Asaṅkhatam* dịch nghĩa là “Pháp chẳng có bị tạo tác do bởi bất luận một trong 4 Tác Duyên” tức là Níp Bàn. Có nghĩa là Níp Bàn đây, chẳng phải

là Tâm, Tâm Sở và Sắc Pháp; vì lẽ thường nhiên thì những thể loại Tâm, Tâm Sở và Sắc Pháp đây, có được khởi sinh lên là cũng do bởi bất luận một trong 4 Tác Duyên, hoặc 2 – 3 – 4 Tác Duyên làm thành người tạo tác sắp bày, được gọi là Pháp Hữu Vi. Và lại Níp Bàn là Pháp thuần nhất chẳng khởi sinh do bởi bất luận một Tác Duyên nào, vô vi, không có được cấu tạo, và không phải là Tác Nhân cũng không phải là Quả Báo.

Khi nói theo thực tính phổ thông, thì từ ngữ Pháp Vô Vi đó cũng vừa có luôn cả Chế Định tương tự như nhau. Tuy nhiên đối với ở trong chỗ này, thì đặc biệt chỉ trình bày về *Pháp Siêu Lý (Paramatthadhamma)* là Pháp có chân thực nghĩa; chính vì thế, Pháp Vô Vi ở trong chỗ này mới lập ý chỉ lấy riêng biệt Níp Bàn mà thôi.

+ Từ ngữ *Anuttaram* dịch nghĩa là “*Pháp Tối Thượng*” tức là Níp Bàn. Có nghĩa là các Pháp khác sẽ không thể nào tối thượng hơn Níp Bàn ấy được.

Rằng khi nói theo phân kết hợp lại, thì Pháp Tối Thượng cũng chính là Tâm Siêu Thế và 36 Tâm Sở, và Níp Bàn. Tuy nhiên ở trong chỗ này thì lập ý chỉ lấy duy nhất mỗi một Níp Bàn, là cũng vì kệ ngôn đã có đề cập đề ở phía trên thì cũng chỉ trình bày duy nhất đến câu chuyện Níp Bàn.

3/. Hỏi: Khi chiết tự từ ngữ *Nibbāna* thì có được bao nhiêu từ ngữ? Và cho trình bày ý nghĩa của từng mỗi từ ngữ ấy, và hãy dịch nghĩa câu Chú Giải như tiếp theo đây: “*Vinati saṃsibbatīti = Vānaṃ; Vānato nikkhantanti = Nibbānaṃ*”

Đáp: Từ ngữ *Nibbāna* khi chiết tự ra thì có được 2 từ ngữ, là *Ni + Vāna*. *Ni* dịch là “giải thoát, vượt thoát khỏi”. *Vāna* dịch nghĩa là “*Pháp làm thành vật kết nối thúc phược*” lập ý đến Ái Dục (*Taṇhā*). Khi kết hợp 2 từ ngữ vào nhau thành *Nivāna*, dịch nghĩa là “*Pháp vượt thoát khỏi vật kết nối thúc phược*” lập ý đến giải thoát khỏi Ái Dục. Như có câu Chú Giải trình bày rằng:

“*Vinati saṃsibbatīti = Vānaṃ*” – “*Pháp chủng nào thường làm thành người kết nối thúc phược, bởi do thế Pháp chủng ấy được gọi tên là Vāna (sự ham muốn)*” tức là Ái Dục.

“*Vānato nikkhantanti = Nibbānaṃ*”- “*Pháp chủng nào thường vượt thoát khỏi vật kết nối thúc phược giữa kiếp sống nhỏ và kiếp sống lớn một cách tiệt diệt, tức là Ái Dục, bởi do thế Pháp chủng ấy được gọi tên là Níp Bàn.*”

4/. Hỏi: Do bởi nguyên nhân nào Ái Dục (*Taṇhā*) được gọi tên là Rừng Rậm (sự ham muốn) (*Vāna*)? Và ở trong việc định đặt tên gọi Níp Bàn là rút đưa Ái Dục lên làm thành chủ vị trưởng trội, xem thấy bất khả thích với tên gọi của Pháp Chí Thiện, thế nhưng danh xưng Níp Bàn lại là tên gọi của Pháp Chí Thiện; thì muốn biết do bởi nguyên nhân nào mà có sự hiện hành như thế ấy?

Đáp: Ái Dục, là sự duyệt ý, sự ái luyện muội tâm ở trong các Cảnh; đã làm thành người thúc phược Hữu Tình để không cho vượt thoát khỏi sự Sinh và sự Tử

được. Cũng giống như người thợ may đã lấy nhiều mảnh vải đem may cho dính vào với nhau như thế nào, thì Ái Dục cũng được sánh tựa như người thợ may, tức là thúc phược Hữu Tình ở trong kiếp sống cũ cho nối tiếp liên tục với kiếp sống mới; chính vì lý do này mà đích thị Ái Dục mới được gọi tên là *Vāna* (rừng rậm, sự ham muốn).

Còn đối với Níp Bàn là Pháp chủng vượt thoát khỏi Ái Dục, bởi do thế mới được gọi tên là *Ly Ái Dục (Nivāna)*. Từ ngữ *Vāna* là tên gọi của Pháp Bất Thiện, tuy nhiên khi có thêm từ ngữ *Ni* phối hợp ở phía trước thì lại trở thành tên gọi của Pháp Chí Thiện. Tương tự với bậc có được danh xưng là *Bậc Lưu Tận (Khīṇāsava)*. Khi chiết tự từ ngữ *Khīṇāsava* thì có được 2 từ ngữ, là *Khīṇa* + *Āsava*, *Khīṇa* = chấm dứt, diệt tận; *Āsava* = Pháp Lưu Hoặc (thấm rĩ chảy ra) ở trong 31 Cõi Giới, tức là Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê. Tên gọi Lưu Hoặc là tên gọi của Pháp Bất Thiện, tuy nhiên khi lấy từ ngữ *Khīṇa* bổ túc ở phía trước thì lại trở thành tên gọi của Pháp Chí Thiện; rằng khi theo Người, đó chính là tất cả các Bậc Vô Sinh có bậc Chánh Đẳng Giác, v.v., như vậy.

5/. *Hỏi: Rằng khi tính theo trạng thái thực tính thì Níp Bàn có bao nhiêu thể loại? Là những chi? Cho trình bày ý nghĩa của từng trạng thái thực tính ấy với.*

Đáp: Rằng khi tính theo trạng thái thực tính thì Níp Bàn duy nhất chỉ có một thể loại, đó là *Trạng Thái An Tĩnh (Santilakkhaṇa)*, là lập ý đến tình trạng tất cả các Phiền Não và Ngũ Uẩn.

6/. *Hỏi: Cho trình bày sự khác biệt giữa Hữu Dư Y Níp Bàn với Vô Dư Y Níp Bàn, và hãy phân tích cả hai thể loại này bởi theo Dĩ Nhân Bản Nguyên.*

Đáp: Hữu Dư Y Níp Bàn có nghĩa là Níp Bàn hiện hành với Ngũ Uẩn, là tất cả Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp vẫn còn dư sót của Phiền Não; rằng tính theo Người, tức là Níp Bàn của các Bậc Vô Sinh vẫn đang còn có sinh mạng.

Vô Dư Y Níp Bàn có nghĩa là Níp Bàn không còn có dư sót Ngũ Uẩn là Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp; rằng tính theo Người, tức là Níp Bàn của Bậc Vô Sinh đã viên tịch Níp Bàn rồi.

7/. *Hỏi: Từ ngữ Upādi có ở trong câu Saupādisesanibbāna ấy, có được Chi Pháp là chi? Sắp thành Uẩn thì có được bao nhiêu?*

Đáp: Từ ngữ *Upādi* có ở trong câu *Saupādisesanibbāna* ấy, thì có Chi Pháp tức là Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp; sắp thành Uẩn thì có được Ngũ Uẩn.

8/. *Hỏi: Cho trình bày ý nghĩa ở trong cả hai Níp Bàn là Kim Thế Níp Bàn và Lai Sanh Níp Bàn.*

Đáp: Hữu Dư Y Níp Bàn cũng sẽ còn được gọi là *Kim Thế Níp Bàn (Ditṭhadhammanibbāna)* vì lẽ tất cả các Bậc Vô Sinh chứng tri được Níp Bàn khi vẫn đang còn sinh mạng, và vẫn chưa có viên tịch Níp Bàn.

Vô Dư Y Níp Bàn cũng sẽ còn được gọi là *Lai Sinh Níp Bàn (Samparāyika nibbāna)* vì lẽ tất cả các Bậc Vô Sinh khi đã viên tịch Níp Bàn rồi, thì mới chứng tri được Níp Bàn.

9/. Hỏi: *Rằng khi tính theo trạng thái hiện hữu của Níp Bàn thì có được bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Cho trình bày một cách tóm tắt ý nghĩa của Níp Bàn ấy.*

Đáp: Rằng khi tính theo trạng thái hiện hữu của Níp Bàn thì có được ba thể loại, đó là:

1. Không Hư Níp Bàn có nghĩa là sự hiện hữu của Níp Bàn ấy tiết diệt trống không Phiền Não và Ngũ Uẩn không có chi còn dư sót, chính vì thế mới được gọi là Không Hư Níp Bàn.
2. Vô Tướng Níp Bàn có nghĩa là sự hiện hữu của Níp Bàn ấy không có bất luận thể loại điểm tướng trăm triệu, hình thù tướng trạng, sắc màu nào cả.
3. Vô Nguyên Níp Bàn có nghĩa là sự hiện hữu của Níp Bàn ấy không có Cảnh đáng sở cầu với Tham, và cũng chẳng có bản thân Ái Dục với lòng ham muốn ở bên trong Níp Bàn ấy.

10/. Hỏi: *Tất cả các bậc Hiền Trí nói rằng “Người vẫn còn có sự duyệt ý ở trong việc thọ sinh thì không đáng sở cầu Níp Bàn”. Một vài bậc Hiền Trí cũng có nói rằng “Người vẫn chưa có nhàm chán ở trong thân thể của Ta và của tha nhân, thì cũng không đáng sở cầu Níp Bàn”. Và một vài bậc Hiền Trí cũng có nói rằng “Người có sự hoan hỷ duyệt ý ở trong Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc và Ý nghĩ suy, thì cũng vẫn không đáng sở cầu Níp Bàn. Những lời nói này thì có nhân quả như thế nào ? Cho lời giải thích ở cả ba lời nói này theo riêng từng mỗi phần.*

Đáp: Sự việc tất cả các bậc Hiền Trí nói rằng “Người vẫn còn có sự duyệt ý ở trong việc thọ sinh thì không đáng sở cầu Níp Bàn”, là vì người ấy vẫn còn có sự duyệt ý ở trong việc thọ sinh, thì thường thể hiện là vẫn còn có Phiền Não, và vẫn còn mong cầu đến Ngũ Uẩn; thế nhưng thực tính của Níp Bàn ấy đã tiết diệt khỏi Phiền Não và Ngũ Uẩn không có chi còn dư sót cả, vì vậy mới gọi là **Không Hư Níp Bàn**. Với lý do này, người mà vẫn còn có sự duyệt ý ở trong việc thọ sinh thì mới không đáng sở cầu Níp Bàn.

Một vài bậc Hiền Trí nói rằng “Người vẫn chưa có nhàm chán ở trong thân thể của Ta và của tha nhân, thì cũng không đáng sở cầu Níp Bàn”, vì lẽ thân thể hiện khởi cũng tức là Ngũ Uẩn hiện khởi làm thành điểm tướng biểu tượng, hình thù tướng trạng, sắc màu da phu sắc; thế nhưng thực tính của Níp Bàn ấy không có bất

luận một điểm tướng biểu tượng nào cả, vì vậy mới gọi là **Vô Tướng Níp Bàn**. Với lý do này, người mà vẫn chưa có nhàm chán ở trong thân thể của Ta và của tha nhân thì mới không đáng sở cầu Níp Bàn.

Còn một vài bậc Hiền Trí nói rằng “Người vẫn còn có sự hoan hỷ duyệt ý ở trong Sắc, Thính, Khí, Vị, Xúc, và Ý nghĩ suy, thì cũng vẫn không đáng sở cầu Níp Bàn”, là vì Sắc, Thính, Khí, Vị, Xúc, và Ý nghĩ suy là Pháp Hữu Vi. Lẽ thường thì tất cả Chư Pháp Hữu Vi, cho dù là Sắc Pháp hoặc Danh Pháp đi nữa, thì cũng cần phải có *Thực Tính Sở Nguyên (Sabhāvapaṇihita)*, tức là phải có Cảnh đáng mong mỏi sở cầu bất luận ở một trong hai thể loại, hoặc với Tham - hoặc có Ái Dục, hoặc có cả hai thể loại này; thế nhưng thực tính của Níp Bàn ấy không có Cảnh ở chỗ đáng sở nguyện với mãnh lực Tham và không có Ái Dục, vì vậy mới gọi là **Vô Nguyên Níp Bàn**. Với lý do này, người nào vẫn còn có sự duyệt ý như đã vừa đề cập đến, thì mới không đáng sở cầu Níp Bàn.

11/. Hỏi: Hãy trình bày theo tuần tự thực tính của 5 hoặc 6 Níp Bàn Siêu Lý.

Đáp: Tuần tự trình bày về Thực Tính của 5 hoặc 6 Níp Bàn Siêu Lý:

Phân Loại Của Níp Bàn	{	Có 1:	Trạng thái an tĩnh (<i>Santilakkhaṇa</i>)
			Hữu Dur Y Níp Bàn (<i>Saupādisesanibbāna</i>)
	{	Có 2	Vô Dur Y Níp Bàn (<i>Anupādisesanibbāna</i>)
			Không Hư Níp Bàn (<i>Suññatanibbāna</i>)
	{	Có 3	Vô Tướng Níp Bàn (<i>Animittanibbāna</i>)
			Vô Nguyên Níp Bàn (<i>Appaṇihitanibbāna</i>)

12/. Hỏi: Lẽ thường Tâm Tâm Sở thì không có hình thù tướng trạng, sắc màu da phu sắc tương tự với thân thể của Hữu Tình; như thế những thể loại Tâm Tâm Sở này sẽ gọi là Vô Tướng Níp Bàn có được hay không? Cho lời giải thích.

Đáp: Cho dù quả thật Tâm và Tâm Sở là Tứ Danh Uẩn sẽ không có hiện khởi thành hình thù tướng trạng, sắc màu da phu sắc tương tự với Sắc Uẩn đi nữa; thế nhưng việc sinh liên tục nối tiếp với nhau của Tứ Danh Uẩn đây, thì tất cả các Bậc Chánh Đẳng Giác và *Bậc Thắng Tâm Thông Đạt Phúc Lộc Thắng Trí (Paracittavijānanaabhiññālābhīpuggala)* thường được trông thấy với Trí Tuệ y như thể những Tứ Danh Uẩn ấy có hình thù tướng trạng vậy; và do đó mới có điểm tướng biểu tượng. Còn sự hiện hữu của Níp Bàn thì không là như vậy với bất luận mọi trường hợp nào, chính vì thế mới không được gọi là **Vô Tướng Níp Bàn**.

13/. Hỏi: Tâm Quả Vô Sinh và Tâm Sở phối hợp đây, là Pháp đã vượt thoát khỏi cả Tam Giới, chẳng phải là Cảnh của Ái Dục, bất phối hợp với Ái Dục, và lại

bậc đã là chủ nhân của cái Tâm ấy cũng không có Phiền Não, thế tại làm sao Tâm Quả Vô Sinh mới không được gọi là Vô Nguyên Níp Bàn ? Cho lời giải thích.

Đáp: Cho dù ngay cả Tâm Quả Vô Sinh và Tâm Sở phối hợp đây, quả thật sẽ không có Cảnh đáng sở cầu với mãnh lực Tham, và cũng chẳng có phối hợp với Ái Dục đi nữa, tuy nhiên cũng vẫn chưa thoát khỏi *Pháp Thành Sở Nguyên (Paṇihitadhamma)*, là vì vẫn còn phải sinh trú với Nhân Loại. Còn Níp Bàn ấy, thì chẳng có sinh trú ở trong nội phần Nhân Loại, và thuần nhất chỉ là Pháp ngoại phần, bởi do thế sẽ không thể nào gọi Tâm Quả Vô Sinh và Tâm Sở phối hợp là Vô Nguyên Níp Bàn được.

14/. **Hỏi:** Cho trình bày Chi Pháp ở trong các từ ngữ như tiếp theo đây: 1. *Suññata*, 2. *Nimitta*, 3. *Paṇihita*.

Đáp: Trình bày Chi Pháp của các từ ngữ sau đây:

1. *Suññata* Chi Pháp tức là Níp Bàn.
2. *Nimitta* Chi Pháp tức là Ngũ Uẩn.
3. *Paṇihita* Chi Pháp tức là Ngũ Uẩn.

15/. **Hỏi:** Trong sát na đang Nhập Thiền Quả (*Phalasamapatti*) thì có được sự liễu tri y như thể là được thấy, được lắng nghe, được ngửi khí hơi, được biết mùi vị, được xúc chạm, được tư duy nghĩ ngợi hay không ? Cho lời giải thích theo sự hiểu biết của Ngài cho đúng theo nền tảng.

Đáp: Theo lẽ thường nhiên ở trong sát na đang Nhập Thiền Quả ấy, thì bất luận một cái Tâm Quả nào thường sinh khởi nối tiếp với nhau và Cảnh của những thể loại Tâm Quả ấy là Níp Bàn. Thực tính của Níp Bàn ấy; là **Không Hư** có nghĩa là diệt diệt khỏi Phiền Não và Ngũ Uẩn; là **Vô Tướng** không có điểm tướng biểu tượng; và là **Vô Nguyên** không có Cảnh đáng sở nguyện với Tham và không có Ái Dục. Nói một cách cho dễ hiểu, tức là thực tính của Níp Bàn ấy không có chi cả, chỉ ngoài ra thực tính của sự diệt tất cả Ngũ Uẩn. Một khi đã là như vậy, thì ở trong sát na đang Nhập Thiền Quả thì sẽ không có sự liễu tri y như thể là được thấy, được lắng nghe, được ngửi khí hơi, được biết mùi vị, được xúc chạm, được tư duy nghĩ ngợi.

16/. **Hỏi:** Sự sở nguyện Níp Bàn được sắp thành Ly Hữu Ái là thể loại nào ? Cho lời giải thích.

Đáp: Người bất liễu tri ở trong thực tính về sự hiện hữu của Níp Bàn một cách vừa khéo, và một khi có được tư duy duyệt ý để nghĩ rằng Níp Bàn ấy chẳng bao giờ có sự khổ về Thân - khổ về Tâm ở bất luận một trường hợp nào, và hằng luôn thường lạc ngã tịnh, vì đã là Pháp giải thoát khỏi thế gian. Khi đã là như thế,

thì khởi sinh sự mong cầu có được Níp Bàn, vì có sở cầu được sự an lạc về Thân - an lạc về Tâm chẳng quan hệ chi với thế gian này, vả lại cũng chẳng có sở cầu về sự sinh, sự già, sự bệnh và sự chết chi cả; thế nhưng thế loại tư duy ấy chẳng thấu đạt đến thực tính Bất Sinh của Níp Bàn là chi cả. (Lẽ thường tình sự an lạc về Thân - an lạc về Tâm sẽ khởi sinh mà chẳng có quan hệ với việc Sinh của Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên ở trong thế gian ấy thì quả thật không có !)

Bởi do thế, sự sở nguyện Níp Bàn của hạng người này đã được sắp thành Ly Hữu Ái vậy.

Kết thúc phần Vấn Đáp ở trong Níp Bàn Siêu Lý
KẾT THÚC GIÁO KHOA THƯ TỨ PHÁP SIÊU LÝ

-----00000-----

Thu vãng phù dung đoạt lợi tranh
Tinh thần dụng tận vạn thiên thiên
Hóa tài hao tán giai nhân mệnh
Cốt nhục oan cừ mạc oán thiên
Nhạn quá quan san dong dục quyền
Hoa khai hàn lĩnh nhất chi tiên
Đáo đầu phùng đắc dương sơ hữu
Ngã diệc lãng vân thượng bích thiên

Bình sinh từ thiện lạc thiên chân
Mao tiết lưu phương cập hậu côn
Thân hữu kỷ đa vinh hiển sự
Trùng trùng điệp điệp báo hoàng ân.
Long xà đáo xứ thị quy kỳ
Vạn lý giang sơn bất cái di
Thiên bạn chi lan hương ánh nhật
Phi phạm trực hướng cửu thiên thời

-----00000-----

PHỤ LỤC KINH ĐIỂN THI TẬP
(Do Ngài Đại Trưởng Lão TỊNH SỰ Soạn Tác)

BÀI TỤNG LỄ PHẬT VÔ DƯ Y NÍP BÀN

Chúng ta đã quy y Chánh Giác
Đấng Thế Tôn Giáo Chủ hiện nay
Dạy truyền Chánh Pháp quý thay,
Hài lòng thật đáng bậc Thầy cao siêu.
Sinh tại xứ Trung Ương Thế Giới,
Giữa trong vòng Nhân Loại mở mang,
Cỏ Đàm là giống cao sang,
Trong dòng họ Thích con hàng Đại Vương.
Xuất gia đã vì phương cứu thế,
Đắc Đạo mâu Toàn Giác tột ngôi,
Không còn một kẻ sánh bằng,
Đủ đầy công đức khỏi phân hoài nghi.
Hiệu Ứng Cúng nêu trừ phiền não,
Thật phước điền quý báu đáng trông.
Biết cùng hiểu tột khắp thông,
Chánh Biến Tri hiệu đâu không rõ ràng.
Minh Hạnh Túc tượng trưng hai Pháp,
Thập Ngũ Hành lại với Bát Minh.
Thiện Thệ tốt khéo hành trình,
Níp Bàn thẳng tới tịnh minh tuyệt nguồn.
Thế Gian Giải trong đời đều tỏ,
Chẳng một chi lớn nhỏ không tương.
Tế độ người đáng đủ phương,
Hiệu Vô Thượng Sĩ phô trương với cùng.
Thêm Điều Ngự Trượng Phu liên tiếp,
Trạng giúp người duyên hiệp hữu căn.
Thiên Nhân Sư hiệu chỉ phần,
Làm Thầy ba Cõi dạy rằng lợi đời.
Hiệu Phật Đà vì Ngôi thức tỉnh,
Đã khỏi trong phiền não giấc nồng.
Thế Tôn hiệu chót do lòng,
Từ Bi thuyết Pháp lưu thông độ đời.
Pháp Tam Tạng Thế Tôn Ngài thuyết,
Học đại truyền tế độ nhân sinh
Pháp Hành Giới Định Huệ Minh

Người tu thấy rõ đạt trình tự ta.
 Phát hành Đạo Quả sinh liên tiếp,
 Không chậm chầy cách hờ thì giờ.
 Đặng rồi chắc chắn nào lơ.
 Nên kêu người lại bây giờ đến xem.
 Pháp tịch tịnh rất là trong sạch,
 Đáng cho người đem để vào lòng.
 Các hàng Tri Thức nên mong,
 Tìm ra sẽ biết tự trong phận mình.
 Tăng đệ tử Thế Tôn Chánh Giác
 Thọ trì theo Giới Luật đảng hoàng,
 Tăng hành ngay lối đã an,
 Tăng tu thấy rõ con đảng cao siêu.
 Tăng thành tựu đến nơi Đạo Quả,
 Có bốn chỉ là chỉ đếm theo đôi,
 Tính người tới tám đủ rồi,
 Trong nền Tăng Bảo là ngôi phước điền.
 Đồng cả thấy chúng ta quy hướng,
 Ngay Thế Tôn kính lạy cúi đầu,
 Nhớ phần ân đức cao sâu,
 Phát tâm cảm động âu sâu thiết tha.
 Lòng trong sạch mới là đức tin,
 Sẽ làm Nhân đến Níp Bàn.
 Nhằm ngày kỷ niệm sửa sang,
 Chúng ta làm lễ trang hoàng rất đông.
 Bỏ Tát trước giáng sinh Nhân Giới,
 Lúc Ngài thành Đạo Quả Phật Đà,
 Đến khi viên tịch đều là
 Trăng tròn đầy đủ Rằm và tháng Tư.
 Dem lễ vật cùng nhau bày sắp,
 Cả nhang đèn bông tốt thơm tho,
 Dùng thân quỳ bái khúc ca,
 Chí thành nhiều Phật tâm lo nhớ ngày.
 Xin nhờ Đáng Thế Tôn phản chiếu,
 Đã Níp Bàn ân hiệu còn đây,
 Phát ra cảm ứng lòng này,
 Chứng minh lễ vật hiện đây cúng dường.
 Cầu cho đặng đủ phương lợi ích,
 Hằng an vui vĩnh viễn lâu dài,
 Làm Nhân giải thoát tương lai,

Mong cầu mau sớm ra ngoài Tử Sinh.

-----00000-----

LỄ TAM BẢO TÓM TẮT GIẢI DỊ

Cúi đầu cung kính Đức Thế Tôn (*cúi lạy*)
Ứng Cúng Chánh Biến Tri, Vị nào đã ngồi thanh tịnh,
Dưới cây Bồ Đề quý báu, Thắng đặng bọn Ma Vương,
Đã chứng ngôi Toàn Giác, Trí Huệ rất vô cùng,
Cả trong đời là Ngài cao quý.
Con xin cúi đầu làm lễ, Đến Đức Phật Thế Tôn.
Chư Phật quá khứ vị lai, Và Chư Phật hiện tại này.
Con cúi đầu lạy Tam Thế Phật (*cúi lạy*)
Bởi nguyên do như vậy: Mới là Đấng Thế Tôn,
Bậc đã xa lìa phiền não, Và đáng kính lạy cúng dường.
Ngài tự chứng Nhất Thiết Trí, Đã đầy đủ Bát Minh.
Và Thập Ngũ Hành, Bậc đã đi con đường tốt,
Là người thấu cả trong đời, Điều trị kẻ nên điều trị.
Trang Vô Thượng chẳng ai bì
Làm Thầy Chư Thiên và Nhân Loại.
Đã là người thức tỉnh, Phân phát Pháp cao siêu.
Con trọn đời xin quy y Phật, Và cho đến Níp Bàn.
Chẳng có chi con đáng quy y,
Chỉ nương Phật là quy y cao tốt. Do lời thành thật này,
Xin các sự kiết tường thắng lợi; Hằng có đến cho con.
Xin cúi đầu kính lạy (*cúi lạy*),
Dưới chân quý của Đức Thế Tôn,
Lỗi nào con phạm đến Phật Bảo,
Cầu xin xá tội cho con ! (*cúi lạy*)
Bát Thánh Đạo là con đường quý, Của tất cả Nhân Sinh.
Thật là đường ngay thẳng, Để đi đến Níp Bàn.
Pháp nhiệm màu vắng lặng, Là Pháp siêu độ tử sinh.
Con xin đánh lễ Pháp ấy (*cúi lạy*)
Pháp Bảo quá khứ, vị lai, Và Pháp hiện tại này.
Con xin kính lạy Tam Thế Pháp (*cúi lạy*)
Pháp Bảo của Đức Thế Tôn, Ngài đã khéo thuyết.
Pháp Bảo để đắc rồi từ hiểu,
Pháp Bảo không xen hở thời giờ,

Pháp Bảo dạy cho người kinh nghiệm,
 Pháp Bảo đáng để ý lưu tâm,
 Pháp Bảo những người trí thức, Nên hiểu biết tự phần.
 Con trọn đời quy y Pháp Bảo, Và cho đến Níp Bàn.
 Chẳng có chi con đáng quy y,
 Nương Pháp Bảo là quy y cao tốt. Do lời thành thật này,
 Xin các sự kiết tường thắng lợi, Hằng có đến cho con.
 Con xin lạy hai ngôi Pháp Bảo (*cúi lạy*),
 Lỗi nào con phạm đến Pháp Bảo,
 Cầu xin xá tội cho con ! (*cúi lạy*)
 Tăng Bảo là ngôi trong sạch, Thật quý đáng cúng dường.
 Lục căn của các Ngài thanh tịnh, Người dứt khỏi bợn nhơ.
 Đặng đủ đầy công đức, Bạc Tứ Lậu không còn.
 Con xin lạy cả Thánh Tăng (*cúi lạy*)
 Tăng Bảo quá khứ, vị lai, Và Tăng Bảo hiện tại này.
 Con xin lạy cả Tăng Tam Thế (*cúi lạy*)
 Tăng đệ tử Đức Thế Tôn, Đã tu hành đặng tốt.
 Tăng đệ tử Đức Thế Tôn, Đã tu hành đúng đắn.
 Tăng đệ tử Đức Thế Tôn, Đã tu hành thật trúng.
 Tăng đệ tử Đức Thế Tôn, Đã tu hành mãn ý.
 Là bậc Thánh có bốn đôi, Nếu đếm người thời đủ tám.
 Đây là Tăng đệ tử, Của Đức Thế Tôn.
 Bạc đáng đem đồ dâng kính, Xứng thọ kẻ tiếp nghinh.
 Đủ chịu cho người bố thí, Vừa chứng cho người lễ bái.
 Thật ruộng phước của đời, Không ruộng nào bì kịp.
 Con trọn đời quy y Tăng Bảo, Và cho đến Níp Bàn,
 Chẳng có chi con đáng quy y,
 Nương Tăng Bảo là quy y cao tốt. Do lời thành thật này:
 Xin các sự kiết tường thắng lợi, Hằng có đến cho con.
 Con cúi lạy hai ngôi Tăng Bảo (*cúi lạy*)
 Lỗi nào con phạm đến Tăng Bảo,
 Cầu xin xá tội cho con ! (*cúi lạy*)
 Hiện nay con lạy ngôi Tam Bảo (*cúi lạy*)
 Bạc đáng kính cao siêu, Đã đặng nguồn phước lớn,
 Nhờ oai đức ngăn hết tai ương.

-----00000-----

BÀI CẦU NGUYỆN CHƯ THIÊN (I)

Chí thành miệng vái tâm cầu,
 Chư Thiên lớn nhỏ bất câu bậc nào,
 Bốn tầng Sắc Giới rộng cao,
 Xin nghe hiểu biết hiện vào trợ duyên.
 Đặng tâm sáng kiến phát liên,
 Biết nơi đáng sắp bày tuyên vừa người,
 Dầu ai cản sái luận dư,
 Chuyển lòng tinh tấn ngăn trừ sự lui.
 Chư Thiên Dục Giới hưởng vui,
 Vừa nghe cầu khẩn, tạm ngừng xét qua,
 Từ Trời Tha Hóa cao xa,
 Đến Cung Đạo Lợi bao la năm tầng,
 Giàu lòng bác ái thọ xung,
 Thấy đều bố cáo chuyển luân sắp bày.
 Vị nào hoan hỷ cầu đây,
 Ra ân trợ giúp chẳng chầy mau xong.
 Hiện nay con rất hết lòng,
 Mong cho Thiên Tướng oai phong bốn Ngai,
 Thường luôn an lạc vui thay,
 Tránh xa khổ não hằng ngày tiến lên,
 Đặng ngôi Nguyên Soái vững bền,
 Lòng Từ ủng hộ các nền Giáo Chân,
 Chẳng nài khó nhọc ra ân,
 Chúng con hữu sự có nhân nên cầu.
 Vì e công chuyện trễ lâu,
 Làm cho nhiều kẻ hao sầu thân tâm.
 Ngờ Ngài xuống lệnh quyền thâm,
 Chư Thiên lòng tốt quang lâm giúp thành.
 Rất là ân trọng cao thanh,
 Chúng con hồi hướng Phước lành kính dâng,
 Chư Thiên lớn nhỏ các tầng,
 Tùy hỷ công đức đồng mừng trợ duyên.

Nương theo căn bản Ba Li,
 Hết lòng cúng vái trong khi hữu cầu,
 Tâm thành tưởng đến như châu,
 Trước sau chủ nguyện chẳng lâu ứng cùng.
 Chúng con lễ vật phụng cung,

Khẩn cầu choặng theo trung thuật trần.
Mong nhờ Tứ Đại Thiên Vương,
Oai thần chuyển hóa tùy phương giúp thành.

Kính cầu Tứ Đại Thiên Vương,
Chúng con hữu sự nhờ nương Quý Ngài.
Cho bậc đủ sức giúp ngay,
Đặng mau thành tựu việc này đội ân.

-----00000-----

BÀI CẦU TẶNG TRƯỞNG THIÊN VƯƠNG

Nguyện cầu Tặng Trượng Thiên Vương,
Hoan tâm nhân loại Nam Phương Châu này.
Thời kỳ tai nạn lắm thay,
Nhiều điều khổ sở hiện nay thêm hoài.
Nhứt là giặc giã hằng ngày,
Làm cho dân chúng phải rày tử oan.
Những người còn lại nào an,
Nghèo khổ thiếu thốn đa đoan lắm bề.
Lại thêm chứng dịch đáng ghê,
Sau giây chết chóng khổ bề thuốc men.
Ngoài ra lại có bệnh soàn,
Hoặc do chất độc lắm phương nhiễm truyền.
Thất mùa, thất rầy, thất vòn,
Bán buôn eo hẹp lắm thường hỏa tai.
Biết bao khổ sở khó bài,
Chỉ còn cầu nguyện đến Ngài Thiên Vương.
Hết lòng mong mỏi tứ phương,
Muốn Ngài trọn đặng thường thường an vui.
Xa lìa khổ não không sầu,
Hỷ xả oan trái còn đâu hại mà.
Chúng con có dạ thiết tha,
Nguyện cầu sớm đặng tránh xa nạn này.
Nhờ ân xuống đức cao đầy,
Hộ trì tất cả từ đây hết nạn.

-----00000-----

BÀI CẦU NGUYỆN CHƯ THIÊN (II)

Thỉnh cầu tất cả Chư Thiên,
 Tột cùng Sắc Giới khắp miền nhân gian,
 Chư Thiên lớn nhỏ các hàng,
 Mỗi từng Trời cả đến sang chúng này.
 Chư Thiên ở chốn gần đây,
 Hoặc nơi xa cách Đông, Tây các miền.
 Ở nơi cung điện động tiên,
 Núi dài núi nhọn đất liền hư không,
 Ở theo nhà cửa hay đồng,
 Nương cây bóng mát hoặc sông hoặc rừng,
 Cù lao hòn biển mệnh mông,
 Cùng nơi rầy bãi hư không giảng từng.
 Bao nhiêu tất cả đã xưng,
 Từ bi đến chúng cúng dụng yêu cầu.
 Giúp con các sự chẳng lâu,
 Đặng như ý muốn sẽ hầu đội ân.

-----00000-----

THẬP CHÁNH KIẾN (SAMMĀDIṬṬHI 10)

Mười điều Chánh Kiến nên làm,
 Nương theo tiến hóa Phước linh phát vào.
 Một tin Phước Thí về sau,
 Chắc rằng cho Quả hoặc mau hoặc chầy.
 Hai tin Nghiệp Phước trước – nay,
 Giới cùng Tịnh Huệ hành rày Quả cao.
 Ba tin Tâm sạch lâu lâu,
 Tâm tốt Quả tốt thế nào chẳng sai.
 Bốn tin Thiện Ác cả hai,
 Tạo chi gặp nấy không ai khỏi gì.
 Năm tin hành động điều chi,
 Tội Phước hai lẽ cũng thì do Ta.
 Sáu tin hiếu thảo Mẹ Cha,
 Cố nhiên Quả Phước phát ra cho mình.
 Bảy tin Ngạ Quỷ Ngục Hình,
 Chư Thiên, Phạm Chúng Hữu Tình tứ sanh.

Tám tin hiện thế phải dành,
 Đòi nầy do bởi Tư Hành hiện đây.
 Chín tin hậu thế sau nầy,
 Vị Lai còn Nghiệp thời thay nối đời.
 Mười tin đủ bậc cao vời,
 Người tu đắc Quả có lời Phật Ngôn.
 Ai ai xin ráng bảo tồn,
 Noi gương Chánh Kiến trí khôn lợi mình.

-----00000-----

THẬP PHÁP Y (NƯƠNG NHỜ)

Mười điều nương đỡ đặng nhờ,
 Ai tu cũng phải bao giờ tìm luôn.
 Một là Giữ Giới làm nguồn,
 Trau dồi Thân Ngữ luôn luôn tốt hoài.
 Hai là Nghe đặng nhiều thay,
 Thành người thông thái biết rầy cao xa.
 Ba là có Bạn Tốt mà,
 Giúp nhau lợi ích trợ qua tu hành.
 Bốn là Dễ Dạy khéo lanh,
 Nghe theo Giáo Hóa lòng đành trọn vâng.
 Năm là Siêng Săn rất cần,
 Tương tế cùng bạn trong phần xuất gia.
 Sáu là không thích Pháp Tà,
 Rất ưa Pháp Chánh những mà đúng chân.
 Bảy là Tinh Tấn cao hơn,
 Tứ Cần thường giữ làm nhân Níp Bàn.
 Tám là Tri Túc tự an,
 Mặc, ăn, thuốc, ở, theo đàng có ra.
 Chín là Chánh Niệm cho già,
 Mỗi khi làm nói điều mà biết theo.
 Mười là Trí Huệ chẳng nghèo,
 Thấu đáo thực tướng rành theo Pháp Hành.
 Muốn cho giải thoát Tử Sinh,
 Phải nhờ mười Pháp trợ thành đến nơi.

-----00000-----

THẬP KHỔ NÃO (DUKKHA 10)

Trong đời khổ sở biết bao,
Cõi nào cũng có người nào cũng mang.
Mười điều khổ não chứa chan,
Tỏ bày thức tỉnh mở đàng xét suy.
Một là trạng thái bất kỳ,
Sanh già với chết chẳng vì một ai.
Hai là tom góp khổ thay,
Buồn rầu nhiều cảnh đêm ngày khóc than.
Ba là thường trực khổ tràng,
Nóng nực lạnh lẽo bởi mang thân này.
Bốn là khổ bệnh chẳng chầy,
Bất hòa tứ đại nổi gây tật nguyên.
Năm là nóng nảy khổ duyên,
Việc chi rắc rối chẳng yên như thường.
Sáu là khổ quả bất lương,
Bởi Nghiệp chẳng tốt vẫn vương chịu hoài.
Bảy là xen trộn cả hai,
Khổ Lạc nhị chủng đi hoài cận lân.
Tám là sự khổ vì ăn,
Tìm tòi nuôi miệng đa phần hơn chi.
Chín là khổ giặc nặng nguy,
Tìm đường chạy trốn có gì là hơn.
Mười là Khổ Uẩn hằng con,
Năm ấm sanh diệt các đơn đôi đời.

-----00000-----

THẬP PHÚC HÀNH TÔNG (Puññākiriyaavatthu 10)

Mười điều hạnh phúc tâm lành,
Nhân vui tiến hóa nên hành tốt thay.
Một là Bố Thí giúp rầy,
Cúng dường cho trợ cách bày rộng tâm.
Hai là Trì Giới thật nhằm,
Ngăn ngừa tội ác lỗi lầm ít sanh.
Ba là Tu Tiến chánh thanh,
Tịnh tuệ các Pháp lỗi hành rộng cao.

Bốn là Cung Kính cùng nhau,
Lễ phép khiêm nhượng hợp vào tục nghi.
Năm là lựa chọn điều gì,
Chánh Tà trùng trật biết thì mới xong.
Sáu là Hồi Hướng chư vong,
Hoặc cùng cho Phước người đồng hiện nay.
Bảy là Tùy Hỷ vui thay,
Thấy nghe công đức đặng hay như làm.
Tám là Thính Pháp càng ham,
Phát sinh tịnh tuệ hằng kham tỏ tường.
Chín là Thuyết Pháp chánh phương,
Như phun châu ngọc phô trương lợi người.
Mười là tạo Chánh Kiến như,
Rọi đèn khai sáng để trừ tối tăm.
Mấy điều gọi Phước chớ lầm,
Sự vật trợ giúp cho Tâm sạch thường.

-----00000-----

THẬP PHƯỚC LUÂN HỒI

Mười điều cần nhứt chúng sanh,
Ở trong ba Cõi vòng quanh Luân Hồi.
Một là Tình Mẹ thương ôi,
Nhớ ơn nhũ bộ đền bồi sao xong !
Hai là Nghĩa Phụ mệnh mông,
Công lao cúc dục nhọc lòng gian nan.
Ba là Chồng Vợ đôi đàng,
Mặc dù y phục nghĩa mang nặng nề.
Bốn là Nhi Tử thường lễ,
Có ra thì phải lo bề dưỡng nuôi.
Năm là Dòng Họ tới lui,
Bà con cũng phải khổ vui cảm tình.
Sáu là thân thiết Bạn mình,
Sanh tử hoạn nạn giữ gìn tương giao.
Bảy là Cửa Cải đường bao,
Hoặc nhiều hay ít tâm nào rảnh đâu.
Tám là Lộc thiếu bất câu,
Có lòng thọ hưởng nhiều sâu trong đời.

Chín là Chức Phận cao nơi,
Ham theo quyền tước khó rồi mê danh.
Mười là Dục Lạc sẵn dành,
Làm cho dễ nhiệm tu hành khó hơn.
Người đời đâu khỏi các nhân,
Ai mà có trí tìm Nhân Níp Bàn.

-----00000-----

Đặng thân Nhân Loại rất là may,
Gặp Phật ra đời cũng mấy ai,
Thính Pháp văn kinh đâu phải dễ,
Hiểu lời Phật dạy mới người hay.

Thế gian bầy bấu lợi thường đời,
Chỉ giúp cho ta đến dứt hơi,
Pháp Phật hộ trì vô lượng kiếp,
Đến cùng tận khổ mới là thôi.

Đời là Người Cõi với hành vi,
Rốt ráo Níp Bàn chẳng có chi.
Tính kẻ bao lâu hoài chớ hết,
Được mà tận thế đó toàn vui.

Tìm tòi học hỏi lợi cho ta,
Hiểu biết rồi, phân lẽ Chánh Tà,
Phật Ngữ nay còn lưu đủ Tạng,
Giáo truyền chính đồn chấp sai ngoa.

-----00000-----

THẬP ĐỨC TÀI THIỆN TÍN

Mười điều công đức gia tài,
Của người thiện tín hằng ngày quý trau.
Một là đồng chịu cùng nhau,
Khổ vui chẳng bỏ việc nào với Tăng.
Hai là Thân Ngữ nói năng,
Các điều hành động ở ăn đàng hoàng.

Ba là trọng Pháp như vàng,
 Làm chi thời cũng nương dàng y Kinh.
 Bốn là vui dạ sẵn gìn,
 Tùy theo sức có lòng tin cúng dường.
 Năm là cần mẫn cho thường,
 Học trong Phật Giáo theo đường Pháp cao.
 Sáu là Chánh Kiến hằng trau,
 Xét theo lý Pháp nâng cao tinh thần.
 Bảy là xa lánh tín xằng,
 Điềm cho hay trước với phần hên xui.
 Tám là dầu thạc vẫn vui,
 Không đành tín ngưỡng tới lui đạo ngoài.
 Chín là đoàn kết chớ phai,
 Xả giao bạn Pháp thường hoài hòa nhau.
 Mười là chẳng dối chút nào,
 Quy y Tam Bảo Phước cao quý mầu.
 Khuyến cùng thiện tín đâu đâu,
 Thấy đều học biết sẽ hầu lợi chung.

-----00000-----

LỜI PHỤC NGUYỆN CỦA DỊCH GIẢ

Với tài trí bất khả tỷ giáo của Ngài Đại Trưởng Lão **SADDHAMMA JOTIKA** đã hình thành trí tuệ sắc bén, soạn tác bộ sách Chú Giải này, luôn cả toàn bộ Tạng Vô Tỷ Pháp vô cùng quý báu. Tất cả Nhân Thiên kính cung trí kính lễ ân đức sâu dày của Ngài Đại Trưởng Lão.

Ngưỡng mong trí tuệ đặc thù mà Ngài có được, xin được thâm nhập và khai trí vào sở học sở cầu Kỳ Hạ, và vun bồi Tam Thập Pháp Ba La Mật hạnh Trí Tuệ xuyên suốt cho đến ngày chứng đắc Quả vị Chánh Đẳng Giác.

Ngưỡng mong công đức phiên dịch bộ sách Tài Liệu Giáo Khoa về **Tứ Pháp Siêu Lý**, hội túc duyên Phước Báu to lớn, xin thành tâm chấp thủ trí kính lễ và kính dâng Quả Phước Báu thanh cao này hướng đến hai bậc Ân Sư, Ngài Đại Trưởng Lão TỊNH SỰ (**SANTAKICCO MAHĀ THERA**), và Ngài Đại Trưởng Lão SIÊU VIỆT (**ULĀRO MAHĀ THERA**) với tất cả lòng thành kính của con.

Ngưỡng mong công đức phiên dịch bộ sách Tài Liệu Giáo Khoa về **Tứ Pháp Siêu Lý**, hội đủ túc duyên Phước Báu to lớn, xin thành kính dâng Quả Phước thanh cao này hướng đến Song Thân trí kính của con (Cha: Lê Văn Bé / Mẹ: Võ Thị Lý),

Cô Tư Tu Nữ Phạm Thị Yên kính thương (Chùa Siêu Lý – Phú Định – Quận 6), Cô Diệu Pháp (thế danh là Vũ Thị Phương, Annapolis – Maryland), đến tất cả Chư Thiên hoan hỷ thủy từ hộ trì Chánh Pháp, đến tất cả những bậc Hữu Ân Phật Tử đã ủng hộ cho việc đánh máy, điều chỉnh, bổ túc với tất cả những kỹ năng kỳ công và phát hành bộ sách Tài Liệu Giáo Khoa về **Tứ Pháp Siêu Lý**, và chỉ đến toàn thể quý Phật Tử hữu duyên trong Chánh Pháp luôn được an vui trong Cảnh Quả Phước như ý nguyện mong cầu, đồng nhau cả thầy.

Ngưỡng mong **ÂN ĐỨC PHÁP BẢO** luôn mãi được tồn tại lâu dài cho đến năm ngàn năm, đem lợi lạc thù thắng vi diệu đến tất cả Chư Thiên, Chư Phạm Thiên, Nhân Loại và tất cả chúng sanh.

(Anumodanā, Anumodanā, Anumodanā)

Với tâm lòng Từ Ái,
Mettāparamatthapāramī
Sādhū, Sādhū, Sādhū

Hết lòng cần kính,
Bhikkhu PASĀDO

-----00000-----

*Bố Thí, Pháp Thí vô song
Hương thơm thù thắng chẳng đồng Pháp Hương.
Bậc Trí biết cách cúng dường
Kiên trì chân chánh, con đường phúc vinh.*

*In this world, there are three things of value for one who gives ...
Before giving, the mind of the giver is happy.
While giving, the mind of the giver is peaceful.
After giving, the mind of the giver is uplifted.
A 6.37*

*Gió Từ quét sạch rừng phiền não,
Mưa Pháp trôi đùa áng lợi danh.*

-----00000-----

SABBADĀNAṀ DHAMMĀNAṀ JINĀTI
PHÁP THỨ THỪ THẮNG HƠN MỌI THỂ GIAN THỨ

-----00000-----

VÔ NHÂN KÍCH XÚC ĐẠO QUẢ NAN THÀNH
Không Người Công Kích - Đạo Quả Khó Thành

**“Trắc ẩn chi Tâm
Nhân chi đoan dã
Tu ố chi Tâm
Nghĩa chi đoan dã”**
“Có lòng trắc ẩn là nguồn gốc của con người !
Có biết xấu hổ là nguồn gốc của nghĩa khí !”

-----00000-----

**“Đạo tất kiên Tâm,
Kiên Tâm tất Đạo thành
Kiến công huân tảo hồi trình
Tốc tiến am tu chân thân
Nhất nhật phi thăng
Tiên ban liệt danh”**
“Khi tin Đạo phải dâng lòng thành,
Sự nghiệp huy hoàng ắt vượng thân.
Nhưng hãy xây Chùa sớm tụng niệm,
Phi thân tiên vị với biệt danh.”

-----00000-----

Sādhū! Sādhū! Sādhū!
Lành Thay! Lành Thay! Lành Thay!



VIETNAMESE AMERICAN MAHASI MEDITATION CENTER
CATUDDISA SANGHA VIHĀRA - TỨ PHƯƠNG TĂNG TỰ
 5044 Old Shipp's Store Rd., Bealeton, VA 22712 - USA

**PHƯƠNG DANH THÍ CHỦ CÚNG ĐƯỜNG AN TÔNG KINH SÁCH
 TỨ PHÁP SIÊU LÝ**

Huỳnh Ngọc Đỉnh	\$100.00
GD. Phạm Hữu Minh & Tường Vân	\$100.00
(Xin Hối Hướng Đến Ông Phạm Hữu Nhơn (Pháp Danh Tâm Tịnh)	
Phạm Hữu Anh, Ngô Nguyễn Nghiêm Minh & Phạm Minh Tuệ	\$200.00
Albert	
Tâm Bảo và Gia Đình	\$100.00
Tịnh Nhân	\$100.00
Cô Phương Trần	\$100.00
Quyên Hoàng	\$50.00
Tâm Thiện và Gia Đình	\$50.00
Lý Thủy Tiên	\$50.00
(Xin hồi hướng đến cửu huyền thất tổ, ông bà, cha Lý Chiêu Phong và mẹ Lâm Đông Phi)	
Tu Nữ Tịnh Nhẫn	\$150.00
Thiên-Hương Hoàng	\$100.00
Nguyệt Quang và Từ Mẫn	\$300.00
Tình Vân & Gia Đình	\$200.00
Kim Phạm	\$20.00
GD. Ông Bà Lê Văn Định và Phạm Thị Nga	\$100.00
(Xin hồi hướng quả phước báu này đến cha mẹ anh chị em đã quá vãng)	
GD. Phạm Hữu Đạt và Lê Ái Cơ	\$200.00
Lê Trọng Nghĩa	\$200.00
Cinta	\$50.00
Phan Thị Hòa và Gia Đình	\$50.00
GD. Lê Thị Lý	\$100.00

Sādhu! Sādhu! Sādhu!
Lành Thay! Lành Thay! Lành Thay!

Kinh sách đã được in ấn và phát hành:

- 1) ÂN ĐỨC TAM BẢO (500 QUYỂN)
- 2) NHỮNG PHÁP THOẠI CỦA ĐẠI TRƯỞNG LÃO JATILA (1000 QUYỂN)
- 3) CHÚ GIẢI BỘ PHÁP TỰ - PHÂN TÍCH (1000 QUYỂN)
- 4) TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP -
 - ❖ TẬP I - CHƯƠNG I, II & III (1000 QUYỂN) - TỔNG HỢP TÂM, TÂM SỞ & LINH TINH
 - ❖ TẬP II - CHƯƠNG IV (200 QUYỂN) - LỘ TRÌNH TÂM
 - ❖ TẬP III - CHƯƠNG V (QUYỂN I - QUYỂN II - QUYỂN III (100 QUYỂN)) - TỔNG HỢP THOÁT LY LỘ TRÌNH
 - ❖ TẬP IV - CHƯƠNG VI & VII - TỔNG HỢP PHÂN TÍCH SẮC PHÁP (100 QUYỂN)
 - ❖ TẬP V - CHƯƠNG VIII (QUYỂN I - QUYỂN II) - LIÊN QUAN TƯƠNG SINH (100 QUYỂN)
- 5) GIÁO ÁN TRƯỜNG BỘ KINH (1000 QUYỂN)
- 6) GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH - TẬP I (500 QUYỂN)
- 7) GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ - TẬP I (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (500 QUYỂN)
- 8) GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ - TẬP II (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (500 QUYỂN)
- 9) KINH KIẾT TƯỜNG (500 QUYỂN)
- 10) KINH KIẾT TƯỜNG - TÁI BẢN (200 QUYỂN)
- 11) KINH ĐẠI PHÁT THÚ (TRỌN BỘ: TẬP I - TẬP V, 200 QUYỂN)
- 12) AN TỊNH THỪ THẮNG ĐẠO (200 QUYỂN)
- 13) BIÊN NIÊN SỬ CỦA CHƯ PHẬT - TẬP I (300 QUYỂN)
- 14) BIÊN NIÊN SỬ CỦA CHƯ PHẬT - TẬP I - PHẦN I - CHÚ MINH I (200 QUYỂN)
- 15) BIÊN NIÊN SỬ CỦA CHƯ PHẬT - TẬP I - PHẦN I - CHÚ MINH II (200 QUYỂN)
- 16) GIÁO KHOA THƯ TƯ PHÁP SIÊU LÝ (100 QUYỂN)

Kinh sách sắp được in ấn và sẽ phát hành:

- ❖ TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP -
 - TẬP VI - CHƯƠNG IX - SAMADHIKAMMATTHANA & VIPASSANAKAMMATTHANA (100 QUYỂN)
- ❖ BIÊN NIÊN SỬ CỦA CHƯ PHẬT - TẬP I - PHẦN I - CHÚ MINH III (100 QUYỂN)
- ❖ CHÚ GIẢI THANH TỊNH ĐẠO (100 QUYỂN)
- ❖ CHÚ GIẢI ĐẠI NIỆM XỨ (100 QUYỂN)
- ❖ TẶNG VÔ TỶ PHÁP (Abhidhamma Piṭaka)
 - 1) PHÁP TỰ & CHÚ GIẢI (100 QUYỂN)
 - 2) PHÂN TÍCH & CHÚ GIẢI (100 QUYỂN)
- ❖ GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH - TẬP II (500 QUYỂN)
- ❖ GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH - TẬP III (500 QUYỂN)
- ❖ GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ - TẬP III (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (500 QUYỂN)